

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH

CHÚ GIẢI
KINH SÁM HỒI



THIÊN VÂN
Hiền Tài **QUÁCH VĂN HÒA**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH

CHÚ GIẢI
KINH SÁM HỒI



THIÊN VÂN
Hiền Tài **QUÁCH VĂN HÒA**

大道三期普度
西寧聖座

注解
懺悔經

天雲
賢才 郭文和



TÒA THÁNH TÂY NINH



**QUẢ CÀN KHÔN
THỜ ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
TÒA THÁNH TÂY NINH**

KINH SÁM HỐI

Thế gian là nơi uế trược và chứa nhiều tội lỗi.

Theo Phật, cõi thế gian nằm trong Sa Bà Thế giới, hay cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế giới, thuộc phạm vi hóa độ của Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật. Sa Bà quốc độ được dịch là Kham Nhẫn, hàm ý: Chúng sanh trong cõi ấy cam lòng chịu đựng những nỗi khổ sở do ngũ trược gây ra, chẳng biết sợ sệt và nhàm chán. Mặc dù có hiểu chư pháp vẫn ít có kẻ chịu tu hành để thoát ly khổ cảnh, cam lòng đắm chìm mãi trong vòng trói buộc, nên gọi là Kham Nhẫn. Sa Bà còn được Phật cho là ngũ trược ác thế, do vì có năm thứ trược trong cõi ấy, đó là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược và mạng trược.

Ngoài ra, thế giới ấy còn là một nơi chứa nhiều tội lỗi, vì bởi con người bị vô minh che mờ chân tánh, bị thất tình lục dục sai khiến làm những hành vi hung ác mà gây ra nhiều tội lỗi.

Chính vì vậy, con người được sinh ra ở cõi thế gian này có mấy ai không bị nhiễm trần và tránh khỏi tội lỗi, song khi đã biết lỗi lầm thì phải biết sám hối ăn năn, như lời dạy trong bài kinh Sám Hối:

*Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy,
Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.*

Hoặc:

*Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc làm sám hối tội căn.*

Thánh giáo Đức Chí Tôn cũng có dạy: “Nơi trần khổ này, dầu cho bậc Chí Thánh cũng khó tránh sự lỗi lầm đặng, nhưng sự ăn năn tự hối là quý báu vô giá. Các Tiên, Phật xưa

cũng nhiều bậc đứng đặng địa vị cao thượng, thiêng liêng là nhờ có sự cải quá mà nên chánh quả”.

Do vậy, khi mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Đức Chí Tôn dạy phải độ những người có tội lỗi, là hạng người nhiều nhứt trong thế gian, và nhứt là thời kỳ hạ ngươn mặt pháp này. Ngài dạy: *“Thầy lại nói, buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy. Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.*

Độ người có tội không có nghĩa là ơn Trên tha thứ hết các lỗi lầm đã gây thành nghiệp báo trong hiện kiếp, mà chính do tự tâm phải biết hối cải và làm lành.

Thực ra, Đức Chí Tôn và chư Phật không bao giờ thay đổi nghiệp lực của chúng sanh, mà chỉ có thể giáo hóa chúng sanh tự mình nỗ lực sám hối ăn năn để thay đổi nghiệp lực hay vận mệnh của chính mình. Trời Phật chỉ dùng giáo pháp để dìu dắt chúng sanh tu thiện, tu phước để được trừ tai, miễn họa. Vì vậy, nói rằng do mình sám hối nên Trời Phật rộng tình tha thứ cho, điều đó là ý muốn nói trước nhứt tự bản thân chúng sanh phải biết ăn năn sám hối, tức là tự mình độ rồi cho mình, nếu không thì làm trái với quy luật nhân quả tự nhiên. Như chính lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn đã than: *“Than ôi! Thầy đã là Đấng lập khổ hình, chiếu theo phép công bình của Tạo Hóa, nhưng thấy nhơn sanh càng ngày càng bước vào con đường hắc ám, để đem số phận buộc vào đó, thì Thầy cũng bắt đầu lòng, nhưng chẳng lẽ **bỏ phép công** vì sanh chúng”.*

Những người có tội sở dĩ được sự quan tâm của Đức Chí Tôn cũng vì Ngài quá thương yêu chúng sanh còn khờ dại, nên đến dạy dỗ, dìu dắt trở về nẻo chánh đường chơn, hầu sau này có thể qui hồi cựu vị. Trước những sự ưu ái của Ngài, chúng ta, những người mới cải tà qui chánh phải biết các tội

tình đã sai phạm và xin nguyện ăn năn sửa đổi, chừa bỏ việc quấy, từ nay về sau không bao giờ tái phạm nữa. Như thế mới thực sự là sám hối để tu hành.

Muốn thực hiện lễ sám hối, chúng ta phải thiết đàn cúng Đức Chí Tôn và tụng kinh Sám Hối. Nhưng chúng ta cần nên hiểu rằng tâm là nguồn gốc tác động nên tội lỗi, do đó muốn dứt tội thì tất yếu phải sám hối ở tự tâm, chứ không có nghĩa là cầu xin Đức Chí Tôn tha tội, mà phải nhờ Ngài chứng giám để ta phát tâm ăn năn chừa cải. Có như thế, chúng ta mới quyết tâm sửa chữa những lỗi lầm để trở thành con người mới, có nội tâm trong sạch, thanh tịnh.

Bài kinh để tụng sám hối của Đạo Cao Đài được Hội Thánh thỉnh từ Chi Minh Lý, trước đây gọi là kinh Nhơn Quả, trong ấy các Đấng Thiêng Liêng chỉ dạy những điều tội lỗi và các thứ hình phạt nơi cõi Diêm Cung tương ứng với những tội tình đã gây ra ở thế gian. Nhứt là nhấn mạnh đến luật luân hồi nhơn quả, nhằm cho chúng sanh ghê sợ mà tránh xa tội lỗi.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Bát Nương Diêu Trì Cung khi giảng về cõi Âm quang, Bà có nói: *“...chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, nhơn quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, đặng sửa chữ Phong đô, Địa phủ của mê tín gieo truyền, chớ kỳ thật là nơi để cho các chơn hồn giải thần định trí”.*

Do lời dạy của Bát Nương, trước đây có một số chức sắc, chức việc ở miền Bắc nghĩ rằng những hình phạt ghê rợn nơi cõi Địa ngục được mô tả trong bài kinh Sám Hối có tính cách mê tín và mâu thuẫn với lời dạy của Bát Nương nên đồng ký tên kiến nghị với Hội Thánh Tây Ninh, yêu cầu sửa đổi lại bài kinh Sám Hối. Hội Thánh lúc ấy không chấp nhận.

Thực ra, nếu căn cứ theo Thánh giáo Bát Nương, chúng ta biết chắc chắn nhứt là *“nơi khiếm ánh thiêng liêng là*

Âm quang, nghĩa là Âm cảnh hay Địa ngục, Diêm đình của chư Thánh xưa đã đặt hiệu” tức là một danh từ mới của cõi Địa ngục, nơi ấy có các tội hồn chịu sự đau đớn khổ sở, có sự ăn năn dày vò do quả kiếp xấu mà họ đã gây ra trong kiếp sanh. Họ sống trong cõi tối tăm ấy ít nữa đôi trăm năm để họ được giải thân định trí.

Còn các tội hình nơi Địa ngục được diễn tả trong kinh Sám Hối chẳng qua là do bị đốn đau, khổ sở, đã dày xéo chon thần của người có tội, khiến nên cảm giác như thọ lãnh hình phạt một cách ghê sợ, dường thể trừng trị họ bởi những tội lỗi đã gây ra trong kiếp sanh.

Sở dĩ, trong Kinh Sám Hối các Đấng Thiêng Liêng bày ra những cảnh tượng ghê gớm của tội hình cũng nhằm mục đích *răn dạy kẻ sơ cơ*. Người ta thường nói luật hình nơi Dương gian không khiến người ta ghê sợ bằng nhơn quả nơi Địa ngục. Vì thế, các cuốn kinh nhơn quả đều nói về sự trừng phạt trong cõi Địa ngục nhằm để giới răn những điều dữ, như Kinh Nhân Quả Ba Đời của Phật, Hồi Dương Nhơn Quả, Ngọc Lịch Minh Kinh...

Nhơn quả tức là cái nguyên nhơn của đời trước, gọi là tiền nhơn 前因 thì sẽ có kết quả đời sau, gọi là hậu quả 後果. Trong Truyền Đăng Lục của nhà Phật nói: “*Dục tri tiền thế nhơn, kim sinh thụ giả thị, dục tri lai sinh quả, kim sinh tác giả thị* 欲知前世因, 今生受者是; 欲知來生果, 今生作者是”: Muốn biết nguyên nhơn đời trước ta thế nào, thì cứ xem hưởng thụ của ta đời nay; muốn biết sự kết quả đời sau thế nào, ta cứ xem việc ta làm đời nay đó. Biết được việc luân hồi nhơn quả như thế, con người mới sớm ăn năn làm phước để chuộc tội tiền khiên, nếu đợi đến ngày mãn số thì ăn năn sao kịp?

Bài Kinh Sám Hối nói về cõi Địa ngục hay Âm quang dù có hình phạt đau đớn như thế nào, ở đây chúng ta chỉ cần biết tránh ác làm lành để khỏi bị đọa vào cõi ấy, như lời khuyên của Bà Bát Nương Diêu Trì Cung: “*Chớ chi nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang*”. Như thế, bài kinh Sám Hối có thể nói là bài kinh nhằm mục đích: *Đưa thuyết luân hồi nhơn quả để răn kẻ làm ác, khuyên người làm lành*:

Xuống Địa ngục, đọa đầy hành mãi,

Đúng số rồi, còn phải luân hồi.

Hóa công xem xét đền bồi,

Lành siêu, dữ đọa, thêm nhồi tội căn.

Bài kinh Sám Hối còn khuyên người có tội lỗi phải ăn năn chừa cải:

Quấy rồi phải biết ăn năn.

Ở cho nhơn hậu, chế răn lòng tà.

Hoặc:

Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,

Biết lạc làm sám hối tội căn.

Hoặc:

Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy,

Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.

Bài kinh Sám Hối này còn là một bài kinh khuyên thiện:

*Lời kệ sám di truyền **khuyến thiện**,*

Câu văn từ luận biện thật thà.

Tóm lại, bài kinh Sám Hối của đạo Cao Đài, như tựa kinh khi xưa, là một bài kinh dạy về nhơn quả, để *khuyên chúng sanh phải kiêng sợ quả báo mà cải quá tự tâm, là mục đích quan trọng trong giáo pháp Cao Đài*. Bất cứ ai phạm một tội lỗi gì, dù là tội nặng nề, mà hể thành tâm sám hối, tinh tấn tu hành, thấy đều được cứu độ. Trong các kinh điển

thường có câu: *Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*. Bồ Tát là bậc giác ngộ cho nên không dám tạo nhân, còn chúng sanh vì không sáng suốt cho nên chỉ khi nào quả khổ hiện ra mới lo sợ, chứ trong lúc gây nhân khổ thì chẳng nhận thấy. Gây nhân khổ thì tất phải chịu quả khổ; tạo duyên lành thì tất phải hưởng nghiệp lành. Đó là luật nhơn quả, cũng là mục đích khuyên dạy người đời của các Đấng Thiêng Liêng.

Trong quyển này, ngoài việc chú giải bài kinh Sám Hối, chúng tôi còn chú giải thêm hai bài kinh: Bài Xưng Tụng Công Đức Phật, Tiên, Thánh, Thần và Giới Tâm Kinh.

Như vậy quyển “*Chú Giải Kinh Sám Hối*” gồm ba phần:

1. Kinh Sám Hối.
2. Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.
3. Giới Tâm Kinh.



THIÊN THỨ NHỨT

I.-KINH VẤN:

KINH SÁM HỐI ⁽¹⁾

Cuộc danh lợi là phần thường quý,
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn.
Lòng đừng so thiệt tính hơn,
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.
Người sang cả là vì duyên trước,
Kẻ không phần luống ước cầu may.
Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đổi xây không thường.
Việc sanh tử như đường chớp nháng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.
Giữ cho trong sạch linh hồn,
Rèn lòng sửa nét đức tồn hậu lai.
Điều họa phước không hay tìm tới,
Tại mình đời nên mới theo mình.
Cũng như bóng nợ tùy hình,
Dữ lành hai lẽ công bình thường răn.
Khi vận thói lung lẳng chẳng kẻ,
Lúc suy vi bày lễ khẩn cầu.
Sao bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đầu tư vì.
Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lẳng loàn đặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,

⁽¹⁾ Kinh Sám Hối này nên tụng ngày Sóc Vọng, còn ngày thường lễ có làm lỗi điều chi, phải tụng mà xin tội.

Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.
 Nếu vội trách người trên thì đọa,
 Cũng có khi tai họa trả liền
 Đó là báo ứng nhân tiền,
 Mau thì mình chịu lâu truyền cháu con.
 Lo danh vọng hao mòn thân thể,
 Ham làm giàu của để bằng non.
 Một mai nhắm mắt đâu còn,
 Dem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chẳng.
 Trên đầu có bùa giảng Thần, Thánh,
 Xét xem người tánh hạnh dữ hiền.
 Làm lành đặng hưởng phước duyên,
 Trong lòng nham hiểm lộc quyền giảm châu.
 Đừng tính kế độc sâu trong dạ,
 Mà gỗ ganh oán chạp thù vờ.
 Trái oan nào khác mối tơ,
 Rồi rồi không gỡ, bao giờ cho ra.
 Thấy hình khổ dạ ta đau nỗi,
 Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn.
 Quấy rồi phải biết ăn năn,
 Ở cho nhân hậu chế răn lòng tà.
 Hãy có dạ kính già thương khó,
 Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.
 Xót thương đến kẻ tật nguyên,
 Đỡ nâng yếu thể binh quyền mồ côi.
 Làm con phải trau dồi hiếu đạo,
 Trước là lo trả thảo mẹ cha.
 Lòng thành thương tưởng ông bà,
 Nước nguồn cây cội mới là tu mi.
 Giá trong sạch nữ nhi trượng tiết,
 Giữ cho tròn trinh liệt mới màu.
 Ở sao đáng phận đạo dâu,

Thờ chồng tiết hạnh mới hầu gái ngoan.
 Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,
 Không kiếng chồng khi dễ công cô.
 Ấy là những gái hung đồ,
 Xúi chồng tranh cạnh hồ đồ sân si.
 Tánh ngoan ngạnh không vì cô bác,
 Thối lẳng loạn bạn tác khinh khi.
 Ngày sau đọa chốn âm ty,
 Gông kèm khảo kẹp ích gì rên la.
 Người tai mắt đạo nhà khá giữ,
 Nghĩa anh em cư xử thuận hòa.
 Vẹn tròn đạo cả giềng ba,
 Kính anh mến chị thì là phận em.
 Trên thương dưới xét xem kẻ nhỏ,
 Lúc lâm nàn chớ bỏ tránh xa.
 Cũng là một gốc sanh ra,
 Gồm bao nâng đỡ ruột rà thương nhau.
 Người trung trực lo âu nợ nước,
 Hưởng lộc vua tìm chức an bang.
 Chớ làm con giặc tôi loạn,
 Thuế sưu đóng đủ đừng toan kế tà.
 Phận làm tớ thật thà trung tín,
 Với chủ nhà trọn kính trọn ngay.
 Áo cơm no ấm hằng ngày,
 Của người châu cấp ơn dày nghĩa sâu.
 Đừng gặp việc câu mâu biếng nhác,
 Mà quên lời phú thác dặn dò.
 Trước người giả bộ siêng lo,
 Sau lưng gian trá so đo tác lòng.
 Phải chừa thói loài ong tay áo,
 Bớt học đòi khi đạo dòm nhà.
 Gìn lòng ngay thẳng thật thà,

Nói năng mình chánh lời ra phải nhìn.
 Chớ quyết ngữ mà khinh kẻ đại,
 Đừng gian mưu hãm hại người hiền.
 Anh em bằng hữu kết nguyên,
 Một lòng tin cậy phải kiên phải vì.
 Chớ thấy khó mà khi mà thị,
 Gặp người giàu mà vị mà nâng.
 Dầu khi gặp lúc gian truân,
 Cũng đồng giúp ích chớ đừng mặt ngo.
 Làm người phải kính thờ Thần, Thánh.
 Giữ lời nguyên tâm tánh tướng tin,
 Hễ là niệm Phật tụng kinh
 Rèn lòng sửa nét khá in như nguyên.
 Chừa thói xấu đảo điên trong dạ
 Muôn việc chi chẳng khá sai lời
 Dối người nào khác dối Trời,
 Trời đâu dám dối ra đời ngõ ngang.
 Chớ làm tướng trong hang vắng tiếng.
 Mà dễ duôi sanh biến lằng loàn,
 Con người có trí khôn ngoan,
 Tánh linh hơn vật biết đàng lẽ nghi,
 Phải cho biết kính vì trên trước
 Đừng buông lời lẩn lút hồ đồ
 Thuận cùng chú bác cậu cô,
 Bà con chòm xóm ra vô khiêm nhường.
 Thấy già yếu hẹp đường nhượng tránh
 Đừng chỗ đông buông tánh quá vui
 Cột người ra dạ dễ duôi,
 Sanh điều chích mịch đâu nguôi dạ hờn.
 Khi tế tự chớ lờn chớ dễ
 Việc quan, hôn thủ lễ nghiêm trang
 Gìn lòng chẳng khá lằng loàn.

Lễ nghi vẹn giữ vững vàng chớ quên.
 Giàu sang ấy Ôn Trên giúp sức.
 Phước âm no túc thực túc y.
 Thấy người gặp lúc tai nguy,
 Ra tay tế độ ấy thì lòng nhơn.
 Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,
 Thấy trên đường miếng bát, miếng chai,
 Hoặc là đình nhơn, chông gai,
 Mau tay lượm lấy đoái hoài kẻ sau.
 Ấy làm phước khỏi hao khỏi tốn
 Chẳng có đâu mòn vốn thâm tiền
 Bắc cầu đắp sửa đường liền,
 Kẻ qua người lại bước yên gọn gàng.
 Thi ân hậu bạc ngàn khó sánh,
 Rán tập thành sửa tánh từ hòa.
 Việc lành chẳng khá bỏ qua,
 Tuy là nhỏ nhít cũng là công phu.
 Năng làm phải, nhứt nhu ngoạt nhiễm,
 Lâu ngày dần tính đếm có dư.
 Phước nhiều tội quá tiêu trừ,
 Phép Trời thưởng phạt không tư chẳng vì.
 Thấy lỗi mọn chớ nghi chẳng hại,
 Thường dạn làm tội lại hằng hà.
 Vì chưng tự thiếu thành đa,
 Họa tai báo ứng chẳng qua mây hào.
 Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy
 Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.
 Làm người nhơn nghĩa xử xong
 Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sờn.
 Hễ biết nghĩa thọ ơn chẳng bội
 Giúp cho người chớ vội khoe ra,
 Việc chi cũng có chánh tà,

Làm điều phải nghĩa lánh xa vạ vò.
 Khi gặp chuyện khá dò xét cạn,
 Liệu sức mình cho hẵn sẽ làm,
 Chớ đừng thấy của dấy tham,
 Giục người làm quấy ắt cam đồng hình.
 Ở ngay thẳng Thần minh bảo hộ,
 Nét xéo xiên gặp chỗ rắc tù,
 Trong đời rất hiếm võ phu,
 Lường cân, tráo đấu, dối tu cúng chùa.
 Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy,
 Nhắm mắt rồi phải thấy lợi danh.
 Lương tâm thường xét cho rành,
 Của không phải nghĩa chớ sanh lòng tà.
 Người quân tử chẳng thà chịu khổ,
 Đâu làm điều nhục tổ hồ tông?
 Đứa ngu thấy của thì mong,
 Không gìn tội lỗi phép công nước nhà.
 Bày chước độc, xúi ra việc quấy,
 Tổn cho người mà lấy lợi riêng.
 Hễ nghe khoa động đồng tiền,
 Sửa ngay làm vạ không kiêng chút nào.
 Người nghèo khổ biết sao than kể,
 Kẻ lẽ nhiều cậy thế ỷ quyền,
 Làm quan tính kế đảo điên,
 Gạt thâu gia sản, đất điền của dân.
 Thả tôi tớ thôn lân húng hiếp,
 Bức gái lành, ép thiếp đòi hầu,
 Trong lòng mưu chước rất sâu,
 Mai sau suy sụp đáo đầu ra chi.
 Gái xướng ky, trai thì du đảng,
 Phá tan hoang gia sản suy vi.
 Làm người phải khá xét suy,

Của rơi chớ lượm, tham thì phải thâm.
 Còn một nỗi gian dân đại tội,
 Lấy vợ người làm lỗi tiết trinh.
 Tuy là Trời Đất rộng thênh,
 Mất đường sao nhảy chiếu mình lòng người.
 Lương tâm biết hổ người chừa lỗi,
 Mới biệt phân sừng đội lông mang
 Việc lành, việc dữ đồn vang
 Tuy là bóng khuất xương tan tiếng còn.
 Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá,
 Chớ học đòi mèo mả gà đồng.
 Làm điều nhục nhã tổ tông,
 Tiếng như giặt rửa biển sông dặng nào.
 Trai trung hiếu sửa trau ba mối,
 Đừng buông lung làm lỗi năm hằng
 Hung hoang tội báo nghiệt căn,
 Kẻ chê người thì không bằng cỏ cây.
 Thà tiết kiệm hằng ngày no đủ,
 Tánh siêng năng lam lũ làm ăn.
 Lòng chừa biếng nhác kiêu căng
 Của tiền lãng phí không ngần phải tiêu.
 Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
 Đức háo sanh Tiên, Phật một màu.
 Thượng cầm hạ thú lao xao,
 Côn trùng thảo mộc loài nào chẳng linh.
 Nó cũng muốn như mình dặng sống,
 Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.
 Bền công kinh sách xem coi,
 Vô can sát mạng thiệt thòi rất oan.
 Chớ kiếm thế gọi ngoan xảo trá,
 Lưới rập chim, thuốc cá, đốt rừng
 Thương thay phá noãn lầy lừng,

Tội căn báo ứng biết chừng nào an.
 Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,
 Cướp giết rồi chém giết mạng người
 Đoàn năm, lũ bảy đạo chơi,
 Hiếp người lương thiện, phá đời hại dân.
 Tua khá tưởng thương lần nòi giống
 Hãy xét vì mạng sống khó cầu.
 Cũng đừng bài bạc lộn nhau,
 Rủ ren rù quén, lấy xấu ăn đầu.
 Phải hiểu biết máy sâu họa kín,
 Thánh, Thần đâu tư linh bỏ qua.
 Thường ngày tuần khắp xét tra,
 Phạt người hung ác dọa sa A Tỳ.
 Sống dương thế hành thì căn bệnh,
 Xui tai nản dập dính theo mình.
 Ăn năn khử ám hồi minh,
 Từ bi Trời Phật rộng tình xét cho.
 Đừng cố oán thâm lo gây họa,
 Đem lòng thù hãm dọa rắp đường.
 Đốt nhà, tháo cổng, phá mương,
 Nước tràn lụt ngập ruộng vườn tan hoang.
 Thêm liều mạng đặt toan đồ tội,
 Cho người hiền chịu lỗi vương mang.
 Khi hồn lìa khỏi trần gian,
 Hóa ra ngựa quỷ cơ hàn khổ thân.
 Đời nhiều kẻ khi Thần, thị Thánh,
 Ám muội lòng tánh hạnh gở ganh
 Thấy ai làm phải làm lành,
 Xiêm gièm cho đặt khoe danh của mình.
 Lại còn có tánh tình hiểm độc,
 Xúi phân chia thân tộc ruột rà.
 Làm cho chồng vợ lìa xa,

Cả đời nghiệt báo oan gia chẳng rời.
 Muốn tránh đặng khỏi nơi tội quá,
 Lánh kẻ tà chẳng khá nên gần.
 Thí tiền, thí bạc, chẩn bần,
 Người đau thí thuốc, Thánh, Thần phước ban.
 Đêm thanh vắng chó toan mưu dối,
 Xúi trẻ thơ làm lỗi ngõ ngang.
 Âm đài gông trống sẵn sàng,
 Chờ khi thác xuống cổ mang hành hình.
 Các thơ truyện huê tình xé hủy,
 Kẻo để đời làm lụy luân thường
 Nói lời tục tĩu không nhường,
 Tội hành cắt lưỡi trăm đường ghê thay!
 Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy
 Tỏ làm chùa, dối cấy in kinh.
 Ăn gian xớt bớt cho mình,
 Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm vương.
 Thêm những sãi giả nương cửa Phật,
 Cửa thập phương châu cấp thê nhi.
 Ngày sau đọa lạc Âm ty,
 Thường thường khảo kẹp chẳng khi nào rời.
 Thấy giấy chữ rót rơi lượm lấy,
 Đốt ra tro bỏ chảy dòng sông.
 Thủy triều vận tải biển đông,
 Lòng hăng dương ấy phước đồng ăn chay.
 Chịu cực khổ đắng cay biết mấy,
 Cuộc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong.
 Làm ra lúa gạo dày công,
 Dầm mưa dạn nắng kẻ nông nhọc nhằn.
 Nhờ Viêm Đế đức cao ơn nặng,
 Tìm lúa khoai người đặt no lòng.
 Ngày ngày vọng niệm chó vong,

Chẳng nên hủy hoại mới phòng khỏi hoang.
 Chớ hiểm độc dạ lang lần lựa
 Nhơn thất mùa bẻ dựa gắt gao.
 Chờ khi lúa phát giá cao,
 Khai ra bán mắc Trời nào dung cho.
 Ổn trợ giúp khá lo đèn báo,
 Giữ vẹn tròn nghĩa đạo với đời
 Túng cùng vay mượn của người,
 Vui lòng tính trả vốn lời cho kham.
 Chớ oán chạ tham lam ngược ngạo,
 Bội nghĩa ân trở tráo chước sâu.
 Luân hồi thưởng phạt rất mau,
 Chuyển thân tái thể ngựa trâu công đền.
 Người phú túc vun nền âm đức,
 Lấy lòng nhơn giúp sức trợ nghèo.
 Chớ sanh chước hiểm hẹp eo
 Lời tăng quá vốn kẻ nghèo xiết than.
 Làm mất phải bạc ngàn cúng Phật,
 Ép kẻ nghèo có đất cày vườn.
 Phật Trời nhơn vật đồng thương,
 Có đâu hưởng của bất lương mà mời.
 Phận làm chủ lấy lời nhỏ nhẹ,
 Mà nghiêm trừng mấy kẻ tôi đòi.
 Đừng lòng nham hiểm hẹp hòi,
 Buông lời chửi rửa đòn roi không từ.
 Tánh độc ác tội dư tích trữ,
 Chốn Âm cung luật xử nặng nề.
 Đánh đòn khảo kẹp góm ghê,
 Hành hình khổ não chẳng hề nói tay.
 Miền Âm cảnh nhiều thay hình lạ,
 Cõi dương trần tội quá đầy đầy.
 Thánh hiền kinh sách dạy bày,

Lòng người ám muội lỗi gây ra hoài.
 Kẻ lỗ mãng chê bai khinh dễ,
 Rằng thác rồi còn kẻ ra chi.
 Nhãn tiền trả quả tức thì,
 Tội dư con cháu một khi đền bồi.
 Chớ quấy tướng luân hồi phi lý,
 Mà hung hăng chẳng nghĩ chẳng suy.
 Thi hài như gỗ biết gì,
 Linh hồn là chủ thông tri việc đời.
 Lúc chung mạng dứt hơi, hồn xuất
 Quỷ vô thường sẵn chực đem đi.
 Dắt hồn đến chốn Âm ty,
 Xét xem công quả chẳng ly mây hào.
 Người lương thiện ra vào thông thả.
 Kẻ tội nhiều đầy đọa rất minh.
 Phật, Trời phép lạ hiển linh,
 Hành cho tan giác hườn hình như xưa.
 Con bất hiếu xây cửa đốt giã,
 Mổ bụng ra phanh rã tim gan.
 Chuyển thân trở lại trần gian,
 Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.
 Kia những gái lấy lòng hạnh xấu,
 Bỏ vạc đồng đốt nấu thảm kinh.
 Vì chưng trình tiết chẳng gìn,
 Có chồng còn lại ngoại tình với trai.
 Kẻ tham lợi cột mai cột mối,
 Chuốt trau lời giả dối ngọt ngon.
 Dễ dành, rù quên gái non,
 Làm hư hoại tiết cháu con nhà người.
 Lòng lang độc vui cười hơn hổ,
 Chốn Diêm đình phạt quả trừng răn.
 Công kèm khảo kẹp lạng xằng,

Hành cho đáng kiếp tội căn đã làm.
 Ngục đao kiếm cầm giam phạm ác,
 Tánh gian dâm hành phạt gớm ghê.
 Giáo gươm bén nhọn tư bề,
 Chém đâm máu chảy tràn trề ngục môn.
 Hành đến chết hườn hồn sống lại,
 Cho đầu thai ở tại thanh lâu.
 Ngày đêm đưa rước chực châu,
 Công bình Thiên Đạo phép mầu chí linh.
 Móc nhọn vắt treo mình nhổng nhánh.
 Cối đập đồng rất mạnh giã dần.
 Ấy là phạt kẻ lường cân,
 Đo gian, đong thiếu, Thánh Thần chẳng kiêng.
 Bầy chó dữ mang xiềng chạy đại,
 Thấy tội nhơn xúm lại phân thây.
 Hình này phạt kẻ đại ngậy,
 Khinh khi Tam giáo đọa đầy thế ni.
 Ao nước nóng sôi thì sục sục,
 Dầm cho người rã rục thịt xương.
 Cũng vì lòng dạ vô lương,
 Đệ huynh bắt mục chẳng thương đồng bào.
 Nhiều gộp núi như đao chơm chơm,
 Thấy dùn mình tán đờm rất ghê.
 Thây người máu chảy dầm dề,
 Tiếng la than khóc tư bề rùm tai.
 Phạt những kẻ sửa ngay ra vạy,
 Tở phản thầy, quan lại bất trung.
 Hành rồi giam lại Âm cung,
 Ngày đêm đánh khảo trắng cùm xiềng gông.
 Hình Bào lạc cột đồng vôi vôi,
 Đốt lửa hồng ánh giới chói lò.
 Trói người vào đó xát chà,

Vì chưng hung bạo đốt nhà bắn sắn.
 Có cộp dữ nhả răng đưa vấu,
 Gặp tội nhơn quào quấu xé thây.
 Ấy vì lòng dạ chẳng ngay,
 Giết người lấy của bị nay hình này.
 Ao rộng lớn chứa đầy huyết phần
 Xô người vào, lội lặn nhòm thay!
 Tanh hôi mình mẩy vấy đầy,
 Trời lên hụp xuống gậy cây đánh đầu.
 Để hành kẻ chứa sâu, lường của
 Trù ếm người, chười rửa Tổ tông.
 Đồ dơ giặt đồ rạch sông,
 Đương khi uế trước thẳng xông chỗ thờ.
 Vào bếp núc chỗ nhơ không kê,
 Phơi áo quần chẳng nề Tam quan.
 Buông lời tục tĩu dâm loạn,
 Lâu mau, nặng nhẹ, chịu mang tội này.
 Ao rộng sâu chứa đầy giòi tử,
 Hơi tanh hôi thường bữa lấy lừng.
 Gạo cơm hủy hoại quen chùng,
 Phạt ăn dơ dáy mới ung tội hình.
 Cột trói ngược quá kinh rất lạ,
 Quỷ Dạ xoa đánh vả kẹp cưa.
 Vì chưng chười gió mắng mưa,
 Kêu tên Thần, Thánh chẳng chừa chẳng kiêng.
 Bàn chông nhọn liên liên đánh khảo,
 Tra tội nhơn, gian giáo ngược ngang.
 Hành người bế địch, trợ hoang,
 Thừa năm hạn đói mưu toan bức nghèo.
 Thành Uông tử cheo leo gớm ghiếc,
 Cầm hồn oan rên xiết khóc than.
 Dương gian ngổ nghịch lằng lằng,

Liều mình tự vận không màng thảo ngay.
 Xuống Địa ngục đọa đầy hành mãi,
 Đúng số rồi còn phải luân hồi.
 Hóa công xem xét đền bồi,
 Lành siêu dữ đọa thêm nhồi tội căn.
 Cầu Nại Hà bắc giảng sông lớn,
 Tội nhờn qua óc rờn dùn mình.
 Hụt chơn vắn lại gấp ghình,
 Nhào đầu xuống đó cua kinh rĩa thầy.
 Nhiều thứ rần mặt mây dữ tợn,
 Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.
 Gặp thầy nuốt sống ăn tươi,
 Vì bày thừa kiện móc bươi xúi lời.
 Trong núi lửa bay hơi tanh khét,
 Linh hồn người đầy nghệt trong ngoài!
 Phật răn quên gái, dụ trai,
 Bày ra thuốc độc, phá thai tuyệt loài.
 Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
 Biết lạc làm sám hối tội căn.
 Tu tâm sửa tánh ăn năn,
 Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ lơ.
 Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
 Mà trong lòng chẳng thật kính thành.
 Lâm nguy nguyện vái làm lành,
 Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.
 Chớ thái quá đừng lòng bất cập,
 Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.
 Làm lành, xem phải, nói ngay,
 Giữ ba điều ấy thiết rày phước duyên.
 Lời kệ sám di truyền khuyên thiện,
 Câu văn từ luận biện thật thà.
 Chẳng dùng những tiếng sâu xa,

E không hiểu thấu, diễn ra ích gì?
 Chớ buông tiếng thị phi khinh dể,
 Rán làm lành phước để cháu con.
 Làm người nhờn nghĩa giữ tròn,
 Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.

II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:

Bài kinh Sám Hối được nhiều Đấng Thiêng Liêng lần lượt giảng cơ ban cho chi Minh Lý (Tam Tông Miếu) vào năm Ất sửu 1925.

Theo ông Âu Minh Chánh, người lập ra Minh Lý Đạo, bài kinh Sám Hối này do Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cơ ban cho một đoạn đầu bài kinh trong một đàn cơ cầu bịnh tại Thủ Thiêm. Sau đó, lần lần có các Đấng như Tam Giáo Đạo Chủ, Quan Âm Bồ Tát, Nam Cực Chưởng Giáo, Quan Thánh Đế Quân, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thập Điện Minh Vương..v.v.. giảng tiếp cho trọn bài kinh Sám Hối. Cuối cùng Đức Đông Phương Lão Tổ lại ban cho bài “*Khen Ngợi Kinh Sám Hối*” để kết thúc một giai đoạn giảng cơ ban Kinh Sám Hối kéo dài hơn 7 tháng.

Khi ban cho bài kinh xong, Đức Văn Tuyên Vương giảng dạy các tín đồ chi Minh Lý phải đến chùa trong các ngày sóc vọng để dâng hương và sám hối theo bài kinh này.

Đến khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được khai sáng, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Hội Thánh cử một phái đoàn gồm bốn người: Ngài Thượng Đầy Sư Lê Văn Trung, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và Giáo Sư phái Thượng Vương Quang Kỳ đến Minh Lý Đạo thỉnh kinh, trong đó có bài *Kinh Sám Hối* và bài *Khen Ngợi Kinh Sám Hối*. Trong thời gian đầu này, bài Kinh Sám Hối được gọi là *Kinh Nhơn Quả*.

Bài Kinh Sám Hối này được Hội Thánh dạy phải tụng vào những ngày sóc vọng, còn như ngày thường nếu có làm lỗi điều chi thì tụng để xin tội.

Như ta đã biết hai chữ *Sám hối* 懺悔 là danh từ kết hợp cả tiếng Sanskrit và tiếng Hán. *Sám* do chữ Phạn sám ma, là ăn năn những lỗi lầm đã phạm, thật lòng muốn sửa đổi. *Hối*: Thú nhận những điều sai quấy mà mình đã làm, sẵn sàng cải sửa các tội lỗi ấy.

Sám hối có nghĩa là xin thú nhận những lỗi lầm đã phạm và xin nguyện ăn năn sửa đổi tội lỗi, từ nay về sau không tái phạm nữa.

Tội Lỗi do bởi con người vô minh để cho ý nghĩ xấu phát sinh ra, thông qua hành động của thân, khẩu, ý. Do đó khi tụng cầu sám hối thì ta phải cải hóa tâm trước, rồi sau đó, quỳ tụng trước Chánh điện Đức Chí Tôn nguyện xin ăn năn hối ngộ và quyết lòng cải tà qui chánh, có như thế mới thực sự là sám hối, nội tâm mới có thể đạt được an nhiên, thanh tịnh.

III.-CHÚ GIẢI:

1. **Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn.**
3. **Lòng đừng so thiệt tính hơn,
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.**

Danh lợi 名利: *Danh* là tiếng tăm, *lợi* là lợi lộc. *Danh* lợi là tiếng tăm và lợi lộc của con người.

Cuộc danh lợi: Danh và lợi trong cuộc sống của con người.

Thưởng 賞: Ban cho người có công.

Quý 貴: Quý giá, quý báu.

Hóa công 化工: Thợ tạo, tức là ông thợ đã sinh thành và biến hóa ra vạn vật. Do câu trong bài phú của Giã nghị: “*Thiên địa vi lô, tạo hóa vi công* 天地為爐,造化為工” (Trời đất làm lò, ông Tạo làm thợ). Chỉ Đấng Tạo hóa, Thượng Đế.

So thiệt tính hơn: So sánh thiệt hơn, suy xét lợi hại, tức là tính toán một cách kỹ lưỡng.

Theo Mạnh Tử, con người đừng nên so thiệt tính hơn, bởi vì: Một hóp uống một miếng ăn đều do nơi tiền định. Muôn việc cũng thế, đều đã chia định hết thảy. Với kiếp phù sinh con người lo gì cho uống công, muôn việc không phải bởi người *so thiệt tính hơn* mà nên, một đời người đều là có mạng số đã an bài rồi (*Nhất ảm nhất trắc sự giai tiền định, vạn sự phân dĩ định, phù sanh không tự mang, vạn sự bất do nhân kế giáo, nhất sanh đô thị mệnh an bài* 一飲一啄事皆前定,萬事分已定,浮生空自忙,萬事不由人計較,一生都是命安排).

Dạ hờn: Trong dạ hờn giận.

Ích chi: Có lợi ích gì.

Câu 1 và 2: Danh tiếng và lợi lộc trong cuộc sống của con người là do Đấng Tạo Hóa xét ban cho để làm phần thưởng quý giá.

Sống ở thế gian không gì quý giá bằng danh và lợi. Chính danh lợi đã làm cho biết bao nhiêu người điêu đứng, khổ sở: Người thì tốn hao mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả xương máu để tìm lấy nó, kẻ thì gây biết bao nhiêu tội tình để giành giật, chiếm đoạt lấy nó. Nhưng không phải ai cũng có thể tìm lấy nó được, mà phải có phước duyên để hưởng, tức là

phải được Chí Tôn ban thưởng ơn đức cho. Muốn được vậy, kiếp trước chúng ta phải tạo phước đức, kiếp này mới được hưởng, bây giờ chúng ta làm việc thiện để hưởng ở kiếp lai sinh.

Chính Khổng Tử cũng nói: Người làm việc lành thì Trời ban phước đức cho, kẻ làm việc chẳng lành thì Trời lấy họa mà trả cho (*Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phước; vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa* 為善者天報之以福; 為不善者天報之以禍).

Sách Thượng Thư cũng nói rằng: Hễ ai làm việc lành thì Trời ban cho trăm điều phước; hễ ai làm việc chẳng lành thì Trời xuống cho trăm điều họa (*Tác thiện giáng chi bá tường; tác bất thiện giáng chi bá ương* 作善降之百祥; 作不善降之百殃).

Câu 3 và 4: Trong lòng đừng tính toán hơn thiệt, đêm ngày cũng đừng than thở, lòng hờn giận nào có ích chi đâu.

5. **Người sang cả là vì duyên trước,
Kẻ không phần luống ước cầu may.**
7. **Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đổi xây không thường.**

Sang cả: Sang là cao quý. Cả là lớn. Sang cả tức là giàu sang lớn, quý hiển sang trọng lắm.

Duyên trước: Do từ Hán Việt *Tiền duyên* 前緣, chỉ mối ràng buộc được định sẵn từ kiếp trước. Nếu duyên lành, tức là kiếp sống trước ta làm những điều lương thiện đạo đức, thì kiếp sống hiện tại được may mắn, giàu sang, hạnh phúc.

Không phần: Không có số phận tốt đẹp, may mắn, tức là số phận khổ sở, vật vạ.

Người không phần hay vô phần cũng do bởi luật nhân quả mà ra. Hay nói cách khác, vô phần là bởi cái ác nghiệp của mình đã tạo ra từ tiền kiếp.

Luống ước: Nhiều lần ước muốn.

Cầu may: Cầu mong được may mắn.

Sang giàu chẳng khác như mây: Giàu sang chẳng khác gì một đám mây trôi nổi trên bầu trời, không được lâu dài, bền vững, khi tan khi tụ.

Theo Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, mỗi phú quý, bả vinh làm lóa mắt người trần thế, khiến họ quay cuồng đeo đuổi, đắm đuối cái mộng đẹp mà rốt cuộc chỉ là hư vô:

Giấc Nam kha khéo bất bình,

Bình con mắt dậy thấy mình tay không.

Khi tan khi hiệp: Đám mây nổi lúc thì tụ lại lúc thì tan biến ra, không được bền bỉ.

Câu 5 và 6: Người được giàu sang là nhờ vào duyên lành nơi kiếp trước, còn kẻ không phần thì dù có mong cầu sự may mắn đi nữa cũng chẳng xong.

Sự giàu sang phú quý, có tiền có của là nhờ ơn Trên ban thưởng cho người có duyên phần, biết tích chứa phước điền trong kiếp trước. Tùy theo buổi xưa tạo ra việc lành nhiều hay ít mà Trời Phật ban thưởng cho hưởng trong hiện kiếp.

Ngày xưa nếu không lo lập công bồi đức, tức là thiếu phần phước đức, thì kiếp này sẽ trở thành người không duyên phần, mà nếu không duyên phần thì dù có ước ao cầu khẩn cho thế mấy thì cũng chẳng thể nào hưởng được. Còn nếu làm điều phi nghĩa để được hưởng thì phải mang lấy nghiệp quả mà bậc Thánh hiền không làm. Trong sách Luận Ngữ có câu: *Bất nghĩa nhi phú thả quý ư ngã như phù vân* 不義而富且

貴於我如浮雲: (Bất nghĩa mà giàu sang, đối với ta như đám mây nổi).

Câu 7 và 8: Sự giàu sang không bền vững, chẳng khác gì một đám mây trôi trên trời, khi tan khi hiệp, thay đổi rất mau chóng, không thường tại.

9. **Việc sanh tử như đường chớp nháng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.**
11. **Giữ cho trong sạch linh hồn,
Rèn lòng sửa nét đức tồn hậu lai.**

Sanh tử 生死: Sống chết, một quãng đời của con người, từ lúc sinh ra cho đến lúc chết. Còn dùng để chỉ hai sự kiện lớn của con người nơi thế gian: Việc sống và việc chết.

Đường sanh tử hay sinh tử lộ, chỉ đường luân hồi, tức là sinh ra rồi chết, chết rồi lại chuyển kiếp để được sinh ra... Cứ thế mà tạo nên con đường sinh tử.

Sanh là một con đường mà người khách trần mượn để đi lên, để đầu thai xuống thế giới hữu hình trả những nghiệp quả đã gây ra trong kiếp trước.

Tử là chết. Theo quan niệm thông thường của người đời, chết là hết. Nhưng đối với nhân sinh quan của Cao Đài hay Phật Giáo, chết chỉ là một giai đoạn hoại diệt của thân xác hữu hình hay sự đoạn lìa nghiệp trái ở cõi thế, để có một sự sống miên viễn, bất tận nơi thế giới vô vi, thanh tịnh.

Việc sanh tử: Việc sống chết của con người.

Đường chớp nháng: Hay đường sấm chớp, là một đường ánh sáng lóe lên do sấm sét tạo thành. Chỉ một khoảng thời gian rất ngắn.

Quang âm 光陰: Quang là ánh sáng. Âm là bóng tối. Quang âm là sáng và tối thay đổi nhau. Chỉ thời gian.

Bóng quang âm: Chỉ ngày (Quang: Ánh sáng) và đêm (Âm: Bóng tối).

Dập dồn: Hay dồn dập, chỉ việc xảy ra liên tiếp.

Giữ cho trong sạch: Giữ gìn cho thật trong sạch, tinh khiết.

Linh hồn 靈魂: Còn gọi là Chơn hồn hay Vong hồn, tức là hồn của người chết.

Triết lý Cao Đài cho rằng con người ở thế gian gồm có ba thể: Linh hồn, Chơn thần và Thể xác.

- **Linh hồn** 靈魂: Hay Chơn linh là một điểm Linh quang được chiết ra từ khối Đại Linh quang của Thượng Đế ban cho. Thể này Thiêng liêng linh diệu trong con người, bất tiêu bất diệt, nên khi chết, linh hồn nhẹ nhàng sẽ trở về cõi Hằng sống.

- **Chơn thần** 真神: Hay Đệ nhị xác thân. Theo Thánh giáo, đây là một xác thân thiêng liêng do Phật Mẫu dùng nguơn khí tạo thành. Thể này thuộc khí chất, bán hữu hình, vì nó có thể thấy đặng, mà cũng không có thể thấy đặng. Khi ra khỏi xác phàm, thì Chơn thần lấy hình xác phàm như khuôn in rập.

Khi còn sống, Chơn thần không thể xuất ra đặng vì bị xác phàm níu kéo, chỉ bậc chân tu mới có thể xuất Chơn thần đặng.

- **Nhục thể** 肉體: Hay phàm thân, là đệ nhứt xác thân, do cha mẹ đào tạo bằng xác thịt, Phật giáo cho rằng thân tứ đại, bởi đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Thể này hữu hình, trọng trước, không thường tồn, dễ bị hoại.

Đức tồn hậu lai 德存後來: Cái đức còn mãi về sau.

Câu 9: *Sự sống chết của con người nhanh lạ như làn chớp nhoáng (Lóe lên rồi tắt).*

Câu 10: *Bóng thời gian trôi nhanh chóng, ngày tháng dồn dập qua đi.*

Mọi chúng sanh, mọi sự hiện hữu trên cõi đời hữu hình này đều phải có sống chết, sinh diệt theo nguyên lý duyên sinh duyên diệt. Việc sống chết theo quan niệm của Đạo là quá trình chuyển hóa miên viễn, có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc.

Sinh tử đối với Tôn giáo là vấn đề chính yếu: “*Sinh tử sự đại, vô thường tán tốc* 生死事大, 無常進速” (Sự sinh tử là việc lớn, vô thường đến rất mau chóng). Đức Hộ Pháp cũng có nói: “*Ôi! Kiếp sanh tại thế mang xác thịt, hỏi sống được mấy lát? Nội một giấc thức, giấc ngủ là thấy sự chết sống của kiếp con người, mang thì hài bóng đáng này là giả. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà cảnh thiệt ở nơi chỗ khác kia, sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng?*” Vì thế, tất cả các Đạo giáo đều dạy thoát ly sanh tử.

Thật thế, hai câu:

*Việc sanh tử như dòng chớp nháng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.*

cho ta thấy ngày tháng như thoi đưa, việc sanh tử thường xảy ra liên tục, nên cuộc đời của chúng sanh nơi cõi trần rất ngắn ngủi, phù du dễ tan biến như làn sấm chớp, như giấc chiêm bao.

Trong bài kinh Khi Thức Dậy có câu:

Tử sanh, sanh tử là chi,

Gẫm trong giấc mộng cũng bèn như nhau.

Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, trong tác phẩm “Cung Oán Ngâm Khúc” viết:

*Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.*

Hoặc ví thân phận con người nhỏ bé như bào ảnh, dễ tiêu tan trước sóng gió của biển đời:

*Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh.*

Lý Bạch, một thi Tiên của nhà Đường, cũng là Lý Đại Tiên Trưởng Kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã coi đời như một giấc mộng:

Xử thế nhược đại mộng.

處世若大夢

Hồ vi lao kỳ sinh?

胡為勞其生

Ở đời tựa giấc chiêm bao,

Làm chi mà phải lao đao nhọc mình?

Riêng Thánh giáo Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có dạy rằng: ...“*bóng thiêu quang nhật thức, con đường hy vọng chẳng biết đâu là tột cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi, sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc sanh ly pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng đều thành một **giác huỳnh lương**, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp*”.

Con người vừa dứt ba tác hơi nằm xuống thì mọi âm thanh đều dứt hết bên tai, mọi hoạt động, mọi việc đều buông bỏ:

Tam thốn khí tại thiên ban dụng,

三寸氣在千般用

Nhứt đán vô thường vạn sự hư.

一旦無常萬事休

Nghĩa là:

Ba tác hơi còn thì ngàn việc dùng (tức là có thể làm tất cả mọi việc).

Một buổi sáng vô thường (chết) muôn việc đều buông xuôi.

Nếu chúng ta biết được cuộc sống con người là một kiếp phù sinh và sự chết không phải là hết mà chỉ là con đường dẫn đến những cảnh giới tuyệt diệu hơn thì chúng ta sẽ cảm thấy yêu đời và chuẩn bị cho con đường đến cõi chết.

Câu 11: Chúng ta gìn giữ sao cho Linh hồn được trong sạch.

Câu 12: Cố gắng rèn luyện nét na và tâm tánh hầu tạo nên phước đức để dành cho mai sau.

Linh hồn còn gọi là Chơn linh, là Điểm Linh quang của Chí Tôn ban cho, tự nguyên sơ đã là trong sạch nhẹ nhàng rồi.

Sở dĩ Chơn linh không trong sạch là bởi vì con người đã trải qua bao nhiêu kiếp luân hồi sinh tử, gây ra biết bao nhiêu oan nghiệt, và tạo nên nghiệp quả, khiến cho Chơn thần phải chịu nặng nề ô trược. Khi Chơn thần bị trọng trược thì sẽ níu kéo Chơn linh, làm cho Chơn linh cũng chịu nặng nề ô trược.

Dòng khổ hải dễ thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.
Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhớ như lục dục thất tình nhiễm thân.
(Kinh Giải Oan)

Để Chơn linh được trong sạch nhẹ nhàng, con người phải rèn lòng sửa nét, tức là dẹp bỏ thất tình lục dục và tu dưỡng một cơ thể tinh khiết bằng cách giữ gìn trai giới, có tư tưởng thanh cao phát huy bản thể trọn lành.

13. **Điều họa phước không hay tìm tới,
Tại mình đời nên mới theo mình.**
15. **Cũng như bóng nọ tùy hình,
Dữ lành hai lẽ công bình thường răn.**

Họa phước 禍福: Họa là việc rủi ro. Phước là việc tốt lành. Họa phước là việc rủi ro và việc may mắn.

Không hay tìm tới: Không thường tìm tới.

Tại mình đời ⁽¹⁾: Tại mình đời đời.

Đúng ra chữ “vời” hợp với nghĩa chữ **triệu** 召: Mời đến, rước lấy.

Trong Tả Truyện có câu: Việc họa phước không có cửa, chính do người vời nó đến (Họa phước vô môn duy nhân tự triệu 禍福無門, 惟人自召).

Bóng nọ tùy hình: Hình ảnh như thế nào thì cái bóng hiện ra như thế ấy. Ý nói nhơn nào quả nấy.

Dữ lành hai lẽ: Hai việc dữ lành mà con người chọn lựa để hành xử ở thế gian, tức là hành vi thiện ác của con người.

Câu 13 và 14: Việc họa phước không phải tự nó tìm đến, mà tại mình tự vời lấy nên mới theo mình.

Câu 15: Điều họa phước tự mình vời tới thì cũng ví như bóng tùy hình hay quả do nhơn mà ra.

Câu 16: Hai việc lành dữ mà mình nhận được là do sự công bình của ơn Trên thưởng răn.

Bốn câu kinh Sám Hối từ câu 13 đến câu 16 trên, lấy ý từ lời nói trong thiên Thái Thượng Cảm Ứng Kinh: “Họa phước vô môn duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình” 禍福無門 惟人自召. 善惡之報如影隨形. Nghĩa là cái điều họa phước không có cửa, là không có chỗ định, tại mình tự vời nó mới tới mình mà thôi. Sự quả báo cái lành cái dữ, thì cũng như là cái bóng cứ theo cái hình mà thôi, chẳng hề sai chạy: Hễ hình ngay thì bóng cũng ngay, hình

⁽¹⁾ Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo viết: Vời.

nghiêng thì bóng cũng nghiêng; lành thì trả lành, dữ thì trả dữ, đó là sự thưởng răn một cách công bình của Thiêng Liêng vậy.

17. **Khi vận thời lung lảng chẳng kể,
Lúc suy vi bày lễ khẩn cầu.**
19. **Sao bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đâu tư vì.**

Vận thời 運 泰: Còn gọi là vận thái. Vận là khí số. Thời là tốt, yên vui. Vận thời là khí số gặp lúc thông suốt, yên vui (Trái với vận bĩ, vận suy).

Lung lảng: Hung dữ còn bày, không biết đến lễ phải quấy.

Suy vi 衰 微: Suy là sa sút dần. Vi là hèn mọn. Suy vi là sa sút một cách thấp hèn, suy sụp.

Khẩn cầu: Hay cầu khẩn 求 懇, tức là cầu xin một cách chân thành và tha thiết.

Bày lễ khẩn cầu: Bày lễ vật cúng tế để cầu khẩn các Đấng Thần Thánh.

Sao bằng: Chi bằng.

Ở phải: Ăn ở theo lẽ phải, tức là cư xử với mọi người hợp luân thường đạo lý.

Buổi đầu: Từ lúc đầu tiên.

Thần minh 神明: Vị Thần sáng suốt.

Chánh trực 正直: Ngay thẳng.

Tư vì: Do từ Hán Việt tư vị 私 位: Vì tình riêng tư, đôi xử thiên lệch.

Câu 17: Khi gặp thời vận hanh thông, thịnh vượng thì hung hăng, còn bày chẳng kể việc phải quấy.

Câu 18: Lúc suy vi, nghèo hèn thì bày lễ vật cúng tế để cầu khẩn các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

Có nhiều người gặp vận thời, được hưởng những điều phước đức mà lại không lo tạo thêm phước đức, trái lại còn có lòng lung lảng, hung dữ. Đến chừng mạng vận suy sụp thì bày lễ cúng lạy để khẩn cầu. Đó là người không hiểu về luật nhơn quả.

Như ta biết, vận thời hay vận suy là nhờ con người đã gieo giống từ trước, hễ gầy giống chi thì được hưởng quả nấy.

Người được vận thời là nhờ phước đức tạo ra từ tiền kiếp, nên kiếp này mạng vận mới được hanh thông, thịnh vượng. Song người ở thế này đã được hưởng thì cũng phải lo bồi đắp cho thân sau này, chớ đừng hưởng hết. Người xưa có dạy: *Hữu phước bất khả hưởng tận, hưởng tận thân bản cùng* 有福不可享盡,享盡身貧窮. Muốn vậy, chúng ta vừa hưởng phước, vừa tạo thêm công đức, như thế mới không sợ hưởng hết phước đức.

Câu 19: Chi bằng từ lúc đầu mình ăn ở theo lẽ phải, hợp với đạo đức.

Câu 20: Thần Thánh sáng suốt và ngay thẳng có lẽ đâu vị tình riêng.

Không phải đợi đến lúc gặp cảnh khốn cùng mới bày lễ cầu khẩn các Đấng, mà ta phải hằng ngày lo cúng kiếng, làm phước, làm lành, đó là ta đã chuẩn bị từ đầu những việc không may xảy đến cho ta sau này. Có nhiều người trước không nghĩ việc phải quấy, đến lúc túng cùng, mới khẩn cầu Trời đất để xin thứ tội, điều này Đông Nhạc Thánh Đế có dạy: Trời đất không tư vị, Thần minh thường soi xét. Không phải vì tế lễ mà ban cho phúc, không phải vì thất lễ mà giáng cho

tai họa (*Thiên địa vô tư, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa* 天地無私, 神明暗察, 不為祭享而降福, 不為失禮而降禍).

Không Tử bị đau nặng, học trò là Tử Lộ xin Thầy bày lễ cầu nguyện để mau được khỏi bệnh. Ngài nói rằng: Khâu này cầu nguyện đã lâu rồi (Khâu chi đảo cửu hỹ 丘之禱久矣). Ý Ngài muốn nói chung thân Ngài làm điều nhơn nghĩa, như vậy lúc nào Ngài cũng cầu xin rồi vậy.

Như vậy, từ buổi đầu ta ăn ở theo lẽ phải, hợp với đạo đức, chứ không đợi đến lúc khốn cùng mới cầu xin các Đấng Thần Thánh, bởi vì các Đấng thiêng liêng rất sáng suốt và ngay thẳng nên không vị tình riêng cho ai cả.

21. ***Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lãng loạn đặt mạng giàu sang.***
23. ***Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.***

Người làm phước: Người làm những việc thiện, việc có tính cách tạo ra phước đức.

Làm phước là làm những điều thiện để giúp đỡ những người khác. Người biết làm phước là người có tâm hướng thiện.

Làm phước hay làm lành thì được phước báo, phước quả, là cái kết quả được hưởng những điều an lạc, hạnh phúc.

Theo Phật, làm phước có hai thứ:

1/.*Phước hữu lậu* 有漏福: Được hưởng an vui tương đối ở cõi thế gian, vì còn trong vòng luân hồi sinh tử.

2/.*Phước vô lậu* 無漏福: Được hưởng an vui tuyệt đối, thoát ly sinh tử.

Mắc nạn: Bị gặp tai nạn.

Lãng loạn: Do chữ *lãng loạn* 凌亂: *Lãng* là xúc phạm. *Loạn* là chống cự lại, làm rối trật tự. *Lãng loạn* là không chịu phục tùng ai, chống cự một cách hỗn xược.

Đặt mạng giàu sang: Được cái mạng vận hưởng sự giàu sang.

Nợ trước: Nợ nần từ kiếp trước.

Còn mang: Còn thọ lãnh lấy, còn mang lấy nghiệp trước.

Duyên 緣: Mối dây liên lạc, mối dây ràng buộc.

Duyên là điều kiện phụ để cho một sự vật thành hình. Còn điều kiện chánh là nhân. Duyên giúp cho nhân làm phát sinh ra quả, không có duyên thì nhân không thể phát sinh ra quả được. Ví dụ hạt giống là nhân, đất, nước, mưa, nắng, phân bón, chăm sóc...là duyên. Bất cứ một hiện tượng vật chất hay tinh thần nào đều cũng do bởi duyên tập hợp thành.

Câu 21: *Người làm việc phước, việc lành có khi cũng bị mắc lấy tai nạn.*

Câu 22: *Còn kẻ hung hăng, hỗn xược mà lại được cái mạng giàu sang.*

Con người sống ở thế gian, ai cũng bị chi phối của luật nhơn quả. Hễ có nguyên nhân tất nhiên phải có kết quả tương thích với nguyên nhân ấy, đó là luật nhân nào quả nấy.

Luật nhân quả không bị hạn chế bởi thời gian, có khi nhanh cũng có khi chậm. Có nhiều loại nhân quả:

Nhân quả hiện tại gọi là **Hiện báo** 現報: Nghiệp nhân trong đời này đưa đến quả báo ở hiện kiếp.

Nhân quả trong hai đời gọi là **Sanh báo** 生報: Đời trước tạo nhân đời nay mới thọ quả. Đời này gây nhân đời sau nhận quả.

Nhân quả trong nhiều đời gọi là **Hậu báo** 後報: Từ rất nhiều đời trước gây nhân, đời nay mới gặt quả, hoặc đời này tạo nhân nhưng mãi nhiều đời sau mới thọ quả.

Hiện báo thì dễ thấy, dễ hiểu, nhưng hậu báo là quả báo do nghiệp nhân tạo ra từ những kiếp sống trước, đến nay mới có kết quả thì khó tin, khó hiểu. Ví dụ người lương thiện mà vẫn gặp chuyện không may.

Theo hai câu kinh trên, *người làm phước có khi mắc nạn* cho ta thấy việc tai nạn, khổ sở là bởi nghiệp quả, tức do kiếp trước hay nhiều đời trước gây nhân, kiếp này phải đền trả. Việc làm phước làm lành trong hiện kiếp chưa đủ trả những oan nghiệt đã tạo ra ở tiền kiếp.

Như vậy, không phải người làm phước mà mắc nạn, nếu không làm phước thì người ấy vẫn phải mắc nạn, có thể tai nạn còn nhiều hơn nữa, bởi việc làm phước có thể làm giảm bớt một số tai nạn.

Còn những *kẻ lãng loạn dặng mạng giàu sang* là vì kiếp này tuy có những hành vi không tốt, nhưng nhờ còn hưởng phước đức từ nơi kiếp trước, khi nào phước đức của người ấy hết thì họ sẽ lãnh những quả báo ngay.

Chúng ta đừng tưởng rằng làm những hành vi hung ác mà vẫn được giàu sang đâu, vì bởi quả báo chưa đến. Luật nhân quả như lưới Trời lồng lộng, quả báo như mũi kim không bao giờ lọt dặng.

Từ Thần Ông 徐神翁 có nói rằng: *Làm lành có lành báo, làm ác có ác báo, hiện thời chưa thấy báo là chưa đến lúc vậy* (Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo; nhưng hoàn bất

báo, thời thần vị đáo 善有善報, 惡有惡報; 若還不報, 時辰未到).

Câu 23: *Người làm phước bị nạn hay kẻ lãng loạn giàu sang là do bởi còn mang nợ nần từ kiếp trước.*

Câu 24: *Sự ràng buộc của nghiệp lực chưa dứt, nên còn đang vay trả, thưởng đền.*

Thực vậy, việc lành việc dữ chung cuộc rồi cũng có báo, có điều là trả kíp hay chầy mà thôi (*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì* 善惡到頭終有報, 只爭來早與來遲).

Câu chuyện sau đây cho ta thấy một nhà từ thiện suốt đời làm việc lành mà vẫn không siêu thoát là do bởi tội lỗi kiếp trước nặng hơn việc làm phước của ông nên còn trả quả.

Ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gariel Gobron người Pháp, vào một hôm ngồi chấp bút có một chơn linh giáng cơ xưng tên họ và nhờ ông tiến dẫn về Hội Thánh Cao Đài để cầu rỗi cho ông, vì ông chưa được siêu thoát.

Ông Gobron nghe qua tên tuổi của vị này thì biết ngay, vì sanh tiền vị này là một nhà từ thiện nổi tiếng trong nước mà ai cũng biết. Cả một đời người chuyên đi bán đồ chơi trẻ em và đem số tiền lời được về giúp các trại cô nhi. Ông lại thường xin những đứa bé bị bỏ rơi đem về viện cô nhi để nuôi dưỡng. Những đứa bé do ông đem về thì ông lãnh phần trợ cấp cho trại cô nhi. Chính việc làm cao cả ấy, công nghiệp dường ấy mà lại không được siêu thoát làm cho ông Gobron thêm thắc mắc, mới hỏi:

- Xin mạn phép hỏi ông: Cả một đời làm việc thiện như ông, thế sao không được siêu rỗi vậy?

Chơn linh ấy bùi ngùi trả lời rằng:

Nhiều kiếp trước, tôi vốn là một quan đại thần, có quyền lực lớn, luôn luôn kề cận bên vua. Vì tôi có một thành kiến đối với phụ nữ là kẻ ngoại tình, người làm điếm hoặc không chồng mà có con, gái lang chạ. Tôi không muốn những đứa trẻ vốn sanh ra do những bà mẹ như vậy, nên quyết định diệt cho tuyệt; tôi cũng nghĩ những đứa trẻ ấy có sống cũng không làm lợi ích gì.

Tôi tâu cùng đức vua và dâng bản luật ban hành khắp nơi bài trừ cho sạch cái nạn tội bại nói trên để giữ nền đạo đức cho đất nước. Sau khi vua ký và đóng ấn ban hành; vì bản luật quá khắc nghiệt nên có nhiều phụ nữ có thai sợ quá mà phá bỏ thai nhi. Chính vì thế mà cả một kiếp sanh của tôi phải đi lượm và tìm trẻ mồ côi để nuôi. Tất cả việc làm của kiếp ấy, không có ngày nào nghỉ, vậy mà cũng chưa đủ đền trả tội lỗi của tiền kiếp đã gây ra, vì còn thiếu nên chưa siêu rồi được; lại không còn dịp để tái sanh làm người nữa. Nay tôi nhờ Ngài cầu xin với Hội Thánh mà siêu độ giúp cho tôi.

Khi hiểu rõ việc như thế, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn biên thư kể rõ nội dung và cầu xin Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông từ bi độ dẫn cho chơn linh ấy được sớm siêu rồi.

Câu chuyện trên cho ta thấy rằng công đức làm từ thiện suốt đời của Chơn linh trên không đủ tiêu trừ những tội lỗi mà chơn linh ấy đã gây ra nhiều kiếp trước.

25. **Nếu vội trách người trên thì đọa,
Cũng có khi tai họa trả liền**
27. **Đó là báo ứng nhãn tiền,
Mau thì mình chịu lâu truyền cháu con.**

Vội trách: Vội vàng trách móc, không đắn đo suy xét mà vội đi trách cứ người.

Người trên: Người cao quý hơn mình. Ở đây chỉ các Đấng Thiêng Liêng.

Đọa 墮: Rơi xuống, chìm đắm, chỉ sự bị đày xuống cõi khổ sở thấp kém.

Tai họa 災 禍: Những thứ rủi ro lớn lao đưa đến khiến người ta phải khôn khổ.

Tai họa trả liền: Gây những hành vi tội ác khiến bị quả báo bằng tai họa tức thì.

Báo ứng 報 應: Báo đáp lại, tức là được trả lại những gì mình đã làm ra. Như làm dữ gặp dữ; làm lành gặp lành.

Việc báo ứng này, Khổng Tử có nói rằng: Người làm lành thì Trời trả cho điều phước; kẻ làm việc chẳng lành thì Trời báo ứng cho điều họa (*Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phước; vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa 為善者天報之以福; 為不善者天報之以禍*).

Nhãn tiền 眼前: Trước mắt, chỉ việc xảy ra ngay trước mắt, tức là xảy ra liền.

Trong Sám Giảng Người Đòi có câu:

Ngày xưa quả báo thì chầy,

*Ngày nay quả báo một giây **nhãn tiền**.*

Lâu truyền cháu con: Nghiệp báo xảy ra lâu đời khiến cho con cháu phải thọ lãnh.

Tử Đồng Đế Quân 梓潼帝君 có đề lời dạy như sau: Trời đất đều có sự báo ứng, chậm thì đời con cháu phải chịu, còn mau thì đời mình phải nhận (*Thiên địa tự nhiên giai hữu báo, viễn tại nhi tôn cận tại thân 天地自然皆有報, 遠在兒孫近在身*).

Các tôn giáo đều tin tưởng rằng công đức, âm chất hay nghiệp quả do mình tạo lấy có thể chuyển từ mình để lại cho con cháu.

Trong ca dao Việt Nam có nói lên điều này như sau:

Cây xanh thì lá cũng xanh,

Cha mẹ hiền lành để phúc cho con

Tư Mã Ôn Công cũng có viết trong sách Gia Huân: *Chứa vàng để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc đã giữ được. Chứa sách để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc đã học được. Cách để lại cho con cháu lâu dài không gì bằng chứa âm đức ở trong chỗ mình mình* (Tích kim dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ; tích thư dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng đọc; bất như tích âm đức ư mình mình chi trung, dĩ vi tử tôn trường cửu chi kế 積金以遺子孫, 子孫未必能守; 積書以遺子孫, 子孫未必能讀; 不如積陰德於冥冥之中, 以為子孫長久之計).

Câu 25: Nếu không xét nét, vội vàng trách cứ các Đấng Thiêng Liêng thì sẽ bị đọa.

Câu 26: Bởi vì việc làm ác đó cũng có khi đền trả bằng tai họa trước mắt.

Câu 27: Sự quả báo có thể xảy ra liền đó, là báo ứng nhãn tiền, tức là báo ứng xảy ra trước mắt.

Câu 28: Nếu việc báo ứng xảy ra mau thì bản thân người gây ra phải chịu; Còn nếu sự báo ứng xảy ra lâu thì truyền lại cho con cháu gánh chịu.

Việc báo ứng là do nghiệp nặng nhẹ của mình đã làm ra từ một hay nhiều kiếp trước. Vì vậy, khi gặp trường hợp “người làm phước có khi mắc nạn” hay “kẻ lẳng lơan đặng mạng giàu sang” mà chúng ta vội vàng trách cứ Trời Phật thì phải mang lấy tội lỗi.

Theo luật nhơn quả, thì việc báo ứng chắc chắn sẽ xảy ra chỉ có điều mau chậm mà thôi. Điều này Từ Thần Ông đã nói: Lành có lành báo, ác có ác báo, hiện thời chưa báo, là

chưa đến lúc vậy (*Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, nhược hoàn bất báo, thời thần vị đáo* 善有善報, 惡有惡報, 若還不報, 時辰未到). Hoặc: Thiện ác bao giờ cũng có báo, chẳng sớm thì chầy sẽ đến mà thôi (*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì* 善惡到頭終有報, 只爭來早與來遲).

Còn như suốt đời mình không thấy báo ứng thì đừng nghĩ rằng không có báo ứng đâu, vì nghiệp báo còn có thể truyền lại cho cháu con sau này thọ lấy.

29. **Lo danh vọng hao mòn thân thể,**

Ham làm giàu của để bằng non.

31. **Một mai nhắm mắt đầu còn,**

Dem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chẳng.

Danh vọng 名望: Danh là nổi tiếng. Vọng là ngưỡng mộ. *Danh vọng* là nổi tiếng về tiền bạc, tài năng hay đức độ khiến người đời nhìn vào mà ngưỡng mộ.

Trong bài Thánh giáo Chúa nhật, ngày 19 tháng 12 năm 1926, Đức Chí Tôn giảng cơ nói về **danh vọng** bằng Pháp văn như sau: “La gloire est souvent contre la vertu. Elle est éphémère. Elle provient souvent de la fourberie” (*Danh vọng thường hay chống lại với đức hạnh. Nó rất ngắn ngủi và thường thành tựu nhờ nơi sự gian trá*).

Hao mòn thân thể: Thân xác con người bị hao phí hay sức khoẻ bị tiêu mòn.

Danh vọng và giàu sang dễ làm cho con người ta phải lao tâm tiêu tứ, thân xác hao gầy, chính vì vậy, cổ nhân thường cho rằng: *Phú quý trường trung dị bạch đầu* 富貴場中易白頭, tức là trong trường phú quý đầu dễ bạc.

Của để bằng non: Của cải tiền bạc chất chứa lại thành đồng lớn như núi non.

Tánh tham con người không đáy, cứ mãi hao phí tinh thần và khí lực để tìm kiếm tiền bạc, của cải về chất cao như non núi, thế mà vẫn thấy chưa đủ, vì thế Ngô Chân Thiên có nói:

*Thí vấn đôi kim đẳng sơn nhạc,
試問堆金等山岳,
Vô Thường mãi đắc bất lai ma?
無常買得不來麼?*

Nghĩa là:

*Bạc vàng ví chất cao như núi,
Nhưng quí Vô thường mua nổi không?*

Một mai: Một ngày nào đó.

Nhắm mắt: Chết.

Chuộc mạng: Dem tiền và vàng bạc đổi lấy mạng sống.

Đổi lòn: Chịu hạ mình để cầu xin đổi lấy.

Câu 29: Chạy theo tiếng tăm để được người ta ngưỡng mộ thì phải tiêu hao sức lực của thân xác.

Câu 30: Ham mê giàu sang để có của cải chất cao như núi.

Câu 31 và 32: Một ngày kia, khi nhắm mắt chết rồi thì có thể đem vàng bạc để cầu xin chuộc lại mạng sống của mình được không?

Danh vọng và tiền tài là cái khiến cho con người phải lao đao lặn lặn, hao mòn thân thể bởi phải tính toán bằng trăm phương ngàn kế, phải mất ăn mất ngủ để làm việc một cách bán chết bán sống mới tạo ra được, cũng có khi phải dùng cả những thủ đoạn xấu xa, tội lỗi để giành giật lấy nó. Ôi! Khi có được nó rồi thì thân xác hao mòn, sức khỏe suy kiệt, rồi mai kia vô thường lại đến thì thử hỏi công danh phú quý đó

có thể đem thế mạng cho mình được không? Hay tội tình muôn kiếp mình phải thọ lấy.

Cái thực vĩnh cửu mà ta không tìm lấy, lại chạy theo vô minh để tìm cái danh lợi quyền giả tạm để khiến phải lao tâm tiêu tứ và vương mang tội tình. Do vậy, Thánh giáo Đức Chí Tôn mới dạy: *Các con nên tìm sự giàu đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới gọi là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai ăn cướp được cả.*

Danh quyền nơi Trời là bền chắc như đá và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao sự thử thách (La gloire de Dieu est la seule qui résiste à toutes épreuves).

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển).

33. **Trên đầu có bủa giăng Thần, Thánh,
Xét xem người tánh hạnh dữ hiền.**

35. **Làm lànhặng hưởng phước duyên,
Trong lòng nham hiểm, lộc quyền giảm thâu.**

Bủa giăng: Giăng ra để bao vây mọi phía, tức là giăng ra khắp mọi nơi, mọi chốn.

Tánh hạnh: Hay tính hạnh 性行: Tính tình và hạnh kiểm, tức là tính nết và cách ăn ở của mỗi con người.

Phước duyên 福緣: **Phước:** Những gì may mắn, tốt lành, trái với họa. **Duyên:** Sức hỗ trợ cho nhân thành quả. **Phước duyên** là những điều may mắn tốt đẹp do việc làm lành báo đáp lại.

Nham hiểm 巖險: **Nham:** Sườn núi, hang núi. **Hiểm:** Khó khăn, cản trở. **Nham hiểm:** Nơi hiểm trở ở núi non. Nghĩa bóng: Độc ác một cách kín đáo khó lường được.

Lộc quyền 祿權: Lợi lộc và quyền hành.

Giảm thu 減收: Hay giảm thu, tức là thu bớt lại.

Câu 33 và 34: Bên trên đầu mỗi người đều có các Đấng Thần, Thánh khắp nơi để soi xét tánh hạnh hiền dữ của con người.

Đối với Nho giáo, Thần Thánh là cái khí thiêng liêng trong Trời đất, tuy mắt người không trông thấy, tai người không nghe thấy, nhưng thể được muôn loài vạn vật, không sót một vật nào: Đâu đâu cũng hình như trên đầu ta, ở bên tả ở bên hữu ta (Dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu 洋洋乎如在其上, 如在其左右).

Thần Thánh là những bậc công minh chánh trực, thường chứng giám những hành vi thiện ác của con người trong thế gian này. Như lời dạy trong Thánh giáo của Đức Chí Tôn: “**Phải quý Thần Thánh chính chếp biên, thưởng phạt duy đợi ngày chung cuộc. Khá biết lấy!**”.

Câu 35: Người làm việc lành, tức là tạo âm chất thì sẽ được duyên hưởng điều phúc đức.

Câu 36: Người có lòng dạ hiểm sâu, độc ác thì sẽ bị chư Thần giảm bớt lộc quyền.

37. **Đừng tính kế độc sâu trong dạ,
Mà gở ganh oán chạ thù vơ.**
39. **Trái oan nào khác mối tơ,
Rối rồi không gỡ, bao giờ cho ra.**

Tính kế độc sâu: Toan tính những mưu kế sâu độc để hãm hại người.

Gở ganh: Do ganh tị mà gây gở.

Oán chạ thù vơ: Thù oán không có lý do chính đáng, thù oán một cách bừa bãi, bạ đâu thù oán đó.

Trái oan: Hay oan trái 冤債 là món nợ của sự thù giận. Kiếp trước mình gây thù chuốc oán cho người khiến kiếp này phải mắc món nợ oan nghiệt, đó gọi là oan trái.

Theo thuyết luân hồi của đạo Phật thì kiếp trước làm một điều gì oan ức thì kiếp sau phải chịu trả một món nợ lại để đền trả điều mình đã làm.

Mối tơ: Đầu mối của sợi dây tơ.

Câu 37: Trong dạ đừng nên toan tính những mưu kế sâu độc.

Câu 38: Mà gở với người vì ganh tị hay thù oán nhỏ nhặt không chính đáng

Câu 39 và 40: Điều oan trái chẳng khác nào những cuộn dây tơ, nếu để mối tơ bị rối thì gỡ bao giờ cho ra.

Những oan nghiệt và mầm ác mà con người sống ở thế gian đã gây ra, tạo thành những sợi dây vô hình ràng buộc lẫn nhau, trở thành oan gia trái chủ.

Vì thế, người ta thường ví trái oan trong nhiều kiếp như cuộn dây tơ chằng chịt, nên gỡ mối chớ không nên kết, vì càng kết lại càng thêm rối, càng sinh oan trái, càng tạo ra khổ đau, phiền não. Rồi cứ oan oan tương báo, không bao giờ dứt được. Sách có nói “oan gia nghi giải bất nghi kết 冤家宜解, 不宜結”.

Ông Thái Công cũng dạy rằng: Khuyên người chớ nên gieo thù kết oán, thù thâm thì khó giải cho ra lắm. Thù kết một ngày mà thành, thì dù ngàn năm mở cũng không dứt (Khuyến quân mạc kết oan, oan thâm nan giải kết. Nhứt nhật kết thành oan, thiên nhứt giải bất triệt 勸君莫結冤, 冤深難解結. 一日結成冤, 千日解不徹).

Lời Lục trong sách Cảnh Hành cũng viết: Kết oán gây thù với người dọc đường đi có thuở gặp chỗ hiểm khó tránh

cho khỏi (Thù oan mạc kết: Lộ phùng hiểm xứ nan hồi tị 讎冤莫結, 路逢險處難迴避).

41. **Thấy hình khổ dạ ta đâu nỡ,
Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn.**
43. **Quấy rồi phải biết ăn năn,
Ở cho nhân hậu chế rắn lòng tà.**

Hình khổ: Hay Khổ Hình 苦刑, tức là hình phạt khổ sở.

Thấy hình khổ: Xem thấy hình phạt khổ sở.

Dạ ta đâu nỡ: Lòng dạ của ta không thể chịu nổi, không đành chịu nổi.

Trừ đỡ: Tiêu trừ bớt.

Tội căn 罪根: Tội lỗi gây ra từ kiếp trước tạo nên gốc rễ để quả báo trong hiện kiếp.

Quấy rồi: Đã làm điều sai quấy rồi.

Ăn năn: Hối hận về việc mình đã làm.

Nhân hậu 仁厚: Nhân là lòng thương người. Hậu là dày, tốt. Nhân hậu là ăn ở với mọi người hết lòng thương, thương đến nơi đến chốn.

Chế rắn: Kềm chế và rắn dạy những điều sai quấy.

Lòng tà: Lòng dạ không ngay thật, lòng dạ gian xảo.

Câu 41: Thấy người ta bị khổ hình, lòng dạ chúng ta không đành chịu nổi.

Câu 42: Khuyên họ hãy lo làm lành để được giảm bớt tội căn.

Câu 43: Khi làm những việc sai quấy rồi, phải biết ăn năn hối ngộ.

Câu 44: Ăn ở với bất cứ ai cũng phải nhân từ và phải tự kềm chế, rắn cấm lòng tà vậy.

Con người sống ở thế gian, ai cũng phải có lỗi, song khi hiểu được đó là việc làm sai quấy thì phải biết ăn năn sám hối, để chừa bỏ những hướng sai lầm hầu trở về với nẻo chánh đường chơn:

*Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc làm sám hối tội căn*

Ăn năn, sám hối không phải là xin tội suông với Trời Phật, cũng không phải là bày lễ tụng niệm suông trước Chánh điện hay Thiên bàn Đức Chí Tôn, mà phải kết hợp sự quán chiếu tự tâm và phát nguyện cố gắng dứt trừ những tội quá để không lập lại những hành động, những lời nói đáng tiếc xảy ra nữa.

Ngoài ra chúng ta còn phải trau dồi lòng nhơn hậu, lòng bác ái, làm những việc thiện lành để trừ bớt tội lỗi và giới rắn lòng quấy quá đại tà của mình đi, có như vậy việc sám hối mới có ý nghĩa và ích lợi cho bản thân.

45. **Hãy có dạ kính già thương khó,
Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.**
47. **Xót thương đến kẻ tật nguyên,
Đỡ nâng yếu thế bình quyền mồ côi.**

Kính già thương khó: Kính trọng người già cả, thương xót người nghèo khó.

Lấp ngõ: Làm bít đường, che lấp mất ngõ đi.

Tài hiền: Hay hiền tài 賢才, là người có tài có đức.

Lấp ngõ tài hiền: Che lấp, ngăn chặn không cho người tài đức tiền thân, yểm tài của người.

Phàm con người ta có tính “tốt thì khoe, xấu thì che”, Nhưng khi thấy người khác có điều gì hay tốt, đáng lý phải nêu danh, hay giới thiệu cho mọi người cùng biết, đàng này lại giấu đi, bưng bít, ấy là che cái hay tốt của người hiền vậy.

Đức Khổng Tử có dạy: Giấu cái lành của người ta thì gọi là che bậc hiền tài vậy (*Nặc nhơn chi thiện sở vị tế hiền* 匿人之善所謂蔽賢).

Mạnh Tử cũng nói rằng: “Nói mà không chân thật, thì có sự tai hại, thực tai hại là những lời nói làm che lấp bậc hiền tài, khiến cho không tiến đạt được” (Ngôn vô thực bất tường, bất tường chi thực, tế hiền giả đương chi 言無實不祥, 不祥之實蔽賢者當之).

Tật nguyên: Tật 疾 là trong cơ thể có một bộ phận nào bị hư hỏng: Què, đui, câm, điếc... **Tật nguyên:** Người bị tàn tật.

Đỡ nâng yếu thế: Nâng đỡ những người yếu thế, người cô thế, người bị bức hiếp.

Bình quyền: Bình vực quyền lợi.

Mồ côi: Người lẻ loi một mình, không con cái, không bà con thân thuộc.

Câu 45: Phải có lòng kính trọng người già cả, thương xót người nghèo khó.

Câu 46: Đừng nên che lấp, yểm tài những người có tài có đức.

Câu 47: Phải biết thương xót đến những người tàn tật, đau yếu.

Câu 48: Nâng đỡ những kẻ yếu thế bị hiếp đáp và bình vực quyền lợi những người cô thế.

Con người sống ở thế gian, ai cũng đều bẩm thụ chơn linh của Đức Thượng Đế, cũng đồng là con cái của Người, có điều vì nghiệp lực nặng nhẹ, nhơn quả sâu cạn mà mỗi con người phải mang một thân phận khác nhau: Người thì đui mù, tàn tật, kẻ lại ương yếu, neo đơn.

Do vậy, người tu hành không thể sống một cuộc sống khép kín, nhắm mắt hay không quan tâm trước những nỗi khó

khăn, đau khổ của những người chung quanh, nhất là đối với những người sống thua thiệt trong xã hội như người khuyết tật, mồ côi... Để thể hiện lòng từ bi của Đức Chí Tôn, người tín hữu phải biết yêu thương mọi người từ những giới tật nguyên, cô độc đến những người chịu sự bất công thua thiệt trong cộng đồng nhơn loại để đem lại sự bình đẳng trên thế gian này.

49. **Làm con phải trau dồi hiếu đạo,**

Trước là lo trả thảo mẹ cha.

51. **Lòng thành thương tưởng ông bà,**

Nước nguồn cây cội mới là tu mi.

Trau giỏi: Trau chuốc giỏi mài, hay rèn luyện một việc gì, một tính đức gì.

Hiếu 孝: Hết lòng thờ phụng, chăm sóc cha mẹ.

Đạo 道: Phép tắc mà con người có bổn phận phải gìn giữ và tuân theo.

Hiếu đạo 孝道: Bổn phận con cái ăn ở có hiếu với cha mẹ.

Trả thảo: Người con lấy sự hiếu thảo báo đáp lại cha mẹ.

Lòng thành: Do chữ thành tâm 誠心 là lòng thành thật.

Trong việc xử thế của con người điều trước tiên phải có lòng thành. Lòng thành là thể hiện sự thành thật của chính cá nhân mình đối với mọi người trong xã hội.

Mạnh Tử 孟子 nói về đức “thành” như sau: Thành thực là cái Đạo của Trời, luyện tập để nên thành thực là cái Đạo của người. Hễ chí thành mà không cảm được thiên hạ, thì chưa hề có; không thành thực thì chẳng cảm động được ai cả.

(Thành giả, thiên chi đạo dã, tư thành giả, nhân chi đạo dã. Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã; bất thành vị hữu năng động giả dã 誠者, 天之道也, 思誠者, 人之道也, 至誠而不動者, 未之有也, 不誠未有能動者也).

Thương tưởng ông bà: Thương kính và tưởng nghĩ đến ông bà. Khi Ông bà đã mất thì phải phụng thờ, tưởng niệm.

Nước nguồn: Do chữ thủy nguyên 水源 là dòng nước từ nguồn chảy ra.

Cây cội: Do chữ mộc bản 木本 là cây từ gốc, cội sinh ra.

Nước nguồn cây cội: Do thành ngữ Hán Việt “Mộc bản thủy nguyên 木本水源”, tức là nước có nguồn, cây có cội. Nghĩa bóng: Con người có cha mẹ ông bà. Ý nói phải nhớ đến nguồn gốc của mình.

Tu mi 鬚眉: Tu là râu. Mi là lông mày. Tu mi: Râu và lông mày, chỉ người đàn ông, con trai.

Câu 49: Bỏ phận làm con phải biết trau dồi lòng hiếu thảo đối với cha mẹ.

Câu 50: Trước là lo báo đáp công ơn cha mẹ bằng cách hiếu thảo cùng người.

Ở cõi thế gian này, bất cứ một tôn giáo nào cũng đều dạy con người phải hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Nho giáo được xem như là một Đạo dạy về nhơn luân đạo đức, hay nói cách khác, là một đạo thờ cúng Tổ tiên ông bà, lấy hiếu làm đầu trong trăm nết (Hiếu vi bách hạnh chi tiên 孝為百行之先).

Sách Hiếu Kinh cũng viết: Hiếu là Đạo thường của Trời, lễ phải của Đất (Hiếu giả Thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã 孝者, 天-之-經也, 地-之-義也).

Đạo hiếu là đầu mối trước hết của Nho giáo, nên trong sự giáo hóa, Khổng Tử lấy Hiếu Đễ là một nét rất quan trọng trong trăm nết. Ngài dạy rất kỹ lưỡng về việc hiếu với cha mẹ, ông bà. Theo Ngài, người có hiếu không phải nuôi dưỡng cha mẹ là đủ, mà còn phải có lòng kính. Điều này Ngài dạy Tử Du như sau: Cái hiếu ngày nay, người ta cho rằng chỉ có thể nuôi dưỡng cha mẹ, đến như loài chó ngựa đều có người nuôi, nuôi mà không kính thì lấy gì để phân biệt? (Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ? 今之孝者, 是謂能養, 至於犬馬, 皆能有養, 不敬何以別乎).

Ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ, Ngài còn dạy chi ly về việc hiếu như phải quan tâm, lo lắng cha mẹ, làm vui lòng cha mẹ, không đi chơi xa khi cha mẹ còn sống, có đi xa phải cho cha mẹ biết chỗ đi: “Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương 父母在, 不遠遊, 遊必有方”. Ngoài ra làm người con hiếu cũng phải biết nối chí của cha mẹ, khéo noi theo việc làm của cha mẹ: “Phù hiếu giả thiện kế nhơn chi chí, thiện thuật nhơn chi sự giả dã 夫孝者善繼人之志, 善述人之事者也”. Qua câu này, Ngài lấy chữ thiện là khéo để dạy rằng hễ điều hay của cha mẹ thì nên theo, điều dở nên bỏ, chứ không phải theo một cách mù quáng.

Ồn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ sâu nặng như vậy, người con hiếu thảo phải ở với cha mẹ hết lòng tôn kính, nuôi cha mẹ thì hết lòng vui vẻ, cha mẹ đau ốm thì hết lòng lo, cha mẹ mất, cư tang thì phải hết lòng xót thương, khi tế tự thì nghiêm trang hết mực (Hiếu tử chi sự thân, cư tắc trí kỳ

kính, dưỡng tấ trí kỳ lạc, bệnh tấ trí kỳ ưu, tang tấ trí kỳ ai, tế tấ trí kỳ nghiêm 孝子之事親, 居則致其敬, 養則致其樂, 病則致其憂, 喪則致其哀, 祭則致其嚴).

Câu 51: Làm con người phải có lòng thành thương tưởng đến ông bà.

Câu 52: Biết được cây có cội nước có nguồn mới gọi là đáng tu mi (râu mày).

Nho giáo rất trọng việc phụng tự ông bà, phong tục Việt Nam cũng vậy, rất sùng thượng thờ cúng ông bà tổ tiên. Việc thờ cúng ông bà là việc tốt đẹp, đáng quý trọng, nên coi là một nghĩa vụ của con cháu, vì nó thể hiện tính “uống nước nhớ nguồn”, nói lên cái lòng bất vong bản.

Người bình dân Việt Nam cũng tưởng nhớ đến ông bà qua câu ca dao sau đây:

Con người có tổ có tông,

Như cây có cội, như sông có nguồn.

Trong sách Lễ Ký có nói rằng: Toàn thể vạn vật nương nhờ căn bản nơi Trời là Đấng tạo Thiên lập Địa, còn toàn thể nhơn loại nương nhờ căn bản nơi Tổ tiên là bậc khai sáng ra dòng giống (Vật bản hồ Thiên, nhơn bản hồ Tổ 物本乎天, 人本乎祖). Triết lý Cao Đài cũng cho rằng nguồn cội của con người gồm hai phần, phần hữu hình, gần gũi như là cha mẹ, ông bà đã sinh ra hình hài xác thịt; phần vô vi, không thấy được, phải suy luận mới nhận biết, đó là Đức Thượng Đế đã ban cho một Chơn linh để con người có sự sống, sự hiểu biết và sự khôn ngoan.

53. **Giá trong sạch nữ nhi trượng tiết,**

Giữ cho tròn trinh liệt mới màu.

55. **Ở sao đáng phận đạo dâu,**

Thờ chồng tiết hạnh mới hầu gái ngoan.

Giá trong sạch: Trong sạch như băng giá. Chỉ người đàn bà có chồng giữ lòng ngay thẳng, trong sạch với người chồng.

Nữ nhi 女兒: Chỉ chung tất cả người đàn bà con gái.

Trượng tiết: Hay trọng tiết 重節. Trọng là coi trọng, coi nặng. Tiết là khí tiết, lòng dạ ngay thẳng cứng cỏi. **Trượng tiết:** Coi trọng cái khí tiết hay tiết hạnh của mình.

Giữ cho tròn: Giữ cho tròn vẹn, giữ vẹn.

Trinh liệt 貞烈: Trinh là trung trinh, lòng ngay thẳng. Liệt là cứng cỏi, không khuất phục.

Trinh liệt: Một lòng ngay thẳng, trung thành với vua với nước, hoặc đàn bà giữ lòng trong trắng, ngay thẳng với chồng.

Mới màu: Mới tài giỏi, mới cao siêu.

Đáng phận đạo dâu: Xứng đáng với phận làm dâu con theo đạo lý.

Thờ chồng: Do chữ sự phu 事夫, tức là khi chồng chết phải gìn giữ tiết hạnh mà thờ chồng theo đạo lý của Nho giáo. Đạo thờ chồng là đạo tòng phu và tòng tử.

Đức Khổng Tử dạy như sau: Đàn bà thì nương dựa ở người, cho nên không có phép tự chuyên làm lấy một mình, mà có đạo tam tòng là: Còn ở nhà thì theo lệnh cha, có chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con (Phụ nhơn phục ư nhơn dã, thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tòng chi đạo: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử 婦人伏於人也, 是故無專制之義. 有三從之道: 在家從父, 出嫁從夫, 夫死從子).

Tiết hạnh 節行: *Tiết* là những gì mà con người phải giữ để bảo vệ thanh danh. *Hạnh* là nét na. *Tiết hạnh*: Tính nét người đàn bà con gái biết giữ gìn trong sạch.

Mới hầu: Mới mong.

Câu 53: *Làm người đàn bà phải coi trọng tiết hạnh bằng cách giữ giá sạch tiết trong.*

Câu 54: *Phải giữ sao cho trọn vẹn lòng trong trắng ngay thẳng với chồng mới gọi là đàn bà tài giỏi.*

Câu 55: *Người đàn bà có chồng ăn ở sao cho xứng đáng bốn phận của người con dâu.*

Câu 56: *Khi chồng chết, người đàn bà phải gìn giữ trinh tiết để thờ chồng, đó mới gọi là gái ngoan.*

Đức hạnh của người phụ nữ là một nét được người ta quý trọng nhứt trong tứ đức: Công, dung, ngôn, hạnh. Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu có câu:

Trai thời trung hiếu làm đầu,

*Gái thời **tiết hạnh** làm câu trau mình.*

Đối với người phụ nữ có đạo, sau khi lập gia đình rồi thì phải giữ tròn bốn phận dâu con và thuận với thân tộc bên nhà chồng. Người ta cho rằng người đàn bà hiền thực thì hòa với sáu thân (*Hiền phụ hòa lục thân* 賢婦和六親). Còn với chồng thì thủy chung như nhứt, giữ gìn tiết sạch giá trong để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Khi chồng chết, theo Đạo Nho, phải giữ tiết hạnh mà thờ chồng. Tỉ như câu chuyện: “*Vương Ngung thê bị khiên, đoạn tỵ đầu địa* 王凝妻被牽,斷臂投地” (Vợ Vương Ngung bị kéo tay, tự chặt lìa xuống đất).

Sách Ngũ Đại chép: Vương Ngung là quan Tư hộ đất Quát Châu, gặp tai nạn mà chết, vợ ông là Lý Thị, dặt con, mang thi hài về quê, giữa đường vào xin nghỉ đêm, người chủ

nhà háo sắc, kéo tay bà vô phòng. Lý Thị khóc rống, cho rằng cánh tay bà đã chịu nhục, bèn lấy búa chặt đứt lìa cánh tay ấy. Quan Phủ doãn Khai Phong nghe được chuyện, kêu bà Lý Thị để khen và hậu đãi, và ra lệnh đánh đòn người chủ nhà đó.

57. **Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,
Không kiêng chồng khi dễ công cô.**

59. **Ấy là những gái hung đồ,
Xúi chồng tranh cạnh hồ đồ sân si.**

Đừng có cậy giàu sang: Đừng có ỷ lại mình là người giàu có, sang trọng.

Kiêng: Nể sợ.

Công cô 公姑: Cha mẹ. Ở đây chỉ cha mẹ của chồng. Công là cha chồng. Cô là mẹ chồng.

Hung đồ 凶徒: Bọn hung dữ.

Tranh cạnh: Hay cạnh tranh 競爭: Giành giật nhau.

Hồ đồ 糊涂: Việc không biết được rõ ràng. *Hồ đồ* còn có nghĩa là không hiểu được việc rõ ràng mà hấp tấp làm.

Trong Sử Ký 史記 viết: “Lư Đao tiểu sự hồ đồ nhi đại sự bất hồ đồ 盧端小事糊涂而大事不糊涂” (Lư Đao chỉ hồ đồ việc nhỏ nhưng không hồ đồ việc lớn).

Sân si 嗔癡: *Sân* là giận. *Si* là mê muội. *Sân si* là giận dữ và si mê.

Câu 57: *Đừng có ỷ lại mình là người giàu sang mà không nể sợ ai.*

Câu 58: *Không kiêng sợ chồng lại khi dễ cha mẹ chồng*

Câu 59: *Ấy là những người con gái hung dữ, chẳng kể việc phải quấy.*

Câu 60: *Xúi giục chồng giành giựt, mê muội mà làm việc càn bậy.*

61. **Tánh ngoan ngạnh không vì cô bác,
Thối lẳng loàn bạn tác khinh khi.**
63. **Ngày sau đọa chốn âm ty,
Gông kèm khảo kẹp ích gì rên la.**

Ngoan ngạnh 頑硬: Ngoan là ngang bướng. Ngạnh là cứng đầu. Ngoan ngạnh: Cứng đầu bướng bỉnh, làm càn bậy không chịu nghe theo lẽ phải.

Bạn tác: Bạn cùng trang lứa, bạn bè ngang nhau.

Âm ty 陰司: Âm thuộc về người chết. Ty là nơi làm việc của quan.

Âm ty: Hay Âm phủ, Phong đô, Địa ngục, A tỳ là chỉ nơi giam cầm và trừng trị các tội hồn gây nhiều ác nghiệp lúc còn sống nơi thế gian.

Âm ty hay Địa ngục là nơi giam giữ và trừng phạt các vong hồn tội lỗi do lúc sinh tiền vì vô minh mà tạo ra bằng các hành động hung ác, tội lỗi, chứ không ai tạo ra hết. Địa ngục do mình tạo thì mình có thể giải thoát cho mình. Chỉ có trí huệ của con người chúng ta mới có thể xa rời Địa ngục, đưa con người sống an nhàn tự tại trên cõi Vĩnh hằng.

Bà Bát Nương Diêu Trì Cung giảng về cõi Âm quang có nói rằng: *kiếm khuyết ánh sáng thiêng liêng là Âm quang, nghĩa là Âm cảnh hay là Địa ngục, Diêm đình của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu.*

Vậy thì chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, nhờn quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, đặt sửa chữ Phong đô, Địa phủ của mê tín gieo truyền, chớ kỳ thật là nơi để các Chơn hồn giải thân định trí.

Bà Thất Nương lại dạy rằng: “*Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang*”.

Gông kèm khảo kẹp: Những dụng cụ dùng để tra khảo các tội hồn ở Âm phủ. Gông là vật mang vào cổ để kèm kẹp tay chân.

Câu 61: *Đừng có học tính bướng bỉnh, cứng đầu không kể vì hàng cô bác.*

Câu 62: *Đừng hỗn xược, càn bậy mà bạn bè khinh khi, coi rẻ.*

Câu 63: *Ngày sau sẽ bị đọa đầy xuống Âm ty, Địa ngục để thọ những hình phạt vì đã gây ra tội lỗi ở Dương thế.*

Câu 64: *Phải chịu mang gông vào cổ và khảo kẹp tay chân thì dù rên la có ích gì đâu.*

Tu hành là phải tập tánh hiền lương, chất phác, phải biết kính thờ Thần Thánh, biết thương tưởng ông bà, biết hiếu thảo cha mẹ, biết kính già thương khó, biết yêu mến bạn bè...

Nếu tu mà chẳng rèn tâm sửa tánh, giữ thói hung hăng, ngoan ngạnh, không kể ông bà cô bác, khinh dễ anh em thì ngày kia hình phạt chốn Âm ty làm sao tránh khỏi. Thánh giáo Đức Chí Tôn cũng đã từng dạy: “...còn chút hơi thở ở cõi trần mà tính tình độc ngang chưa chịu dứt, một mai hồn xuống Diêm Đài, **khổ A tỳ** bảo sao không trối buột”.

65. **Người tai mắt đạo nhà khá giữ,
Nghĩa anh em cư xử thuận hòa.**
67. **Vẹn tròn đạo cả giềng ba,
Kính anh mến chị thì là phận em.**

Người tai mắt: Người có nhiều hiểu biết và danh tiếng. Từ Hán Việt gọi là “danh gia vọng tộc 名家望族”.

Đạo nhà: Do chữ Gia đạo 家道, tức là đường lối hay phép tắc cư xử giữa những người trong gia đình với nhau.

Nghĩa anh em: Tình nghĩa anh em, tức là cách ăn ở giữa anh em ruột thịt với nhau hợp với đạo lý.

Thuận hòa: Hay Hòa thuận 和順, tức là không xung đột nhau, không trái ý nhau. Yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

Vẹn tròn: Tròn vẹn.

Đạo cả: Do chữ Đại đạo 大道, ở đây chỉ mối đạo lớn làm căn bản cho con người, ấy là Nhơn đạo 人道, tức là đạo làm người.

Nhơn đạo là một mối đạo làm căn bản cho con người, nhứt là đối với người tu hành. Sách có câu: Muốn tu Tiên đạo, trước hết tu nhơn đạo. Nếu chẳng tu nhơn đạo, thì Tiên đạo xa lắm khó tìm vậy (*Dục tu Tiên đạo, tiên tu nhơn đạo. Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hĩ* 欲修仙道, 先修人道. 人道不修, 仙道遠矣).

Giềng ba: Tức là ba giềng. Do chữ tam cương 三綱, là ba giềng mối của đạo nhơn luân, đó là Quân thần cương (Giềng mối của vua tôi), Phụ tử cương (Giềng mối của cha con), Phu thê cương (Giềng mối của vợ chồng).

Câu 65: Người có địa vị, tiếng tăm phải khá giữ nề nếp sinh hoạt trong gia đình cho hợp đạo lý.

Câu 66: Tình nghĩa giữa anh em phải cư xử với nhau trên hòa dưới thuận, thương yêu đùm bọc cho nhau.

Câu 67: Phải thi hành trọn vẹn mối đạo lớn của con người, giữ gìn ba giềng mối của đạo nhơn luân.

Câu 68: Bốn phận làm em, phải kính trọng và thương mến anh chị mình.

69. **Trên thương dưới xét xem kẻ nhỏ,**

Lúc lâm nàn chó bỏ tránh xa.

71. **Cũng là một gốc sanh ra,**

Gồm bao nâng đỡ ruột rà thương nhau.

Trên thương dưới: Làm người trên trước phải biết thương yêu, chăm sóc kẻ ở dưới mình. Ở đây chỉ người làm anh chị.

Xét xem kẻ nhỏ: Chăm nom và săn sóc kẻ nhỏ hơn.

Lâm nàn: Do chữ lâm nạn 臨難: Gặp tai nạn, bị tai nạn.

Một gốc sanh ra: Từ một nguồn gốc mà sinh ra. Như cành nhánh của cây do từ cội hay gốc cây mà sinh ra. Đây chỉ anh em ruột thịt.

Ruột rà: Ruột thịt với nhau. Chỉ anh em cùng một cha một mẹ với nhau.

Câu 69: Làm người trưởng thượng phải xem xét, dòm ngó những người nhỏ hơn mình.

Câu 70: Khi những người nhỏ hơn mình gặp tai nạn thì chẳng khá tránh xa, mà phải tận tình giúp đỡ.

Câu 71 và 72: Anh em ruột thịt cũng từ một nguồn gốc cha mẹ mà sinh ra, nên nâng đỡ, đùm bọc và thương yêu lẫn nhau.

Thánh hiền ngày xưa có quan niệm rằng nghĩa anh em như tay chân, tình chồng vợ như xiêm áo, trong ca dao cũng có câu:

Anh em như thể chân tay,

Vợ chồng như áo cởi ngay tức thì.

Thực vậy, anh em cùng huyết thống, cùng cha mẹ sinh ra, tức là cùng nướm ruột, đã từng sống bên nhau, thân thiết nhau từ lúc thơ bé cho đến lớn khôn, cùng vui đùa, cùng chia sẻ, san sẻ chén cơm, miếng cá cho nhau:

*Thân nhau từ buổi lọt lòng,
Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.*

(Kinh Tụng Huỳnh Đệ Mãn Phần)

Chính vì cái tình cảm thâm thiết đó, anh em phải biết thương yêu nhau, thuận hòa cùng nhau. Anh chị lớn phải coi sóc người em nhỏ dại, khi em út gặp khó khăn, hoạn nạn thì phải quan tâm lo lắng, không bao giờ bỏ tránh xa. Câu chuyện sau đây trong sách Hán thư cho ta thấy tình nghĩa anh em hết sức thương nhau, thật là đoàn kết:

Vào cuối triều Vương Mãng, Triệu Lễ bị ăn cướp bắt, muốn làm thịt mà ăn. Triệu Lễ lạy lục mà thưa rằng: Giờ mẹ tôi chưa ăn, xin tha mạng giây phút, về nhà dâng cơm cho mẹ ăn xong, liền trở lại chịu chết. Cướp cho về. Câu chuyện thấu đến tai người anh là Triệu Hiếu, nên anh tự trời mình đến chỗ bọn cướp nói: Thằng Lễ ốm, chẳng bằng Hiếu tôi mập, xin thế mạng cho em. Triệu Lễ khóc mà nói: Tôi gặp các ông trước, xin nạp mạng, đâu được làm thịt anh tôi. Bọn cướp khen hai người có nghĩa, nên thả hai người trở về nhà (trích trong Áu Học Quỳnh Lâm).

73. *Người trung trực lo âu nọ nước,
Hưởng lộc vua tìm chước an bang.*

75. *Chớ làm con giặc tôi loạn,
Thuế sưu đóng đủ đừng toan kế tà.*

Trung trực 忠直: Trung là trung thành. Trực là ngay thẳng. *Trung trực*: Một lòng một dạ ngay thẳng.

Lo âu: Lo lắng, lo tính.

Việc nước: Việc quốc gia, việc đất nước.

Hưởng lộc 享祿: *Hưởng* là nhận lấy. *Lộc* là những thứ gì mà người ta cho mình. *Hưởng lộc*: Nhận được cái gì người khác ban cho mình.

Hưởng lộc vua: Hay hưởng lộc nước, tức là thọ hưởng quyền tước hay lương bổng của quốc gia.

Tìm chước: Tìm mưu kế, tìm cách.

An bang 安邦: *An* là yên ổn. *Bang* là nước nhà. *An bang*: Làm cho quốc gia được yên ổn, thái bình.

Con giặc: Vì dân là tôi con của nhà nước, nên con giặc là chỉ người dân làm giặc, tức là dân có ý đồ chống lại quốc gia.

Tôi loạn: Dịch từ chữ loạn thần 亂臣: Làm quan có mưu đồ gây loạn, có ý phản với nhà vua và đất nước.

Thuế sưu: Hay sưu thuế 搜稅.

Sưu: Hay sưu dịch 搜役 là mỗi năm người dân phải làm một số ngày nhứt định những công việc cho nhà nước. Như đào kênh, vét sông, đắp đường...

Thuế: Tiền mà dân chúng phải nộp cho nhà nước để dùng vào những việc lợi ích chung.

Đừng toan kế tà: Đừng có ý định gian xảo, đừng tính kế gian dối.

Câu 73: Người có lòng trung với quốc gia thì phải lo toan việc nước nhà.

Câu 74: Hưởng lộc vua thì phải tìm cách để làm cho đất nước yên ổn, thái bình.

Câu 75: Nếu làm người dân thì đừng sinh giặc, chống phá nhà nước; nếu làm quan (tôi) thì đừng làm loạn, phản lại quốc gia.

Câu 76: Bỏn phận làm dân thì phải đóng đủ sưu thuế, chớ đừng có mưu kế gian dối nhà nước.

Con người sống trong một quốc gia, có được ruộng đất phì nhiêu, có được an cư lạc nghiệp, có được nền văn minh đạo đức là nhờ công lao hạn mã của các vị vua chúa, những

bậc tiền bối đã khai sơn phá thạch xây dựng nên dãy giang sơn gấm vóc và những bậc kế thừa đã bảo vệ mà để lại ngày nay chúng ta được thừa hưởng, do đó chúng ta phải hết lòng biết ơn những người đã lo cho muôn dân ấm no hạnh phúc.

Để tỏ lòng biết ơn quốc vương thủy thổ, chúng ta phải giữ lòng trung trực gánh vác việc nước, nếu làm quan hưởng lộc vua thì hết lòng với nước, lo tìm kế để an bang, không nên làm kẻ gian thần sủng nịnh, con giặc tôi loạn mà hại dân hại nước; nếu làm người dân thì phải có bốn phận lo tròn suu thuế, chung sức bảo vệ và xây dựng giang sơn xã tắc.

77. **Phận làm tớ thật thà trung tín,
Với chủ nhà trọn kính trọn ngay.**
79. **Áo cơm no ấm hằng ngày,
Của người châu cấp ơn dày nghĩa sâu.**

Làm tớ: Người giúp việc trong nhà.

Trung tín 忠信: Trung thành và tín nhiệm, tức là người ngay thật và biết giữ sự tín nhiệm.

Áo cơm no ấm: Áo giúp cho thân ấm, cơm làm cho người no. Còn gọi cơm no áo ấm.

Châu cấp 周給: Dem vật dụng ra giúp đỡ cho đầy đủ.

Câu 77 và 78: Bốn phận người giúp việc nhà thì phải thật thà, trung thành, ngay thẳng và biết kính trọng chủ nhà.

Câu 79 và 80: Hằng ngày mình được cơm no áo ấm của chủ nhà châu cấp cho ấy là ơn nghĩa rất sâu nặng.

Người làm tớ, hằng ngày được no ấm là nhờ cơm áo của chủ châu cấp cho, đó là ơn nghĩa sâu dày, nên phải có bốn phận ăn ở thật thà, ngay thẳng, giữ lòng thủy chung như nhút, bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thay dạ đổi lòng, sửa ngay ra vậy. Thánh giáo Đức Tôn Trung Sơn đã dạy: “*Chữ trung là*

ngay, còn nịnh là vậy tà. Làm tớ phải giữ trọn đạo, lấy chánh tâm mà thờ chủ, gọi là trung”.

81. **Đừng gặp việc câu mâu biếng nhác,
Mà quên lời phú thác dặn dò.**
83. **Trước người giả bộ siêng lo,
Sau lưng gian trá so đo tắc lòng.**

Câu mâu: Tô ý không bằng lòng.

Biếng nhác: Lười biếng, không siêng năng.

Phú thác: Hay phó thác 付託: Phú là giao cho. Thác là gởi gắm. Phú thác: Giao và gởi gắm một việc gì cho ai.

Trước người giả bộ: Làm bộ tịch trước mặt người ta, giả bộ trước mặt người.

Siêng lo: Siêng năng lo lắng.

Gian trá 奸詐: Gian là gian xảo. Trá là lừa gạt, tráo trở.

Gian trá: Lừa gạt gian xảo.

So đo tắc lòng: So sánh hơn thiệt từng ly từng tí, chỉ lòng dạ hẹp hòi ích kỷ.

Câu 81 và 82: Đừng gặp việc không vừa ý mà sinh lòng biếng nhác, rồi quên đi lời dặn dò và gởi gắm của người ta.

Câu 83: Trước mặt người thì giả bộ siêng năng, lo lắng.

Câu 84: Rồi sau lưng người thì gian xảo, lừa dối, tính toán hơn thiệt từng ly từng tí.

85. **Phải chừa thói loài ong tay áo,
Bớt học đòi khỉ đạo dòm nhà.**
87. **Gìn lòng ngay thẳng thật thà,
Nói năng mình chánh lời ra phải nhìn.**

Loài ong tay áo: Do câu thành ngữ: “nuôi ong tay áo”. Nghĩa là đem loài ong nuôi trong tay áo thì sẽ bị chính ong chích, ý chỉ kẻ phản chủ, hưởng của chủ mà chống lại chủ.

Khỉ dọm dòm nhà: Do câu thành ngữ: “nuôi khỉ dọm dòm nhà”. Nghĩa là nuôi khỉ để khỉ dọm dòm ngó việc nhà. Loài khỉ thường bắt chước theo người một cách vô ý thức, nên dọm dòm mà bắt chước theo, làm hại cho chủ nhà.

Gìn lòng ngay thẳng: Giữ gìn trong dạ ngay thẳng.

Minh chánh 明正: Hay minh chính, là trong sáng ngay thẳng, rõ ràng chân chính.

Lời ra phải nhìn: Phải nhìn nhận lời nói của mình, tức là không nuốt lời.

Câu 85: Phải chừa bỏ thói phản phúc như nuôi ong trong tay áo.

Câu 86: Đừng học theo loài khỉ dọm dòm ngó việc nhà mà làm hại chủ nhà.

Câu 87: Phải gìn giữ lòng dạ thật thà, ngay thẳng.

Câu 88: Lời nói ra phải rõ ràng chơn chánh. Khi thốt ra chớ nên nuốt lời.

Có nhiều người trong lúc vui, hay trong tình trạng khởi hứng, họ thường hứa hẹn, nhưng sau một thời gian họ lại quên lời. Do vậy, người bình dân Việt Nam dạy người ta phải cẩn thận về lời nói, khi nói ra thì phải giữ lấy lời như câu ca dao sau đây:

Nói lời phải giữ lấy lời,

Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

Các nhà Nho cũng cho rằng: Cái miệng cái lưỡi là cửa của điều tai họa hại người, nó là cái búa cái rìu chém giết mình đi (Khẩu thiệt giả, họa nhân chi môn, diệt thân chi phủ dã 口舌者,禍人之門,滅身之斧也).

Chính vì thế, Đức Khổng Tử mới dạy người ta phải dè dặt, cẩn thận từng lời nói, đừng nên khi dễ lời nói, Ngài bảo: Ôi! Người không nói, mà hễ nói thì phải đúng lý (Phù! Nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trung 夫! 人不言,言必有中). Và Lão Tử cũng nói: khi người quân tử nói ra một lời, như con ngựa hay bị chạm một roi vậy; một lời đã nói ra, thì dù cho bốn ngựa cũng khó theo kịp (Quân tử nhất ngôn, khoái mã nhất tiên; nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy 君子一言,快馬一鞭; 一言既出,駟馬難追).

89. **Chớ quyết ngữ mà khinh kẻ đại,**

Đừng gian mưu hãm hại người hiền.

91. **Anh em bằng hữu kết nguyên,**

Một lòng tin cậy phải kiên phải vì.

Quyết ngữ 譎語: Quyết là xảo trá, gian dối. Ngữ là lời nói. Quyết ngữ: Lời nói xảo trá, không ngay thẳng.

Kẻ đại: Người khờ dại, người đại dốt.

Gian mưu 奸謀: Mưu kế gian xảo.

Hãm hại 陷害: Làm điều ám muội để hại người.

Bằng hữu 朋友: Bạn bè.

Kết nguyên: Thề nguyện để kết tình anh em với nhau.

Tin cậy: Tin tưởng để cậy nhờ.

Kiên vì: Kiên sợ và nề nang.

Câu 89: Thấy người ta khờ dại đừng khinh để mà buông lời xảo trá, gian dối.

Câu 90: Đừng có mưu gian để hãm hại người hiền lương.

Câu 91 và 92: Nếu thể nguyên để kết tình bằng hữu, anh em với nhau thì phải một lòng tin tưởng và phải kiêng vì lẫn nhau.

Người xưa thường quan niệm rằng: Người đàn bà nếu chẳng có gương trong để soi mặt thì làm sao biết mặt mình dơ, hay sạch. Kẻ sĩ nếu chẳng có bạn hiền, thì ai mách cho mình những lỗi lầm (*Nữ vô minh kính, bất tri diện thượng tinh thô; sĩ vô lương hữu, bất tri hành bộ khuy du* 女無明鏡, 不知面上精粗; 士無良友, 不知行步虧踰). Như vậy việc kết bằng hữu rất cần cho chúng ta. Nhưng muốn giao thiệp bạn bè, phải chọn người hiền lương, tín cẩn. Cách chọn bạn của cổ nhân thường rất kỹ lưỡng, bởi họ cho rằng: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Ông Thái Công cũng có dạy: “*Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen, gần người hiền thì sáng, gần người tài thì trí, gần kẻ si thì ngu, gần người lành thì có đức...*” (*Cận chu giả xích, cận mực giả hắc; cận hiền giả minh, cận tài giả trí; cận si giả ngu, cận lương giả đức* 近朱者赤, 近墨者黑, 近賢者明, 近才者智, 近癡者愚, 近良者德).

Khi bạn bè đã kết nguyên với nhau rồi, ta phải có lòng thành thật đối đãi với nhau, phải tin cậy và kính nhường để giữ niềm hòa ái, tương trợ tương thân. Anh em phải khuyên bảo nhau, giúp đỡ lẫn nhau, nếu có lỗi lầm, phải sửa đổi lẫn nhau, nghèo nàn phải thương yêu nhau, hoạn nạn phải cứu giúp nhau.

93. **Chớ thấy khó mà khi mà thị,
Gặp người giàu mà vị mà nâng.**
95. **Dầu khi gặp lúc gian truân,
Cũng đồng giúp ích chớ đừng mặt ngo.**

Thấy khó: Thấy nghèo hèn, thấy nghèo khó.

Khi thị 欺視: Lừa dối và khinh thường người ta.

Vị: Nể nang.

Nâng: Nịnh hót, bợ đỡ, tâng bốc.

Gian truân 艱 屯: Gian là khó khăn. Truân là khó tiến tới. Gian truân: Khó tiến bước, chỉ sự khó khăn bước tới.

Giúp ích: Giúp nhau cho có ích.

Mặt ngo: Mặt làm lơ, không để ý đến, hay không biết tới.

Câu 93: Chớ thấy người ta nghèo khó thì khinh rẻ, coi thường.

Câu 94: Gặp những người giàu sang thì bợ đỡ, tâng bốc.

Thói thường, người nào ham chuộng tiền tài, vật chất hay danh quyền thì họ thường nhìn người qua bề ngoài, mà có thái độ cư xử khác nhau: Hễ thấy người nghèo hèn thì tỏ vẻ rẻ rúng, khi dễ, hễ thấy ai giàu sang, quyền hành thì nịnh bợ, ỷ lại. Ông Thái Công có khuyên như sau: Thấy người nghèo thì không nên khi, người giàu thì không nên cậy. Vì âm dương xoay vần, giáp vòng rồi cũng trở lại như cũ (*Bản bất khả khi, phú bất khả thị; âm dương tương thôi, châu nhi phục thủy* 貧不可欺, 富不可恃. 陰陽相推, 週而復始).

Bởi vì bỉ thói thường thay đổi, cho nên:

Hoa rơi hoa nở, nở rồi rơi,

Gấm kia vải nọ sẽ thay đời.

Nhà hào chưa chắc giàu sang mãi,

Kẻ khó nào đâu mãi tỏ toại.

Bài thơ trên dịch văn từ câu nói của Ngô Chơn Nhơn 吳真人 như sau:

Hoa lạc hoa khai, khai hựu lạc,

花落花開開又落
 Cẩm y bố y canh hoán trước;
 錦衣布衣更換著
 Hào gia vị tất trường phú quý,
 豪家未必長富貴
 Gia bản vị tất trường tịch tịch.
 家貧未必長寂寞

Câu 95: Dầu có lúc gặp cảnh gian nan vất vả, khó qua được,

Câu 96: Thì cũng giúp ích cho nhau, chớ đừng làm mất ngơ.

97. **Làm người phải kính thờ Thần Thánh.**
 Giữ lời nguyện tâm tánh tướng tin,
 99. **Hễ là niệm Phật tụng kinh**
 Rèn lòng sửa nét khá in như nguyện.

Kính thờ: Thờ phụng một cách kính trọng.

Lời nguyện: Lời thề nguyện.

Tưởng tin: Hay tưởng tín 想 信, tức là tin và tưởng nghĩ đến.

Niệm Phật 念佛: Đọc trang nghiêm danh hiệu của Đức Phật. Theo nghĩa rộng của kinh, đây là từ chỉ chung cho các Đấng: Niệm Phật cũng có nghĩa là niệm danh hiệu Đức Chí Tôn hay các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần.

Có nhiều cách niệm:

- Tụng niệm 誦 念: Đọc lớn tiếng danh hiệu các Đấng, như chú của Chí Tôn trước Chánh điện hay Thiên bàn.
- Mật niệm 密 念: Niệm thầm, niệm nhỏ tiếng ở bất cứ nơi nào.

- Khẩu niệm 口 念: Niệm một cách chí thành, khẩn thiết khi gặp tai nạn hay bệnh tật.

- Quán niệm: Tưởng niệm các Đấng như có hình ảnh ở trước mắt.

- Chuyên niệm 專 念: Lúc nào cũng niệm, trong mọi lúc đi, đứng, nằm, ngồi.

Mục đích niệm danh hiệu các Đấng là để trói buộc cái tâm mình vào danh hiệu các Đấng, lúc đó các vọng tưởng hết, chân tâm thanh tịnh hiện bày. Nhưng điều cần nhứt là niệm đến chỗ nhứt tâm bất loạn 一心不亂, tức là tâm không bị loạn động, chí thành, không để các tạp niệm xen vào, miệng niệm mà trong lòng không có vọng tưởng.

Tâm bị vô minh, vọng tưởng làm điên đảo, bất tịnh, **niệm Phật có công năng phá trừ vọng niệm, làm cho tâm mê làm trở nên sáng tỏ, tinh tấn.**

Tụng kinh 誦 經: Đọc thành tiếng theo nhịp kinh một cách thành kính.

Chúng ta chí thành tụng đọc thì kinh có công năng phá trừ vô minh, khai mở tâm trí sáng suốt. Như vậy, ý nghĩa huyền diệu trong kinh điển chúng ta cần phải tìm hiểu, học tập: “**Độc kinh cầu lý** 讀 經 求 理”, bởi vì lý của kinh sẽ chiếu sáng tâm con người (**lý dĩ chiếu nhân tâm** 理 以 照 人 心).

Sau một thời tụng kinh, người tụng có cảm thấy tâm mình được thanh thản, an lạc, thì thời kinh đó mới có ý nghĩa.

Rèn lòng: Do chữ luyện tâm 煉 心 là trau giồi tâm cho thiện lương, thanh tịnh.

Sửa nét: Do chữ tu tánh 修 性 là trau giồi tự tánh.

Câu 97: *Làm con người phải biết và có đức tin kính thờ các Đấng Thần Thánh.*

Câu 98: *Phải có lòng tin tưởng và gìn giữ theo lời thề nguyện.*

Kính thờ Thần Thánh là kính thờ các Đấng do Đức Chí Tôn hóa sinh ra, để thay mặt cho Ngài lo cho chúng sanh. Thần Thánh là các bậc có lòng từ bi, có oai nghi, đức độ và công lao đối với con người. Thờ phụng và kính lạy Thần Thánh nhằm thể hiện lòng quy ngưỡng, tri ân công đức, và noi theo những gương lành của các bậc ấy.

Kính thờ Thần Thánh chẳng phải vì van xin tha tội, cũng chẳng phải vì cầu mong ban ơn được giàu sang, mạnh giỏi... Sự thờ kính Thần Thánh không phải là một lễ lo lót, vì các Đấng ấy công minh, vô tư, chẳng bao giờ thiên vị. Đông Nhạc Thánh Đế có lời dạy: *Thiên địa vô tư, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa* 天地無私, 神明暗察, 不為祭享而降福, 不為失禮而降禍, nghĩa là Trời đất không tư riêng, có Thần minh soi xét, chẳng vì cúng tế mà cho phúc, chẳng vì thất lễ mà giáng họa.

Câu 99 và 100: *Hễ chúng ta chuyên tâm tụng kinh niệm Phật thì chúng ta phải trau dồi tâm, tu sửa tánh một cách nghiêm cẩn như lời nguyện khi niệm Phật tụng kinh.*

- 101. **Chừa thói xấu đảo điên trong dạ**
Muôn việc chi chẳng khá sai lời
- 103. **Đối người nào khác đối Trời,**
Trời đâu dám đối ra đời ngỗ ngang.

Đảo điên 倒顛: Làm rối trật tự, đang xuôi bỗng nhiên lật ngược. Chỉ sự thay đổi lung tung, tráo trở bất thường.

Đối người nào khác đối Trời: Sách Trung Hiếu Lược nói: Minh đối người là tự đối lòng mình. Đối lòng mình là tự đối cả Trời, Trời có thể đối ru? (Khi nhân tất tự khi kỳ tâm, khi kỳ tâm tất tự khi kỳ Thiên, Thiên kỳ khả khi hồ? 欺人必自欺其心, 欺其心必自欺天, 天其可欺乎?).

Khi nói về vọng ngữ, Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: *“Thầy đã nói rằng, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn.*

Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng, đáng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặt phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt đều lành và việc dữ ghi chép không sai, đặt dăng vào Tòa Phán Xét. Bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả. Lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó.

Bởi vậy chư Hiền, chư Thánh Nho nói rằng:

“Khi nhơn tức khi tâm”

“Hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã”

Như các con nói dối, trước chưa dối với người thì các con đã nói dối với Lương tâm, tức là chơn linh”.

Ngỗ ngang 忤昂: Ngạo ngược, bướng bỉnh, tức là không kể lời dạy dỗ của người trên.

Câu 101: *Phải chừa bỏ những thói xấu xa và dứt trừ lòng dạ tráo trở bất thường.*

Câu 102: *Dẫu bất cứ việc chi cũng phải giữ đúng, chớ khá sai lời.*

Câu 103 và 104: Dối người có khác chi là dối Trời, mà Trời mình dám dối sao? Nếu dối Trời thì thành người ngạo ngược bướng bỉnh.

Thật vậy, sách Trung Hiếu Lược còn nói như sau: Dối người được, không thể dối Trời được, lừa người được, không thể lừa Trời được. Người đời có đánh lừa nhau mới sinh ra lòng dối, mà dối lòng tức là dối Trời vậy. Chớ nói Trời không biết. Trời ở nóc nhà, đầu nhà, nói gì Trời không nghe. người nói không nghe, thử hỏi xưa nay đã bỏ quên người nào. Trời xanh lòng rộng không nên nói dối, ý người muốn gì ta đã biết trước rồi. Cho nên rõ ràng trời xanh không nên khinh khi. Chưa có nghĩ tới thì đã biết trước rồi, nên ta khuyên người chớ làm sự quấy quá; xưa qua nay lại, có thấy Trời bỏ qua ai chưa?

Nhân khả khi Thiên bất khả khi, nhân khả man Thiên bất khả man thế nhân yếu man hơn, phân minh bả tâm khi; khi tâm tức khi Thiên, mạc đạo Thiên bất tri, Thiên tại ốc thềm đầu, tu hữu thính đắc thì, nễ đạo thính bất đắc, cổ kim phóng quá thù?

Trạm trạm thanh thiên bất khả khi, vị tăng cử ý ngã tiên tri, khuyến quân mạc tác khuỵ tâm sự, cổ vãng kim lai phóng quá thù? 人可欺天不可欺, 人可瞞天不可瞞, 世人要瞞人, 分明把心欺; 欺心即欺天, 莫道天不知, 天在屋簷頭, 須有聽得時, 你道聽不得, 古今放過誰? 湛湛青天不可欺, 未曾舉意我先知, 勸君莫作虧心事, 古往今來放過誰?.

105. **Chớ làm tướng trong hang vắng tiếng.**

Mà dễ duôi sanh biến lằng loàn,

107. **Con người có trí khôn ngoan,**

Tánh linh hơn vật biết đàng lẽ nghi,

Chớ làm tướng: Đừng có làm lẫn mà tướng rằng, chẳng nên làm mà tướng như vậy.

Trong hang vắng tiếng: Trong hang vắng vẻ không có âm thanh. Ý nói đừng nghĩ rằng nơi kín đáo không ai hay biết.

Dễ duôi: Xem thường, khi dễ.

Sanh biến 生變: Hay sinh biến, là gây ra những điều không tốt.

Tánh linh hơn vật: Trong vạn vật, con người là vật có tánh linh hơn hết, vì có đủ tam hồn: Sinh hồn, giác hồn, linh hồn.

Lễ nghi 禮儀: Cách thức bên ngoài để bày tỏ việc đạo đức, lễ nghĩa.

Câu 105: Đừng có làm tướng rằng ở nơi kín đáo, vắng vẻ không ai hay biết.

Câu 106: Rồi xem thường, mà gây ra những điều trái với luân lý đạo đức.

Có nhiều người khi làm việc gì sai quấy thường hay lén lút, hay làm nơi vắng vẻ, kín đáo, vì họ nghĩ như vậy sẽ không ai thấy, biết. Nhưng họ quên rằng giấu được người, chứ không sao giấu được lương tâm mình, hoặc các bậc Thần Thánh. Chính vì vậy mà sách Cảnh Hành dạy làm bất cứ việc gì cũng cần giữ quang minh, chính đại: Ngồi trong nhà kín tường không ai hay nhưng thật như ngoài đường cái, ai cũng rõ (Tọa mật thất như thông cù 坐密室如通衢).

Những việc làm mờ ám, nghĩ rằng không ai hay biết, nhưng “chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối, chẳng có gì rõ hơn những điều nhỏ bé, cho nên người quân tử giữ gìn cẩn thận trong khi chỉ có một mình mình” (Mạc kiến hồ ân, mạc

hiển hồ vi, cố quân tử thận kỳ độc dã 莫見乎隱, 莫顯乎微, 故君子慎其獨也).

Chuyện thâm lén tưởng rằng không người biết, không người rõ, song có sự soi xét của các Đấng Thần minh như Tử Hư Nguyên Quân nói: Việc rõ ràng thì đâu cũng có phép vua luật nước, việc mờ ám, kín đáo thì có các đấng Thần minh soi xét cho (*Minh hữu vương pháp tương kế, ám hữu quỷ thần tương tùy* 明有王法相繼, 暗有鬼神相隨).

Câu chuyện sau đây cho ta thấy không nên thâm lén:

Dương Chấn người đất Quan Tây, đời nhà Hán, làm quan thái úy, tánh thanh liêm. Hồi làm thứ sử có tiền dẫn Vương Mật làm lệnh doãn huyện Xương Ấp. Nên khi ông đi ngang qua Xương Ấp, vì trời tối, có nghỉ tạm ở đó một đêm. Vương Mật mới lén đem mười lượng vàng đèn ơn. Ông Dương Chấn mới trách: Ta biết tài người mà người không biết lòng ta.

Dương Mật nói: Đêm hôm khuya khoắc có ai hay mà ngại sợ.

Dương Chấn đáp: Sáng thì có trời biết, tối thì có thần soi biết; trong có ta biết, ngoài có ông biết. *Chỗ biết có nhiều sao gọi rằng không ai biết.*

Câu 107 và 108: Trong vạn vật, con người là loài có trí khôn ngoan và có tánh linh hơn mọi loài nên biết đường đạo đức, lễ nghĩa.

Con người là một sinh vật có ý thức, có trực giác, biết suy tư và nhứt là biết đường nhơn nghĩa, đạo lý. Vì vậy, Tuân Tử có nói: “Nước lửa có khí mà không sinh, cây cỏ có sinh mà không hiểu biết, cầm thú có hiểu biết mà vô nghĩa, duy chỉ có con người có khí, có sinh, có hiểu biết và cũng có nghĩa, cho nên **người là quý nhứt trong thiên hạ** (*Thủy hỏa*

hữu khí nhi vô sinh, thảo mộc hữu sinh nhi vô tri, cầm thú hữu tri nhi vô nghĩa, duy nhơn giả hữu khí, hữu sinh, hữu tri diệc hữu nghĩa, cố vì thiên hạ quý 水火有氣而無生, 草木有生而無知, 禽獸有知而無義, 惟人者有氣, 有生, 有知亦有義, 故為天下貴).

Con người là một yếu tố trong Tam tài là thiên, địa, nhơn (Trời, đất, người). Sở dĩ con người đạt được địa vị ấy là vì con người được Trời đất sinh ra và ban cho một đức tính rất cao quý, rất thiêng liêng, hay nói khác đi người chịu cái đức của Trời đất. Ngoài ra, con người còn được hấp thụ hoàn toàn cái tinh thần linh diệu và cái khí chất tinh túy của Trời đất, nên con người linh hơn, sáng suốt hơn vạn vật. Chính nhờ cái sáng suốt này mà con người phân biệt được điều hay dở, lẽ phải trái. Cái sáng suốt ấy có sẵn trong mỗi người được gọi là trực giác, hay lương tri, hay minh đức.

Nói theo triết lý đạo Cao Đài, con người có tánh linh hơn vật, có trí khôn ngoan, biết điều nhơn nghĩa là vì:

- Thứ nhứt là bởi vì con người phải qua muôn nghìn kiếp tiến hóa, từ vật chất, thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển hóa đến nhơn loại.

Đức Chí Tôn giảng về sự tiến hóa của muôn vật như sau: “*Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn năm lần mới đến địa vị nhơn phẩm*”.

- Thứ nhì là vì con người có ba phần hồn: Sanh hồn, giác hồn, linh hồn, mà loài vật chất thấp nhứt kim thạch, là loài vô tri vô giác, không phân biệt được đầu ngon; kim thạch tiến lên thảo mộc thì có một hồn là sanh hồn, có gốc quay xuống đất, ngọn hướng lên trời; thảo mộc tiến lên thú cầm thì có được hai hồn là sanh hồn, giác hồn, đầu và đuôi ngang

nhau; thú cầm tiến lên con người thì có ba hồn: Sanh hồn, giác hồn, linh hồn, đầu hướng lên trời, chân quay xuống đất.

Con người nhờ Sanh hồn mới có được sự sống, Giác hồn mới có cảm giác, biết đau đớn khổ sở và Linh hồn mới khôn ngoan, biết đạo lý, suy xét đủ điều, cho nên con người **tánh linh hơn vật**.

109. **Phải cho biết kính vì trên trước**
Đừng buông lời lẩn lướt hồ đồ

111. **Thuận cùng chú bác cậu cô,**
Bà con chòm xóm ra vô khiêm nhường.

Kính vì trên trước: Đối với bậc cao quý, trưởng thượng, tức là người có địa vị hay tuổi tác thì phải nể nang, kính trọng.

Thói thường, người ta chỉ dạy kẻ dưới kính trọng người trên mà không lấy trên kính dưới để thu phục bậc hiền tài, nên Mạnh Tử mới nói: Lấy kẻ dưới kính người trên, gọi là quý trọng người cao quý, lấy người trên kính kẻ dưới, gọi là tôn kính người hiền tài; quý trọng người cao quý, tôn kính người hiền tài, nghĩa cũng là một vậy (*Dụng hạ kính thượng, vị chi quý quý, dụng thượng kính hạ, vị chi tôn hiền; quý quý tôn hiền, kỳ nghĩa nhất dã 用下敬上,謂之貴貴,用上敬下,謂之尊賢;貴貴尊賢,其義一也*).

Đây nói bề bạn là một mối trong nhân luân để giúp nhau làm điều nhân, cho nên thiên tử làm bạn với kẻ thất phu mà không cho là khuất nhục, thất phu làm bạn với thiên tử mà không cho là tiếm lạm. Đó là Mạnh Tử dựa theo sự ứng xử giữa vua Nghiêu và Thuấn về đạo nhân luân vậy. Ngài nói: “Vua Thuấn lên triều kiến vua Nghiêu, vua Nghiêu gả hai con gái cho và để con rể ở phó cung, vua Nghiêu cũng ăn uống với vua Thuấn. Khi thì vua Nghiêu đến thăm vua Thuấn, lúc

thì vua Thuấn đến thăm vua Nghiêu, thay đổi nhau làm chủ khách, thế là bậc thiên tử làm bạn với kẻ thất phu vậy”.

Buông lời: Không suy nghĩ mà nói ra, phát ngôn cầu thả.

Thuận 順: Xuôi theo, phục theo.

Bà con chòm xóm: Bà con láng giềng, tức là những người thân thuộc, gần gũi trong xóm.

Khiêm nhường: Hay khiêm nhượng 謙讓: Khiêm là nhún nhường, khiêm tốn. *Nhượng* là nhường nhịn. *Khiêm nhường:* Khiêm tốn nhún nhường.

Câu 109: Làm người phải biết nể nang, kính trọng những người hơn mình về tài ba, đạo đức hay địa vị (*Trưởng thượng*).

Câu 110: Đừng nói ra những điều thiếu suy nghĩ mà lẩn lướt những người trưởng thượng.

Câu 111: Trong thân tộc phải ăn ở xuôi thuận với chú, bác, cậu, cô.

Câu 112: Ngoài chòm xóm thì phải khiêm tốn, nhún nhường với bà con láng giềng.

113. **Thấy già yếu hẹp đường nhượng tránh**
Đừng chỗ đông buông tánh quá vui

115. **Cột người ra dạ dễ duôi,**
Sanh điều chích mích đầu nguôi dạ hờn.

Hẹp đường: Đường đi chật hẹp.

Nhượng 讓: Nhường.

Nhượng tránh: Tránh qua một bên để nhường đường, nhường chỗ.

Thấy người già yếu hay tàn tật đi đường, đi xe, đạo lý của con người là phải nhượng tránh, hay nhường chỗ ngồi.

Hiếu Hữu Châu Tiên sinh có nói rằng: Mình nhường cho người ta đi trước mình, trót đời cũng không thua sút là bao nhiêu; bờ ruộng người ta tranh lấn mình, mình nhường nhịn cho người ta thì mình cũng chẳng mất đi đoạn nào (*Chung thân nhượng lộ, bất uống bách bộ; chung thân nhượng bạn, bất thất nhất đoạn* 終身讓路, 不枉百步; 終身讓畔, 不失一段).

Cổ Linh Trần Tiên Sinh cũng có dạy: Đi đường phải nhường bước, cày bừa phải nhường bờ. Chớ để người đầu bạc phải gánh đội đi ngoài đường phố, có thể mới thành phong tục lễ nghĩa vậy (*Hành giả nhượng lộ, canh giả nhượng bạn; ban bạch giả bất phụ đới u đạo lộ, tắc vi lễ nghĩa chi tục hĩ* 行者讓路, 耕者讓畔; 頒白者不負戴於道路, 則為禮義之俗矣).

Buông tánh: Thả lỏng tánh tình, để tánh buông lung không gìn giữ chặt chẽ.

Cột người: Trêu ghẹo người, cười cợt người.

Trêu ghẹo người chơi cũng nên vừa phải, đừng vì quá sức vui mà cợt người, bởi vui quá sẽ sinh ra buồn phiền (lạc cực sanh bi 樂極生悲) mất niềm hòa khí.

Xích mích: Phiền hà, tức là có sự va chạm nhỏ nhặt với nhau mà sinh ra phiền lòng.

Đâu nguôi dạ hờn: Không giảm bớt lòng hờn giận.

Câu 113: Ở nơi đường chật hẹp phải tránh nhường cho những người già yếu, tật nguyền.

Câu 114: Chỗ đông người, đừng vì quá vui mà buông tánh cẩu thả, không gìn giữ.

Câu 115: Đừng có lòng khi dễ mà cười cợt, trêu ghẹo người ta.

Câu 116: Để sinh ra sự xích mích với nhau khiến cho không bao giờ nguôi được hờn giận.

117. **Khi tế tự chớ lờn chớ dễ**
Việc quan, hôn thủ lễ nghiêm trang
 119. **Gìn lòng chẳng khá lãng loàn.**
Lễ nghi vẹn giữ vững vàng chớ quên.

Tế tự 祭祀: Tế là cúng một cách long trọng. Tự là thờ cúng. **Tế tự:** Chỉ chung về sự thờ tự và cúng tế.

Ngày xưa người ta phân biệt: Cúng Thần trên Trời là tự 祀, cúng Thần dưới đất là tế 祭. Về sau, hai chữ này chỉ còn nghĩa là cúng một cách trọng thể các Đấng Thiêng Liêng.

Chớ lờn chớ dễ: Không được khinh thường và vô lễ.

Quan hôn 冠婚: Quan là cái mào. Hôn là việc cưới vợ gả chồng.

Theo nghi lễ thời xưa, một đời người có bốn cái lễ lớn: Quan, hôn, tang, tế. Quan hôn chịu ảnh hưởng hi lạp, tang tế chịu ảnh hưởng ai bi.

- **Quan** 冠: Theo sách Lễ Ký, hễ con trai đến trưởng thành đúng 20 tuổi thì thọ lễ Gia quan (lễ đội mào), còn con gái đến trưởng thành đúng 18 tuổi thì thọ lễ Gia kê (lễ cài trâm).

- **Hôn** 婚: Nghi lễ cưới vợ gả chồng.

- **Tang** 喪: Nghi lễ khi có người chết.

- **Lễ** 禮: Các lễ cúng tế trong gia đình, trong làng...

Thủ lễ 守禮: Giữ gìn nghi lễ hay giữ gìn phép tắc.

Nghiêm trang: Hay trang nghiêm 莊嚴: Uy nghi, làm cho người ta kính sợ.

Chẳng khá lằng loàn: Không nên hỗn xược làm càn bậy, chẳng từng theo phép tắc.

Lễ nghi vẹn giữ: Giữ gìn nghi lễ cho tròn vẹn.

Câu 117: Khi thờ phượng và cúng tế thì không nên khinh lờn và vô lễ.

Câu 118: Việc quan hôn thì phải giữ gìn nghi lễ cho được nghiêm trang.

Đạo sửa trị con người cho đáng thuần lương chơn chánh, chẳng có phương pháp nào cần thiết và gấp rút cho bằng lễ nghi, pháp độ như lời dạy của Đức Không Phu Tử trong sách Lễ Ký: *Trị nhân chi Đạo mạc cấp ư lễ* 治人之道莫急於禮.

Thực vậy, lễ nghi pháp độ được người xưa thực hiện để làm nền móng giáo hóa nhơn sanh cho thấm nhuần đạo đức: Biết trọng lễ nghĩa, liêm sỉ, biết giữ khiêm cung, kính nhượng. Người có giữ lễ nghi, biết khiêm cung kính nhượng thì đáng an toàn danh phận, còn người không giữ lễ pháp, lại buông lung khinh dễ thì phải chịu nguy hại đến thân danh. Vì thế, lễ là cái cần thiết không thể không học (*Nhân hữu lễ tắc an, vô lễ tắc nguy. Lễ giả, bất khả bất học dã* 人有禮則安, 無禮則危, 禮者, 不可不學也). (Thiên Khúc lễ).

Lễ đối với một con người sống trong xã hội, từ nhỏ đến lúc già thì có quan, hôn, tang, lễ: Tang lễ thì không nên lờn dễ, quan hôn thì phải giữ gìn cho nghiêm trang.

Câu 119: Phải gìn lòng ngay thật, chẳng khá hỗn xược làm càn bậy mà không từng theo phép tắc.

Câu 120: Giữ vẹn lễ nghi cho vững chắc, không để cho sa ngã mà thất lễ.

121. **Giàu sang ấy Ôn Trên giúp sức.**

Phước ầm no túc thực túc y.

123. **Thấy người gặp lúc tai nguy,
Ra tay tế độ ấy thì lòng nhơn.**

Ôn Trên: Ôn huệ của Đức Chí Tôn hay các Đấng Thiêng Liêng.

Giúp sức: Sức trợ giúp thêm.

Phước ầm no: Điều phước đức hay điều may mắn tốt lành khiến cho thân được no ấm.

Túc thực túc y 足食足衣: Đủ ăn đủ mặc, có nghĩa là đời sống được no ấm.

Túi tham của con người không đáy, nên cuộc sống lúc nào cũng thấy thiếu thốn, không bao giờ biết đủ. Chính vì vậy sách Cảnh Hành mới nói: Biết đủ (cho là đủ) thì thường vui, tham quá thì lo nhiều. Người biết đủ thì nghèo hèn cũng vui, kẻ không biết đủ thì giàu sang cũng lo. Biết đủ thường đủ, trọn đời không nhục, biết thôi thường thôi, trọn đời không hổ. Nhìn lên thì thấy chưa đủ, trông xuống thì thấy có dư (*Tri túc thường lạc, đa tham tắc ưu; tri túc giả bản tiện diệc lạc, bất tri túc giả phú quý diệc ưu; tri túc thường túc, chung thân bất nhục, tri chỉ thường chỉ, chung thân bất sỉ; tỷ thượng bất túc, tỷ hạ hữu dư* 知足常樂, 多貪則憂; 知足者貧賤亦樂, 不知足者富貴亦憂; 知足常足, 終身不辱, 知止常止, 終身不恥; 比上不足, 比下有餘).

Cái đủ theo Thánh hiền xưa cũng phải có đạo lý, sách Đại Học dạy: Thà chẳng được đủ mà cư xử ngay ngắn, chẳng nên có dư mà ăn ở vạy vò (*Ninh khả chánh nhi bất túc, bất khả tà nhi hữu dư* 寧可正而不足, 不可邪而有餘).

Tai nguy 災危: Tai nạn nguy hiểm.

Tế độ 濟度: Tế là đưa đò qua sông, giúp đỡ. Độ là cứu giúp. **Tế độ:** Dùng Phật pháp để cứu vớt người đưa qua khỏi biển khổ. Nghĩa rộng: Đem tài vật cứu giúp cho người nghèo khổ, khó khăn.

Lòng nhơn: Lòng thương người mến vật.

Lòng nhơn phải là một thứ tình thương không có điều kiện, không bắt buộc và không đòi hỏi bất cứ một sự đền trả nào. Ngoài ra, lòng nhơn theo đạo Phật, không chỉ hạn chế trong nhơn loại, mà còn mở rộng đến tất cả các loài động vật và cây cỏ.

Câu 121: Những người biết đạo đức thì Ông Trên trợ giúp cho được giàu sang.

Câu 122: Được nhiều điều may mắn tốt lành để đủ ăn đủ mặc.

Không phải ai cũng được Ông Trên giúp sức cho sự giàu sang mà chỉ có những người tâm tốt để tạo âm chất nhiều hay ít mới được giàu sang hay no ấm.

Theo thuyết luân hồi của nhà Phật, giàu sang hay nghèo hèn của một con người là do duyên nghiệp hay phước đức đã tạo ra từ nơi kiếp trước. Như vậy ta thấy rằng cái duyên nghiệp đó được Nho gia hay người đời gọi là mệnh số (mạng) hay Trời giúp cho.

Mạnh Tử có nói: Muôn việc chẳng phải bởi người định được, mà tất cả đều do mệnh Trời đã xếp đặt sẵn sàng (*Vạn sự bất do nhân kế giáo, nhất sinh đô thị mệnh an bài 萬事不由人計較, 一生都是命安排*).

Mệnh số định cho con người cái số phận, song mình cũng có thể điều chỉnh cho cái số phận đó của mình, nói cách khác, lấy cái tâm lành của mình để cải sửa một phần nào cái mạng của mình. Điều này Tư Mã Ôn Công có nói như sau:

Lòng đã tốt rồi, mệnh lại tốt nữa thì thế nào cũng sớm được hưởng vinh hoa phát đạt. Lòng tốt, nhưng mệnh lại không tốt thì trọn đời cũng ám no. Mệnh tốt mà lòng không tốt, thì tương lai khó mà giữ được. Còn cả lòng và mệnh đều không tốt thì cực khổ đến già (*Tâm hảo mệnh hựu hảo, phát đạt vinh hoa tảo; tâm hảo mệnh bất hảo, nhất sinh dĩ ôn bão; mệnh hảo tâm bất hảo, tiền trình khủng nan bảo; tâm mệnh đô bất hảo, cùng khổ trực đáo lão 心好命又好, 發達榮華早; 心好命不好, 一生也溫飽; 命好心不好, 前程恐難保; 心命都不好, 窮苦直到老*).

Câu 123 và 124: Thấy bất cứ một người nào gặp tai nạn nguy hiểm thì sẵn sàng ra tay cứu giúp cho họ. Ấy là người có lòng nhơn từ.

125. **Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,
Thấy trên đường miếng bát, miếng chai,**
127. **Hoặc là đình nhơn, chông gai,
Mau tay lượm lấy đôi hoài kẻ sau.**

Đồng loại 同類: Cùng chung một loài với nhau.

Thí bạc: Bỏ thí tiền bạc, tức là đem bạc tiền để cứu giúp cho người tàn tật, nghèo khó, khổ sở.

Miếng bát miếng chai: Miếng sành miếng ly, tức là những mảnh vỡ của chén đĩa, ly tách...

Đình nhơn: Những phế liệu như đình kèm nhơn bị dẹo, sét.

Chông gai: Hay gai chông là những cây hay vật có gai nhơn, khiến có thể đâm thủng bàn chân được

Đôi hoài: Tưởng nghĩ đến, quan tâm đến.

Câu 125: *Biết thương yêu người đồng loại với nhau công đức còn hơn đem tiền bạc cứu giúp cho người nghèo khổ.*

Câu 126: *Chính do có lòng thương người nên khi đi trên đường gặp miếng bát miếng chai...*

Câu 127: *Hoặc là có những vật bén nhọn như đinh nhọn, chông gai.*

Câu 128: *Thì nên mau tay lượm lấy để tránh những người đi sau đạp phải. Đó là có sự quan tâm đến những người đi sau.*

129. **Ấy làm phước khỏi hao khỏi tốn**
Chẳng có đâu mòn vốn thâm tiền
 131. **Bắc cầu đắp sửa đường liền,**
Kể qua người lại bước yên gọn gàng.

Khỏi hao khỏi tốn: Không hao tốn về tiền bạc của cải chi hết. Đây là việc cứu giúp người bằng công sức.

Mòn vốn thâm tiền: Hao mòn tiền của, thâm thủng vốn liếng.

Bắc cầu: Nối liền hai bên bờ rạch, kênh hay sông bằng cây ván để người qua lại một cách dễ dàng.

Đắp sửa: Đắp thêm đất đá vào những ổ gà, chỗ trũng để sửa đường đi lại cho bằng phẳng.

Câu 129: *Những việc làm phước trên khỏi có hao tốn tài vật.*

Câu 130: *Và cũng chẳng có thâm mòn tiền bạc vốn liếng.*

Câu 131: *Bắc cầu qua kênh rạch hay đắp sửa đường đi cho liền lạc bằng phẳng.*

Câu 132: *Để người qua lại cho được yên ổn thuận lợi.*

133. **Thi ân hậu bạc ngàn khó sánh,**
Rán tập thành sửa tánh từ hòa.
 135. **Việc lành chẳng khá bỏ qua,**
Tuy là nhỏ nhít cũng là công phu.

Thi ân hậu 施恩厚: Làm ơn sâu dày cho người.

Tập thành 習成: Luyện tập lâu ngày cho thành thói quen.

Từ hòa 慈和: Nhơn từ và hòa thuận, tức có lòng thương yêu người, giúp người và hòa đồng với mọi người.

Chẳng khá: Chớ nên, không nên.

Nhỏ nhít: Nhỏ nhặt, không lớn.

Công phu 功夫: Công là kết quả sự việc. Phu là một người. Công phu: Một người đem hết sức ra để thành tựu sự việc, hoặc chỉ khoảng thời gian làm một việc gì.

Câu 133: *Làm ơn sâu dày cho người ta thì công đức ấy bạc ngàn cũng không sánh bằng.*

Câu 134: *Cố gắng luyện tập để sửa tánh hạnh được từ hòa.*

Câu 135 và 136: *Dẫu gặp việc lành nhỏ cũng chẳng nên bỏ qua, vì tuy nó là việc nhỏ nhưng vẫn phải dụng công phu.*

Trên đời có một vài hành động dù nhỏ, cũng có thể tạo ra một lượng lớn hạnh phúc. Ngay cả những hành vi cực nhỏ cũng có thể đưa đến kết quả khổng lồ, cũng như một hạt giống nhỏ có thể trở thành một cây lớn. Vì thế chúng ta không nên bỏ qua những hành vi thiện nhỏ trong khi ta đang cố gắng tạo nghiệp tốt, dù nhỏ nhặt nhưng tập hợp nhiều việc lại thì trở thành lớn lao.

137. **Năng làm phải, nhứt nhu ngoạt nhiêm,**
Lâu ngày dần tính đếm có dư.
 139. **Phước nhiều tội quá tiêu trừ,**
Phép Trời thưởng phạt không tư chẳng vì.

Năng làm phải: Siêng năng làm những việc phải.

Nhứt ngoạt: Hay Nhật nguyệt 日月: Ngày và tháng.

Nhu nhiễm 濡染: Nhu là ướt. Nhiễm là thấm vào. *Nhu nhiễm*: Dầm thấm vào.

Nhật nhu nguyệt nhiễm 日濡月染: Dầm thấm theo ngày tháng rồi trở thành thói quen.

Lâu ngày dần: Để lâu ngày rồi tính gộp lại.

Tội quá 罪過: Tội lỗi và sai lầm.

Tiêu trừ 消除: Trừ bỏ đi, dứt bỏ đi.

Thưởng 賞: Cho người có công.

Phạt 罰: Trì người có tội.

Không tư chẳng vì: Không tư vị, tức là không vì riêng nể mà có lòng thiên vị.

Câu 137: Siêng năng làm việc phải lâu ngày thì dần dần nhiễm vào tánh thành thói quen tốt.

Câu 138: Những việc lành tuy là nhỏ nhặt song lâu ngày tính gộp lại thì công đức cũng có dư.

Câu 139: Nếu làm việc phước đức nhiều thì những tội lỗi sẽ được tiêu trừ.

Câu 140: Phép Trời đất thưởng phạt rất công bình, không tư chẳng vì một ai.

141. **Thấy lỗi mọn chớ nghĩ chẳng hại,
Thường dạn làm tội lại hằng hà.**

143. **Vì chưng tỵ thiếu thành đa,
Họa tai báo ứng chẳng qua mấy hào.**

Lỗi mọn: Lỗi làm nhỏ mọn.

Chớ nghĩ chẳng hại: Đừng nghĩ rằng không có tai hại.

Dạn làm: Bạo dạn làm, mạnh dạn làm, không sợ sệt mà làm.

Hằng hà 恆河: Do thành ngữ “hằng hà sa số 恆河沙數”, có nghĩa là số nhiều như hạt cát ở sông Hằng hà (Ấn Độ). Đây là thành ngữ của Phật giáo, dùng để chỉ một số lượng nhiều, như: Hằng hà sa số Phật 恆河沙數佛.

Vì chưng: Vì rằng.

Tỵ thiếu thành đa 就少成多: Hợp nhiều cái ít lại thành ra nhiều.

Họa tai: Hay tai họa 災禍: Những rủi ro, tai nạn lớn lao đưa đến, khiến người ta phải khốn khổ.

Báo ứng 報應: Được trả lại những gì mình đã làm theo luật nhơn quả. Như làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ.

Mấy hào: Một phần rất nhỏ.

Câu 141: Đừng có thấy lỗi nhỏ nhút mà nghĩ rằng chẳng có gây tai hại.

Câu 142: Thường mạnh dạn mà làm thì sẽ gây ra tội hằng hà.

Câu 143: Vì rằng gộp nhiều cái ít lại sẽ thành nhiều. Tỷ như làm những việc hung dữ nhỏ nhặt nhiều gom lại cũng thành nhiều.

Câu 144: Sẽ bị báo ứng những tai họa, chẳng sai sót một ly hào nào.

Thói thường, người ta hay khinh dễ những điều nhỏ nhút: Công việc nhỏ nhặt người ta thường không thèm để ý đến, hay không muốn làm đến, tỷ như việc làm phước, thấy điều nhỏ không đáng làm, nên bỏ qua; còn việc dữ, tưởng lỗi mọn, vẫn cứ làm.

Ta nên nhận chân rằng dù những điều ác nghiệp nhỏ nhút cũng có thể đem lại đau khổ vô biên. ví như uống phải một ít thuốc cũng có thể đưa đến chết hay bệnh hiểm nghèo.

Cũng vậy, những việc thiện dù nhỏ, khiến ta xem thường, nhưng chúng cũng có thể đem đến những hạnh phúc lớn lao.

Điều này vua Chiêu Liệt đời nhà Hán có dạy con là vua Hậu Chủ như sau: Dù cho những việc thiện nhỏ cũng chớ nên bỏ qua mà không làm, dù cho những việc ác nhỏ cũng chớ làm. (*Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi 勿以善小而為, 勿以惡小而為之*).

Kinh Pháp Cú Phật cũng có dạy rằng: “Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng: *Chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa đôn từng khi ít mà nên*” và cũng “Chớ khinh điều lành nhỏ, cho rằng: *Chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa đôn từng khi ít mà nên*”.

145. ***Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy
Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.***

147. ***Làm người nhơn nghĩa xử xong
Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sòn.***

Bụi thế: Ở cõi thế gian đầy bụi bặm.

Chữ *trần* 塵 là bụi bặm. Người ta cho rằng cõi thế gian là nơi ô trược, mang nhiều bụi bặm, nên thường gọi là cõi trần hoặc những danh từ có chữ trần như: Trần gian, trần thế, trần ai, trần hoàn, trần cấu, hồng trần...

Khỏi vấy: Không bị nhiễm, không bị dính.

Xét lấy sửa lòng: Suy xét lấy để tu sửa lòng mình.

Nhơn nghĩa xử xong: Cư xử theo nhơn nghĩa cho vẹn toàn.

Long đong: Không được ổn định, lưu lạc vất vả, rày đây mai đó.

Chẳng sòn: Không lung lay ý chí, chẳng nao núng.

Câu 145: *Sống ở giữa cõi thế gian đầy bụi bặm này làm sao cho khỏi nhiễm bụi trần.*

Câu 146: *Nếu có tội lỗi phải biết ăn năn suy xét để tu sửa lại tấm lòng.*

Xét về phương diện vật chất, cõi thế gian là nơi nặng nề, ô trược, chứa đầy cát bụi trần ai; còn xét về phương diện tinh thần, Phật cho rằng cõi trần nói riêng, Thế giới Ta Bà nói chung là một cõi đầy ô uế, có đủ ngũ trược: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược và mạng trược, nên cõi này được gọi là uế thổ (uế độ).

Cao Đài cũng cho rằng cõi thế gian là **cõi đọa**, là nơi chứa nhiều tội lỗi, vì bởi con người bị vô minh mới tạo ra nhiều tội ác, tội ác mới gây thành nghiệp quả, là động lực lôi kéo con người phải chìm sâu trong luân hồi sinh tử.

Như vậy, con người sống giữa cõi trần đầy uế trược và tội lỗi này thì làm sao không nhiễm theo trần, tức là cũng phải có những lỗi lầm. Nhưng nếu biết ăn năn, suy xét để trau giồi tâm thiện lương của mình thì Chí Tôn sẽ độ rồi cho như lời Thánh giáo đã dạy: “*Buổi lập Thánh đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.*”

Ấy vậy, các con rán độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.

Trong bài *Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối* có câu:

Ăn năn sám hối tội tình,

Xét câu mình thế gởi mình cõi thăng.

Câu 147: *Làm con người phải lấy nhơn nghĩa ra cư xử với mọi người một cách tròn vẹn.*

Câu 148: *Được như vậy, dù có gặp cuộc sống long đong vất vả thì cũng chẳng sòn lòng.*

Sống ở nơi thế gian này, nếu mình đem nhơn nghĩa ra mà cư xử với mọi người thì có lúc mình chịu cảnh long đong còn có chỗ gặp nhau lại, có thể vì ân nghĩa mà người ta đền đáp lại chẳng. Còn thù oán thì không nên kết, dọc đường đi có khi gặp lúc nguy hiểm cũng khó có đường tránh khỏi. Đây là lời dạy trong sách Cảnh Hành Lục: *Ân nghĩa quảng thi, nhơn sinh hà xứ bất tương phùng? Thù oan mạc kết, lộ phùng hiểm xứ nan hồi tỵ* 恩義廣施, 人生何處不相逢? 讎冤莫結, 路逢險處難迴避.

149. **Hễ biết nghĩa thọ ơn chẳng bội**
Giúp cho người chớ vội khoe ra,
 151. **Việc chi cũng có chánh tà,**
Làm điều phải nghĩa lánh xa vậy vò.

Thọ ơn: Hay thụ ân 受恩: Nhận lãnh ơn huệ của người.

Bội 背: Quay lưng lại với nhau, chỉ sự phản bội.

Thọ ơn chẳng bội: Nhận lãnh ơn huệ người ta không nên phản bội.

Chánh tà 正邪: Chánh là ngay thẳng. Tà là cong queo, sai trái.

Chánh tà là hai con đường mà người tu phải chọn lựa: Chánh là ngay thẳng, chơn thật, đúng đắn, hợp với luân lý đạo đức. Tà là cong queo, tà vạy, không hợp với luân thường đạo lý. Chánh tà luôn luôn lúc nào cũng xung khắc nhau, đối chọi nhau. Nhưng vì luật đối đãi nơi thế gian hễ có chánh tự nhiên có tà, có thiện là phải có ác, cũng như có ngày thì phải có đêm. Chính nhờ có tà mà cái chánh mới hiển lộ ra, cũng như nhờ cái dữ mới trau giồi được điều hiền. Thánh thi có bài như sau:

*Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà,
 Chánh tà hai lẽ đoán sao ra.
 Sao ra Tiên Phật người trần tục,
 Trần tục muốn thành phải đến Ta.*

Người tu hành muốn phân biệt được tà chánh thì phải có trí huệ, như lời kinh Giải Oan đã viết:

“Huệ quang chiếu thấu chánh tà”

Chính trí huệ là cây đuốc soi rọi cho người tu lần đi theo con đường chơn chánh, bằng phẳng và ngắn nhứt.

Làm điều phải nghĩa: Làm những điều đúng với đạo lý, lẽ nghĩa.

Vạy vò: Gian tà, không ngay thẳng, không chơn chánh.

Câu 149: Hễ làm con người biết lẽ nghĩa thì thọ ơn của người chẳng nên bội phản.

Câu 150: Mình dù có giúp cho người thì cũng đừng vội khoe khoang.

Câu 151: Trên đời này, việc gì cũng có chánh tà, và thiện ác.

Câu 152: Nên phải làm những điều nghĩa mà lánh xa điều tà vạy

153. **Khi gặp chuyện khá dò xét cặn,**
Liệu sức mình cho hẳn sẽ làm,
 155. **Chớ đừng thấy của dấy tham,**
Giục người làm quấy ắt cam đồng hình.

Khá dò xét cặn: Nên dò xét cho cặn kẽ, tức là suy xét cho tận cùng

Liệu sức mình: Tiên liệu xem sức lực của mình hay khả năng của mình có làm nổi không.

Trên đời này có nhiều người trí lực kém, mà tham vọng quá lớn lao, nên thường hay làm cần nhiều việc quá sức hay quá khả năng của mình, khiến cho thường bỏ dở công

việc giữa đường hay có nhiều khi tai hại đến sự nghiệp. Người tu hành, phải nên cẩn thận, khi làm việc gì, liệu sức mình làm nổi mới nên làm, chẳng làm càn mà có hại cho cả một kiếp tu hành.

Cho hẳn: Cho chắc chắn, cho rõ ràng.

Thấy của: Thấy tiền bạc của cải.

Dấy tham: Nổi dậy lòng tham lam.

Giục người làm quấy: Xúi giục người ta làm việc sai quấy.

Ắt cam đồng hình: Ất là cam chịu chung hình phạt.

Câu 153: Khi gặp phải bất cứ một việc gì thì nên suy xét cho cẩn k.

Câu 154: Và liệu sức của mình cho chắc chắn xem có thể làm được hay không thì mới nên làm.

Câu 155: Đừng nên thấy tiền bạc của cải mà động lòng tham.

Câu 156: Xúi giục người làm trái đạo đức thì ắt cam chịu chung hình phạt

157. **Ở ngay thẳng Thần minh bảo hộ,**

Nét xéo xiên gặp chỗ rạc tù,

159. **Trong đời rất hiếm võ phu,**

Lường cân, tráo đấu, dối tu cúng chùa.

Ở ngay thẳng: Cư xử với mọi người một cách ngay thật.

Thần minh 神明: Vị Thần sáng suốt, quang minh.

Bảo hộ 保護: Giữ gìn và che chở.

Nét xéo xiên: Tánh nét gian trá, tánh nét không ngay thẳng.

Rạc tù: Tù giam, nơi nhốt những người có tội.

Hiếm: Đây là từ Nôm, có hai nghĩa trái nhau:

-Hiếm: Là rất ít, như hiếm thấy (rất ít thấy), hiếm có (rất ít có), hiếm gặp (rất ít gặp)...

-Hiếm: Có nghĩa là nhiều, như hiếm hiem (có rất nhiều). Chữ hiếm trong câu Kinh trên đây theo nghĩa này, tức là rất nhiều.

Võ phu ⁽¹⁾: Hay vũ phu 砮 砮: Một loại đá giống như ngọc. Ở Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu thì viết vũ phu bằng bộ ngọc (玉).

Câu kinh trên, có nhiều người hiểu chữ võ phu 武 夫 là kẻ võ biên, kẻ lỗ mãng, tức kẻ chuyên dùng sức mạnh. Nếu hiểu theo nghĩa này, khi kết hợp với câu kinh sau “*Lường cân, tráo đấu, dối tu cúng chùa*”, ta thấy câu này không bỏ nghĩa cho câu sau, bởi vì kẻ võ phu là người không mưu kế, không gian manh, xảo quyết bằng người có trí mà thiếu đạo đức. Người trí thiếu đạo đức mới có mưu mô gian狡 để lường cân tráo đấu, mới có mảnh khoé gian manh để dối tu cúng chùa, khiến người ta phải lầm lẫn. Như vậy, “võ phu” 砮 砮 theo nghĩa là ngọc giả, tức là một loại đá khi nhìn thì giống như ngọc thật, dùng để chỉ giới hay *bọn người chuyên giả dối, lừa đảo*, chuyên lường gạt người ta.

Lường cân tráo đấu: Chỉ sự cân lường gian trá: Cân non lường thiếu để ăn gian cho mình.

Dối tu cúng chùa: Giả danh người tu hành để lừa gạt lấy vật thực, tiền bạc, của cải người có đức tin cúng hiến.

Câu 157: Người ăn ở ngay thẳng thì được Thần minh gìn giữ che chở cho.

⁽¹⁾ Bản kinh Sám Hối bằng chữ Quốc ngữ của Chùa Tam Tông Miếu có chú thích là *ngọc giả*.

Câu 158: Người có tánh nét gian xảo thì thường hay gặp chỗ tù tội.

Câu 159: Trên đời này rất nhiều kẻ chuyên giả dối (tỷ như loài đá khiến người ta lầm như ngọc thật).

Câu 160: Những bọn ấy gạt người để mưu gian cho mình lường cân tráo đấu hoặc còn dối tu cúng chùa để lừa người tin theo.

161. **Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy,
Nhắm mắt rồi phải thấy lợi danh.**

163. **Lương tâm thường xét cho rành,
Của không phải nghĩa chớ sanh lòng tà.**

Hơi hóp: Hơi thở rất yếu, chỉ tình trạng sắp chết. Ở đây ý chỉ rằng hễ còn một tác hơi thở.

Tranh đua bay nhảy: Tranh đấu hay luôn lách trong đường danh nẻo lợi. Ý chỉ không chịu yên thân.

Nhắm mắt rồi: Chỉ sự chết.

Phải thấy: Phải bỏ hết, buông bỏ tất cả.

Lương tâm 良心: Cái thiện tâm của con người, cũng là cái Thiên lương, hay Thiên tánh mà Chí Tôn ban cho con người.

Theo Mạnh Tử 孟子, con người nhờ có lương tâm mới biết được điều nhân điều nghĩa, lẽ phải lẽ trái. Còn người chỉ đắm đuối vào đường vật chất, do thất tình lục dục sai khiến, thì lương tâm của họ bị mờ tối đi, thành thử không hiểu được điều nhơn nghĩa.

Theo Cao Đài, lương tâm là một khiếu Thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban cho con người, như lời Thánh giáo đã dạy: “*Lương tâm của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức*”.

Của không phải nghĩa: Của không chính đáng, của phi nghĩa.

Sách Cảnh Hành chép rằng: *Nhân phi hiền bất giao, vật phi nghĩa bất thủ* 人非賢不交, 物非義不守: Người không hiền thì đừng làm bạn, vật chẳng phải thì không nên giữ.

Lòng tà: Hay tà tâm 邪心: Lòng không ngay thẳng.

Câu 161: Con người khi còn hơi thở thì giành giật hay luôn lách trong danh lợi.

Câu 162: Đến khi chết rồi thì lợi danh đều buông bỏ hết.

Câu 163: Làm bất cứ một việc gì đều phải lấy lương tâm ra mà xét cho rành mạch.

Câu 164: Hễ thấy tiền bạc của cải không hợp đạo nghĩa thì đừng sinh tà tâm.

165. **Người quân tử chẳng thà chịu khổ,
Đâu làm điều nhục tổ hồ tông?**

167. **Đứa ngu thấy của thì mong,
Không gìn tội lỗi phép công nước nhà.**

Quân tử 君子: Người xưa cho rằng đạo Nho là đạo của người quân tử, tức là Khổng Tử đem cái đạo lý ra dạy dỗ người ta cho thành người có tài năng, có đức hạnh hoàn toàn và có nhơn phẩm tôn quý để giúp ích cho đời, gọi là người quân tử.

Trong xã hội ngày xưa thường chia làm hai hạng người: Quân tử và Tiểu nhân. Quân tử là quý, hay, là người có phẩm hạnh tôn quý, tiểu nhân là tiện, dơ, là người có chí khí hèn hạ.

Khổng Tử nêu ra một số thái độ của người quân tử và kẻ tiểu nhân như sau:

-*Quân tử học đạo tắc ái nhân, tiểu nhân học đạo tắc dĩ sử dã* 君子學道則愛人, 小人學道則易使也: Quân tử học đạo thì yêu người, tiểu nhân học đạo thì dễ khiến.

-*Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt* 君子上達, 小人下達: Quân tử đạt về lý cao minh, tiểu nhân đạt về cái lý đê hạ.

-*Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi* 君子喻於義, 小人喻於利: Quân tử hiểu sâu về việc nghĩa, tiểu nhân chỉ biết về việc lợi.

-*Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân* 君子求諸己, 小人求諸人: Người quân tử chỉ cầu ở mình, kẻ tiểu nhân thì cầu ở người.

-*Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hỷ* 君子固窮, 小人窮斯濫矣: Người quân tử cố giữ lúc khốn cùng, kẻ tiểu nhân gặp khốn cùng thì làm bậy.

-*Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái* 君子泰而不驕, 小人驕而不泰: Người quân tử thư thái mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái.

-*Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa* 君子和而不同, 小人同而不和: Quân tử hòa với mọi người mà không hòa với ai, tiểu nhân thì hòa với mọi người mà không hòa với ai.

-*Quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ dã; tiểu nhân bất khả đại thụ, nhi khả tiểu tri dã* 君子不可小知, 而可大受也; 小人不可大受, 而可小知也: Người quân tử không

thể biết được cái nhỏ mà có thể chịu được cái lớn; tiểu nhân không thể chịu được cái lớn, mà có thể biết được cái nhỏ vậy.

-*Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác; tiểu nhân phản thị* 君子成人之美, 不成人之惡; 小人反是: Quân tử gây thành cái hay cho người ta, không gây thành cái ác cho người ta, tiểu nhân không thế.

-*Quân tử ưu đạo bất ưu bản* 君子憂道不憂貧: Người quân tử lo đạo, không lo nghèo.

-*Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành* 君子欲訥於言, 而敏於行: Quân tử muốn nói thì chậm mà làm thì nhanh.

Chẳng thà chịu khổ: Thà rằng chịu khổ, chớ chẳng làm điều gì sai quấy.

Nhục tổ hổ tông: Làm ô nhục tổ tiên, xấu hổ dòng họ ông bà của mình.

Đưa ngu: Người ngu dốt, ở đây chỉ kẻ tiểu nhân.

Thấy của thì mong: Thấy tiền bạc của cải thì ham muốn.

Phép công nước nhà: Pháp luật của nhà nước.

Câu 165: Người quân tử thà rằng chịu khổ chớ chẳng bao giờ làm điều sai quấy.

Câu 166: Để làm nhục nhĩ tổ tiên, xấu hổ dòng họ của mình.

Câu 167: Đưa ngu dốt, không biết đạo lý thấy tiền bạc của cải thì ham muốn, mong mỏi.

Câu 168: Nên dám làm mọi việc không sợ tội lỗi và luật pháp của nhà nước.

Người xưa thường cho rằng đạo Nho là đạo của người quân tử, tức là chủ đích của Nho giáo là để dạy cho con người trong xã hội thành người nhơn nghĩa, trung chính, đó là hạng người quân tử.

Quân tử bao giờ cũng sống phù hợp với thiên lý, cho nên là người có tâm tính trong sáng, nghĩa lý thanh minh, biết rõ về điều nghĩa, nên dốc lòng muốn làm điều nghĩa, còn kẻ tiểu nhân người ngu dốt, chỉ biết về việc lợi, nên mới dốc lòng vì lợi, không kể phép tắc, tội lỗi: *Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi* 君子喻於義, 小人喻於利.

Người quân tử sống vì nghĩa, nên dù nghèo cũng không làm gì trái với điều nghĩa, còn kẻ tiểu nhân nếu gặp lúc khốn cùng thì không nghĩ gì đến lễ nghĩa, đạo lý nữa, miễn thỏa mãn điều lợi về mình mà thôi: *Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lam* 君子固窮, 小人窮斯濫矣.

Người quân tử không làm điều trái với đạo đức, nghĩa là không làm điều nhục tở hổ tông, còn đưa ngu (tức tiểu nhân) thì chỉ mong điều lợi, cho nên bất cứ việc gì có lợi cũng đều làm bất kể tội lỗi, hay phép công của nước nhà.

169. *Bày chước độc, xúi ra việc quấy,
Tổn cho người mà lấy lợi riêng.*

171. *Hễ nghe khua động đồng tiền,
Sửa ngay làm vạ không kiêng chút nào.*

Bày chước độc: Bày ra mưu chước sâu độc để hại người.

Xúi ra việc quấy: Xúi giục làm những điều sai quấy.

Tổn cho người: Làm hao tổn tiền của người ta, làm tổn hại đến người ta.

Khua động: Gây thành tiếng động.

Đồng tiền 銅錢: Tiền bằng đồng, tiền bằng kim loại.

Sửa ngay làm vạ: Sửa những điều ngay thẳng thành ra những điều sai quấy, tà vạ.

Câu 169: Bày ra những mưu chước sâu độc để xúi giục người làm những việc trái đạo đức.

Câu 170: Vì muốn lợi riêng mà làm những việc hao tổn cho người ta.

Câu 171: Hễ nghe ở đâu có tiếng khua động của đồng tiền.

Câu 172: Sửa những việc ngay thẳng thành những việc tà vạ chẳng kiêng chẳng sợ chút nào.

173. *Người nghèo khổ biết sao than kể,
Kể lễ nhiều cậy thế ỷ quyền,*

175. *Làm quan tính kẻ đảo điên,
Gạt thâu gia sản, đất điền của dân.*

Biết sao than kể: Biết làm sao than van, kể lễ cho hết.

Kể lễ nhiều: Kể đem tiền bạc hay quà biếu làm lễ vật tặng cho người có quyền thế để cầu cạnh một việc gì.

Thế 勢: Thế lực.

Cậy thế: Nhờ cậy vào thế lực của mình hay của người.

Ỡ quyền 倚權: Dựa vào quyền lực của mình hay của người.

Đảo điên: Hay Diên đảo 顛倒: Xáo lộn ngược, chỉ sự rối loạn.

Tính kẻ đảo điên: Bày mưu tính kế lung tung, xáo trộn làm hại người.

Gia sản 家產: Tài sản gia đình, tức là tiền bạc, của cải, nhà cửa của một gia đình.

Gạt thâu gia sản: Lường gạt để chiếm đoạt tài sản của người.

Đất điền: Ruộng đất.

Câu 173: Người nghèo khổ biết làm sao than van kể lễ cho hết sự khổ sở.

Câu 174: Người có tiền bạc đem đút lót kẻ quyền quý để dựa cậy quyền thế.

Câu 175 và 176: Làm quan vì lòng tham lam ích kỷ, bày mưu tính kế một cách tráo trở để lường gạt tài sản và ruộng đất của nhân dân.

Cuối thời hạ nguơn, đạo lý Thánh hiền đã hết cho nên xã hội vì quyền tước lợi danh, vì chén cơm manh áo mà con người cấu xé lẫn nhau, khiến cho kẻ nghèo khổ phải kêu than rên siết, người giàu sang thì cậy thế ý quyền, kẻ làm quan thì tính tình điên đảo, lường gạt tài sản, ruộng đất, áp bức dân lành. Xã hội đầy dẫy những sự bất bình, theo Thánh giáo Đức Chí Tôn, đó bởi do con người vô đạo: “Các con nghe cho rõ, thường ngày các con trông thấy những điều trái tai gai mắt, các con biết vì tại sao chẳng? Như kẻ làm quan ý quyền hiếp bức dân lành, đưa ngu nghịch cha phản bạn, làm rối luân thường, các con biết vì tại sao chẳng? **Tại vô đạo**”.

Do vậy, Đức Chí Tôn mới khai mở nền Đại Đạo để cứu vớt sanh linh thoát khỏi vòng hắc ám như lời Thánh giáo cho biết: “Nào nhân xưa, nào đức trước, nào sách Thánh, nào lời Hiền, trải qua chưa trăm năm mà cuộc cờ đời đã rửa phai hạnh đạo. Thế thì hơn loại, nếu chẳng có mối huyền vi để nhắc chừng tâm tánh, sẽ vì mỗi danh lợi, miếng đỉnh chung mà cắn xé giết giành, giết hại lẫn nhau cho đến buổi cùng đường, rồi vì hung bạo ấy mà cõi dinh hoàn nầy chẳng còn sót dấu chi của nhân vật cả”.

177. **Thả tôi tớ thôn lân húng hiếp,
Bức gái lành, ép thiếp đòi hầu,**
179. **Trong lòng mưu chước rất sâu,
Mai sau suy sụp đáo đầu ra chi.**

Thả tôi tớ: Buông thả những người giúp việc trong nhà để ra ngoài làm điều sẵn bày.

Thôn lân 村鄰: Thôn là làng. Lân là bên cạnh, gần.

Thôn lân: Xóm giềng, làng xóm.

Húng hiếp: Hồng hách và hiếp đáp người.

Bức gái lành: Áp bức con gái nhà lành.

Ép thiếp đòi hầu: Ép buộc con gái người để đòi hỏi làm hầu thiếp.

Mưu chước: Đồng nghĩa với mưu kế 謀計, chỉ sự tính toán ngầm để tìm cách làm một việc gì.

Suy sụp: Xuống dốc.

Đáo đầu 到頭: Đưa đến chỗ cuối cùng.

Câu 177 và 178: Làm quan không nghiêm chánh để cho tôi tớ trong nhà ra xóm làng áp bức gái lành để làm hầu thiếp.

Câu 179: Trong lòng tính toán những kế hoạch sâu độc để hại người.

Câu 180: Một ngày kia khi cuộc đời xuống dốc thì rút cuộc lại mình có ra gì đâu.

181. **Gái xướng ky, trai thì du đảng,
Phá tan hoang gia sản suy vi.**
183. **Làm người phải khá xét suy,
Của rơi chớ lượm, tham thì phải thâm.**

Xướng ky: Hay xướng kỹ. Xướng 唱 là ca hát. Kỹ 妓 (Đọc là kỹ) là người con gái hát xướng để kiếm tiền, như kỹ nữ 妓女.

Du đảng 遊蕩: Du là đi chơi. Đảng là không ai kèm chế. Du đảng: Chơi bời phóng túng, không ai kèm chế nổi.

Phá tan hoang: Phá tan nát hết, phá hết sạch.

Suy vi 衰微: Hư hỏng, mòn mỏi.

Xét suy: Xét nét và suy tính kỹ càng.

Của rơi chớ lượm: Của cải, tiền bạc rơi rớt chớ nên lượm.

Tham thì phải thâm: Đây là một thành ngữ dùng để chê những người có tính tham lam, không suy xét chỉ vì tham số lợi nhỏ mà mất đi số vốn lớn.

Câu 181: *Gái thì làm con hát (kỹ nữ), trai thì chơi bời hoang đàng.*

Câu 182: *Làm cho sự nghiệp của gia đình suy sụp tan hoang.*

Câu 183: *Làm con người khá nên biết suy xét kỹ lưỡng.*

Câu 184: *Khi gặp của rơi chẳng nên tham lam mà lượm lấy vì tục ngữ có câu: Tham thì phải thâm.*

Phàm làm người cần nên suy xét, hễ muốn có ăn thì phải tự thân lao động để kiếm tiền hay tạo ra của cải vật chất, đó là ta hưởng những thành quả do sức làm việc của bản thân mình. Còn tiền bạc, hay của phi nghĩa, của hoạnh tài, tức là của không phải do sức mình kiếm được mà do lòng gặt, chiếm đoạt của người, hay của rơi hoặc tự dưng có được thì không nên tham lam, vì tham thì thâm. Câu chuyện sau đây cho thấy điều đó.

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng vị đại đệ tử A Nan Đà từ non Thử Lã đi xuống Kinh thành khất thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ đất, Ngài thấy một ghè vàng.

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Này A Nan! Ngươi có thấy đây là một loài rắn độc không?”. Ngài A Nan cung kính bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Thật là một loài rắn độc, rất đáng sợ hãi!”. Rồi hai người ra đi.

Đương lúc ấy, có một tiểu phu đứng gần nghe được, vội đến xem, thấy một ghè đầy kín. Anh mở ra, thấy toàn là vàng. Anh cười thầm Đức Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho là rắn độc.

Trước khi đem về, anh sung sướng la lên rằng: “Tôi xin nguyện rắn độc này luôn luôn cắn tôi, cha mẹ tôi, vợ con tôi, và quyền thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết!”.

Sau khi được ghè vàng, anh tiểu phu kia trở thành người trưởng giả giàu có kiêu sa. Làng xóm nghi kỵ, không biết vì sao anh giàu sang đột ngột như vậy. Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế, nên vua đòi đến hỏi. Anh đáp ứng, không muốn nói lượm được ghè vàng. Vua cho là người gian, ra lệnh tịch thu gia tài và bắt anh ta cùng tất cả bà con quyền thuộc đem đi hành hình.

Đi giữa đường anh ta khóc lóc: “Ngài A Nan ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó cắn tôi và cắn hết bà con của tôi đây!”. Bọn lính nghe anh ta luôn gọi Ngài A Nan Đà, bèn trở lại tâu cho vua hay.

Vua ra lệnh đem anh ta về, hỏi lại. Lần này anh ta mới chịu thừa thiệt nguyên do được ghè vàng. Nghe xong, vua bảo anh tiểu phu rằng: “Tội ngươi đáng chết, nhưng may duyên gặp Đức Thế Tôn, nên ta tha tội cho ngươi và bà con ngươi. Ngươi được đem vàng bạc về và từ nay phải sửa đổi tự tâm, tu hành theo thiện nghiệp”.

185. ***Còn một nỗi gian dâm đại tội,
Lấy vợ người làm lỗi tiết trinh.***

187. ***Tuy là Trời Đất rộng thênh,
Mất đường sao nháy chiếu mình lòng người.***

Gian dâm 奸淫: Việc quan hệ thể xác giữa hai người nam nữ không chính đáng như đàn ông lấy vợ người, đàn bà lấy chồng người.

Đây là phạm điều thứ ba của ngũ giới cấm: Không được tà dâm, tà hạnh.

Theo Phật, người hành trì giới tà dâm là không được quan hệ bất chính với người ngoài chồng hay vợ chính thức. Phải hết lòng trung trinh với người chồng hay vợ của mình.

Người giữ được giới này thì tạo được hạnh phúc trong gia đình mình, ngoài ra cũng tránh được sự gây ra đổ vỡ khổ đau trong gia đình khác và bảo vệ tiết hạnh của kẻ khác.

Theo đạo Cao Đài, người giữ giới tà dâm thì ngoài việc tránh được quan hệ bất chính với người khác phái, còn tránh được sự sát mạng của một khối chơn linh trong một giọt máu, tức là những sinh vật nhỏ bé, gọi là tinh trùng. Thánh giáo Đức Chí Tôn đã dạy: “*Một giọt máu là một khối chơn linh. Như các con dâm quá độ thì sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác, thì nó đến tại Nghiệt Cảnh đài mà kiện các con. Các con không hề chối tội dặng*”.

Đại tội 大罪: Tội lớn nhất, tội nặng nhất.

Làm lỗi: Gây nên tội lỗi.

Tiết trinh: Hay trinh tiết 貞節: Giữ vững tấm lòng trinh bạch, nghĩa là giữ lòng cứng cỏi ngay thẳng của người đàn bà đối với chồng.

Chiếu minh 照明: Soi rọi sáng tỏ.

Trời đất rộng thênh: Trời đất rộng lớn, bao la bát ngát.

Mắt đường sao nháy: Mắt của Trời đất như là ánh sao sáng, soi rọi khắp mọi nơi, thấy biết tất cả.

Câu 185: Còn một nỗi gian dâm với vợ hoặc chồng của người là một điều đại tội.

Câu 186: Lấy vợ của người gây nên tội lỗi làm hư hoại về trinh tiết của người.

Vợ chồng là bạn tình trăm năm, là một nghĩa vụ thiêng liêng, là mối quan hệ chặt chẽ trong việc xây dựng tổ ấm hạnh phúc gia đình, gây tạo con cháu nối dõi tông đường.

Vì thế, vợ chồng phải giữ gìn trinh tiết, chung thủy với nhau, không lang chạ, không quan hệ trái phép với vợ hay chồng người mà gây xáo trộn hạnh phúc của gia đình người.

Ngoài ra, giữ giới này cũng là một phương cách tiết dục. Như chúng ta đều biết, sở dĩ chúng ta có một sức khỏe cường tráng là nhờ các chất tinh huyết trong cơ thể. Các chất này là tinh hoa của bao nhiêu chất bổ dưỡng mà ta ăn uống hằng ngày, một phần nuôi cơ thể, một phần tạo nên tinh trùng. Nếu không tiết chế tình dục, tham dâm quá độ thì vô tình tự hại thân tiêu tụy, tự gieo bệnh tật, hay tự làm giảm tuổi thọ của mình.

Câu 187: Tuy là Trời đất rộng lớn bao la, bát ngát.

Câu 188: Nhưng mắt Trời đất như sao sáng chiếu khắp tất cả nhân gian để soi rọi lòng người.

189. **Lương tâm biết hổ người chừa lỗi,
Mới biệt phân sừng đội lông mang**

191. **Việc lành, việc dữ đồn vang
Tuy là bóng khuất xương tan tiếng còn.**

Hổ người: Hổ thẹn, xấu hổ.

Biệt phân: Hay phân biệt 分別: Chia riêng nhau ra.

Sừng đội lông mang: Mang lông đội sừng, chỉ các loài thú vật có lông, có sừng.

Đồn vang: Tiếng tăm truyền tụng khắp mọi nơi.

Bóng khuất xương tan: Không còn nhìn thấy hình bóng nữa (hay khuất bóng, chỉ sự chết); xương cốt tàn rụi, tan biến thành đất.

Câu 189: Con người có lương tâm nên khi gây điều sai quấy thì phải biết hổ thẹn mà ăn năn chừa lỗi.

Câu 190: *Như vậy mới có sự phân biệt giữa con người với loài thú vật đội mang lông sừng (vì con người có trí khôn ngoan hơn loài vật).*

Mạnh Tử nói: “Người ta khác với giống cầm thú không mấy tí, chỉ có người ta bầm thụ được cái bản tính tốt thôi, thế mà kẻ thường dân thì bỏ mất đi, người quân tử thì giữ lấy” (*Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả cơ hi, thứ dân khứ chi, quân tử tồn chi 人之所以異於禽獸者幾希, 庶民去之, 君子存之*).

Nhờ có lương tâm, con người mới nhận thức được điều thiện lẽ ác, việc phải sự quấy. Nếu làm một việc lành thì lòng an nhiên tự tại, nếu phạm một điều ác, thì dạ xốn xang, xấu hổ. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Lương tâm của các con là một khiêu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhơn đức. Làm một việc phải tức là do nơi ý Trời, phạm một nét vạy tà là cãi nơi Thiên luật*”.

Chính lương tâm này mới biệt phân giữa con người và loài thú vật sừng đội lông mang. Phổ Am Tổ Sư có bài kệ như sau:

Súc sanh bốn thị nhân lai tác,

畜生本是人來作,

Nhân xuất luân hồi cổ đáo cam (kim).

人出輪迴古到今.

Bất yếu phi mao tính đới giác,

不要披毛併帶角,

Khuyến quân hữu sử súc sanh tâm.

勸君有使畜生心.

Nghĩa là:

Người lộn súc sanh cũng tại tâm,

*Xưa nay người vật chuyển luân thâm.
Muốn không đội gạc mang lông xấu,
Khuyên chớ làm theo dạ thú cầm.*

Câu 191: *Việc làm lành, việc làm dữ được truyền tụng vang khắp mọi nơi.*

Câu 192: *Tuy là chết rồi, hình bóng đã khuất, xương cốt đã tàn rụi mà tiếng tăm vẫn còn lưu mãi.*

193. *Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá,*

Chớ học đòi mèo mả gà đồng.

195. *Làm điều nhục nhã tổ tông,*

Tiếng như giặt rửa biển sông dặng nào.

Tiết hạnh 節行: Tánh nét đàn bà con gái biết giữ gìn ngay thẳng, không làm bậy về phương diện tình ái.

Danh giá 名價: Có tiếng tăm và có giá trị.

Học đòi: Bắt chước hay học hỏi theo những hành vi không tốt đẹp.

Mèo mả gà đồng: Mèo ngoài mả, gà ngoài đồng, chỉ những con mèo, gà hoang dã làm bậy ngoài mả, ngoài đồng. Nghĩa bóng chỉ những hạng trai gái không đứng đắn, hèn hò làm tình lén lút ngoài đồng hoang mả vắng.

Tổ tông 祖宗: Những người đầu tiên của dòng họ, như tổ tiên 祖先, ông bà.

Câu 193: *Nếu là gái có tánh nét ngay thẳng đứng đắn thì cố giữ gìn danh giá của mình.*

Câu 194: *Đừng nên học theo thói mèo mả gà đồng, tức là hạng người lang chạ bừa bãi, không giữ lễ giáo.*

Câu 195: *Làm những điều nhục nhã đến tổ tông ông bà.*

Câu 196: Gây nên tiếng xấu xa không thể giặt rửa sông biển nào cho sạch hết tiếng như được.

197. **Trai trung hiếu sửa trau ba mối,
Đừng buông lung làm lỗi năm hằng**
199. **Hung hoang tội báo nghiệt căn,
Kẻ chê người thị không bằng cỏ cây.**

Trung 忠: Hết lòng với vua với nước.

Hiếu 孝: Hết lòng thờ kính cha mẹ.

Ba mối: Ba giềng mối, dịch từ chữ tam cương 三綱, gồm: Quân thần cương 君臣綱, Phụ tử cương 父子綱, Phu thê cương 夫妻綱.

Buông lung: Buông thả để làm những điều lung dữ.

Năm hằng: Do chữ ngũ thường 五常: Năm đạo hằng có là nhân 仁, nghĩa 義, lễ 禮, trí 智, tín 信.

Hung hoang 凶荒: Hung đồ hoang đảng, chỉ bọn hung dữ không ai kèm chế được.

Tội báo 罪報: Quả báo do những hành vi tội lỗi đã gây ra từ trước.

Nghiệt căn 孽根: Những việc gây ra từ kiếp trước (nghiệt) làm gốc rễ (căn) của các tai họa xảy đến trong kiếp này.

Kẻ chê người thị: Kẻ chê bai, người khinh rẻ.

Câu 197: Làm trai trung hiếu phải trau dồi ba giềng mối, đó là đạo vua tôi, cha con và vợ chồng.

Câu 198: Đừng nên buông thả làm những điều hung dữ mà lỗi đạo năm hằng.

Câu 199: Những người hung dữ gây nhiều căn nghiệt, tội báo.

Câu 200: Khiến cho kẻ chê bai, người khinh thị không bằng loài cỏ cây.

201. **Thà tiết kiệm hằng ngày no đủ,
Tánh siêng năng lam lũ làm ăn.**
203. **Lòng chừa biếng nhác kiêu căng
Của tiền lãng phí không ngần phải tiêu.**

Tiết kiệm 節儉: Hay cần kiệm, tức ăn xài có chừng mực, không tiêu xài hoang phí.

Người xưa thường dạy: *Cẩn tắc vô ưu, nhẫn tắc vô nhục, tịnh tắc thường an, kiệm tắc thường túc* 謹則無憂, 忍則無辱; 靖則常安, 儉則常足: Cẩn thận thì khỏi lo, nhẫn nhịn thì khỏi nhục, tĩnh lặng thường yên, cần kiệm thường đủ.

Đức kiệm cũng được Đức Chí Tôn dạy như sau: “*Vì tại sao Thầy muốn các con mặc đồ bó vải chằng? Vì bó vải là tấm gương đạo đức, các con đã rõ đạo thì biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Như sự lãng phí se sua ở đời này, Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy*”.

Lam lũ 襤褸: Áo quần rách rưới hôi hám.

Lam lũ làm ăn: Chịu đựng sự rách rưới, nghèo khổ và vất vả để lo làm ăn.

Biếng nhác: Lười biếng, không siêng năng.

Kiêu căng 驕矜: Khoe khoang ngạo mạn, tức là ý tài giỏi lên mặt khinh khi người.

Lãng phí 浪費: Tiêu xài phóng túng, tức là ăn mặc, tiêu pha hoang phí, không tiết kiệm.

Không ngần: Không cần thiết, không tới mức phải tiêu xài.

Câu 201: Thà rằng tiêu xài có chừng mực miễn hằng ngày được no đủ mà thôi.

Câu 202: Tánh tình phải siêng năng cần cù, chịu đựng vất vả để lo làm ăn.

Câu 203: Lòng nên chứa bỏ tật lười biếng và tánh kiêu căng.

Câu 204: Tiền của không nên tiêu xài lãng phí, phải tiêu xài cho có chừng mực.

205. **Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sanh Tiên, Phật một màu.**
207. **Thượng cầm hạ thú lao xao,
Côn trùng thảo mộc loài nào chẳng linh.**

Thương đều muôn vật: Thương yêu muôn sinh vật đồng đều như nhau.

Háo sanh 好生: Hay hiếu sinh là ưa thích sự sống, thương yêu mạng sống.

Đức háo sanh là Thánh chất của Chí Tôn. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Ngài có dạy: “Chi chi hữu sanh cũng bởi Chơn linh Thầy mà ra, hễ có sự sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống. Vì vậy lòng **háo sanh** của Thầy không cùng tận”.

Một màu: Giống hệt như nhau.

Thượng cầm 上禽: Các loài chim bay ở trên trời.

Hạ thú 下獸: Các loài thú sống ở dưới đất.

Lao xao: Rộn rịp lên.

Côn trùng 昆蟲: Côn là đông đúc. Trùng là sâu bọ. Côn trùng: Danh từ dùng để gọi tất cả loài sâu bọ.

Thảo mộc 草木: Các loại cây cỏ.

Câu 205: Đối với muôn vật, lòng của Trời đất thương yêu đồng đều nhau.

Câu 206: Đức háo sanh của các Đấng Tiên, Phật cũng giống hệt như nhau.

Câu 207: Trên thì các loài chim, dưới thì các loài thú sống lao xao nơi cõi thế gian.

Câu 208: Các loài côn trùng, cây cỏ loài nào mà chẳng linh.

Tạo hóa có công sinh thành, nuôi dưỡng con người và vạn vật. Mỗi Chơn linh mà Ngài sinh hóa ra, dù lớn dù nhỏ đều có điểm Linh quang của Ngài chiết ra, cho nên đối với muôn vật, từ côn trùng thảo mộc, đến loài cầm thú và con người, ngài đều thương yêu như nhau, che chở như nhau.

Chư Tiên Phật cũng thế, là các Đấng từ bi cũng lấy lòng Trời làm lòng mình, chính vì vậy, Tiên Phật cũng như Thượng Đế đều có lòng hiếu sinh. Thánh giáo Thầy có dạy: “Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy”.

Theo Đạo Đức Kinh của Lão Tử, Trời đất sở dĩ trường cửu là vì Trời đất không sống cho mình; bậc Thánh nhân nên theo gương ấy. Ngài nói: Trời đất sở dĩ được dài và lâu, là vì không sống cho mình, nên mới đặt trường sanh. Vì vậy Thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước, để thân ra ngoài mà thân đặt còn (Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sanh, cố năng trường sanh. Thị dĩ Thánh nhân, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn 天地所以能長且久者, 以其不自生, 故能長生. 是以聖人後其身而身先, 外其身而身存).

209. *Nó cũng muốn như mình đang sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.*
211. *Bền công kinh sách xem coi,
Vô can sát mạng thiệt thòi rất oan.*

Tuyệt 絕: Chấm dứt, dứt tuyệt.

Tuyệt giống dứt nòi: Dứt tuyệt nòi giống. Hán thường dùng từ tuyệt chủng 絕種.

Bền công: Ra công một cách bền bỉ.

Kinh sách: Sách làm nền tảng của một triết thuyết hay một Tôn giáo. Ví dụ như: Ngũ kinh trong Nho giáo, Đạo Đức kinh trong Lão giáo, Tam Tạng kinh trong Phật giáo và Kinh Thánh của Công giáo.

Trong một bài kinh những lời chỉ dạy, những bài giảng hay thuyết pháp của các Đấng nói lên thật tướng của Chân lý (Pháp) để giáo hóa các đệ tử hay chúng sanh tu tập hầu đạt đến Chân Thiện Mỹ, hoặc giác ngộ giải thoát.

Kinh sách của Tôn giáo tức là con đường dẫn dắt tâm chúng sanh đi vào đường thanh tịnh, khi ý bị phiền não khởi, ta cầm cuốn kinh đọc thì mọi phiền não sẽ được xua tan.

Ngoài ra, phải hiểu được ý nghĩa của kinh, chúng ta mới ứng dụng được lời của các Đấng dạy vào sự tu tập cho mình. Như thế Kinh mới có giá trị thực đối với chúng ta, bằng không thấu suốt nghĩa lý kinh mà cứ đọc tụng hằng ngày đêm, ấy chỉ là từ chương hoặc mê tín. Đọc kinh cầu lý, có vượt qua văn tự mới đạt lý, chứng tri.

Vô can 無干: Không can dự tới, không dính líu tới.

Sát mạng: Hay sát mệnh 殺命: Giết chết mạng sống.

Thiệt thòi: Chịu thua thiệt.

Câu 209: Loài cầm thú và côn trùng thảo mộc, giống như con người, nó cũng muốn được sống còn.

Câu 210: Chúng ta nỡ lòng nào mà dứt tuyệt nòi giống của nó.

Mỗi sinh vật dù lớn nhỏ đều thọ một điểm Chơn linh của Đức Thượng Đế, đều được Ngài thương yêu đồng đều như nhau, đều được quyền sống ở cõi thế gian như nhau. Lại nữa, do bản năng sinh tồn mà mọi loài đều ham sống sợ chết. Vì thế, ai sát hại sinh mạng của một loài vật thì sẽ bị ác báo, người nào cứu mạng một sinh vật sẽ được thiện báo. Câu chuyện sau đây cho thấy phước báo của sự bảo vệ sanh linh, dù là vật bé nhỏ.

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi Tuyết đã chứng lục thông, thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Ngài có nuôi một vị thiếu niên Sa di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đứng hầu bên cạnh thầy, vị La Hán xem qua sắc tướng rồi cho biết vị đệ tử đã hết phước báo, sau bảy ngày nữa sẽ chết. Thiếu niên Sa di nghe được sự việc chỉ biết đau đớn đánh lễ thầy rồi từ tạ trở về nhà.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, người thiếu niên rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi vui trên một dòng nước nhỏ chảy ngang qua đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu, vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước, để đàn kiến có chỗ leo vào, những con kiệt sức không leo được, thiếu niên nhẹ tay bắt từng con bỏ vào áo, rồi đem vào nơi khô ráo. Sau khi xem xét thấy cứu hết bầy kiến, thiếu niên mới yên lòng trở về nhà.

Trong thời gian bảy ngày, chàng thiếu niên lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên thấy

không có gì xảy đến, mình vẫn còn sống. Chàng thiếu niên mừng vui, tìm đến gặp thầy.

Vị La hán hết sức ngạc nhiên, Ngài liền nhập định dùng diệu trí quán xét mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên cải được tử mệnh, lại còn được sống lâu nữa. Sau khi xuất định, vị La hán cho đệ tử mình biết và cho rằng có lòng từ bi mà cứu vớt sinh linh thì công đức ấy vô lượng.

Câu 211: Lúc rảnh rỗi, hãy bên lòng mà xem coi kinh sách.

Câu 212: Các loài đó không hại đến mình mà giết chết nó thì thiệt thòi và rất nên oan uổng.

213. **Chớ kiếm thế gọi ngoan xảo trá,
Lưới rập chim, thuốc cá, đốt rừng**
215. **Thương thay phá noãn lấy lừng,
Tội căn báo ứng biết chừng nào an.**

Kiểm thế: Tìm kiếm phương thế, tìm cách này cách nọ.

Ngôan: Khôn ngoan.

Xảo trá 巧詐: Xảo quyết dối trá, tức dối trá một cách khéo léo.

Lưới rập chim: Dùng lưới làm bẫy để bắt chim.

Thuốc cá: Dùng thuốc độc để bắt cá.

Đốt rừng: Đốt cháy rừng để thú chạy ra mà bắt, tức săn đốt thú rừng.

Phá noãn 破卵: Noãn là trứng. Thọc phá tổ chim để lấy trứng.

Lấy lừng: Vang dội. Ở đây, dùng với nghĩa đầy đầy.

Tội căn báo ứng 罪根報應: Gây điều tội lỗi tạo thành gốc rễ cho việc báo ứng.

Câu 213: Chớ tìm cách gian xảo mà làm rồi cho rằng mình khôn ngoan.

Câu 214: Giăng lưới bắt chim, thuốc độc bắt cá, đốt rừng bắt thú.

Câu 215: Thương thay chọc phá tổ chim, gây nên những việc hung dữ đầy đầy.

Câu 216: Những tội lỗi đó sẽ bị báo ứng biết chừng nào yên được.

217. **Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,
Cướp giựt rồi chém giết mạng người**
219. **Đoàn năm, lũ bầy đạo chơi,
Hiếp người lương thiện, phá đời hại dân.**

Ác nghiệt 惡孽: Mang sẵn mầm hung dữ, ác độc.

Đoàn năm lũ bầy: Cùng nghĩa với Tụ năm dùm bầy, tức là tụ tập thành nhóm năm bầy đũa.

Hiếp người lương thiện: Hiếp đáp người hiền lành, cưỡng bức người lương thiện.

Phá đời hại dân: Phá phách người đời, báo hại nhân dân.

Câu 217: Lại có những người hung dữ gây ra nhiều ác nghiệt.

Câu 218: Đã cướp giựt đồ vật rồi lại chém giết mạng người.

Câu 219: Tụ tập thành nhóm năm bầy đũa để đi lang thang, phá tán.

Câu 220: Hiếp đáp người hiền lương, phá phách người đời và báo hại nhân dân.

221. **Tua khá tưởng thương lần nòi giống
Hãy xét vì mạng sống khó cầu.**
223. **Cũng đừng bài bạc lận nhau,
Rủ ren rù quên, lấy xâu ăn đầu.**

Tua khá tưởng: Nên tưởng nghĩ đến, khá nên nghĩ tới.

Mạng sống khó cầu: Cái sinh mạng khó cầu xinặng, cái mạng sống khó tìm cầuặng.

Bài bạc lận nhau: Cờ bạc gian lận với nhau.

Rủ quén: Dụ dỗ.

Lấy xâu: Hay lấy tiền xâu, tức là tiền công tổ chức đánh bạc hoặc chứa cờ bạc.

Ăn đầu: Ăn tiền đầu.

Câu 221: Khá nên nghĩ thương yêu đến nòi giống.

Câu 222: Hãy xét vì mạng sống của con người khó mà cầu xin được.

Câu 223: Cũng đừng nên đánh bài đánh bạc để gian lận nhau.

Câu 224: Dụ dỗ rủ ren người đến đánh bạc để lấy tiền xâu hoặc ăn tiền đầu.

Cờ bạc là môn chơi rất tai hại, vì nó có thể làm táng gia bại sản, làm mất hạnh phúc gia đình, làm cho con người sa đọa, trộm cướp, giết người, mang thân tù tội. Chính vì thế, người bình dân thường khuyên dạy câu:

Cờ bạc là bác thằng bần,

Ruộng vườn bán hết, chôn chân vào cùm.

Ông Bàng Đức Công cũng có bài thi dạy răn con về cờ bạc như sau:

Phàm nhơn bá nghệ hảo tùy thân,

凡人百藝好隨身

Đổ bác môn trung mạc khừ thân,

賭博門中莫去親

Năng sử anh hùng vi hạ tiện,

能使英雄為下賤

Giải giao phú quý tác cơ bần.

解教富貴作饑貧

Y sam lam lũ thân bằng tiếu,

衣衫檻褸親朋笑

Điền địa tiêu ma cốt nhục sân.

田地消磨骨肉嗔

Bất tín đản khán hương đảng nội,

不信但看鄉黨內

Nhãn tiền suy bại kỷ đa nhân.

眼前衰敗幾多人

DỊCH VĂN

Hễ biết nghề nào cũng ám thân,

Mấy nơi cờ bạc chẳng nên gần.

Anh hùng mắc phải ra hèn hạ,

Phú quý lâm rồi lại khó khăn!

Quần áo tả tơi bằng hữu nhạo,

Ruộng vườn hao hót chị em dần.

Chẳng tin thì ngó trong làng xóm,

Thua thiệt nhiều người ít kẻ ăn.

(Minh Tâm Bửu Giám)

225. **Phải hiểu biết máy sâu họa kín,**

Thánh, Thần đâu tư lệnh bỏ qua.

227. **Thường ngày tuần khắp xét tra,**

Phạt người hung ác đọa sa A Tỳ.

Máy sâu: Do chữ cơ thâm 機深: Lòng dạ sâu hiểm.

Người xưa nhận thấy sự phát động của tâm như máy móc nên gọi là cơ tâm 機心. Trong Hán Việt có từ *Cơ tâm* 機心: Cái lòng biến trá khéo léo, giống như máy móc, tâm con

người ẩn bên trong những mưu mô xảo quyệt để đối xử nhau, giết hại lẫn nhau, không chút thương yêu, không lòng đạo đức. Đây là bản tâm con người trong thời hạ nguon mặt Pháp, trong thời xu hướng theo văn minh vật chất, mà quên đi luân thường đạo đức.

Trang Tử có câu: “*Hữu cơ giới giả, tất hữu cơ sự, hữu cơ sự giả tất hữu cơ tâm* 有機械者, 必有機事, 有機事者, 必有機心”: Có cơ giới tất có cơ sự, có cơ sự tất có cơ tâm.

Thành Huyền Anh chú rằng: Có đồ máy móc tất có chuyện chuyển đổi, có việc chuyển đổi tất sinh lòng đổi thay theo việc.

Họa kín: Tai họa ngầm đến, bởi vì tai họa không lộ ra, chùng đến thì mới biết.

Tai họa do con người tự rước lấy, nên Bàn Đức Công có dạy con rằng: Lượng đại phước diệt đại, **cơ thâm** họa diệt thâm 量大福亦大, 機深禍亦深: Hễ con người có độ lượng ăn ở rộng rãi, khoan dung càng lớn thì cái phước người ấy lớn theo; hễ **lòng dạ sâu hiểm** hẹp hòi bao nhiêu thì cái tai họa ngầm đến với người ấy cũng bấy nhiêu!

Máy sâu họa kín: Lòng dạ sâu hiểm thì tai họa ngầm đến.

Tư lệnh: Hay tư lệnh 私令: Ra lệnh theo ý riêng tư của mình.

Tuần khắp xét tra: Đi canh tuần khắp mọi nơi để tra xét.

Đọa sa: Đọa 墮 là phạt xuống cõi khổ sở, thấp kém. Sa là rơi xuống. Đọa sa: Phạt đày xuống cõi Địa ngục, A tỳ.

A tỳ 阿鼻: Phiên âm từ Phạn ngữ Avici, nghĩa là “vô gián” tức là không gián đoạn, không ngừng nghỉ. Vô gián Địa

ngục hay A tỳ địa ngục là nơi thấp kém nhứt trong mười cửa Địa ngục, giam những người phạm tội ngũ nghịch.

Đây là một cõi Địa ngục chịu tội báo nặng nề nhứt, bởi vì các hình khổ nơi đây liên tục triển miên không ngừng và linh hồn phải chịu ở đó đời đời kiếp kiếp.

Câu 225: Phải nên biết rằng lòng dạ càng sâu hiểm thì tai họa sâu kín sẽ ngầm đến.

Câu 226: Thánh Thần không bao giờ tư lệnh mà bỏ qua bao giờ.

Câu 227: Thường ngày, Thần, Thánh tuần khắp mọi nơi để tra xét.

Câu 228: Những người có hành vi hung ác sẽ bị phạt đọa xuống A tỳ địa ngục.

229. **Sống dương thế hành thì căn bệnh,
Xui tai nản dập dính theo mình.**
231. **Ăn năn khởi ám hồi mình,
Từ bi Trời Phật rộng tình xét cho.**

Dương thế 陽世: Hay dương gian là cõi thế gian, nơi ở của những người đang sống.

Căn bệnh: Hay bệnh căn 病根, còn được gọi là bệnh nghiệp: Là bệnh do những hành vi hung ác từ trước tạo nên căn nghiệp mà báo ứng trong hiện kiếp. Bệnh này làm cho người thọ lãnh phải chịu đau khổ triển miên để trả nghiệp, nên không có thuốc nào điều trị được, chỉ khi nào hết nghiệp là mới hết bệnh.

Tử Đồng Đế Quân có đề lời dạy như sau: Cái bệnh **oan nghiệp** thì thuốc hay khó chữa cho lành, của hoạnh tài không có thể làm cho người mạng cùng giàu được (*Diệu được nan y*

oan trái bệnh, hoạnh tài bất phú mệnh cùng nhân 妙藥難醫
冤債病, 橫財不富命窮人).

Dấp dấp: Dấp lú, dấp dấp.

Khử ám hồi minh 去暗迴明: Từ bỏ nơi đen tối để trở về chỗ sáng lạn. Nghĩa là bỏ nẻo tà để trở về với đường chánh.

Từ bi Trời Phật rộng tình xét cho: Biết ăn năn, sám hối lỗi lầm thì Trời Phật vì lòng đại từ đại bi sẽ tha thứ tội tình cho.

Câu 229: Người làm ác, khi còn sống thì hành cho mang bệnh căn nghiệp.

Câu 230: Xui khiến những tai nạn thường dấp dấp bên mình.

Câu 231: Làm người phải biết ăn năn từ bỏ nẻo tà để trở về với con đường chánh.

Câu 232: Lòng từ bi của Đức Chí Tôn và chư Phật sẽ rộng tình tha thứ cho.

Cuộc sống luôn thay đổi, vô thường. Con người thì luôn khao khát ước mơ được mạnh khỏe, yên ổn. Chính vì thế, con người mới tìm đến tín ngưỡng của tôn giáo, để có sự “bảo vệ” che chở của các Đấng Thượng Đế và chư Thần Thánh Tiên Phật. Nên khi có những bệnh tật nguy hiểm, tai nạn đột xuất thì con người thường hay sợ sệt, cầu xin. Điều này do bởi con người không hiểu lý nhơn quả mà thôi. Chúng ta phải hiểu rằng bệnh tật, tai nạn xảy ra cũng chỉ là do nghiệp lực ta làm từ trước, nên ta cần phải tránh bằng cách không gieo nghiệp dữ, cố gắng tạo nghiệp lành. Nhưng rủi như gặp cảnh ấy, thì chúng ta cũng cần phải chấp nhận trả, một mặt chúng ta phải tạo nghiệp lành để trừ bớt những tội căn đã gây ra.

Lòng từ bi của Trời Phật cũng giống như ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp mọi nơi, muôn vật nơi thế gian bất kể lớn hay nhỏ đều được ánh sáng mặt trời rọi đến, nhưng tùy theo mỗi vật tiếp thu ánh sáng đó tự chuyển hóa để có lợi ích cho chính bản thân mình vậy.

233. **Đừng cố oán thâm lo gây họa,
Đem lòng thù hãm dọa rấp đường.**

235. **Đốt nhà, tháo cống, phá mương,
Nước tràn lụt ngập ruộng vườn tan hoang.**

Đừng cố oán: Chẳng nên cố tâm thù oán, chớ nên giữ lòng thù hận.

Thâm lo gây họa: Âm thâm lo tính gây họa cho kẻ khác.

Rấp đường: Rào bít đường đi, ngăn lấp lối đi của người.

Tháo cống: Tháo cống nước, tức là mở miệng cống để cho nước chảy ra ngoài.

Phá mương: Phá miệng của con mương để nước chảy thoát, tràn ra ngoài.

Tan hoang: Tan vỡ hoang tàn, chỉ sự tiêu tan hết.

Câu 233: Đừng cố tâm oán thù rồi âm thâm tìm cách gây tai họa cho người.

Câu 234: Đem lòng thù hận người rồi hãm dọa bít đường rấp ngõ.

Câu 235 và 236: Đốt nhà, tháo nước cống hay phá miệng mương để nước chảy tràn ra ngoài khiến cho ngập lụt, ruộng vườn người hư hại tan hoang.

237. **Thêm liều mạng đặng toan đồ tội,
Cho người hiền chịu lỗi vương mang.**

239. **Khi hồn lìa khỏi trần gian,
Hóa ra nạ quỷ cơ hàn khổ thân.**

Liều mạng: Làm càn không kể mạng số, tức là biết rằng làm việc đó có hại cho sanh mạng nhưng vẫn cứ làm càn.

Đổ tội: Tội lỗi của mình đem đổ trút lên người khác.

Chịu lỗi vương mang: Chịu vương mắc vào tội lỗi.

Hồn lìa khỏi trần gian: Triết lý Cao Đài cho rằng con người có Linh hồn, còn được gọi là Chơn linh hay Tiểu linh quang, là một thể do Đức Chí Tôn ban cho, nên có thể nói cõi giới của Linh hồn là cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống. Vì vậy, khi con người vừa trút hơi thở cuối cùng thì Chơn thần, và Chơn linh sẽ thoát ra thân xác để lìa khỏi trần gian, tùy theo nghiệp lực dẫn dắt mà trở về Thiên cảnh nhẹ nhàng hay cõi Âm quang đen tối để giải thân định trí.

Nạ quỷ 餓鬼: Cô hồn, quỷ đói. Một trong tam ác đạo của Phật là cõi Địa ngục, cõi Nạ quỷ và cõi Súc sinh.

Theo giáo lý Phật, nạ quỷ là loài quỷ phải chịu đói khát khổ sở, chúng không ăn uống gì được, bởi vì bụng rất lớn mà miệng thì nhỏ như lỗ kim.

Người ta cho rằng người sống trên cõi dương trần có tánh keo kiệt, độc ác, hay ganh ghét, khi chết chơn hồn bị phạt làm nạ quỷ.

Tại các chùa trước mỗi bữa ăn thường có lệ cúng thí thực cô hồn nạ quỷ.

Cơ hàn 飢寒: Đói và lạnh.

Câu 237: Có kẻ liều mạng để toan tính đổ những tội lỗi của mình cho người khác.

Câu 238: Khiến cho người hiền lương phải chịu vương mang lỗi lầm.

Câu 239: Khi chết, hồn sẽ lìa khỏi cảnh trần gian.

Câu 240: Hóa làm nạ quỷ chịu đói khát, lạnh lùng một cách khổ sở.

Theo truyện cổ Phật giáo, Ngài Mục Kiền Liên mới đắc được thần thông từ trên núi Kỳ Xà Quạt đi xuống do nhờ nhãn thông mà thấy được các nạ quỷ.

Khi Ngài về chùa Trúc Lâm gần thành Vương Xá vào buổi chiều, bạch câu chuyện nạ quỷ vừa thấy buổi sáng với Đức Phật. Nhân dịp ấy Đức Thế Tôn mới nói rằng:

- Các thứ nạ quỷ này Như Lai từng thấy nhiều lần, nhưng không muốn đem ra nói cho ai, vì không bằng có là không có người thứ nhì cùng biết. Nay có Mục Kiền Liên tuệ nhãn đã phát sanh, được thấy các nạ quỷ ấy cũng như Như Lai.

Theo *Nạ quỷ kinh giải*, các thứ nạ quỷ này xưa kia là những người trong xứ Ma Kiệt Đà, đã làm những điều tội ác, có 24 thứ nạ quỷ, phần nhiều các thứ này đều còn sót lại quả báo của cảnh Địa ngục, phải tái sanh làm nạ quỷ rất lâu đời, phải chịu khổ sở đói khát nhiều kiếp, chỉ thoát khỏi được là khi nào hết quả hoặc có thân nhân làm phước rồi hồi hướng quả lành, tùy theo nghiệp nặng nhẹ, mới có thể siêu sanh đặng.

241. **Đời nhiều kẻ khi Thần, thị Thánh,**

Ám muội lòng tánh hạnh gỗ ganh

243. **Thấy ai làm phải làm lành,**

Xiêm gièm cho đặng khoe danh của mình.

Khi Thần thị Thánh: Khinh thị Thần Thánh, tức là coi rẻ, khi dễ Thần Thánh.

Ám muội 暗昧: Tối tăm không rõ ràng.

Ám muội lòng: Hay lòng ám muội, tức là lòng dạ đen tối.

Gỗ ganh: Vì ganh ghét mà gây gỗ.

Xiêm gièm: Hay gièm xiêm là nịnh hót và nói xấu người khác để khoe danh mình.

Khoe danh: Khoe khoang tiếng tốt cho mình.

Câu 241: Ở trên đời có nhiều kẻ khinh thị, coi thường Thần Thánh.

Câu 242: Lòng dạ lại đen tối và tánh hay gây gỗ vì tỵ hiềm ganh ghét.

Câu 243: Thấy ai làm điều phải và làm điều lành.

Câu 244: Thì sinh lòng ganh ghét mà gièm xiêm để được khoe danh của mình.

245. **Lại còn có tánh tình hiểm độc,
Xúi phân chia thân tộc ruột rà.**

247. **Làm cho chồng vợ lìa xa,
Cả đời nghiệt báo oan gia chẳng rời.**

Hiểm độc: Hay Độc hiểm 毒險: Nham hiểm và độc ác.

Thân tộc 親族: Bà con thân thích trong họ.

Ruột rà: Quan hệ về ruột thịt.

Nghiệt báo 孽報: Cái mầm ác được báo đáp lại bằng những tai họa, bệnh tật hay đau khổ.

Oan gia 冤家: Nhà hay người bị nhiều điều oan trái.

Câu 245: Lại còn có những người tánh tình nham hiểm và độc ác.

Câu 246: Xúi giục phân chia tình thân tộc ruột rà khiến chia lìa với nhau.

Câu 247: Gây mâu thuẫn vợ chồng người ta khiến phải chia lìa.

Câu 248: Suốt đời sẽ bị nghiệp báo ứng và bị oan gia phá hại chẳng khi nào dứt.

249. **Muốn tránhặng khỏi nơi tội quá,
Lánh kẻ tà chẳng khá nên gần.**

251. **Thí tiền, thí bạc, chẩn bần,
Người đau thí thuốc, Thánh, Thần phước ban.**

Tội quá 罪過: Quá là lỗi lầm. **Tội quá:** Tội lỗi.

Lánh kẻ tà: Xa lánh người gian tà, tức là phải tránh xa những người có tư tưởng và hành vi không chính đáng, tà vạy.

Thí tiền thí bạc: Là bố thí bằng cách đem tiền bạc ra giúp đỡ người nghèo đói, thiếu thốn, đau yếu.

Bố thí tiền bạc còn gọi là tài thí, một trong ba cách hiến tặng: **Tài thí 財施, pháp thí 法施** và **vô úy thí 無畏施**.

Thí tiền thí bạc không những chỉ riêng có lợi cho người nhận mà lẫn cả người cho nữa. Như vậy hành bố thí vừa cứu giúp cho người mà vừa độ cho chính mình: Làm cho tâm được an vui, làm mất đi tính tham lam, ích kỷ, phá chấp sâu nặng của con người mình và làm phát triển lòng từ bi hỷ xả của Phật.

Chẩn bần 賑貧: Chẩn là cứu giúp. **Chẩn bần:** Cứu giúp cho người nghèo khổ.

Câu 249: Nếu mình muốn tránhặng khỏi nơi tội lỗi.

Câu 250: Thì hãy xa lánh với kẻ tà vạy, chẳng nên gần gũi họ.

Theo Nho giáo, con người sinh ra tính vốn lành, vì tập nhiễm xã hội nên tính của con người trở nên bất thiện, tức là

người ta có những hành vi xấu xa, tội lỗi là do bởi gần gũi với những kẻ gian xảo, tà vạy. Do vậy người xưa thường dạy phải xa lánh những người không ngay thẳng, hung ác, mà phải gần gũi người hiền lương, chính trực, bởi họ cho rằng: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”.

Ở đây, con người muốn tránh đặng khỏi nơi tội lỗi, thì phải lánh xa những kẻ gian tà. Ông Thái Công dạy rằng: Gần son thì đỏ, gần mực thì đen, gần người hiền thì sáng, gần người tài thì trí, gần kẻ ngây thì dại, gần người lành thì có đức, gần người trí thì thông minh, gần kẻ ngu thì ám muội, gần kẻ nịnh thì bợ đỡ, gần kẻ trộm thì sinh giặc (*Cận chu giả xích, cận mặc giả hắc, cận hiền giả minh, cận tài giả trí, cận si giả ngu, cận lương giả đức, cận nịnh giả siểm, cận thâm giả tật* 近朱者赤, 近墨者黑, 近賢者明, 近才者智, 近癡者愚, 近良者德, 近佞者諂, 近偷者賊).

Thánh nhân xưa cũng thường nói: Ở chung với người không biết lẽ phải, thì cũng như ngồi giữa hàng cá ươn, dầu chẳng dơ áo, mà nghe mùi hôi thúi (Dữ vô thức giả xử như bào ngư tứ trung tọa, tuy bất ô y, thời thời văn xú 與無識者處如鮑魚肆中坐, 雖不污衣, 時時聞臭).

Tóm lại, gần người tà vạy thì phải làm những việc chẳng lành rồi gây nên nhiều điều tội lỗi. Muốn tránh tội quá thì chẳng gần kẻ gian, xa lánh người xấu.

Câu 251 và 252: *Thấy ai nghèo khổ, đau yếu hay thiếu thốn thì mình đem tiền bạc, vật chất để cứu giúp cho người, còn gặp người bệnh hoạn thì thí thuốc. Làm được những hành vi đó, Thánh Thần sẽ ban phước cho.*

Câu chuyện sau đây cho ta thấy được điều phước báo của việc bố thí:

Một hôm tôn giả Mục Kiền Liên đến nhà người em ruột mình là một vị trưởng giả rất giàu có, Ngài bảo em rằng:

Tôi nghe chú không ưa bố thí, điều ấy không tốt. Phật thường dạy: Người nào hay bố thí sẽ được hưởng phước báo không lường. Nay chú được giàu sang, là do công đức từ kiếp trước. Nay chú cứ ôm lòng lẫn tiếc, chẳng hưởng phước không đặng bao lâu mà đời sau do nghiệp bòn xén sẽ mang thân nga qui khôn khổ vô cùng.

Nghe lời anh dạy, vị trưởng giả mở rộng kho, cúng dường Tam Bảo, chu cấp cho kẻ nghèo đói. Trong khi ấy ông lại cất thêm kho vừa mới, ý muốn thu chứa những của cải mình sẽ được do phước bố thí, nhưng chẳng đặng bao lâu, thì tiền của tiêu mòn, kho cũ đã hết, mà kho mới cũng trống trơn. Trưởng giả sanh lòng ảo não, đến thưa với Mục Kiền Liên: Xưa anh bảo bố thí sẽ được nhiều phước báo, em đem của kho làm việc phước đức đã hết sạch, nhưng phước báo đâu không thấy? Tôn giả Mục Kiền Liên bảo: Nếu phước đức có hình tướng, thì cảnh giới hư không dung chứa vào đâu cho hết. Tuy nhiên, nếu chú muốn, tôi có thể chỉ cho thấy một phần ít quả báo của sự bố thí.

Nói đoạn, Ngài liền dùng sức thần thông đem em lên một cõi Trời, nơi đây lâu các nguy nga, cảnh trí vui tươi sáng suốt, ao thất bửu, gió thơm thanh khiết, hoa mạn đà la vẻ đẹp thần tiên. Từ trong cung điện lộng lẫy, chậm rãi đi ra một đoàn ngọc nữ. Trưởng giả thấy toàn người nữ, nên thắc mắc hỏi, thiên nữ đáp: Đây là cung Trời Đạo Lợi, chúng tôi ở chốn này đã lâu hưởng phước tự nhiên. Bao nhiêu cung điện và tất cả trang nghiêm tốt đẹp nơi đây đều là kết quả của sự bố thí. Người chủ quản của chúng tôi sau này sẽ là người ở cõi nhân gian siêng tu phước đức, đó là một vị trưởng giả em Ngài Mục Kiền Liên, đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Sau khi trở về nhơn gian, trưởng giả lại càng bố thí nhiều hơn và khuyến khích người khác làm theo, không lúc nào biết nhàm chán.

(Theo Lịch sử Đức Mục Kiền Liên)

253. **Đêm thanh vắng chớ toan mưu dối,
Xúi trẻ thơ làm lỗi ngỗ ngang.**
255. **Âm đài gông trống sẵn sàng,
Chờ khi thác xuống cổ mang hành hình ¹.**

Chớ toan mưu dối: Chẳng nên toan tính hay âm mưu lừa dối người.

Ngỗ ngang 忤昂: Ngỗ là trái, ngạo ngược. Ngang là bước binh. **Ngỗ ngang:** Làm điều ngang ngược sái quấy.

Âm đài 陰臺: Chỉ lầu đài ở cõi Âm phủ, nơi Thập Điện Diêm Vương làm việc. Đồng nghĩa với Âm ty, Âm cung hay Âm phủ.

Gông: Một tấm gỗ nặng có khoét lỗ dùng để tròng vào cổ và tay tội nhân.

Trống: Cái cùm để khóa chơn người có tội.

Cổ mang hành hình: Cho tội nhơn mang gông vào cổ để tra tấn, hành hình.

Câu 253 và 254: Đêm tối vắng vẻ, đừng nên toan tính hay âm mưu những điều dối trá để xúi giục trẻ thơ làm những việc tội lỗi, ngang ngược.

Câu 255: Ở cõi Âm phủ đã chuẩn bị sẵn sàng gông và cùm.

Câu 256: Chờ đến khi chết, hồn bị đầy xuống mang gông vào cổ để chịu tra tấn, hình phạt.

257. **Các thơ truyện huê tình xé hủy,**

- Kẻ để đời làm lụy luân thường
259. Nói lời tục tũ không nhường,
Tội hành cắt lưỡi trăm đường ghê thay!**

Thơ truyện: Hay thơ truyện 書傳, tức là sách và truyện.

Huê tình: Hay hoa tình 花情 chuyện tình yêu lãng mạn giữa nam nữ. Ý chỉ chuyện trăng hoa.

Lụy 累: Dính dấp tới, làm liên lụy tới, làm hại tới.

Lời tục tũ: Lời nói chứa đầy điều thô tục, xấu xa.

Tội hành cắt lưỡi: Người có tội bị hành phạt cắt lưỡi.

Câu 257: Gặp các sách hay truyện trăng hoa, lãng mạn thì hãy xé nát hoặc hủy bỏ.

Câu 258: Nếu không, để lại đời sẽ làm hại đến luân thường đạo lý.

Mục đích của văn chương đối với Nho giáo là “lấy văn chớ Đạo” (Văn dĩ tải Đạo 文以載道), tức là dùng văn chương để dạy về đạo lý Thánh hiền. Thế mà cũng có nhiều người vì quyền lợi, nên viết truyện huê tình, dâm loạn, khiến làm lụy đến luân thường đạo đức của người đời. Những loại sách như vậy đã đầu độc biết bao nhiêu trẻ thơ non dại, hại cả thế hệ của con cháu, làm thương luân bại lý. Bài ngự chế của vua Cao Tông có nói: Một đóm lửa nhỏ, cũng đốt đặng núi rừng muôn dặm, nửa lời nói bậy có thể làm tổn đức bình sanh (nhất tinh chi hỏa, năng燒萬頃之山; 半句非言, 誤損平生之德).

Tội lỗi của những người viết dâm thư hay truyện huê tình không phải là nhỏ, vì đầu độc đầu óc non nớt của trẻ thơ, làm hại cả thế hệ đạo đức.

¹ Kinh Lễ, Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo 1936, 1968: In là hổ mang hành hình.

Câu 259: *Mở miệng nói không kể lời tục tũu, xấu xa.*

Câu 260: *Khi chết xuống Âm phủ bị hành phạt cắt lưỡi.*

261. **Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy**

Tởi làm chùa, dối cậ in kinh.

263. **Ăn gian xót bót cho mình,**

Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm vương.

Miệng ngay lòng vạy: Miệng nói ngay thật, lòng dạ vạy tà. Chỉ những người ngoài miệng ăn nói đàng hoàng, ngay thẳng mà trong lòng thì gian tà xảo trá.

Tởi làm chùa: Đi vận động người ta hiến tiền bạc, vật liệu để xây cất chùa chiền, in ấn kinh sách hay lên cột tượng Phật.

Dối cậ in kinh: Cậ vào việc in ấn kinh sách để dối gạt người kiểm tiền, kiểm lợi.

Ăn gian xót bót: Lường gạt người để ăn gian xót bót cho mình.

Dương pháp 陽法: Luật pháp ở cõi thế gian.

Luật hình 律刑: Bị hành hình theo luật pháp.

Người phạm pháp đều bị hình luật xử phạt, nếu ở thế gian thì bị phép vua luật nước, còn ở âm phủ thì bị quỷ thần dỗi xét: Âm vì quỷ thần sở hại, dương vì dương pháp sở tru 陰為鬼神所害, 陽為陽法所誅. Luật hình thế gian còn khó tư vì, huống là luật Thiên điều xử phạt, như Thánh Ngôn Đức Chí Tôn đã dạy: “Mấy con biết luật hình thế gian còn chưa tư vì thay, huống là Thiên Điều thì tránh sao cho lọt?”.

Diêm vương 閻王: Theo Phật giáo, Diêm Vương là vua các cõi Địa ngục ở dưới Âm phủ, còn gọi là Diêm La Vương 閻羅王.

Theo truyền thuyết, có mười vị vua cai quản mười cung điện ở nơi Âm phủ gọi là Thập Điện Diêm Vương 十殿閻王 hay Thập Điện Minh Vương 十殿明王.

Theo kinh sách, mười vị Diêm Vương cai quản mười điện ở Âm phủ được kể như sau:

Nhứt Điện 一殿: Tần Quảng Vương 秦廣王.

Nhị Điện 二殿: Sở Giang Vương 楚江王.

Tam Điện 三殿: Tống Đế Vương 宋帝王.

Tứ Điện 四殿: Ngũ Quan Vương 五關王.

Ngũ Điện 五殿: Diêm La Vương 閻羅王.

Lục Điện 六殿: Biện Thành Vương 卞城王.

Thất Điện 七殿: Thái Sơn Vương 泰山王.

Bát Điện 八殿: Bình Đẳng Vương 平等王.

Cửu Điện 九殿: Đô Thị Vương 都示王.

Thập Điện 十殿: Chuyển Luân Vương 轉輪王.

Câu 261: *Lại có những kẻ nói năng ngoài miệng thì ngay thật nhưng trong lòng thì gian tà xảo trá.*

Câu 262: *Mượn việc xây dựng chùa chiền và in ấn kinh sách để dối người thủ lợi.*

Câu 263 và 264: *Ở trên Dương thế, lường gạt người để ăn gian xót bót cho mình dầu vượt qua khỏi luật pháp thì cũng bị hình luật ở Âm phủ.*

Trên đời có nhiều kẻ vì lợi mà họ bày lăm mưu sâu kế độc để lừa đảo người nhẹ dạ: Kẻ thì ngoài miệng ngọt ngào, ngay thật, nhưng trong lòng gian tà, xảo trá, chuyên lường gạt người lấy tài sản, vật chất; người lại đội lốt tôn giáo, lợi dụng

Trời Phật để lừa dối người dễ tin, mượn việc xây dựng chùa chiền, in ấn kinh sách mà gạt người lấy tiền của.

Những hành vi của họ tuy rằng không bị người phát hiện, vượt vòng dương pháp, nhưng họ khó qua được luật hình của Diêm cung. Bài Tư Thế thông huấn nói rằng: Âm pháp trì nhi bất lậu, Dương hiển cận nhi hữu đào; dương vông sơ nhi dị lậu, âm vông mật nhi nan đào 陰法遲而不漏, 陽憲近而有逃; 陽網疏而易漏, 陰網密而難逃: Âm pháp chậm mà không thể nào lọt qua, dương pháp kín mà có thể trốn được; lưới dương gian thưa nên dễ lọt, chớ lưới âm phủ nhặt mà khó trốn.

265. **Thêm những sãi giả nương cửa Phật,
Của thập phương châu cấp the nhi.**

267. **Ngày sau đọa lạc Âm ty,
Thường thường khảo kẹp chẳng khi nào rời.**

Giả nương cửa Phật: Giả dối nương tựa vào cửa chùa. Ý chỉ người giả dối tu hành.

Thập phương 十方: Mười phương, tức là khắp chốn, mọi nơi.

Của thập phương: Của cải tiền bạc người đạo ở khắp mọi nơi dâng cúng cho chùa.

Châu cấp 周給: Cấp cho đầy đủ để nuôi sống.

The nhi 妻兒: Vợ và con.

Đọa lạc 墮落: Rơi xuống cõi thấp kém. Phật người có tội đầy xuống cõi thấp kém khổ sở.

Khảo kẹp: Kèm kẹp để tra khảo.

Câu 265: Lại thêm những thầy sãi dối nương tựa vô cửa chùa để giả tu hành.

Câu 266: Dùng tiền dâng cúng Phật của bốn đạo ở thập phương để cung cấp nuôi nấng vợ con.

Câu 267: Ngày sau sẽ bị đày đọa xuống cõi Âm ty.

Câu 268: Thường thường bị kèm kẹp để tra khảo, không khi nào ngừng nghỉ.

269. **Thấy giấy chữ rớt rơi lượm lấy,
Đốt ra tro bỏ chảy dòng sông.**

271. **Thủy triều vận tải biển đông,
Lòng hằng đường ấy phước đồng ăn chay.**

Giấy chữ: Giấy có chữ viết.

Người xưa có quan niệm cho rằng chữ Nho là chữ của Thánh hiền đặt ra, dùng để viết kinh sách, lễ nghi, nên khi gặp giấy có chữ viết thì chẳng khá chà đạp hay để rơi rớt khắp mọi chỗ ô uế.

Thủy triều 水潮: Con nước ở sông hay biển khi lên khi xuống, mỗi ngày đêm hai lần. Hiện tượng này có được là do bởi sức hút của mặt trăng và mặt trời. Người bình dân thường gọi là con nước lớn ròng.

Vận tải 運載: Chuyên chở từ nơi này đến nơi khác.

Phước đồng 福同: Đồng với phước đức.

Ăn chay: Ăn chay hay ăn lạt là ăn những thức ăn trong sạch, nhẹ nhàng, tinh khiết, tức là những thức ăn thuộc loại thảo mộc như hoa quả, rau đậu, tương chao...chứ không ăn thịt những loại động vật như cá thịt, tôm, cua...

Chay dịch từ chữ Trai 齋, có nghĩa là ăn lạt, ăn những thức ăn từ thảo mộc, rau đậu. Trai còn có nghĩa là giữ tâm lòng trong sạch, ý tưởng tinh tấn, thân xác tinh khiết. Trai lại có nghĩa là đãi ăn, cúng dường, bố thí như trai tăng, tức là đãi các tu sĩ, các thầy bên Phật giáo. Chữ trai còn có nghĩa phẩm

vật, thức ăn do lòng thành của tín đồ dâng lên cho các tu sĩ, các thầy, như thọ trai.

Trong tôn giáo, có ba hạng ăn chay: Lục trai 六齋 (Ăn chay sáu ngày trong tháng), Thập trai 十齋 (Ăn chay mười ngày), Trường trai 長齋 (Ăn chay quanh năm suốt tháng).

Theo Thánh giáo Đức Chí Tôn, người tín đồ Cao Đài nào ăn chay được mười ngày trong tháng trở lên được thọ truyền bửu pháp, tức là được hưởng những bí pháp do tôn giáo mang lại.

Câu 269 và 270: *Thấy giấy chữ rơi rớt bất cứ nơi đâu phải lượm lấy và đốt cháy ra tro rồi đem rải xuống dòng sông.*

Câu 271: *Thủy triều chuyên chở hạt tro theo dòng nước ra biển đông.*

Câu 272: *Lòng luôn được như vậy thì có phước đức đồng với sự ăn chay.*

Cổ nhân thường cho rằng chữ viết ngày xưa là chữ của bậc Thánh hiền chế tác ra, nên phải giữ gìn một cách trang trọng, không dám để rơi rớt, chà đạp. Trong bài kinh Nho giáo cho biết chữ viết được chế tác một cách thiêng liêng, nên nói: Tự lôi trừ bính 字雷貯炳, nghĩa là chữ viết vừa được chế ra thì sấm sét nổ vang, chữ viết làm cho trí tuệ con người sáng rực (khai hóa).

Hứa Thận đời Hậu Hán có cho biết lai lịch văn tự Trung Hoa như sau: Đời xưa họ Bao Hy cai trị thiên hạ, ngừng xem hình tượng trên Trời, cúi xem phép tắc dưới đất, trông dáng vẻ loài cầm thú cùng trạng thái đất đai, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở muôn vật, bắt đầu sáng tác ra Dịch Bát quái để truyền lại các hiện tượng về sau. Đến Thần Nông thắt nút dây cai trị thiên hạ, thống hợp mọi sự. Sử quan Hoàng Đế là Ông Thương Hiệt nhìn vết chân chim muông

chạy nhảy mà biết rằng văn lý có thể phân biệt nhau, mới sáng tạo ra chữ viết. Thương Hiệt chế ra chữ viết căn cứ vào loại, mô tả ra hình, nên gọi là Văn. Về sau, hình thanh bổ túc cho nhau, nên gọi là Tự.

Tương truyền rằng khi văn tự được hình thành rồi thì Trời gây mưa giông và nổi cơn sấm sét. Bởi vì nhờ Thánh Hiền chế ra chữ viết mới có Kinh sách ra đời để truyền đạt những giáo lý của Thánh nhân từ đời này qua đời khác.

Chính vì xem trọng chữ viết như thế, nên Kinh cho rằng khi thấy giấy chữ rơi rớt thì phải lượm lên, đốt thành tro rồi còn phải đem tro ấy thả trôi theo dòng sông. Cái công đức của người lượm lấy giấy chữ Thánh hiền thì được phước đồng với sự ăn chay.

273. **Chịu cực khổ đắng cay biết mấy,
Cuốc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong.**

275. **Làm ra lúa gạo dày công,
Dầm mưa dạn nắng kẻ nông nhọc nhằn.**

Đắng cay: Hay Cay đắng là hai vị khó ăn trong ngũ vị, nên người ta thường dùng để chỉ sự khổ sở, vất vả. Từ Hán Việt gọi là Tân khổ.

Cuốc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong: Những công việc mà người nông phu phải làm khi sản xuất ra lúa gạo: Cuốc, cày, bừa là giai đoạn làm đất, gieo giống lên thì cấy lúa, lúa trở bông thì lo gặt đong rồi đem về.

Dày công: Công phu sâu dày.

Câu 273: *Chịu khổ cực, chịu đắng cay không biết là bao nhiêu.*

Câu 274: *Nào là cuốc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong rất nên nhọc nhằn.*

Câu 275: *Làm ra được một hạt lúa gạo thì công phu rất sâu dày.*

Câu 276: *Người nông dân phải chịu phơi mưa dạn nắng rất nên nhọc nhằn.*

Ăn uống là việc hằng ngày của con người buộc ai cũng phải có. Ăn để cung cấp chất dinh dưỡng cơ thể, bổ sung năng lượng cho con người hoạt động. Từ ngàn xưa, vật thực cũng tiến theo từng thời kỳ: Thời kỳ hái lượm thì con người ăn rau quả; đến thời kỳ ngư lập thì con người đánh bắt cá hay săn thú rừng mà ăn thịt; sang đến thời nông nghiệp, con người không có thể tìm kiếm những tài nguyên sẵn có trong thiên nhiên nữa, mà phải tự trồng lấy khoai củ, ngũ cốc. Do vậy, có được lúa gạo cho con người ăn phải qua nhiều công sức cực nhọc làm ra, như cuốc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong...

Người bình dân Việt Nam đã thấy được cái công lao của người nông dân sản xuất ra hạt gạo rất nên nhọc nhằn, nên thường nhắc nhở trong ca dao:

Ai ơi! Bưng bát cơm đây,

Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn vàng.

Còn đối với người tín đồ đạo Cao Đài, ăn một hạt cơm thì nguyện nhớ ơn người làm ra hạt lúa, nguyện ra tài lợi sanh như lời kinh *Khi Ăn Cơm Rồi* đã dạy:

Nguyện nhớ ơn nông canh nhằn nhọc,

Nguyện ơn người lúa thóc già xay.

Ngậm cơm ơn ngậm hằng ngày,

Nên người con nguyện ra tài lợi sanh.

Và nhất là phải tìm cái lý sâu xa hơn nữa, đó là nguồn gốc của ân đức ấy. Những bậc Thánh nhân xưa, không phải vì mình ở mà kết cây làm tổ để bảo vệ thân mình, không phải vì mình ăn mà tìm ra ngũ cốc để nuôi sống cơ thể mình, không phải vì mình bệnh mà tìm thuốc để chữa trị cho mình. Các bậc Thánh nhân ấy, vì theo lòng thương yêu của Thượng Đế

mà chỉ dạy cho con người biết làm nhà để ở, biết trồng lúa để ăn, biết tìm thuốc để trị bệnh. Có hiểu như vậy, người ta mới thấy rằng ân đức của người xưa rất nên sâu nặng, và công sức làm ra hạt gạo thật rất nhọc nhằn.

Trong Bài Ngự chế của vua Thần Tông có nói rằng: Thân mình mặc áo phải nhớ đến khổ nhọc của người đàn bà dệt lụa, Cơm ngày ba bữa phải nghĩ đến khổ cực của người cày cấy (*Thân phi nhất lữ, thường tư chức nữ chi lao; nhật thực tam xan, mỗi niệm nông phu chi khổ* 身披一縷,常思織女之勞;日食三餐,每念農夫之苦).

277. **Nhờ Viêm Đế đức cao ơn nặng,
Tìm lúa khoai người dựng no lòng.**

279. **Ngày ngày vọng niệm chó vong,
Chẳng nên hủy hoại mới phòng khỏi hoang.**

Viêm Đế 炎帝: Hiệu của Thần Nông 神農, một vị vua thứ ba trong thời Tam Hoàng, đó là Toại Nhân 燧人, Phục Hy 伏羲 và Thần Nông 神農. (Thượng Thư Đại Truyện).

Thần Nông là vị vua thời Thượng cổ, trị vì sau vua Phục Hy. Ngài có công dạy dân gieo cấy chế ra cày bừa để làm ruộng, hợp chợ búa để dân trao đổi hóa vật, nếm các thứ cây cỏ để làm vị thuốc cho dân trị bệnh.

Đến thời vua Thần Nông con người mới biết định cư, sống hợp quần theo nông nghiệp. Ngài có công lớn trong việc tìm các loại ngũ cốc, khoai củ để làm lương thực cho dân chúng thời bấy giờ, và mãi mãi sau này.

Đức cao 德高: Đức độ cao dày.

Ân nặng: Ân nghĩa sâu nặng.

Vọng niệm 望念: Mong mỏi và tưởng nghĩ đến.

Vong 忘: Quên.

Hủy hoại 毀壞: Làm cho hư nát, phá hoại.

Mới phòng khỏi hoang: Mới tránh được khỏi bị hoang phí.

Câu 277 và 278: Từ xưa, con người đã nhờ ân đức sâu nặng của vua Thần Nông dạy dỗ và tìm ra lúa khoai để nuôi sống hằng ngày.

Câu 279: Biết được ân đức sâu dày của Viêm Đế, hằng ngày ta phải tưởng nghĩ đến Ngươi, chớ nên quên.

Câu 280: Nghĩ đến ân đức và sự nhọc nhằn của việc làm ra lúa khoai, ta chẳng nên hủy hoại mới tránh được sự lãng phí.

281. **Chớ hiểm độc dạ lang lần lựa**
Nhơn thất mùa bể dựa gặt gao.

283. **Chờ khi lúa phát giá cao,**
Khai ra bán mắc Trời nào dung cho.

Hiểm độc 險毒: Nham hiểm và độc ác.

Lang 狼: Loài chó sói.

Dạ lang: Lòng dạ như loài chó sói, chỉ lòng độc hiểm.
Có câu thành ngữ: Lòng lang dạ sói.

Lần lựa: Kéo dài thời gian.

Thất mùa: Làm lúa không trúng hoặc thiên tai khiến lúa thất mùa.

Bể vựa: Đóng cửa kho vựa lúa, tức là không đem lúa bán ra ngoài.

Gặt gao: Khắt khe, nghiêm nhặt.

Lúa phát giá cao: Giá lúa thành lĩnh lĩnh mắc lên.

Câu 281: Người có lòng dạ hiểm độc như lang sói, lần lựa chờ thời cơ,

Câu 282: Nhơn dịp lúa thất mùa, thì gom thu lúa gạo vào vựa một cách gặt gao, không chịu bán ra.

Câu 283: Chờ đợi khi lúa trên thị trường có giá mắc.

Câu 284: Lúc đó mới đem lúa bán ra ngoài để được nhiều lãi. Thực là độc hiểm, Trời đất không bao giờ dung thứ đặng.

Trong nền kinh tế hiện tại, muốn độc quyền về sản phẩm, người ta thường đầu cơ tích trữ, tức là thu gom tất cả sản phẩm trên thị trường vào kho tích trữ, tạo cho thị trường khan hiếm sản phẩm ấy. Rồi sau đó tung ra thị trường bán với giá cao để được lời nhiều.

Đối với tôn giáo, nhứt là lương thực là sản phẩm chính yếu của con người, là *hột ngọc quý báu của chúng sanh*, người đầu cơ tích trữ lúa gạo, lại phải dựa vào năm hạn hán hay thất mùa, đã không chịu bán lúa gạo ra, mà còn thu gom bể dựa vào kho một cách gặt gao. Đợi thị trường thật khan hiếm, khiến dân tình thiếu đói, mới chịu tung lúa gạo ra bán với giá cắt cổ, thử hỏi lòng dạ con người ấy có độc hiểm như lang sói không? Trời đất có dung tha đặng không? Ôi! Cổ nhân thường nói: “Vi phú bất nhân 為富不仁” là đúng vậy.

285. **On trợ giúp khá lo đền báo,**

Giữ vẹn tròn nghĩa đạo với đời

287. **Túng cùng vay mượn của người,**
Vui lòng tính trả vốn lời cho kham.

Trợ 助: Giúp đỡ.

Đền báo: Đền đáp ân nghĩa trở lại.

Nghĩa đạo: Hay đạo nghĩa 道義, tức là những qui tắc ứng xử hợp với luân thường đạo đức.

Túng cùng: Nghèo nàn nên túng thiếu về vật chất hay tiền bạc.

Vốn: Tiền gốc cho mượn hay cho vay.

Lời: Tiền lời (tiền lãi) do vốn cho vay sinh ra, tùy theo phần trăm mà định nặng nhẹ.

Kham 堪: Chịu đựng nổi.

Câu 285: *Ơn nghĩa do người ta giúp đỡ mình thì khá lo đền đáp lại.*

Câu 286: *Và cố cư xử cho vẹn tròn đạo lý với người đời.*

Ở đời, có lắm kẻ được người ta giúp đỡ, nhận biết bao ơn nghĩa của người, nhưng khi qua khỏi cơn nguy khốn, sau đó đối với người ơn của họ, họ đành ngoảnh mặt làm kẻ xa lạ. người như thế là người bội ơn, không phải là người hiểu đạo lý, và là người không có tâm lương thiện. Thế nên, người đạo đức chân thật là người phải biết ơn và đền ơn người ta đã giúp đỡ cho mình, như thế mới gọi là người biết giữ tròn đạo nghĩa, là người “ăn trái nhớ kẻ trồng cây” hay “uống nước nhớ người đào giếng” vậy.

Câu 287: *Lúc túng thiếu cùng cực đi vay mượn của người ta.*

Câu 288: *Thì phải vui lòng lo trả tiền vốn và tiền lời cho xong.*

289. **Chớ oán chạ tham lam ngược ngạo,**

Bội nghĩa ân trở tráo chước sâu.

291. **Luân hồi thương phạt rất mau,**

Chuyển thân tái thế ngựa trâu công đền.

Oán chạ: Thù oán một cách bừa bãi, không chính đáng.

Tham lam : Tham là ham của. Lam là ham ăn. Tham lam: Lòng ham ăn, tham của cải vật chất. Nghĩa bóng Ham muốn một cái gì thái quá.

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy về tham lam như sau: “*Các con có hiểu vì sao Nhơn sanh có lòng tham lam chẳng? Thì cũng muốn có nhiều kẻ phục tùng dưới quyền lợi của mình. Vả lại, người đời cần nhứt là cơm với áo. Nay muốn có nhiều kẻ phục tùng không chi bằng nắm chặt quyền phân phát áo cơm, phải dùng đủ mưu chước quỷ quyết thâm đoạt lợi lộc, quyền thế. Vì vậy, mà đời trở nên trường hỗn loạn, tranh đấu, giết giành; mạnh được, yếu thua, mất hẳn công bình, thiên nhiên Tạo hóa.*”

Ấy vậy, phải biết rằng: Tham lam vào tâm, tâm hết đạo đức; tham lam vào nhà, nhà hết chánh giáo; tham lam vào nước, nước mất chơn trị. Tham lam lộng khắp thế giới, thế giới hết Thần Tiên: Lòng tham lam có thể giục các con lỗi đạo cùng Thầy”.

Ngược ngạo: Bướng bỉnh ngang ngược.

Bội nghĩa ân: Hay bội ân nghĩa 背恩義: Phản bội lại kẻ mình thọ ân nghĩa.

Trở tráo: Lật lọng, tức là thay đen đổi trắng một cách dễ dàng.

Luân hồi 輪迴: Luân là bánh xe. Hồi là xoay trở lại.

Giống như một bánh xe lăn quay, luân hồi là sự xoay chuyển của chúng sanh trong sáu cõi (Lục đạo), sanh tử, tử sanh, tiếp nối mãi không ngừng cho đến khi đạt được giải thoát, chứng ngộ Niết Bàn mới thôi.

Nguyên nhân của luân hồi là do chúng sanh vô minh mà tạo ra các nghiệp, khiến cho nghiệp lực cuốn hút vào vòng sống chết, lên xuống không bao giờ ra thoát khỏi sáu cõi. Mục đích của việc tu hành là nhằm giải thoát con người ra khỏi vòng luân hồi sanh tử để được về cõi Thiên Tiên Hưởng Sống.

Rất mau: Rất huyền diệu, rất mau nhiệm.

Tái thế 再世: Đầu kiếp xuống trần một lần nữa.

Chuyển thân tái thế 轉身再世: Chuyển kiếp qua một xác thân mới để đầu thai xuống cõi trần.

Ngựa trâu công đền: Làm kiếp trâu ngựa để lấy công đền tội.

Câu 289: Chớ nên tham lam, bướng bỉnh ngược ngạo và thù oán người một cách bậy bạ.

Câu 290: Mà phản bội lại người có ơn nghĩa, lật lọng và mưu chước sâu độc.

Câu 291: Sự thưởng phạt của Thiên Liêng trong vòng luân hồi sanh tử rất nên mẫu nhiệm.

Câu 292: Nếu nghiệp nhẹ thì được đầu thai lên cõi trần một lần nữa; còn nếu có tội thì chuyển kiếp ngựa trâu để lấy công đền tội lỗi.

293. **Người phú túc vun nền âm đức,
Lấy lòng nhơn giúp sức trợ nghèo.**

295. **Chớ sanh chước hiểm hẹp eo
Lời tăng quá vốn kẻ nghèo xiết than.**

Phú túc 富足: Phú là giàu có. Túc là đầy đủ. Phú túc: Giàu có đầy đủ.

Vun nền: Bồi đắp nền tảng.

Âm đức 陰德: Còn gọi là Âm chất: Những việc làm lành tạo thành phước đức, tuy người ở thế gian không biết, nhưng Thần Thánh chứng biết.

Chước hiểm: Mưu chước hiểm độc.

Hẹp eo: Hẹp hòi, nhỏ hẹp.

Lời tăng quá vốn: Đồng nghĩa với câu “vốn một lời mười”, tức là đem tiền cho vay lãi suất quá nặng, khiến tiền lời hơn vốn vay.

Câu 293: Người giàu có đầy đủ nếu biết thì bồi đắp nền âm đức.

Câu 294: Lấy lòng nhơn từ để giúp đỡ người nghèo khó.

Câu 295: Chẳng nên có tánh hẹp hòi hiểm độc.

Câu 296: Cho vay tiền với mức lời quá nặng, lời tăng hơn vốn, khiến cho kẻ nghèo kêu than rên xiết.

297. **Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo cổ đất cầm vườn.**

299. **Phật Trời nhơn vật đồng thương,
Có đâu hưởng của bất lương mà mời.**

Làm mặt phải: Bên ngoài mặt ra vẻ làm việc phải, tức là làm phải với hình thức bên ngoài.

Cổ đất cầm vườn: Dem vườn đất đi cầm cố để lấy tiền.

Nhơn vật 人物: Con người và thú vật.

Bất lương 不良: Không lương thiện, không lành.

Câu 297: Làm ra vẻ bên ngoài là người biết đạo đức, đem tiền bạc đi cúng Phật.

Câu 298: Bên trong thì lấy lời nặng, khiến những kẻ nghèo phải thế đất cầm vườn.

Câu 299: Trời Phật đều thương yêu người và loài vật một cách đồng đều như nhau.

Câu 300: Có bao giờ hưởng của bất lương đâu mà bày lễ cúng mời.

Ở đời cũng có những kẻ tu hành mà lại cầu danh. Họ làm việc phải, việc lành là để lấy tiếng tốt với đời, chứ không cầu công đức, vì nhiều khi đồng tiền cúng Phật hay giúp người nghèo của họ do việc làm thất đức mà ra. Ví như vì muốn có lợi, họ áp bức những người nghèo khổ đến nỗi phải cầm cố ruộng đất.

Trời, Phật, Thánh, Thần là những Đấng công bình, từ bi, có lòng thương yêu mọi con người như nhau, chứ không vì sự cúng tế bề ngoài mà chúng hưởng. Đông Nhạc Thánh Đế có đề lời dạy: Thiên Địa vô tư, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phước, bất vị thất lễ nhi giáng họa (Trời đất không có riêng tây, Thần minh thường soi xét. Không vì tế lễ mà ban phước, không vì thất lễ mà giáng họa).

301. **Phận làm chủ lấy lời nhỏ nhẹ,
Mà nghiêm trừng mấy kẻ tôi đòi.**
303. **Đừng lòng nham hiểm hẹp hòi,
Buông lời chửi rửa đòn roi không từ.**

Nghiêm trừng 嚴懲: Đồng nghĩa với nghiêm trị 嚴治: Trừng trị một cách nghiêm ngặt.

Tôi đòi: Người giúp việc trong nhà, đầy tớ trong nhà.

Nham hiểm 巖險: Núi non hiểm trở. Nghĩa bóng chỉ người độc ác kín đáo, khó lường được.

Hẹp hòi: Nhỏ nhen ích kỷ.

Không từ: Không buông tha, không chừa ra.

Câu 301 và 302: Phận mình là người làm chủ thì nên lấy lời nhỏ nhẹ mà dạy răn mấy người giúp việc trong nhà.

Câu 303: Đừng có lòng nhỏ nhen ích kỷ, sâu độc khó lường.

Câu 304: Đừng có buông lời chửi rửa, đánh đập, chẳng chừa đòn roi nào.

305. **Tánh độc ác tội dư tích trữ,
Chốn Âm cung luật xử nặng nề.**
307. **Đánh đòn khảo kệp gớm ghê,
Hành hình khổ não chẳng hề nói tay.**

Tội dư: Nhiều tội lỗi đến nỗi dư thừa.

Tích trữ 積貯: Cất chứa lại.

Âm cung 陰宮: Cung điện nơi Âm phủ. Đồng nghĩa với Âm đài, Âm ty, Âm phủ.

Khảo kệp gớm ghê: Tra khảo bằng kèm kệp rất ghê gớm.

Hành hình 行刑: Thi hành các hình phạt.

Khổ não 苦惱: Khổ sở phiền não.

Nói tay: Nói lỏng tay, tức là giảm bớt sự nghiêm ngặt.

Câu 305 và 306: Tánh tình độc ác, gây ra nhiều tội lỗi cất chứa đó chờ khi thác xuống Âm cung sẽ bị xử theo hình luật rất nặng nề.

Câu 307: Sẽ bị tra khảo bằng đòn roi, kèm kệp một cách ghê gớm.

Câu 308: Rồi thi hành hình án một cách khổ não, chẳng hề nói tay bao giờ.

309. **Miền Âm cảnh nhiều thay hình lạ,
Cõi dương trần tội quá đầy đầy.**
311. **Thánh hiền kinh sách dạy bày,
Lòng người ám muội lỗi gây ra hoài.**

Âm cảnh 陰境: Cảnh giới của người ở cõi Âm, tức Âm phủ, Âm cung...

Hình lạ: Hình phạt rất kỳ lạ.

Tội quá 罪過: Tội lỗi.

Thánh Hiền 聖賢: Bậc Thánh Hiền.

Thánh 聖: Người có trí tuệ sáng suốt, hiểu thấu mọi việc, có học thức và đạo đức cao siêu.

Hiền 賢: Người có tài năng và đức hạnh.

Dạy bày: Chỉ bày và dạy dỗ.

Ám muội 暗昧: Lòng dạ tăm tối.

Câu 309: Nơi Âm cảnh có nhiều hình phạt tội nhơn rất nên lạ lùng.

Câu 310: Cõi Dương gian thì con người gây nên tội lỗi đầy đầy.

Câu 311: Kinh sách của các bậc Thánh Hiền đã chỉ dạy rõ ràng.

Câu 312: Do bởi lòng người tăm tối (vô minh) nên thường gây ra tội lỗi hoài.

313. **Kẻ lỗ mǎng chê bai khinh dể,**

Rằng thác rồi còn kể ra chi.

315. **Nhãn tiền trả quả tức thì,**

Tội dư con cháu một khi đền bồi.

Lỗ mǎng 魯莽: Lỗ là đàn độn. Mǎng là cộc cằn, thô tục. **Lỗ mǎng:** Người đàn độn thô tục.

Thác: Chết.

Còn kể ra chi: Còn có ra gì nữa đâu. Ý muốn nói chết rồi không còn cái gì tất cả.

Nhãn tiền 眼前: Thấy trước mắt.

Trả quả tức thì: Trả lại quả báo do những tội lỗi đã gây ra liền tức khắc.

Tội dư: Hay dư tội 餘罪: Tội lỗi mình phải đền trả, nếu chết mà còn dư thừa lại thì con cháu chịu.

Câu 313 và 314: Kẻ lỗ mǎng vì không có tin tưởng tôn giáo, nên chê bai khinh dể Thần Thánh, cho rằng người chết rồi không còn chi hết, còn kể chi nữa.

Câu 315: Sự trả quả do việc làm ác sẽ báo ứng tức thì ngay trước mắt.

Câu 315: Tội lỗi đã trả quả, nếu chết còn dư thừa con cháu sẽ đền bồi.

Người lỗ mǎng là người cộc cằn thô tục, không biết suy xét lẽ thiệt hơn, nên khi đọc đến bài kinh Sám Hối này thì chắc chắn rằng sẽ chê bai, khinh dể, bởi vì đối với hạng người này, họ chỉ biết sống có thân xác và vật chất mà thôi, chứ không tin con người có linh hồn. Đối với họ, con người khi chết là hết, không có nghiệp báo, nhơn quả gì cả. Vì vậy, họ chỉ sống cho hiện tại, không lo sợ về việc báo ứng, cứ lòng hung hăng mà làm điều dữ. Đến chừng quả báo xảy đến trước mắt thì than ôi! Tội lỗi đã đầy đầy, khiến cho con cháu cũng phải chịu vương mang.

317. **Chớ quấy tướng luân hồi phi lý,**

Mà hung hăng chẳng nghĩ chẳng suy.

319. **Thi hài như gỗ biết gì,**

Linh hồn là chủ thông tri việc đời.

Quấy tướng: Tướng nghĩ bậy, càn suy xét mà nghĩ bậy.

Phi lý 非理: Chẳng có lý, vô lý.

Thi hài 屍骸: Thi thể hình骸, tức là thể xác.

Thông tri 通知: Báo cho biết, biết rõ suốt mọi việc.

Câu 317: Chớ nên làm tướng rằng chuyện luân hồi nhơn quả là không có lý.

Câu 318: Rồi chẳng nghĩ chẳng suy mà giữ tánh lung lẳng hung dữ.

Có nhiều người tướng quấy rằng chết là hết tất cả, chẳng có linh hồn, không luân hồi nhơn quả, cho nên họ

chẳng ngại ngần, sợ sệt việc quả báo, cứ lòng hung hăng làm điều ác đức. Họ nghĩ hiện tại thân này hành động tạo nghiệp thiện hay ác, mai kia thân hoại rồi nghiệp cũng mất đi. Họ không hiểu rằng Phật đã thường nói nghiệp theo con người như bóng với hình vậy. Chúng sanh sở dĩ luân hồi sinh tử là do nghiệp. Nghiệp là động cơ lôi kéo chúng sanh cứ quanh lên lộn xuống trong sáu cảnh giới, gọi là lục đạo.

Lời giải thích của Đức Phật trong câu chuyện sau đây cho ta thấy rằng có luân hồi và chính *ngiệp lực đã dẫn dắt con người trong vòng sinh tử*.

Xưa có Ma Ha Nam, là em chú bác của Đức Phật. Ma Ha Nam theo Phật tu hành mà không hiểu sau này mình sẽ ra sao, nên hỏi Đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn, bình thường con tu hành, giả sử con vì một tai nạn nào đó đưa đến con phải chết, thì sau khi chết con sẽ đi về đâu?

Đức Thế Tôn không trả lời thẳng, mà đưa ra câu hỏi ví dụ rằng: Có một cây to, mọc từ dưới đất lên cao, thân cây nghiêng về một phía. Vậy lúc đốn cây đó, thân sẽ ngã về bên nào?

Ma Ha Nam trả lời: Cây sẽ ngã về phía thân cây đã nghiêng.

Phật dạy: Như vậy, bình thường ông làm điều lành, khi chết tuy tâm thần bị hỗn loạn, nhưng **ngiệp thiện** đã tích lũy sẽ **hướng** ông đến chỗ lành, đó là chơn lý vậy.

Câu 319: Thân xác con người khi chết rồi thì như khúc gỗ có biết gì đâu.

Câu 320: Linh hồn mới là chủ của con người, hiểu biết hết mọi việc trong đời.

Trong bài kinh *Tấn Liệm* có câu:

*Khối vật chất vô hồn viết tử,
Đất biến hình tự thử qui căn.*

cho ta thấy rằng thân xác là khối hình hài vật chất, con người nếu không có linh hồn thì coi như đã chết, mà khi chết thì thân xác như khúc gỗ vô tri vô giác. Nó là một khối vật chất do đất biến nên hình thể con người, khi mất, hình thể đó cũng trở về đất.

Thật vậy, xác thân con người chỉ là những tế bào xương thịt do cha mẹ tạo ra, được lớn lên nhờ sự nuôi sống của vật thực, là nguồn cung cấp từ đất. Xác thân này theo Phật, do bốn nguyên tố, hay bốn đại là: Đất, nước, gió lửa duyên hợp tạo ra, nên còn gọi là thân tứ đại người phải ăn uống vật thực, hoa quả, đó là những thứ vật chất nơi thế gian nuôi dưỡng nhục thể. Do vậy xác thân con người chính là một khối vật chất, nếu không có linh hồn thì là vật không tri giác.

Sở dĩ con người có sự sống là nhờ sự hiện diện của linh hồn. Linh hồn là một Tiểu Linh Quang của Thượng Đế chiết từ khối Đại Linh Quang để ban cho con người. Vậy Đất sinh ra vật chất tạo ra hình thể, còn Trời ban cho linh hồn con người. Trời đất trong con người hợp lại thì có sự sống, nghĩa là có linh hồn và thể xác. Nếu như linh hồn là khối xác thân thì thi hài như một khúc gỗ vô tri vô giác, còn linh hồn mới thực là chủ nhân trong con người, thông rõ hết các việc Trời đất và vạn vật.

Theo Mạnh Tử, tính 性 là bản nguyên của Trời phú cho con người, tức là thiên lý chí linh chí diệu. Con người có được tính ấy thì tất sẽ có một cái tâm 心 như vậy. Tâm với tính là một, tâm là phần chủ thể trong con người, hiểu rõ cái tâm thì ta biết rõ cái tính, biết rõ cái tính thì biết rõ việc Trời đất và vạn vật (*Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ* 盡其心者,知其性也.知其性,則知天矣).

321. *Lúc chung mạng dứt hơi, hồn xuất
Quỉ vô thường sẵn chực đem đi.*
323. *Dắt hồn đến chốn Âm ty,
Xét xem công quả chẳng ly mây hào.*

Chung mạng 終命: Hay chung mệnh: Chấm dứt mạng sống, tức là chết.

Quỉ vô thường: Hay vô thường quỉ 無常鬼: Một loài quỉ khi con người vừa sắp chết đến dẫn vong hồn xuống cõi Âm phủ cho Diêm Vương xét công tội.

Sẵn chực: Chực chờ sẵn sàng một bên.

Công quả 功果: Cái kết quả tốt đẹp được hưởng, khi làm những việc thiện, lành để giúp đỡ cho đời hoặc đạo.

Theo luật tự nhiên, hễ có công thì ắt phải có quả. Người nào giúp đỡ kẻ tàn tật, người nghèo khổ hoặc đến Chùa Thát làm công việc tự nguyện. Đó là công việc mang lại kết quả tốt cho mình cho người, nên được gọi là *công quả*.

Chẳng ly mây hào: Chẳng sai lìa một chút nhỏ nào, chẳng sơ sót một chút xiu nào.

Câu 321: Lúc mới dứt hơi vừa chết, vong hồn mới xuất khỏi thân xác con người.

Câu 322: Quỉ vô thường sẵn chực chờ một bên đó sẽ dẫn hồn đem đi.

Câu 323: Dắt vong hồn đi về cõi Âm ty.

Câu 324: Để dưới Diêm cung xem xét công quả đã làm được nơi thế gian, không sai chạy một ly nào.

325. *Người lương thiện ra vào thông thả.
Kẻ tội nhiều đầy đọa rất minh.
Phật, Trời phép lạ hiển linh,
Hành cho tan giác hườn hình như xưa.*

Thông thả: Thanh thoi, không bị ràng buộc bởi hình phạt.

Rất minh: Rất công minh, rất rõ ràng.

Phép lạ: Phép tắc lạ lùng, tức là những sự việc mà cõi thế gian không thể nào nghĩ ra được.

Hiển linh 顯靈: Sự linh thiêng được hiện rõ ra.

Tan giác: Giác 覺 là sự hiểu biết, tức là chơn thần của con người. Tan giác có nghĩa là tan nát cái chơn thần. Người chết về cõi Âm chỉ còn Chơn thần và Chơn linh. Chơn thần được coi như là cái xác của Chơn linh trong cõi Âm phủ.

Câu 325: Người sống trên thế gian hiển lương, khi chết thì được ra vào thông thả nơi cõi Âm cung.

Câu 326: Còn kẻ có nhiều tội lỗi thì bị đầy đọa rất là công minh.

Câu 327: Trời Phật có nhiều phép tắc lạ lùng linh hiển.

Câu 328: Hành hình cho đến nỗi tan nát chơn thần của tội nhơn, rồi được làm phép hườn hình sống lại như trước.

329. *Con bất hiếu xay cưa đốt già,
Mổ bụng ra phanh rã tim gan.*

331. *Chuyển thân trở lại trần gian,
Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.*

Con bất hiếu: Người con không có hiếu thảo với cha mẹ.

Theo đạo lý, công cha mẹ sanh thành dưỡng dục cho con thành người rất thâm trọng, nên bốn phận của con cái phải hiếu thảo cùng với hai đấng song thân.

Từ ngàn xưa không biết bao nhiêu thi ca, kinh sách và các nhà Tôn giáo nói về công lao sinh dưỡng của cha mẹ. Ca dao Việt Nam nói về công đức cao dày ấy như sau:

*Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu cũng nói lên công Trời biển đó:

*Thương thay chín chữ cù lao,
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.
Gia Huân Ca của Nguyễn Trãi cũng viết:
Cù lao đội đức cao dày,*

Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.

Kinh Thi cũng nói rằng: “*Phụ hê sinh ngã, mẫu hê súc ngã, ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hạo thiên vông cực* 父兮生我, 母兮鞠我, 哀哀父母生我劬勞, 欲報深恩, 昊天罔極”, tức là cha sinh ta, mẹ nuôi ta. Thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc, muốn báo ơn sâu, công ơn ấy như Trời cao mệnh mông không thể nào trả hết được.

Đạo hiếu là đầu mối trước hết của Nho giáo, nên trong sự giáo hóa, Khổng Tử lấy Hiếu Đễ là một nét rất quan trọng trong trăm nét. Ngài dạy rất kỹ lưỡng về việc hiếu với cha mẹ, ông bà. Theo Ngài, người có hiếu không phải nuôi dưỡng cha mẹ là đủ, mà còn phải có lòng kính. Điều này Ngài dạy Tử Du như sau : Cái hiếu ngày nay, người ta cho rằng chỉ có thể nuôi dưỡng cha mẹ, đến như loài chó ngựa đều có người nuôi, nuôi mà không kính thì lấy gì để phân biệt ? (*Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ?* 今之孝者, 是謂能養, 至於犬馬, 皆能有養, 不敬何以別乎).

Ngoài việc phụng dưỡng cha mẹ, Ngài còn dạy chi ly về việc hiếu như phải quan tâm, lo lắng cha mẹ, làm vui lòng cha mẹ, không đi chơi xa khi cha mẹ còn sống, có đi xa phải cho cha mẹ biết chỗ đi: “*Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu*

phương 父母在, 不遠遊, 遊必有方”. Ngoài ra làm người con hiếu cũng phải biết nối chí của cha mẹ, khéo noi theo việc làm của cha mẹ: “*Phù hiếu giả thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã* 夫孝者善繼人之志, 善述人之事者也”. Qua câu này, Ngài lấy chữ thiện là khéo để dạy rằng hễ điều hay của cha mẹ thì nên theo, điều dở nên bỏ, chứ không phải theo một cách mù quáng.

Phanh rã: Xẻ ra từng miếng nhỏ.

Chuyển thân 轉身: Chuyển kiếp trở lại nơi cõi thế gian với một thân xác mới.

Đội mang lông sừng: Đội sừng mang lông, tức là xác thân loài vật, ý nói đầu thai làm loài vật.

Câu 329: *Làm con mà bất hiếu, khi chết xuống Âm ty thì bị xay, cưa, đốt, giã.*

Câu 330: *Và còn bị mổ bụng ra để phanh rã tim và gan.*

Câu 331 và 332: *Chuyển kiếp trở lại nơi cõi trần gian để sanh ra làm trâu, chó mà đội mang lông sừng.*

Câu chuyện có thật ở Trung Hoa xảy ra vào niên hiệu Khang Hy thứ 39 đời nhà Thanh. Chuyện “*Người bất hiếu bị chuyển thân trở lại làm heo*” được kể lại như sau:

Hầu Nhị ở Kim Đơn vốn là kẻ bất hiếu. Bà mẹ đem gạo giúp đỡ người ăn xin, Hầu Nhị trông thấy nổi giận đánh mẹ và đuổi ra khỏi nhà, vợ con khóc lóc can gián, y cũng không nghe. Chẳng bao lâu khắp mình Nhị sanh ghẻ độc lở lói, hành hạ đau nhức cho đến lúc y mãn phần.

Sau khi chết, Hầu Nhị ứng mộng cho con thấy, bảo rằng: Do cha ngộ nghịch bất hiếu nên bị phạt đọa làm heo ở nhà Trương Nhị nơi cửa Tuyên Võ tại kinh sư. Con nên qua đó mà chuộc mạng cha, nếu để trễ e không kịp.

Thức dậy đưa con y theo lời, tìm đến nhà Trương Nhị, quả có heo nái vừa mới sanh ra mấy heo con. Trong đó một heo con mình thú mặt người, có râu mép, trạng mạo giống cha mình. Đứa con thương khóc thuật lại duyên cớ, nguyện đưa ra mười lượng vàng xin chuộc đem về. Nhưng Trương Nhị không nghe đem heo con ra giết. Thật là thảm thay!

333. *Kìa những gái lấy lòng hạnh xấu,
Bỏ vạc đồng đốt nấu thảm kinh.*
335. *Vì chưng trinh tiết chẳng gìn,
Có chồng còn lại ngoại tình với trai.*

Lấy lòng: Danh tiếng vang lòng. Ở đây cũng có thể hiểu đầy đặn.

Hạnh xấu: Tánh nét xấu xa.

Vạc đồng: Cái chảo lớn bằng đồng.

Thảm kinh: 慘驚: Kinh khủng và thảm khóc.

Trinh tiết: 貞節: Cái đức kiên trinh của người đàn bà, tức là cái lòng trong sạch của người đàn bà đối với chồng.

Ngoại tình: 外情: Có tình cảm yêu đương với người ngoài khi đã có vợ hoặc có chồng rồi.

Câu 333: Kìa là những người con gái tánh nét đầy đặn sự xấu xa.

Câu 334: Bỏ vào vạc đồng để đốt, nấu một cách thô thảm và kinh tâm.

Câu 335: Vì rằng chẳng chịu gìn giữ cái lòng trong sạch của mình đối với chồng.

Câu 336: Khi đã có chồng rồi mà lại ngoại tình với trai.

337. *Kẻ tham lợi cột mai cột mối,
Chuốt trau lời giả dối ngọt ngon.*

339. *Đỗ dành, rù quén gái non,
Làm hư hoại tiết cháu con nhà người.*

Tham lợi: 貪利: Có tính tham lam về lợi lộc.

Cột mai cột mối: Vì tiền bạc, làm mai mối để cột buộc hai người con trai và con gái thành vợ chồng với nhau.

Chuốt trau lời: Trau chuốt lời nói, tức là tô điểm thêm lời nói cho đẹp để thuyết phục một việc gì.

Đỗ dành: Dùng lời nói ngọt ngon để an ủi người.

Rù quén: Dụ dỗ, khuyến dụ người.

Gái non: Gái mới lớn lên, chưa có kinh nghiệm về chuyện đời, con gái còn khờ dại.

Làm hư hoại tiết: Làm hư hỏng cái khí tiết của người con gái. Ở đây có nghĩa là làm hư hoại cái tiết trinh của người đàn bà.

Câu 337 và 338: Còn có kẻ vì tham lợi lộc mà đi làm mai mối cho người. Họ giả dối, dùng lời ngon ngọt, trau chuốt lời nói để cột mai cột mối cho người ta.

Câu 339: Dụ dỗ, quén rử những người con gái mới lớn lên.

Câu 340: Làm hư hỏng cái trinh tiết của con cháu nhà người ta.

Trong thời Nho giao, nam nữ thọ thọ bất thân, có nghĩa là trai gái không được phép giao tiếp một cách tự do thân thiết với nhau. Vì vậy, việc hôn nhân giữa hai bên phải nhờ có người làm mai mối. Bởi thế trong xã hội ngày xưa mới có những người làm nghề mai mối, họ chuyên dùng môi mép để gạ gẫm, ngon ngọt mà dụ nhiều gái non lòng nhẹ dạ, gả bán vào những gia đình giàu có để làm hầu thiếp, họ đặng hưởng lợi lớn, gây biết bao khổ đau cho cuộc đời người con gái.

Trong Hồi Dương Nhơn Quả, có kể lại một bản án mà người làm mai mối gây ra tội lỗi như sau: *Họ Lý ở huyện Thần Châu rông nghề làm mai mối, miễn có tiền mướn mà*

ăn, thì quyết dụ gạt con gái nhà lành, ở đợ, làm bé mà chẳng động lòng thương, đến nỗi làm mai con nít cho ông già, cột mỗi bà già cho trai nhỏ, bọn ấy không vừa ý, tức mình phát bệnh mà chết hết bảy người, vì không thể sinh đẻ nối đời đặng. Phán: Bời tội y nói xảo mà rù quên gạt người, nên bị án nặng. Truyền cắt lưỡi, bẻ răng, bỏ xuống hầm đời đời, cho oan hồn bớt tức.

341. **Lòng lang độc vui cười hớn hở,
Chốn Diêm đình phạt quở trừng răn.**
343. **Gông kèm khảo kẹp lẳng xẵng,
Hành cho đáng kiếp tội căn đã làm.**

Lang độc 狼毒: Độc ác như lang sói.

Lòng lang độc: Lòng độc ác như loài lang sói.

Diêm đình 閻廷: Đồng nghĩa với Diêm cung 閻宮, chỉ cõi Âm phủ.

Phạt quở: Hay Quở phạt, tức là dùng lời nói rầy rà khiển trách người.

Trừng răn: Răn cấm và trừng trị.

Lẳng xẵng: Chạy tới chạy lui, chạy qua chạy lại, cảnh tượng nhộn nhịp.

Đáng kiếp: Xứng đáng với tội đã gây ra trong kiếp sanh.

Tội căn 罪根: Cái gốc rễ của tội lỗi đã gây ra từ nơi kiếp trước.

Câu 341: Lòng độc địa như lang sói, lúc còn thời thì vui cười hớn hở.

Câu 342: Khi chết rồi, xuống chốn Diêm đình thì bị quở phạt, răn dạy hay trừng trị.

Câu 343: Nơi Diêm đình lẳng xẵng với những hình phạt khảo kẹp bằng gông kèm.

Câu 344: Trừng phạt một cách đau đớn cho xứng đáng với cái tội đã làm trong kiếp sống nơi cõi thế gian.

345. **Ngục đao kiếm cầm giam phạm ác,
Tánh gian dâm hành phạt gớm ghê.**
347. **Giáo gươm bén nhọn tư bề,
Chém đâm máu chảy tràn trề ngục môn.**

Ngục đao kiếm: Hay đao kiếm ngục 刀劍獄: Trong ngục chứa toàn đao và kiếm.

Cầm giam: Hay giam cầm 監擒, tức là trói buộc hay giam giữ người có tội lỗi.

Phạm ác: Hay ác phạm 惡犯, tức những tội phạm gian ác.

Giáo gươm: Hay gươm giáo là hai loại binh khí thời xưa dùng để đâm và chém.

Tư bề: Bốn phương, tứ phía, bốn bên, tứ hướng đều cùng một nghĩa.

Ngục môn 獄門: Cửa ngục.

Câu 245: Ngục có chứa đao kiếm dùng để giam cầm những tội phạm gian ác.

Câu 246: Để hành phạt một cách ghê gớm với kẻ có tánh gian dâm.

Câu 347: Bốn phía ngục đều có cầm những ngọn gươm giáo bén nhọn.

Câu 348: Gươm giáo chung quanh ngục sẽ đâm chém tội phạm, khiến cho máu chảy tràn trề cửa ngục.

349. **Hành đến chết hườn hồn sống lại,**

Cho đầu thai ở tại thanh lâu.

351. **Ngày đêm đưa rước chực châu,
Công bình Thiên Đạo phép màu chí linh.**

Hành đến chết: Trùng phạt cho đến chết.

Ở đây, chúng ta biết rằng con người khi chết, xác phàm đã được táng lại nơi cõi thế gian, quỷ vô thường chỉ dẫn vong hồn người chết về cõi Âm phủ. Như vậy, khi thọ hình phạt nơi Diêm đình, người chết chỉ còn lại Chơn thần và Chơn hồn mà thôi.

Thế mà theo những câu kinh trên, sao lại có thân xác để “xay, cưa, đốt, giã”, để “mổ bụng ra phanh rã tim gan”, hoặc sao lại còn “chép đâm máu chảy tràn trề ngực môn”, hoặc “Hành đến chết hườn hồn sống lại”. Đây là những hình phạt nơi Âm phủ rất nên màu nhiệm mà người ở thế khó nghĩ bàn được, đúng như lời Kinh đã dạy:

Phật Trời phép lạ hiển linh,

Hành cho tan giác, hườn hình như xưa.

Nhưng chúng ta nên biết Chơn thần của con người là một thể xác thiêng liêng do Phật mẫu tạo hình, là một thể chứa nhiều dục vọng và cảm giác. Nếu là một tội phạm nơi cõi Âm thì dĩ nhiên còn nhiều dục vọng và cảm giác, cho nên Chơn thần mới nặng nề, trọng trược mà kéo Chơn linh chịu chung hình phạt. Khi thọ hình, Chơn thần tưởng như mình còn sống, còn có thân xác, còn có tim gan, máu huyết, còn biết đau đớn, khổ sở. Những hình phạt nặng đến nỗi Chơn thần nghĩ là mình chết đi và được phép huyền diệu của Thiên Liêng cho hườn hồn như sống lại. *Đó thực ra là do cái cảm giác của Chơn thần khi bị thọ hình mà thôi.*

Thanh lâu 青樓: Lầu xanh, nơi chứa những gái mãi dâm, tức là nhà chứa điểm.

Thời xưa, thanh lâu dùng để chỉ nhà phú quý. Đời Tề, vua Võ Đế bảo xây dựng lầu cao, phía trên sơn xanh, nên chỗ vua ở thời bấy giờ cũng gọi là thanh lâu. Nhưng từ khi Lương Lưu Diêu làm câu thơ như sau: Xương nữ bắt thặng sấu, kết thúc hạ thanh lâu (Xương nữ sấu mệnh mông, thanh lâu nàng bước xuống), thì hai chữ thanh lâu chuyên dùng để nói về nhà chứa điểm. (Theo Hán Việt Từ Nguyên, Bửu Kế)

Chực châu: Hay châu chực, chỉ sự sẵn sàng chờ đợi để hầu hạ.

Phép màu: Phép tắc màu nhiệm, phép huyền diệu.

Chí Linh 至靈: Rất linh thiêng, chỉ Đức chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Câu 349: Hành hình cho đến chết đi rồi cho hườn hồn để sống lại.

Câu 350: Cho đầu thai lên cõi Dương gian để làm gái lầu xanh.

Câu 351: Nơi lầu xanh, ngày đêm phải châu chực, đưa rước khách ăn chơi.

Câu 352: Đạo Trời đất rất là công bình, và sự thưởng phạt của Thượng Đế rất là huyền diệu.

353. **Móc nhọn vắt treo mình nhổng nhảnh.**

Cối đập đồng rất mạnh giã dần.

355. **Ấy là phạt kẻ lường cân,**

Đo gian dong thiếu Thánh Thần chẳng kiêng.

Nhọn vắt: Hết sức nhọn và bén.

Treo mình nhổng nhảnh: Treo thân mình lơ lửng, đưa qua đưa lại. Tục gọi là treo tòn teng.

Cối đập đồng: Cối giã có chày đập bằng đồng.

Giã: Lấy chày đập cho nát, gọi là giã.

Dần: Lấy chày đâm nhiều lần cho mềm ra, gọi là dần.

Lường cân: Ăn gian, ăn lường bằng cách cân non, đong thiếu.

Đo gian: Ăn gian bằng cách đo thiếu.

Đong thiếu: Đong lường không đủ để ăn gian cho mình.

Thánh Thần chẳng kiêng: Chẳng kiêng nể các Đấng Thánh Thần.

Câu 353: Hình phạt treo mình tòn teng với cái móc nhọn vắt.

Câu 354: Rồi đưa vào cối đồng để dùng chày giã, dần rất mạnh.

Câu 355: Tội ấy là để phạt những kẻ cân lường không đủ, có lợi cho mình mà hại người khác.

Câu 356: Và xảo trá bằng cách đo gian đong thiếu, chẳng kiêng sợ gì đến Thần Thánh.

357. **Bầy chó dữ mang xiềng chạy đại,
Thấy tội nhọn xúm lại phân thân.**

359. **Hình nầy phạt kẻ đại ngậy,
Khinh khi Tam giáo đọa đầy thế nì.**

Mang xiềng: Mang sợi dây lòi tói, hay dây xích, bị trói buộc bằng dây xiềng, dây xích.

Chạy đại: Chạy càn, tức là chạy thẳng vào, khó ngăn cản lại đặng.

Phân thân: Hay phân thi 分屍: Chia thi thể ra làm nhiều mảnh.

Dại ngậy: Khờ ngậy đại dột, tức chỉ những người thiếu trí hiểu biết.

Tam Giáo 三教: Ba nền Tôn giáo lớn ở cõi Á Đông. Đó là Phật giáo do Đức Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ; Tiên

giáo do Đức Thái Thượng Lão Quân làm giáo chủ; và Nho giáo do Đức Khổng Thánh Tiên Sư làm giáo chủ.

Thế nì: Thế này, như thế này vậy.

Câu 357 và 358: Hình phạt cho bầy chó hung dữ mang xiềng xích chạy xông vào người, xúm nhau lại cắn xé thi thể tội nhân ra thành nhiều mảnh.

Câu 359: Hình này dùng để phạt những kẻ khờ ngậy, đại dột.

Câu 360: Và những người khinh khi Tam giáo nên mới bị đày đọa như thế này.

361. **Ao nước nóng sôi thì sục sục,
Dầm cho người rã rục thịt xương.**

363. **Cũng vì lòng dạ vô lương,
Đệ huynh bất mục chẳng thương đồng bào.**

Ao nước nóng: Ao chứa nước nóng đang sôi, lên hơi sục sục.

Dầm: Ngâm vào nước một thời gian lâu.

Rã rục: Hay rục rã, nghĩa là tan nhừ ra.

Vô lương 無良: Không lương thiện, người hung ác.

Bất mục 不睦: Không hòa thuận nhau.

Lời của sách Ích Trí dạy như sau: *Quân thần bất tín, quốc bất an; phụ tử bất tín, gia bất mục; Huynh đệ bất tín, tình bất thân; bằng hữu bất tín, giao dị sơ* 君臣不信, 國不安; 父子不信, 家不睦; 兄弟不信, 情不親; 朋友不信, 交易疏 (Vua tôi chẳng tin nhau, nước chẳng yên ổn; cha con chẳng tin nhau, nhà chẳng hòa thuận; anh em chẳng tin nhau, tình chẳng thân; bạn bè chẳng tin nhau, giao kết sơ).

Đồng bào 同胞: Cùng chung một bào thai, chỉ anh em cùng một cha một mẹ.

Người trong một nước cũng gọi là “Đồng bào”, vì xem nhau như con một cha một mẹ, do sự tích Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh 100 người con, cho nên người dân Việt gọi là giống Tiên Rồng và coi nhau như đồng bào.

Câu 361: Hình phạt dùng ao nước nóng sôi sục sục để trừng trị tội nhân.

Câu 362: Dầm người vào đó cho rục rã tất cả thịt xương.

Câu 363: Cũng bởi vì lòng dạ không hiền lành, không lương thiện.

Câu 364: Khiến nên chẳng thương yêu anh em ruột thịt và chẳng hòa thuận cùng nhau.

Thánh hiền ngày xưa có quan niệm rằng tình nghĩa anh em như là tay chân, tình nghĩa vợ chồng như xiêm áo, trong ca dao Việt Nam cũng có câu:

Anh em như thể chân tay,

Vợ chồng như áo cởi ngay tức thì.

Cổ ngữ cũng có nói: Thế gian tối nan đắc giả huynh đệ 世間最難得者兄弟, nghĩa là cái khó kiếm được nhất ở thế gian là anh em. Câu này cho chúng ta thấy rằng tình nghĩa anh em thực là nồng nàn, thấm thiết, rất cao quý và thiêng liêng.

Nếu đệ huynh bất mục, tức là anh em chẳng hòa thuận cùng nhau thì chẳng khác gì “củi đậu nấu đậu”, nghĩa là anh em chẳng những không thương yêu nhau mà còn muốn hại nhau như câu chuyện sau được trích từ sách Thế Thuyết:

Tào Phi, con của Tào Tháo, muốn hại em ruột của mình là Tào Thực, biểu trong bảy bước phải làm một bài thi, không làm xong, sẽ bị xử tử. Tào Thực liền ngâm rằng:

煮豆燃豆其

Chử đậu nhiên đậu kì,

豆在釜中泣

Đậu tại phủ trung khát.

本是同根生

Bổn thị đồng căn sanh,

相煎何太急

Tương tiễn hà thái cấp!

Nghĩa là:

Nấu đậu chum cây đậu,

Hạt đậu trong nồi khóc,

Vốn cùng một gốc sanh,

Đốt nhau chi quá gấp?!

Tào Phi xem xong bài thi, rất nên cảm động, bèn tha cho em mình là Tào Thực.

365. **Nhiều gộp núi như đao chom chorm,**

Thấy dùn mình tán đờm rất ghê.

367. **Thây người máu chảy dầm dề,**

Tiếng la than khóc tư bề rùm tai.

Gộp núi: Mỏm núi, tức là những mỏm đá núi nhọn nhô ra ngoài.

Chom chorm: Nhọn tua tua ra.

Táng đờm: Hay táng đả 喪膽: Mất mật. Vì mật là một bộ phận chủ chốt giúp cho con người trở nên gan dạ. Nghĩa bóng: Hết sức sợ hãi, hoảng sợ. Người ta thường dùng thành ngữ “Kinh tâm táng đờm” để chỉ sự sợ hãi.

Dầm dề: linh lảng, chỉ sự ướt đến độ lan tràn ra ngoài.

Tư bề rùm tai: Tiếng ầm ĩ bốn phía làm ồn lỗ tai.

Câu 365: Lại có những mỏm núi mọc tua tua ra những ngọn đao bén nhọn.

Câu 366: Nhìn thấy những gộp núi đó bắt dùn mình, mà kinh hồn mất vía.

Câu 367: Thây người nằm oằn oại, máu chảy ra đầm dề.

Câu 368: Ba bên bốn phía tiếng than khóc, rên la làm rùm cả lỗ tai.

369. **Phạt những kẻ sửa ngay ra vạy,
Tớ phản thầy, quan lại bắt trung.**

371. **Hành rồi giam lại Âm cung,
Ngày đêm đánh khảo trắng cùm xiềng gông.**

Sửa ngay ra vạy: Sửa những điều ngay thẳng ra những điều tà vạy, chỉ hạng người chuyên làm điều gian tà giả dối.

Tớ phản thầy: Đây tớ phản lại chủ.

Quan 官: Những người thay mặt triều đình hay nhà nước để cai trị dân.

Lại 吏: Những viên chức làm việc dưới quyền các quan.

Bắt trung 不忠: Chăng trung thành, nghĩa là chằng ngay với vua hay nước. Người bắt trung là người có lòng phản bội.

Giam lại Âm cung: Nhốt lại ở cũi Âm phủ.

Đánh khảo: Đánh đập tra khảo.

Trắng: Còn gọi là cùm hay trống, là một dụng cụ tra khảo, dùng để khóa chơn tội phạm vào một chỗ.

Xiềng: Dùng dây xích để khóa tay và chơn của tội phạm.

Gông: Lẫy khung gỗ có khóa để tròng vào cổ và hai tay của tội phạm.

Câu 369: Hình phạt trên để hành kẻ chuyên sửa điều ngay ra điều tà vạy.

Câu 370: Và những kẻ làm đầy tớ phản lại chủ, làm quan, lại chằng trung thành.

Câu 371: Hành phạt xong rồi giam tội phạm ở lại cũi Âm cung.

Câu 372: Để đêm ngày xiềng xích, trói trắng hoặc đánh đập, khảo tra.

373. **Hình Bào lạc cột đồng vôi vọi,
Đốt lửa hồng ánh giọi chói lò.**

375. **Trói người vào đó xát chà,
Vì chưng hung bạo đốt nhà bắn sắn.**

Bào lạc 炮烙: Một thứ dụng cụ dùng để tra tấn tội phạm rất ghê gớm.

Cột đồng: Hay đồng trụ 銅柱: Một cây cột bằng đồng, tức là cây trụ đồng của bào lạc.

Hình phạt này có vào thời nhà Thương do Trụ Vương nghĩ ra. Lúc ấy, Trụ vương nghe lời Đắc Kỷ bày ra hình Bào lạc để giết hại người tội trung. Hình bào lạc này được chế ra để xử Bà Khương Hoàng Hậu.

Sách Liệt Nữ Truyện chép: Một cột đồng dựng đứng có bôi mỡ, bên trong đốt than cháy đỏ rực. Tội nhân bị cột vào trụ đồng cho đến chết cháy như quay.

Vôi vọi: Sừng sừng.

Ánh giọi chói lò: Ánh sáng giọi chói lò ra ngoài.

Hung bạo 凶暴: Hung tàn bạo ngược, chỉ sự hung ác dữ tợn.

Bắn sắn: Sắn bắn chim hoặc thú, tức là săn bắt chim thú bằng cách bắn tên hoặc bắn súng.

Câu 373 và 374: Hình phạt bằng bào lạc, tức là một cây cột đồng cao vòi vọi, bên trong đốt cho lửa cháy hồng ánh sáng giọi ra chói lòa.

Câu 375: Trối tội phạm vào bào lạc để xát chà cho cháy phồng.

Câu 376: Chịu tội ấy bởi vì tánh tình hung bạo đốt nhà người hay săn bắn chim thú.

377. **Có cộp dũ nhẵn răng đưa vấu,
Gặp tội nhờn quào quấu xé thây.**

379. **Ấy vì lòng dạ chẳng ngay,
Giết người lấy của bị nay hình này.**

Đưa vấu: Giương cái móng vuốt để vồ con mồi.

Quào quấu: Lấy móng và vuốt để cào cấu vào thân người.

Xé thây: Xé xác người.

Lòng dạ chẳng ngay: Người có tâm không ngay thẳng, người gian tà, xảo trá.

Giết người lấy của: Giết người để cướp giựt của cải.

Câu 377: Hình phạt bằng cách liệng vào cộp dũ đang nhẵn răng đưa móng vuốt ra.

Câu 378: Gặp được người có tội nhẩy đến quào quấu để xé thây.

Câu 379: Ấy là vì có lòng dạ chẳng ngay thật.

Câu 380: Giết chết người để lấy của nên nay bị thọ hình này.

381. **Ao rộng lớn chứa đầy huyết phần
Xô người vào, lợi lặn nhòem thay!**

383. **Tanh hôi mình mẩy vấy đầy,
Trôi lên hụp xuống gậy cây đánh đầu.**

Huyết phần 血 羹: Máu huyết và phân người.

Nhòem thay: Ghê tởm thay.

Tanh hôi mình mẩy: Thân mình dính dơ bẩn nên bay mùi tanh hôi.

Vấy đầy: Dính đầy.

Trôi lên hụp xuống: Nổi lên chìm xuống, chỉ sự chới vơi dưới ao khi chìm khi nổi.

Câu 381: Dùng cái ao rộng lớn, trong đó chứa đầy những máu và phân người.

Câu 382: Xô tội nhờn xuống đó cho lợi lặn chỗ dơ bẩn, thật là gớm ghiếc thay.

Câu 383: Thân mình dính đầy ô uế nên bay hơi mùi tanh hôi khó chịu.

Câu 384: Ở dưới ao, thân bị trôi lên hụp xuống, song khi trôi lên lại còn bị gậy cây đánh đầu.

385. **Để hành kẻ chứa sâu, lường của
Trù ếm người, chửi rửa Tổ tông.**

387. **Đồ dơ giặt đồ rách sông,
Đương khi uế trước thẳng xông chỗ thờ.**

Chứa sâu: Tổ chức và chứa bài bạc để thu tiền người tới đánh, gọi là chứa sâu.

Lường của: Lừa gạt để lấy tiền và của cải vật chất của người.

Trù ếm: Ghét người, nên nguyên rửa, trừ dập người, hoặc dùng bùa chú ếm đối người cho bị đau bệnh, chết chóc.

Đồ dơ: Chỉ quần áo dơ của phụ nữ có kinh nguyệt.

Uế trước: Hay uế trọc 穢 濁: dơ bẩn hôi hám.

Đương khi uế trước: Đang khi bị dơ mình, tức người phụ nữ đang lúc có kinh nguyệt.

Chỗ thờ: Nơi thờ tự các Đấng hay tổ tông ông bà.

Câu 385: Hình phạt trên để hành kẻ chứa bài bạc lấy râu, lừa gạt người lấy của.

Câu 386: Hoặc trừ rửa ếm đối người, hoặc mắng chửi tổ tông ông bà.

Câu 387: Giặt quần áo dơ của phụ nữ có kinh nguyệt rồi đổ nước xuống rạch sông.

Câu 388: Và phụ nữ đang lúc dơ mình xông thẳng vào nơi thờ tự.

Tội hình này được Ngài Mục Kiền Liên xuống Địa ngục vào nơi Huyết bồn trì chứng kiến và kể lại như sau:

Huyết bồn trì là ao đầy máu, những tội nhân đầu bù tóc rối, tay bị kẽm kẹp. Mỗi ngày ba lần, ngục tốt quỷ vương sai đưa máu đến bắt tội nhân uống, nếu không uống, tức thì chúa ngục dùng gậy sắt đánh kêu la thảm thiết. Ngài Mục Kiền Liên bèn hỏi chúa ngục rằng: Tại sao chỉ có những người đàn bà chịu tội lỗi như thế? Chúa ngục đáp: Vì những người đàn bà trong khi sinh nở, đem đồ dơ bẩn giặt giũ biển sông hoặc giếng ao rồi nước từ đấy chảy đi nơi khác, gặp người thành tâm múc nước ấy uống hoặc cúng các Đấng Thiêng Liêng, vì vậy khi chết, phải chịu tội nghiệp này.

389. Vào bếp núc chỗ như không kể,
Phơi áo quần chẳng nề Tam quan.

391. Buông lời tục tĩu dâm loạn,
Lâu mau, nặng nhẹ, chịu mang tội nầy.

Bếp núc: Chỗ đặt lò, bếp để nấu nướng đồ ăn.

Chỗ như: Đây chỉ người đàn bà lúc bị dơ mình, tức lúc có kinh nguyệt.

Chú Thích: Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh in năm 1936 đến 1975 đều viết: “vào bếp núc chỗ như

không kể” , là ý muốn nói về trường hợp của người đàn bà, mà là người đàn bà lúc bị dơ mình, nghĩa là lúc có kinh nguyệt. Nhưng Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo viết: “Vào bếp núc, lúc như chẳng kể”, chỉ cái nghĩa rõ ràng hơn.

Tam quan 三關: Tên một cái cổng lớn, phần nhiều là cửa chùa, cửa các phủ thờ có ba lối đi vào: Cửa giữa, cửa tả, cửa hữu.

Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Hội Thánh từ trước đến nay đều viết là Tam quan (không có chữ g). Đây chỉ cái cổng Tam quan, nếu ở nhà thường dân có lẽ chỉ trước sân nhà.

Trong quyển Ngọc Lịch Minh Kinh có viết: “đổ đồ như uế xuống sông, phơi áo quần dơ gội bóng **Tam quang** là mặt nhật, mặt nguyệt, ánh sao, hoặc như uế mà để lên chỗ thờ phượng, vào bếp núc. Các tội trên đều bị xô xuống Tọa trì (hay huyết ô trì), là ao huyết dơ mà lặn hụp, tùy theo tội nhiều ít phạt ở lâu mau”.

Như vậy, theo Ngọc Lịch Minh Kinh thì chữ Tam Quang 三光 (có chữ g) có nghĩa là nhật, nguyệt, tinh, tức là không phơi áo quần dơ dưới ánh mặt trời, mặt trăng và ánh sao (Điều này thật khó, bởi vì phơi áo quần phải phơi chỗ có nắng, tức dưới ánh mặt trời rồi còn gì).

Buông lời tục tĩu: Nói ra lời tục có tính cách dâm dăng.

Dâm loạn: Hay dâm loạn 淫亂: Dâm dục đến rối loạn cả nền tảng luân lý, đạo đức.

Câu 389: Người đàn bà khi vào nơi bếp không kiêng cử lúc bị dơ mình.

Câu 390: Và phơi quần áo chẳng kiêng cử đến cổng Tam Quan (hoặc phơi trước sân nhà).

Câu 391: Nói ra lời dâm bôn, tục tĩu trái với nền luân lý, đạo đức.

Câu 392: Thì sẽ bị mang tội hình này, tùy theo lâu mau hay nặng nhẹ.

393. **Ao rộng sâu chứa đầy giòi tửa,
Hơi tanh hôi thường bữa lầy lừng.**
395. **Gạo cơm hủy hoại quen chùng,
Phạt ăn dơ dáy mới ưng tội hình.**

Giòi tửa: Ruồi đẻ ra một dẻ trứng, được gọi là tửa. Tửa (hay trứng) mới nở ra giòi, là một loại trùng sống lúc nhúc nơi chỗ dơ bẩn hôi thúi.

Thường bữa lầy lừng: Hằng ngày hôi thúi xông lên dữ dội.

Hủy hoại quen chùng: Quen tánh hủy hoại (cơm gạo).

Mới ưng tội hình: Hình phạt như vậy mới xứng đáng với cái tội đã làm. Tức là phạt ăn dơ dáy mới vừa với tội hủy hoại cơm gạo.

Câu 393: Một cái ao rộng và sâu, trong ấy chứa đầy giòi tửa.

Câu 394: Hằng ngày hơi tanh hôi xông mùi lên lừng lầy.

Câu 395: Những kẻ quen tánh hủy hoại gạo cơm.

Câu 396: Nên phạt cho ăn dơ dáy mới xứng đáng với cái tội hình đã mang.

397. **Cột trời ngược quá kinh rất lạ,
Quỉ Dạ xoa đánh vả kẹp cưa.**
399. **Vì chưng chưởi gió mắng mưa,
Kêu tên Thần, Thánh chẳng chừa chẳng**

kiêng.

Quá kinh rất lạ: Quá kinh sợ và rất lạ lùng.

Dạ Xoa 夜叉: Tiếng Pali Yakkha.

1. Một loài Thần (Thần dạ xoa) có sức mạnh khác thường.

2. Một loại quỷ có hình thù cổ quái ở cõi Âm phủ để Diêm Vương sai khiến đi bắt và hành phạt các tội hồn.

Còn là một loài quỷ hay phá phách người tu hành bằng cách gây tiếng động ồn ào trong lúc họ thiền.

Theo Kinh Duy Ma, quỉ Dạ xoa, còn gọi là Dược xoa, dịch nghĩa là Tiệp tạt quỉ (quỉ nhanh nhẹn). Có ba loại: Một ở mặt đất, hai ở hư không, ba là thiên dạ xoa.

Vì chưng: Vì rằng, vì bởi.

Chẳng chừa chẳng kiêng: Chẳng chừa bỏ và cũng không kiêng nể gì.

Câu 397: Hình phạt kỳ lạ và kinh tâm nhứt, là trói buộc tội hơn thông đầu xuống.

Câu 398: Rồi quỉ Dạ xoa đến xử phạt bằng cách đánh, vả, kẹp cưa.

Câu 399: Cũng bởi vì chưởi gió mắng mưa.

Câu 400: Hoặc kêu tên các Đấng Thần, Thánh chẳng chừa hay chẳng kiêng nể gì cả.

Những hình phạt này dành cho tội lỗi do lỗ miệng mà ra.

Khẩu nghiệp cũng là một nghiệp rất nặng mà người tu cần phải thận trọng gìn giữ, trong Thánh thi có viết:

Nho nhã con tua tập tánh tình,

Dưới đời đừng tưởng một mình lanh.

Một câu thất đức thiên niên đọa,

Nhiều nổi trầm luân bởi ngọn ngành.

Theo Nho giáo, mọi sự thị phi, phiền não cũng đều do miệng mà ra, vì vậy ông Châu Tử mới khuyên như sau: “Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành. Thị phi chỉ vị đa khai

khẩu, phiên nào nhân do cưỡng xuất đầu 守口如餅, 防意如城. 是非只為多開口, 煩惱皆因強出頭”: Phải giữ miệng kín như miệng bình, phòng ý tứ như giữ thành. Phải trái chỉ do miệng nói nhiều, phiên nào đều ở sự gắng gượng chiều lòng mà ra.

Như vậy, người tu hành cần phải biết khẩu nghiệp mang đến một hình phạt rất nặng nề. Tỷ như người biết ăn chay, lo cúng kiếng, mỗi khi có ai xúc phạm đến thì la lối chửi rủa, không kể nhỏ lớn. Đối với Trời đất, việc mưa nắng là sự thường tình nơi nhơn gian, thế mà lại có kẻ dám “*chửi gió mắng mưa*”, kêu tên các bậc Thần Thánh, chẳng kiêng dè nề sợ là gì, khiến nên phải mang tội hình kinh lạ này.

401. ***Bàn chông nhon liền liền đánh khảo,
Tra tội nhon, gian giáo ngược ngang.***
403. ***Hành người bé địch, trợ hoang,
Thừa năm hạn đói mưu toan bức nghèo.***

Bàn chông nhon: Một dụng cụ làm bằng miếng bản nhỏ trên đó lờm chờm nhiều hàng cây đinh nhon hoặc sắt nhon, để gài bẫy người. Ở đây, bàn chông nhon là một hình cụ dùng để tra khảo tội nhon nơi Âm phủ.

Bé địch 閉糴: Bé là đóng cửa. Địch là Mua thóc ở xứ ngoài mang về xứ mình (nhập cảng). ***Bé địch***: Đồng nghĩa với bế quan, đóng ải quan, không để cho lúa gạo nhập cảng.

Trợ hoang 助荒: Hoang là thất mùa lúa. ***Trợ hoang***: Trợ giúp nạn thất mùa.

Dân chúng bị thiên tai mất mùa, không có đủ lúa gạo để ăn, cần phải mua lúa gạo từ nước ngoài để cứu đói, nhưng có những người có thân thể làm cho việc nhập cảng gạo bị

ngưng trệ, giá lúa gạo cao lên, để độc quyền bán ra hầu thu lợi thật nhiều.

Thừa năm hạn đói: Nhon cơ hội nắng hạn, thất mùa lúa, dân chúng đói khổ.

Mưu toan bức nghèo: Mưu tính để áp bức dân nghèo.

Câu 401: Hình phạt này bắt tội nhon nằm lên bàn chông nhon để đánh khảo liền liền.

Câu 402: Tra tấn tội nhon một cách nặng nề những người gian giáo, ngang ngược.

Câu 403: Hình phạt này để hành người tìm cách không cho lúa gạo nhập cảng để trợ giúp việc thất mùa, khiến cho lúa gạo cao giá, người nghèo khó càng thêm thiếu đói.

Câu 404: Nhon dịp những năm hạn hán thất mùa, mưu toan áp bức dân nghèo bằng cách đầu cơ tích trữ.

405. ***Thành Uổng tử cheo leo góm ghiếc,
Cầm hồn oan rên xiết khóc than.***
407. ***Dương gian ngộ nghịch lằng loàn,
Liều mình tự vận không màng thảo ngay.***

Uổng tử 枉死: Không đáng chết mà chết, chết một cách oan ức, hay chết oan vì tự tử.

Thành Uổng Tử: Hay Uổng Tử thành 枉死城: Một cái thành nơi Âm phủ, dùng để giam giữ các vong hồn của người khi ở dương thế bị chết do tự tử.

Ngọc Lịch Minh Kinh có viết: “Thế tục nói sai rằng, ai bị thác oan thì hồn bị cầm nơi thành Uổng Tử. Đòi nghe lưu truyền lâu, cũng tin là thiệt! Sao không xét cho đủ lý, người đã thác oan còn cầm ngục là nghĩa gì? Cho đi thông thả chớ không cầm cố, song nán đợi kẻ giết mình xuống Âm phủ, hành tội trước mặt hồn oan cho hết tức, rồi mới cho đi đầu

thai. Còn thành này (Thành Uổng Tử) để giam những kẻ vô cớ giận lẫy mà tự giết mình, trảm mình, thắt họng, uống thuốc độc... giam đờ đợi hành tội, chưa đặt đầu thai”.

Cheo leo góm ghiếc: Đúng sừng sừng một cách vắng lặng ghê gớm.

Cầm hồn oan: Hay cầm oan hồn 擒冤魂: Giam những hồn bị oan uổng.

Ngỗ nghịch 忤逆: Làm trái ý người, ngang bướng, xác xược.

Tự vận: Hay tự vẫn 自刎: Tự mình cắt cổ của mình mà chết, gọi là tự vẫn.

Không màng thảo ngay: Không kể gì đến chữ hiếu với cha mẹ và chữ trung với đất nước. Thảo ngay là trung hiếu 忠孝.

Câu 405: Thành Uổng Tử đứng cheo leo thấy mà góm ghê.

Câu 406: Trong ấy dùng để giam cầm những oan hồn nên đầy những tiếng rên than khóc lóc.

Câu 407: Khi còn sống ở Dương gian thì ngỗ nghịch, lẳng loàn.

Câu 408: Liều mạng sống mình bằng cách tự vận chẳng kể gì đến việc thảo ngay.

409. Xuống Địa ngục đọa đầy hành mãi,

Đúng số rồi còn phải luân hồi.

411. Hóa công xem xét đền bồi,

Lành siêu dữ đọa thêm nhồi tội căn.

Đọa đầy hành mãi: Luôn luôn bị hành hình và bị đầy đọa một cách khổ sở.

Đúng số rồi: Đúng theo số mạng rồi, tức là đúng theo cái nghiệp lực mà mình đã làm khi còn ở thế gian.

Lành siêu: Khi ở thế gian làm việc lành thì chết sẽ được siêu thoát.

Dữ đọa: Khi ở thế gian làm những việc hung dữ thì chết sẽ bị đọa lạc.

Chúng ta nên biết siêu và đọa là hai đường đi của các Chơn linh. Khi còn ở Dương thế nếu khôn, lo việc làm lành thì sẽ được siêu thăng vào cõi Thiên Liêng Hằng Sống, là nơi Cực Lạc, Vĩnh Hằng; nếu dại làm những việc hung dữ thì sẽ bị rơi vào đường đọa, cõi Phong đô kèm thúc:

Lành dữ hai đường đọa với siêu,

Đòn cân tội phước trả mai chiều.

Khôn lên bờ giác làm Tiên Phật,

Dại xuống mê đồ hóa quỷ yêu.

Câu 409: Bị đọa xuống Địa ngục thì hồn bị đầy một cách khổ sở và bị hành hình mãi mãi.

Câu 410: Đúng theo số định rồi thì vong hồn còn phải chịu luân hồi.

Câu 411: Đáng Hóa Công sẽ xem xét hành vi khi còn nơi Dương thế sẽ thưởng phạt đền bồi.

Câu 412: Lành thì được siêu thăng, dữ thì bị đọa lạc và nhồi thêm những tội căn.

413. Cầu Nại Hà bắc giảng sông lớn,

Tội nhờn qua óc rởn dùn mình.

415. Hụt chơn vắn lại gập ghình,

Nhào đầu xuống đó cua kinh rửa thân.

Cầu Nại Hà: Hay Nại Hà kiều 奈河橋: Tên một con sông. Sách Tuyên Thất Chí của Trương Độc chép: Đồng Quang chết, hồn đến một con sông rộng không đầy vài thước,

nước chảy về hướng tây nam, tục gọi là cầu Nại Hà, chảy từ Địa phủ ra. Quang nhìn nước thấy toàn là huyết, mùi tanh hôi không thể chịu được (Hán Việt Từ Nguyên, Bửu Kế).

Theo Phật giáo, ở cội Âm phủ có con sông lớn, trong ấy có các loại thủy tộc như rắn, cua, kinh rất dữ tợn. Tội nhơn đến đó không thể nào qua sông đặng, chỉ những người có đầy đủ phước đức mới đi qua cầu Nại Hà được, còn những kẻ hung dữ đều bị té nhào xuống sông để cho cua kinh rủa thầy.

Ốc rồn dùn mình: Sợ đến nỗi thân mình da mọc đầy ốc, mình mẩy run bần bật.

Gập ghình: Không vững chắc, bị lung lay và nhún nhẩy.

Kình 鯨: Cá kình. Hình tuy là giống cá, nhưng thực ra thuộc về loài thú. Có con to dài đến tám chín mươi thước.

Câu 413: Trên sông Nại Hà ở cội Địa ngục có bắc một cây cầu giăng qua sông lớn.

Câu 414: Tội nhơn đi qua cầu đó khiến thân mình sợ hãi rùn mình.

Câu 415 và 416: Qua đến giữa cầu, ván bị gập ghình, hoảng sợ nên chon bị hụt mà nhào đầu xuống đó khiến cho cua kinh rủa thầy.

417. **Nhiều thứ rắn mặt mày dữ tợn,
Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.**
419. **Gặp thầy nuốt sống ăn tươi,
Vì bày thừa kiện móc bươi xúi lời.**

Mắt trợn dòm người: Trợn mắt lên dòm ngó người, bởi vì những loại rắn dưới đây bị đói, khi thấy người đi qua thì ngóng cổ trông mắt dòm để chờ ăn thịt.

Nuốt sống ăn tươi: Ăn thịt tươi sống, không chặt nấu, để nguyên như vậy mà ăn.

Móc bươi: Mồi móc chuyện xấu xa của người ta.

Xúi lời: Lây lời xúi giục người ta làm điều sai quấy.

Câu 417: Dưới sông đó lại có nhiều thứ rắn trông thấy mặt mày rất nên dữ tợn.

Câu 418: Cổ rắn ngóng lên cao dòm người đi ngang qua cầu Nại Hà.

Câu 419: Những loài rắn đó gặp thầy người bèn ăn tươi nuốt sống.

Câu 420: Hình này để phạt những người bày ra thừa kiện, hoặc bươi móc chuyện xấu, hoặc xúi giục người làm điều sai quấy.

421. **Trong núi lửa bay hơi tanh khét,
Linh hồn người đầy nghệt trong ngoài!**
423. **Phạt rắn quên gái, dụ trai,
Bày ra thuốc độc, phá thai tuyệt loài.**

Bay hơi tanh khét: Hơi tanh hôi và cháy khét bay ra.

Đầy nghệt: Nhiều đến nỗi đầy ngập, không còn chỗ chứa.

Quên gái: Rủ quên con gái, tức quyến rũ con gái nhẹ dạ.

Dụ trai: Dụ dỗ con trai.

Tuyệt loài: Tuyệt loại 絕類: Làm tuyệt hẳn nòi giống.

Câu 421: Trong núi lửa, hơi tanh hôi và hơi cháy khét bay xông ra.

Câu 422: Nơi ấy, đầy cả trong lẫn ngoài những linh hồn nghệt cứng.

Câu 423: Hình phạt trên dùng để hành những người chuyên rủ quên con gái và dụ dỗ con trai.

Câu 424: *Bày ra cách dùng thuốc độc phá những bào thai, làm tuyệt nòi giống.*

425. *Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc làm sám hối tội căn.*
427. *Tu tâm sửa tánh ăn năn,
Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ rời.*

Lạc lầm: Sai lạc và lầm lẫn.

Sám hối 懺悔: Hai chữ sám hối là danh từ kết hợp cả tiếng Sanskrit và tiếng Hán. Sám do chữ Phạn sám ma, là hối hận điều làm lỗi. Hối: Tiếc vì đã làm điều lỗi, xin tha thứ.

Sám hối có nghĩa là xin thú nhận những lỗi lầm đã phạm và xin nguyện ăn năn sửa đổi tội lỗi, từ nay về sau không tái phạm nữa.

Khi có làm lỗi, muốn cầu Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội, trước hết chúng ta phải nhờ các Đấng chứng minh để ta phát tâm ăn năn chừa cải.

Trong bài tụng Sám hối bên Phật giáo có bốn câu:

*Tội tánh bản không do tâm tạo,
罪性本空由心造
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.
心若滅時罪亦亡
Tội vong, tâm diệt lưỡng câu không,
罪亡心滅兩俱空
Thị tắc danh vi chân sám hối.
是則名為真懺悔*

Nghĩa là:

Tánh của tội vốn là không, do tâm tạo. (vì tâm ý là chủ động)

Động cơ tâm đã diệt rồi thì tội cũng theo đó mà mất.

Tội hết, tâm diệt rồi cả hai đều không.

Thế mới gọi là chân sám hối (Sám hối chân thật).

Tội lỗi do tâm sinh ra, rồi cũng do tâm diệt đi, tâm diệt hết thì tội lỗi cũng không còn.

Ba giềng: Ba giềng mối, dịch từ chữ Tam cương, gồm: Quân thần cương, phụ tử cương, phu thê cương.

Năm Hằng: Năm đạo hằng, dịch từ Ngũ thường, gồm: Nhân, nghĩa, Lễ, trí, tín.

Câu 425: *Làm người sống ở thế gian, có mấy ai mà chẳng mang tội lỗi.*

Câu 426: *Nếu biết được lỗi lầm thì nên sám hối những tội căn của mình.*

Con người sống ở thế gian có mấy ai không bị làm lỗi, khi đã biết lỗi rồi phải sám hối ăn năn.

Có người không tự xét lấy mình, nên chẳng biết mình có lỗi, như có ai chỉ cho mình điều sai quấy thì phải vui vẻ nhận lấy như thầy Tử Lộ đã từng làm, như thế mới có khí tượng của bậc Thánh hiền: Cáo hữu quá tắc hỷ, hữu Thánh hiền khí tượng 告有過則喜, 有聖賢氣象.

Có người biết mình quấy mà không chừa không cải, thì là mình tự che lấp cho mình đừng biết vậy: Hữu quá bất tri giả tự tế chi dã 有過不知者自蔽之也.

Lại có người biết lỗi mà không chịu ăn năn hối cải thì cái lỗi ấy thực là càng thái quá thêm: Quá nhi bất cải thị vị quá hỷ 過而不改是謂過矣.

Như vậy, mình phải biết nghe lời sửa lỗi của người. Khi biết mình có lỗi làm thì phải ăn năn hối ngộ sửa cải tánh tình, để trở về với nẻo chánh đường chơn mà lo tu thân lập đức.

Câu 427: *Phải biết ăn năn để tu tâm sửa tánh.*

Câu 428: *Nắm giữ tam tạng, và chẳng nên lời lỏng đạo ngũ thường.*

429. **Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
Mà trong lòng chẳng thật kính thành.**
431. **Lâm nguy nguyện vái làm lành,
Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.**

Tưởng Trời tin Phật: Tin tưởng Trời Phật.

Kính thành: Kính trọng một cách thành thật.

Lâm nguy 臨危: Gặp sự nguy hiểm.

Nguyện vái làm lành: Cầu nguyện và van vái các Đấng sẽ làm những điều lành.

Tai qua: Tai nạn đã đi qua, tức là đã hết tai nạn.

Phụ vong 負忘: Quên lời, không nhớ lời nguyện vái.

Câu 429 và 430: Ngặt có những kẻ bên ngoài tuy là tin tưởng Trời Phật, nhưng trong lòng không thật sự là kính thành.

Câu 431: Lúc gặp tai nạn thì cầu nguyện, vái van sẽ làm phải làm lành.

Câu 432: Đến khi tai qua nạn khỏi rồi thì lòng không nhớ những lời vái van ấy nữa.

Ở cõi thế gian này, có nhiều người vì quyền lợi nên không sống thật với lòng mình. Trong đoạn trên của kinh Sám Hối có những câu:

*Thêm những sãi giả nương cửa Phật,
Của thập phương châu cấp thể nhi.*

Hoặc:

*Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo khổ đất cầm vườn.*

Tất cả những hạng người đó tuy là có tin Trời tưởng Phật, song trong lòng họ chẳng thật sự có lòng thành kính.

Bởi nếu biết thành kính Trời Phật, thì phải noi theo tánh từ bi của các Đấng ấy, tức là có lòng thương yêu tất cả chúng sanh. Mà hễ có lòng hiếu sanh thì họ nữ lòng nào dối người để lấy của thập phương châu cấp cho vợ con, và nữ nào bức ép những kẻ nghèo khổ cố đất cầm vườn. Và người có lòng tin tưởng chân thật vào Đức Chí Tôn và chư Phật thì dù hoàn cảnh nào cũng noi theo lòng bác ái các Đấng Thiêng Liêng ấy, chứ không đợi lúc lâm nguy mới nguyện làm việc lành, đến chừng tai nạn qua khỏi rồi thì quên hết mọi điều đã nguyện vái.

Người thật sự là tin tưởng Trời Phật thì lúc nào cũng làm lành, không phải đợi lúc lâm nguy mới làm lành, mà thành thực làm lành vì thể theo đức hạo sanh của Trời Phật.

433. **Chớ thái quá đừng lòng bất cập,
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.**
435. **Làm lành, xem phải, nói ngay,
Giữ ba điều ấy thiệt rày phước duyên.**

Thái quá 太過: Quá mức độ.

Bất cập 不及: Chẳng kịp, thua sút.

Thiệt rày: Từ nay về sau mới thiệt là.

Phước duyên 福緣: Cái duyên phước đức, hay cái duyên may mắn tốt lành.

Câu 433: *Sống ở trên đời, làm việc gì chẳng nên thái quá mà cũng không nên bất cập.*

Câu 434: *Phương pháp tu hành là phải luyện tập hằng ngày.*

Thời xưa các Nho gia thường khuyên người ta đừng thái quá cũng đừng bất cập, mà phải giữ thái độ trung dung.

Đạo Trung dung theo Khổng Mạnh là một qui tắc hành động của bậc hiền minh, hợp với lẽ đương nhiên, không thái

quá, không bắt cấp, song phải biết quyền biến, biết tùy thời, tùy cảnh ngộ, tùy địa vị mà xử sự, lúc nên làm thì làm, lúc không nên làm thì không làm. Nghĩa là phải cho hợp tình hợp lý chứ không chấp nhứt.

Đây là thái độ của người Quân tử theo đạo Trung dung: Người quân tử cứ theo địa vị mình mà ăn ở, không cần ở ngoài; địa vị giàu sang thì ăn ở theo cách giàu sang; địa vị nghèo hèn thì ăn ở cách nghèo hèn; ở nơi mọi rợ thì ăn ở theo cách mọi rợ; ở vào lúc hoạn nạn thì ăn ở theo cảnh hoạn nạn. Người quân tử ở vào cảnh nào cũng tự đắc (tức là vui vẻ, thản nhiên) (*Quân tử tổ kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại; tổ phú quý hành hồ phú quý; tổ bần tiện hành hồ bần tiện; tổ di địch hành hồ di địch; tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất đắc yên* 君子其位而行, 不願乎其外, 素富貴行乎富貴, 素貧賤行乎貧賤, 素夷狄行乎夷狄, 素患難行乎患難, 君子無入而不自得焉).

Người tu thì lấy đường trung đạo mà tu tập, phải tránh xa hai cực đoan, tức là giữ thái độ vô chấp, vô trụ, là không bị lệ thuộc vào định kiến nào và không bị đóng khung trong một phạm trù tư tưởng nào, cứ theo mức trung mà hằng ngày tu tập.

Câu 435: Làm những điều lành, xem những điều phải và nói những điều ngay thật.

Câu 436: Nếu giữ được ba điều trên thì thiệt là có cái duyên phước đức rất lớn.

437. *Lời kệ sám di truyền khuyến thiện,*

Câu văn từ luận biện thật thà.

439. *Chẳng dùng những tiếng sâu xa,*

E không hiểu thấu, diễn ra ích gì?

Kệ 偈: Bài thơ ngắn, bài văn vắn tóm tắt đại ý một đoạn hay một bài kinh, một bài thuyết pháp để ca ngợi công đức của Bồ Tát, chư Phật.

Kệ còn là một bài ca chứng đạo của các vị Thiền sư.

Sau đây là một bài Kệ của Lục Tổ Huệ Năng:

Bồ đề bốn vô thọ,

菩提本無樹

Minh kính diệp phi đài.

明鏡亦非臺

Bồn lai vô nhất vật.

本來無一物

Hà xứ nhạ trần ai.

何處惹塵埃

Sám 懺: Ăn năn những điều làm lỗi và thật lòng hối cải.

Lời kệ sám: Những lời kinh kệ để sám hối ăn năn. Ở đây, chỉ bài Kinh Sám Hối.

Di truyền 遺傳: Truyền để lại, truyền lại cho những người sau này.

Khuyến thiện 勸善: Khuyến làm việc lành.

Văn từ 文詞: Văn chương chữ nghĩa.

Luận biện 論辨: Bàn bạc phân biệt cho rõ ràng.

Những tiếng sâu xa: Những từ ngữ hay ý tưởng cao sâu khó hiểu.

E ra không thấu: E sợ rằng không hiểu thấu nổi.

Diễn ra: Trình bày ra.

Câu 437: Lời kinh Sám Hối truyền để lại mục đích để khuyên răn làm điều thiện.

Câu 438: Văn từ của bài kinh nhằm để phổ thông mọi giới nên luận biện thật thà.

Câu 439: Lời kinh chẳng dùng những từ ngữ hay những ý tưởng cao sâu.

Câu 440: Vì e sợ rằng không hiểu thấu nổi, trình bày có ích chi đâu.

Như ta đã biết, mục đích của bài kinh Sám Hối, như tên gọi khi xưa “*Kinh Nhơn Quả*”, là nêu lên thuyết luân hồi Nhơn quả, nhằm răn dạy cho chúng sanh tránh xa điều tội lỗi, ác đức, khuyên người làm việc lương thiện, phước lành. Nhưng chúng sanh phần đông là những hạng người bình dân ít học, vì vậy, ngôn ngữ trong bài kinh Sám Hối được các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ ban cho không dùng những lời lẽ cao xa, cầu kỳ, vì e rằng người học ít sẽ không hiểu thấu, nên mới dùng lời văn bình dị, mộc mạc để tất cả mọi giới đều có thể tiếp thu, nhận biết.

441. ***Chớ buông tiếng thị phi khinh dễ,***

Rán làm lành phước để cháu con.

443. ***Làm người nhơn nghĩa giữ tròn,***

Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.

Buông tiếng: Tỏ ra những lời nói thiếu suy nghĩ, nói một cách bừa bãi.

Thị phi 是非: Phải và trái.

Nhơn nghĩa giữ tròn: Giữ gìn trọn vẹn điều nhơn nghĩa.

Bóng khuất: Hay khuất bóng ý nói đã chết rồi, tức là hình bóng khuất dạng trên cõi đời.

Tiếng còn bay xa: Tiếng thom còn lưu lại bay khắp nơi.

Câu 441: Chẳng nên thiếu suy xét mà tỏ ra lời khiến thị phi khinh dễ.

Câu 442: Mà hãy rán làm việc lành để phước đức lại cho cháu con.

Câu 443: Làm con người phải gìn giữ điều nhơn nghĩa cho trọn vẹn.

Câu 444: Dù muôn năm hình bóng có khuất dạng trên cõi đời này thì tiếng tăm, danh thể còn lưu lại.



THIÊN THỨ NHÌ

BÀI KHEN NGỌI KINH SÁM HỐI

I.-KINH VẤN:

BÀI KHEN NGỌI KINH SÁM HỐI

Nghe lời khuyên thiện rất may,
 Nguyên lòng niệm Phật ăn chay làm lành.
 Ngày ngày tập sửa tánh thành,
 Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.
 Một là hồi ngộ tội căn,
 Hai là cầu đăng siêu thăng Cửu huyền.
 Đương sanh hạnh hưởng phước duyên,
 Trong nhà già trẻ miên miên thái bình.
 Sau dầu đến chốn Diêm đình,
 Linh hồn trong sạch nhẹ mình thanh thoi.
 Luân hồi trở lại trên đời,
 Tiền công thì cũng Phật Trời thưởng ban.
 Cầu xin trăm họ bình an,
 Nước giàu dân mạnh thanh nhàn muôn năm.

II.-CHÚ GIẢI:

*Nghe lời khuyên thiện rất may,
 Nguyên lòng niệm Phật ăn chay làm lành.*

Khuyên thiện 勸善: Khuyên làm những điều lành.

Nguyên lòng: Nguyên với lòng mình, tức là tự hứa nguyện trong lòng.

Ăn chay: Giữ giới mà không ăn các loại thực phẩm có nguồn gốc từ các loài động vật như: Trứng, cá, thịt...

Người ăn chay chỉ dùng các thực phẩm xuất phát từ thảo mộc, hay chế biến từ thảo mộc. (Xem chú thích trong câu 272 Kinh Sám Hối).

Câu 1: *Rất may mắn khi được nghe những lời khuyên thiện.*

Câu 2: *Nên nguyện với lòng sẽ niệm Phật, ăn chay và làm lành.*

**Ngày ngày tập sửa tánh thành,
 Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.**

Tánh thành: Hay thành tính 誠性 Tính nét thành thật ngay thẳng.

Theo Mạnh Tử, “Thành thực là cái Đạo của Trời, luyện tập để trở nên thành thực là cái Đạo của người. Hễ chí thành mà không cảm động được thiên hạ thì chưa hề có; không thành thực thì chẳng cảm động được ai cả”.

Tuân Tử cũng cho rằng đức thành cảm hóa được con người và vạn vật, là một cái Đạo của Trời đất, của Thánh nhân. Ông nói: “ Quân tử dưỡng tâm thì không gì tốt bằng luyện đức thành. Hễ chí thành rồi thì không còn việc gì làm hại được tâm nữa. Chỉ thành tâm giữ lấy điều nhân, chỉ thành tâm làm theo điều nghĩa. Hễ thành tâm giữ điều nhân thì niệm thành tâm tất hiện ra ngoài mà tất có hiệu lực thần diệu, thần diệu thì cảm hóa được người; hễ thành tâm làm điều nghĩa thì tất thấu lý, thấu lý thì tất sáng, sáng thì tất biến đổi lòng người...Trời đất lớn thật, nhưng nếu không thành thực thì không cảm hóa được vạn vật; Thánh nhân sáng suốt thật, nhưng nếu không thành thực thì không cảm hóa được vạn dân; tình cha con thân thật, nhưng nếu không thành thực thì hóa sơ; bậc vua và bề trên đáng tôn kính thật, nhưng nếu

không thành thực thì hóa thấp. Thành là cái người quân tử phải giữ, và là cái gốc của chính trị” (Quân tử dưỡng tâm mạc thiện vu thành, trí thành tắc vô tha sự hỹ. Duy nhân chi vi thủ, duy nghĩa chi vi hành. Thành tâm thủ nhân tắc hình, hình tắc thần, thần tắc năng hóa hỹ; thành tâm hành nghĩa tắc lý, lý tắc minh, minh tắc năng biến hỹ... Thiên địa vi đại hỹ, bất thành tắc bất năng hóa vạn vật; Thánh nhân vi tri hỹ, bất thành tắc bất năng hóa dân; phụ tử vi thân hỹ, bất thành tắc sơ; quân thượng vi tôn hỹ, bất thành tắc ti. Phù thành giả, quân tử chi sở thủ dã, nhi chính sự chi bản dã 君子養心莫善于誠, 致誠則無它事矣. 唯仁之為守, 唯義之為行. 誠心守仁則形, 形則神, 神則能化矣; 誠心行義則理, 理則明, 明則能變矣... 天地為大矣, 不誠則不能化萬物; 聖人之為知矣, 不誠則不能化萬民; 父子為親矣, 不誠則疏; 君上為尊矣, 不誠則卑. 夫誠者, 君子之所守也).

Tự tỉnh 自省: Tự mình thức tỉnh, tức là tự xét trong mình phải trái hay dở thế nào để mà sửa chữa.

Đức Khổng Tử dạy về cách xét mình như sau: *Kiến thiện như bắt cạp, kiến bất thiện như thám thang; kiến hiền tư tề yên, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh* đã 見善如不及, 見不善如探湯; 見賢思齊焉, 見不賢而內自省也:

Dịch văn

*Thấy người làm việc tốt lành,
Mình như thua kém, tiến nhanh kịp người.*

*Thấy ai xấu nét chớ cười,
Xét xem mình có giống người ấy chăng?*

Tu hành 修行: Sửa sang rèn luyện.

“Tu hành” theo sách Hán thư viết: Nếu thông hiểu sách sử thì nên sửa sang tâm tính để thi hành đạo lý của các tiên vương.

Sau này, chữ tu hành thường dùng theo nghĩa: Vào một tôn giáo để sửa đổi tâm tính và thi hành giáo lý của tôn giáo ấy.

Câu 3: *Hằng ngày rèn tập để tu sửa cho tánh nét thành thật ngay thẳng.*

Câu 4: *Hằng đêm tự xét mình xem nếu có làm lỗi thì ăn năn tu hành.*

Con người sống trong thế gian đầy tội lỗi, mà thiếu tự xét mình và giữa tập thể thiếu sự xây dựng của những người chung quanh thì khó lòng trở thành người tốt được. Những tín hữu làm việc trong Đạo không biết suy xét và thiếu sự góp ý, phê bình của tập thể thì dễ rơi vào chủ quan, lệch lạc và có hành vi không chuẩn mực, đó là chưa nói đến những sai trái của cá nhân khi không được quan tâm phê bình cũng như tự phê bình.

Về mặt hành vi, tự phê bình là phẩm chất tốt và đạo đức, thể hiện sự dũng cảm trong đấu tranh đối với cái sai trái của chính mình. Hai câu kinh trên nhằm nói lên con người muốn chiến thắng bản thân mình thì hằng ngày phải sống thật với lòng mình, tức là nhận rõ điều tốt việc xấu của mình để sửa đổi; và hằng đêm còn phải biết tự xét mình mà ăn năn hối cải. Có như vậy, con người mới khắc phục được những thiếu sót, khuyết điểm, mới cảm thấy lòng nhẹ nhàng hơn, tự tin hơn trên đường tu học.

Một là hối ngộ tội căn,

Hai là cầu đạt siêu thăng Cửu huyền.

Hối ngộ 悔悟: Hối hận và giác ngộ.

Tội căn 罪根: Gốc của tội lỗi trong kiếp sống trước.

Siêu thăng 超升: Siêu vượt bay lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Cửu huyền 九玄: Đây là một thành ngữ dùng để chỉ Ông bà Tổ tiên. Thờ cúng Ông bà Tổ tiên, nhiều gia đình xưa thờ **Tiên Linh** 先靈, **Truy viễn** 追遠 hay **Cửu Huyền Thất Tổ** 九玄七祖.

Thờ Cửu Huyền, cũng giống như thờ Tiên Linh hay Truy Viễn vậy, tức là thờ các vị Tổ tiên Ông bà chung từ xa xưa đến nay. Chữ Huyền chỉ về đời, Tổ chỉ hàng ông nội trở lên.

Có thuyết cho rằng Cửu Huyền cũng là Cửu tộc, kể từ Cao Tổ nhỏ xuống đến cháu huyền tôn là chín đời.

Sách Ấu Học Quỳnh Lâm giải thích về Cửu tộc như sau: “Hà vị Cửu tộc? Cao, Tằng, Tổ, Khảo, Kỷ thân, Tử, Tôn, Tằng, Huyền 何謂九族? 高, 曾, 祖, 考, 己身, 子, 孫, 曾, 玄” (Cửu tộc là gì? Ông sơ, ông cố, ông nội, cha, bản thân, con, cháu, chất, chít).

Như vậy từ bản thân kể lên bốn đời, và đếm xuống bốn đời, cộng chung lại là chín đời, gọi là Cửu tộc:

1	Cao Tổ	高祖	(Ông Sơ)
2	Tằng Tổ	曾祖	(Ông Cố)
3	Tổ Phụ	祖父	(Ông Nội)
4	Phụ thân	父親	(Cha)
5	Kỷ thân	己身	(Bản thân)
6	Trưởng tử	長子	(Con trưởng)
7	Đích tôn	嫡孫	(Cháu nội)

8 Tằng tôn 曾孫 (Cháu chắt)

9 Huyền tôn 玄孫 (Cháu chít)

Nếu thờ Cửu Huyền mà lấy Cửu tộc ra thờ thì chỉ thờ được bốn đời trên bản thân mình, tức từ phụ thân đến cao tổ, còn bốn đời sau là con cháu thì sao lại thờ được?

Như vậy, theo thiên ý, Cửu Huyền là một danh từ dùng để chỉ chung Tổ tiên Ông bà nhiều đời trước mà thôi, giống như thờ Tiên linh hay Truy viễn, nghĩa là từ cha mẹ đã chết đến Tỵ tổ (không kể số lượng là chín).

Câu 5: Điều thứ nhất là để sám hối những tội căn đã làm rồi giác ngộ tu hành.

Câu 6: Điều thứ hai là cầu rỗi đặng cho Cửu huyền được siêu thăng tịnh độ.

Được may duyên gặp thời kỳ Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong thời hạ nguồn mạt pháp, để ân xá cho toàn thể chúng sanh, chúng ta thọ trì nền chánh Đạo, là tự bản thân đã cải tà qui chánh, sám hối những tội căn đã làm trong quá khứ. Ngoài ra còn lo bồi công lập đức, tu tâm dưỡng tánh, là để cầu rỗi cho Cửu Huyền Thất Tổ và hai đẳng sanh thành được siêu thăng tịnh độ.

Thực vậy, các đẳng Thiêng Liêng có dạy: “*Nhất nhân hành Đạo Cửu Huyền thăng 一人行道九玄升*”, và trong bài kinh *Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu* có câu:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.*

Con cháu muốn làm tròn hiếu đạo với Ông bà Tổ phụ, hai Đẳng song thân, không gì hơn là phải biết tu thân, lập đức, nhất là phải thực hành công quả, để lấy đó mà dâng hiến lên Ông bà Tổ phụ, hai đẳng sinh thành.

Như vậy, **công quả** mới thực sự là một món quà trân trọng nhất để thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu dâng cúng Cửu Huyền Thất Tổ và cha mẹ, làm hành trang để trở về ngôi xưa vị cũ.

**Đương sanh hạnh hưởng phước duyên,
Trong nhà già trẻ miên miên thái bình.**

Đương sanh 當生: Đang kiếp sống nơi cõi trần.

Hạnh hưởng 幸享: May mắn được thọ hưởng.

Phước duyên 福緣: Cái duyên phước đức, nghĩa là điều may mắn tốt lành do cái duyên trong kiếp sống trước tạo ra.

Miên miên 綿綿: Mãi mãi, lâu dài.

Thái bình 太平: Rất yên ổn.

Câu 7: Đang trong cuộc sống được may mắn thọ hưởng những phúc đức do duyên lành nơi kiếp trước.

Câu 8: Trong gia đình tất cả những người già trẻ đều được yên ổn lâu dài.

**Sau dầu đến chốn Diêm đình,
Linh hồn trong sạch nhẹ mình thanh thoi.**

Diêm đình 閻廷: Triều đình của Diêm vương, chỉ cõi Âm phủ. Đồng nghĩa với Diêm Cung.

Linh hồn trong sạch: Linh hồn còn gọi là Chơn linh, là điểm linh quang của Chí Tôn ban cho, tự nó đã là trong sạch nhẹ nhàng rồi.

Sở dĩ Linh hồn không trong sạch là bởi vì con người đã trải qua biết bao nhiêu kiếp luân hồi sinh tử, gây ra biết bao nhiêu oan nghiệt, mà tạo nên nghiệp quả khiến cho Chơn thần

phải chịu nặng nề ô trược. Khi Chơn thần bị trọc trược thì sẽ níu kéo Chơn linh, làm cho Chơn linh cũng nặng nề ô trược.

Dòng khổ hải hằng thường chìm đắm,

Mùi đau thương đã thấm chơn linh.

Dây oan xe chặt buộc mình,

Nhớ như lục dục thất tình nhiễm thân.

(Kinh Giải Oan)

Để Chơn linh được trong sạch nhẹ nhàng, con người phải dẹp bỏ thất tình lục dục, và tu dưỡng một thân thể tinh khiết bằng cách giữ gìn trai giới, có tư tưởng thanh cao, phát huy bản thể trọn lành của Thượng Đế và thường xuyên lễ bái để tâm hồn mình được thông công, giao cảm với Trời, mà nâng bước tiến tâm linh ngày thêm Thánh thiện.

Thanh thoi: Không bị ràng buộc, không bị tội lỗi.

Câu 9: Ngày sau dầu có đi xuống chốn Diêm đình.

Câu 10: Thì Linh hồn cũng được trong sạch, nhẹ nhàng và thanh thoi.

**Luân hồi trở lại trên đời,
Tiền công thì cũng Phật Trời thưởng ban.**

Luân hồi 輪迴: Luân là bánh xe xoay vần, Hồi là quay tròn vòng này trở lại đến vòng khác, cứ thế quay mãi.

Sự luân chuyển của chúng sanh trong sáu cõi (Lục đạo 六道), sanh tử, tử sanh tiếp nối nhau không ngừng như cái bánh xe quay không có khởi điểm. Chúng sanh bị nghiệp lực cuốn hút vào vòng sống chết không bao giờ dừng nghỉ, chỉ khi nào đạt được giải thoát hay chứng quả mới thôi.

Tiền công 前功: Công quả hay công đức của tiền kiếp đã tạo ra.

Thưởng ban 賞 頒: Trời Phật ban ra mà thưởng cho người có công quả hay công đức.

Câu 11: Rồi luân hồi chuyển kiếp để trở lại trên cõi đời.

Câu 12: Công quả hay công đức trong kiếp trước đã tạo ra sẽ được Trời Phật ban thưởng cho kiếp sống này.

Cầu xin trăm họ bình an,

Nước giàu dân mạnh thanh nhàn muôn năm.

Trăm họ: Do chữ bá tánh 百姓, chỉ toàn thể dân chúng.

Thanh nhàn 清 閒: Rảnh rang, không bận bịu việc gì.

Câu 13: Cầu xin cho tất cả trăm họ được bình an.

Câu 14: Đất nước được giàu, dân chúng được mạnh để hưởng cảnh thanh nhàn muôn năm.



THIÊN THỨ BA

BÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC PHẬT TIÊN THÁNH THẦN

I.-KINH VĂN:

BÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC PHẬT TIÊN THÁNH THẦN

Hào quang chiếu chín từng mây bạc,
Thần, Thánh, Tiên thừa hạc cõi rồng.

Phép linh thiết rất chí công,
Hóa sanh muôn vật, ngưỡng trông phước đời.
Trên Điện Ngọc Vua Trời ngự giáng,
Trước đèn vàng phán đoán phân minh.

Cõi trần trung giải thịnh thịnh,
Phàm gian lao khổ đao binh tai nạn.

Lòng Trời cảm cứu an lành,
Độ chúng sanh muôn xứ gọi ơn.

Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhơn,
Văn Tuyên Khổng Thánh khuyến dân răn đời.
Ghi các sách ngàn lời để lại.

Chép nhiều thơ vạn đại truyền ra.

Tây phương cõi Phật chói lòa,
Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.

Lòng cảm xót dương trần lận đận.

Ra oai linh tiếp dẫn nhơn cầm.

Phổ Đà có Phật Quan Âm,
 Ra công cứu thế, ân thâm đức dày.
 Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy,
 Xuống hồng trần khuyên dạy thương sanh.
 Lão Quân ứng hóa Tam thanh,
 Khuyên răn nhơn vật lòng lành chớ xao.
 Cơ huyền diệu Đạo Cao minh chánh,
 Hiển phép mầu ma lánh quỷ kiêng.
 Trừ yêu có Thánh Tề Thiên,
 Qui y Phật pháp ở miền Tây phương.
 Oai bốn hướng Thần nhường quỷ sợ,
 Đức ba giềng tể trợ thương sanh,
 Hớn trào Quan Thánh bìa danh,
 Trung can nghĩa khí háo sanh giúp đời.
 Tuần ba cửa, cõi Trời đều dụng,
 Xét bốn phương, dân chúng dữ lành.
 Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh,
 Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian.
 Chí từ huệ giúp an lê thứ,
 Thông rõ đời nhơn sự kiết hung.
 Đại Tiên ở chốn Thiên cung,
 Lòng lành thi phú thung dung độ người.
 Ánh Xá lợi sáng ngời Cực Lạc,
 Hiển kim thân Bồ Tát hóa duyên.
 Thiên cung: Tinh Tú, Thánh, Tiên,
 Địa kỳ: Thần Tướng đàn tiền giảng lâm.
 Lòng sở vọng lâm thâm tụng niệm,
 Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu.
 Chúng sanh cảm đức cao sâu,
 Rèn lòng, sửa nét, lo âu làm lành.

II.-NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA:

Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần do Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cơ vào đầu năm Ất Sửu, 1925, tại đàn cơ Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu). Sau đó Đức Nhiên Đăng Cổ Phật tiếp ban cho tám câu cuối của bài kinh. Như vậy, bốn mươi câu đầu do Thái Thượng giảng cơ, tám câu cuối cùng do Nhiên Đăng Cổ Phật tiếp ban cho trọn bài, mà khi xưa bên Tam Tông Miếu gọi là bài *Xưng Tụng Công Đức*.

Đến khi mới khai sáng nền Đại Đạo, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh cử một phái đoàn gồm bốn người: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Giáo Sư phái Thượng Vương Quang Kỳ, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư đến chi Minh Lý để thỉnh sáu bài kinh, trong đó có bài kinh này về làm kinh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Sáu bài kinh đó là:

- Niệm Hương.
- Khai Kinh.
- Kinh Sám Hối (Tức Kinh Nhơn Quả).
- Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.
- Kinh Cầu Siêu.
- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần.

Ý nghĩa như tựa bài kinh, nhằm mục đích để chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ tụng niệm hầu xưng tụng công đức Chí Tôn và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần.

III.-CHÚ GIẢI:

*Hào quang chiếu chín tầng mây bạc,
 Thần, Thánh, Tiên thừa hạc cõi rồng.*

Hào quang 毫光: Ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ các vật hay thân các Đấng Thiêng Liêng.

Chín tầng: Do cửu trùng thiên 九重天: Chín tầng trời.

Mây bạc: Mây trắng bạc.

Hạc 鶴: Một loài chim có chân cao, cổ dài, da đỏ, lông trắng. Hạc là loại chim sống lâu, có thể sống ngoài ngàn năm. Theo Hàn thi ngoại truyện, thì loại hạc vàng có thể bay rất xa, mỗi lần cất cánh thì có thể bay hàng muôn dặm, vì thế những linh hạc được các vị Thần Tiên dùng để cỡi hay kéo xe vân du trong các cõi giới. Trong bài Kinh Niệm Hương có viết:

*Xin Thần, Thánh ruổi dong **cỡi hạc**,
Xuống phàm trần vội gác xe tiên.*

Thừa 乘: Cỡi, như thừa xa 乘車 là cỡi xe, thừa long 乘龍 là cỡi rồng.

Rồng: Là long 龍, một loại thủy tộc có kích thước rất lớn, theo truyện thần thoại thì mình rồng dài tròn một dãy núi và khoanh tròn lấp cả một hồ sâu. Khi ẩn thì dấu mình trong mây mù, khi hiện thì nổi sấm chớp, trời rung đất chuyển. Rồng có đầu giống đầu đà, sừng giống sừng nai, cổ giống cổ rắn, bụng giống bụng giao long, mắt giống mắt thỏ, tai giống tai bò, chân giống chân cọp, móng giống móng chim ưng và vẩy giống vẩy cá ly. Rồng có thể sống dưới nước, ở đáy sông đáy biển (có cả một giang sơn riêng gọi là long cung) và cũng có thể bay khắp các tầng Trời, do đó thường được chư Tiên dùng làm vật để cỡi.

Rồng và chim hạc được các vị Tiên Thánh dùng để vân du khắp các thế giới và các Chơn linh đắc Đạo cỡi về cõi Đào Nguyên như lời trong kinh *Cầu Bà Con Thân Bằng Có Hữu Dĩ Qui Liễu* viết:

*Trụ nguyên tánh hồn linh nhàn lạc,
Cỡi Đào nguyên **cỡi hạc thừa long**.*

Câu 1: Hào quang chiếu sáng chín tầng Trời màu mây bạc.

Câu 2: Các Đấng Thần, Thánh, Tiên cỡi chim hạc hoặc cỡi rồng.

Phép linh thiết rất chí công,

Hóa sanh muôn vật, ngưỡng trông phước đời.

Phép linh: Phép thiêng liêng của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Chí công 至公: Rất công bình, tức là công bình một cách tuyệt đối.

Mọi việc nơi thế gian đều có tính cách tương đối: Từ luật pháp, luân lý đạo đức, sự ứng xử của con người đối với nhau chỉ có công bình một cách tương đối, vì mọi quan niệm, mọi phán xét đều bị thiên kiến, bị giới hạn của thời gian và không gian. Còn sự công bình nơi Thiêng Liêng thì tuyệt đối, không bị giới hạn bởi thời gian hay không gian, không bị thiên lệch, không bị khuất lấp...Để thể hiện sự công bình tuyệt đối của Thiêng liêng, nơi Tòa Thánh Tây Ninh, trên cửa bước vào có đắp một bàn tay sơn màu trắng nắm cán cân, tượng trưng bàn tay Chí Tôn cầm cân công bình đo tội phước của chúng sanh. Do vậy, người ta còn gọi Đức Thượng Đế là Đấng Chí Công.

Hóa sanh 化生: Biến hóa mà sinh ra.

Ngưỡng 仰: Trông ngóng.

Câu 3: Phép thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa thực là rất công bình.

Câu 4: Sanh hóa ra muôn vật, ngưỡng trông nhiều điều phước đức cho cõi đời.

**Trên Điện Ngọc Vua Trời ngự giáng,
Trước đền vàng phán đoán phân minh.**

Điện Ngọc: Hay Ngọc điện 玉殿: Cung điện bằng ngọc, nơi ngự triều của Đức Chí Tôn, gọi là Linh Tiêu Điện 靈霄殿, Ngọc Hư Cung 玉虛宮.

Vua Trời: Tức là Thiên Đế 天帝, chỉ Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngự giáng 御降: Đức Chí Tôn ngự giáng xuống trần gian.

Hai câu trong Thánh thi hiệp tuyền được lấy làm liên thờ Đức Chí Tôn nơi Thiên Bàn như sau:

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

幸遇高臺傳大道

Hảo phùng Ngọc Đế **ngự** trần gian.

好逢玉帝御塵間

Đền vàng: Do chữ kim điện 金殿, chỉ Đền của Đức Chí Tôn bằng vàng ròng.

Phán đoán 判斷: Quyết định sau khi nhận xét.

Phân minh 分明: Rõ ràng.

Câu 5: Trên Điện ngọc, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự giáng xuống.

Câu 6: Trước Đền vàng, Ngài xem xét rõ ràng và quyết đoán một cách phân minh.

**Cõi trần trung giới thịnh thịnh,
Phàm gian lao khổ đao binh tại nà.**

Trung giới 中界: Hay trung giới, là cõi ở giữa Hạ giới tức là cõi trần và Thượng giới tức là cõi Thiêng Liêng.

Thịnh thịnh: Mênh mông, rộng lớn.

Phàm gian 凡間: Cõi phàm, cõi thế gian.

Lao khổ 勞苦: Gian lao và khổ sở.

Đao binh 刀兵: Gươm đao và binh lính, để chỉ thời giặc giã, chiến tranh.

Câu 7: Cõi trần gian và cõi trung giới rộng lớn thịnh thịnh.

Câu 8: Chúng sanh nơi cõi phàm chịu nhiều nỗi gian lao khổ sở do chiến tranh và tai nạn gây ra.

Lòng Trời cảm cứu an lê thứ,

Độ chúng sanh muôn xứ gọi ơn.

Cảm 感: Tâm ứng với ngoại vật mà xúc động, mỗi rung động trong lòng.

Cứu an 救安: Cứu giúp cho được yên ổn.

Lê thứ 黎庶: Lê là màu đen. Thứ là đông đúc. Lê thứ: Dân đen đông đảo, chỉ chung dân chúng.

Muôn xứ gọi ơn: Khắp mọi nơi nhận được nhiều ân huệ từ trên ban xuống.

Câu 9 và 10: Lòng của Đức Chí Tôn rất cảm thương lê thứ, nên độ chúng sanh khắp mọi nơi được yên ổn và gọi nhủ ơn huệ của Ngài.

Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhơn,

Văn Tuyên Khổng Thánh khuyên dân răn đời.

Đạo Nho: Tức là Nho giáo 儒教, là một Đạo có từ trước khi Khổng Tử ra đời, nhưng phải nhờ đến Ngài, đạo

Nho mới được phát huy để trở thành một học thuyết có hệ thống tư tưởng rõ ràng, biện giải các lễ biến hóa của vũ trụ một cách khúc triết, qui định các nghi thức tế tự Trời đất quỷ Thần một cách minh bạch...Nho giáo còn được gọi là Khổng giáo.

Chữ Nho 儒 gồm một chữ nhân 人 là người, ghép với chữ nhu 需 là cần dùng hay chờ đợi. Vậy Nho có nghĩa là người cần dùng đến để giúp ích xã hội, hay người học giỏi chờ đợi người ta biết đến tài mình để đem hết sở năng mình ra giúp ích cho đời. Người đi học đạo của Thánh hiền để thông suốt lẽ Trời, đất, con người để đem thực hành ở xã hội, làm lợi ích quốc gia, xã hội, gọi là Nho gia, hay Nho sĩ.

Nghĩa nhơn 義仁: Hai điều quan trọng trong Nho giáo, cũng là tôn chỉ của Đạo Cao Đài.

Hai chữ Nhơn nghĩa đại ý:

Nhơn là lòng thương người, là từ bi, bác ái.

Nghĩa là công bình chánh trực.

Trước mặt tiền của ngôi Tòa Thánh có đề hai chữ Nhơn Nghĩa, nhằm cho biết đạo lý của con người từ căn bản nhơn nghĩa mà phát huy ra làm cho nhân sinh được thuận hòa, an lạc, xã hội thanh bình, hạnh phúc.

Văn Tuyên 文宣: Tên thụy của Đức Khổng Tử do các vị vua Trung Hoa đời trước truy tặng cho

- Năm Khai Nguyên thứ 27 (739), vua Đường Huyền Tông truy phong làm “Văn Tuyên Vương 文宣王”.

- Năm Đại Trung Tường Phù nguyên niên (1008), vua Tống Chân Tông gia thụy là “Đại Thánh Văn Tuyên Vương 大聖文宣王”.

- Năm Đại Đức thứ 10 (1306), vua Nguyên Thành Tông gia hiệu “Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương 大成至聖文宣王”.

- Năm Gia Tĩnh thứ 9 (1530), Minh Thế Tông phong làm “Chí Thánh Tiên Sư 至聖先師”.

- Năm Thuận Trị thứ 2 (1645), Thanh Thế Tổ phong làm “Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Tiên Thánh Sư 大成至聖文宣王先聖師”

Khổng Thánh 孔聖: Tức Đức Khổng Tử.

Khổng Tử, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông bên Tàu. Thân phụ Ngài là Thúc Lương Ngột làm quan võ, mẹ Ngài là Bà Nhan Thị. Ngài sinh vào mùa đông tháng mười năm Canh Tuất là năm thứ 21 đời vua Linh Vương nhà Châu, tức là năm 551 trước Tây Lịch. Vì có cầu tự trên núi Ni Khâu, cho nên sinh ra Ngài mới đặt tên là Khâu 丘, tên tự là Trọng Ni 仲尼.

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, thân phụ Ngài mất, nhờ mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nên người. Lớn lên Ngài là người học Nho, nên rất trọng về lễ nghi và những phép tắc của các Đế Vương đời trước.

Ngài có ra làm quan cho nước Lỗ, nhưng thấy vua mê nữ sắc bỏ phế việc triều chính, Ngài bèn từ quan mà đi chu du liệt quốc chư hầu, mong tìm vị minh quân để phò tá, nhân đó xiển dương Thánh Đạo.

Cuối cùng, Ngài thất vọng phải trở về nước Lỗ mở trường dạy học và san định lục kinh. Lúc Ngài viết quyển kinh Xuân Thu vừa xong, có tin người thợ săn bắt được một con kỳ lân què chơn trái, Ngài thắc mắc “Kỳ lân ra làm gì thế?”. Ít hôm sau nghe tin kỳ lân bị giết chết, Ngài bụng mặt

khóc mà than rằng : Đạo Ta cùng vậy (Ngô Đạo cùng hỹ 吾道窮矣). Ngài mất vào đời vua Ai Công nước Lỗ, tháng tư, ngày kỷ Sửu thọ được 73 tuổi.

Khuyến dân răn đời: Khuyến dạy dân chúng, răn cấm người đời.

Câu 11: Nho giáo đem điều nhơn nghĩa để truyền dạy cho con người.

Câu 12: Đức Khổng Thánh, Văn Tuyên Vương chu du khắp nước để khuyến dân răn đời.

Người ta thường nói Nho giáo là một đạo đem điều nhơn nghĩa để truyền dạy cho người đời biết đường đạo đức mà ăn ở và hành động cho hợp lẽ Trời.

Khổng Tử là người theo đạo Nho cho nên những tư tưởng và sự học tập của Ngài cốt đem đạo Thánh Hiền ra thực hành trong dân chúng, hầu làm ích lợi cho nhơn quần xã hội. Do vậy, Ngài mới chu du khắp nước, mong muốn ra làm quan để đem cái đạo của mình khuyến dạy nhơn dân và cải tạo đời sống cho con người.

Ghi các sách ngàn lời để lại.

Chép nhiều thơ vạn đại truyền ra.

Ghi các sách: Ghi chép và san định các kinh sách.

Sách của Khổng Tử soạn ra có sáu bộ, đời sau gọi Lục kinh. Sau khi Ngài mất rồi, những sách của Ngài bị mất mát theo và nhứt là bị đời nhà Tần đốt đi nên bị mất nhiều. Sau này hậu Nho góp nhặt và phụ họa vào thành ra Ngũ kinh 五經: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu.

Ngoài ra, học trò của Ngài và người đời sau còn viết đề lại nhiều sách khác, trong đó có Tứ thư: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử...

Thơ: Hay Thư 書, nghĩa là sách.

Vạn đại 萬代: Muôn đời.

Câu 13 và 14: Ngài ghi các kinh sách để lại với ngàn lời dạy khuyến của các Thánh hiền xưa, hầu lưu truyền muôn đời về sau.

Sau khi Đức Khổng Tử mất, một số môn sinh của Ngài như Tăng Sâm, Tử Hạ, Tử Trương, Trọng Cung...theo gót Ngài mở trường dạy học, do đó mà tư tưởng trong lục kinh lần lần truyền bá và đi sâu vào tâm hồn của dân chúng, trong số đệ tử đó có Tăng Sâm, là người có công đem cái lý nhứt quán của Ngài viết trong quyển Đại Học để vạch ra mục đích của Khổng giáo.

Còn một số môn sinh khác ra làm quan để thi hành đạo của thầy và chủ trương lấy đức trị dân thành một lý tưởng chính trị, gọi là nhơn trị hay vương đạo.

Một số môn đệ khác ghi chép lại những lời đàm đạo, hay dạy khuyến của Khổng Tử để truyền lại cho học trò hay con cháu. Rồi sau này có người gom những lời châm ngôn đó lại thành bộ Luận ngữ.

Kể từ khi Đức Khổng Tử mất, bốn trăm năm sau Sử gia nhà Hán là Tư Mã Thiên đã xuy tụng công đức Ngài như sau: *Các quân vương, hiền nhân trong thiên hạ không phải là ít, còn sống thì vinh quang, chết rồi là hết. Duy có Khổng Tử là người áo vải, tới nay đã trên mười đời, vẫn được các Nho gia tôn sùng. Ở Trung Quốc, từ bậc thiên tử vương hầu trở xuống, hễ bàn tới lục nghệ đều lấy Ngài làm tiêu chuẩn. Ngài thật là bậc Chí Thánh.*

**Tây phương cõi Phật chói lòa,
Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.**

Tây phương cõi Phật: Là cõi Phật ở Tây phương, tức là Cực Lạc Thế Giới, một cõi do Đức Phật A Di Đà chủ quản. Cõi này ở về phía tây đối với Ta Bà Thế Giới, nên còn được gọi là Tây phương Cực Lạc 西方極樂.

Chói lòa: Chiếu sáng lòa.

Phật Tổ 佛祖: Đức Thích Ca Mâu Ni là vị tổ sáng lập ra Phật giáo nên gọi là Phật tổ.

Thích Ca Mâu Ni 釋迦牟尼 là một vị thái tử ở nước Ca ty la (Kapilavastu) Trung Ấn Độ, phụ hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hoàng tên là Ma Da. Ngài tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya) là tên một chủng tộc, dịch là Năng nhơn. Mâu Ni là tiếng khen ngợi dịch là Tịch Mặc.

Lúc nhỏ Ngài có trí sáng suốt và có tài năng phi thường. Lớn lên Ngài thấy chúng sanh khổ não, thế gian vô thường, nên Ngài quyết chí tu hành, tìm đường giải thoát cho chính bản thân mình (tự độ), và cho hầu hết chúng sanh (tha độ) lên bờ giác ngộ.

Ngài thành Đạo dưới gốc cây bồ đề và trải 45 năm truyền pháp độ sanh, Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi.

Hải hà 海河: Biển và sông, ý chỉ lòng rộng rãi lớn lao như sông biển.

Câu 15: Cõi Cực Lạc ở Tây phương có ánh hào quang chiếu sáng rực rỡ.

Câu 16: Đức Phật tổ, Thích Ca Mâu Ni có lòng từ bi rộng lớn như sông biển để cứu giúp chúng sanh.

Lòng cảm xót dương trần lận đận.

Ra oai linh tiếp dẫn nhơn cầm.

Cảm xót: Cảm động và xót thương.

Dương trần 陽塵: Chi thế gian, cõi của nhơn loại sống.

Lận đận: Trắc trở và vất vả khó khăn.

Oai linh: Hay uy linh 威靈, là uy quyền thiêng liêng.

Tiếp dẫn 接引: Tiếp rước và dẫn dắt.

Nhơn cầm 人禽: Loài người và loài chim.

Câu 17: Lòng của chư Phật cảm thương cho dân chúng sống ở Dương trần chịu nhiều chật vật, vất vả.

Câu 18: Nên Đức Phật lấy oai quyền thiêng liêng để tiếp dẫn nhơn loại và cầm thú.

Phổ Đà có Phật Quan Âm,

Ra công cứu thế, ân thâm đức dày.

Phổ Đà 普陀: Hay **Phổ Đà Sơn 普陀山**, là núi Phổ Đà, ngụ xứ của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Quan Thế Âm là vị Bồ Tát có lòng đại từ đại bi, ý muốn cứu khổ tất cả chúng sinh, Ngài lại là Đấng có phép thần thông biến hóa, nên lúc nào Ngài cũng có mặt ở khắp mọi nơi, mỗi khi có người thành tâm cầu nguyện. Vì thế, nhiều Kinh đã ký tải về nơi ngụ xứ của Ngài khác nhau:

Theo Kinh A Di Đà: Ngài ở Tây phương Tịnh độ.

Theo Kinh Hoa Nghiêm sơ: Ngài ở núi Bồ Đà Lạc ở biển Nam Hải.

Theo Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ: Ngài ở **núi Phổ Đà**, tỉnh Triết Giang Trung Quốc.

Quan Âm: Hay **Quan Thế Âm 觀世音**, là một vị Bồ Tát lắng nghe âm thanh của thế gian, có nghĩa là Ngài quán

xét tiếng kêu đau khổ của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp hóa độ.

Trong Kinh Pháp Hoa có câu: *Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan Thế Âm 苦惱眾生, 一心稱名, 菩薩即時觀其音聲, 皆得解脫, 以是名觀世音.*

Nghĩa là chúng sanh bị khổ não mà nhất tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát. Vì thế nên gọi Ngài là Quán Thế Âm. Người đời thường gọi tắt Ngài là Quan Âm.

Ngài còn có hiệu là Quán Tự Tại Bồ Tát, có nghĩa là quán chiếu thâm sâu, giác ngộ tự tại mà cứu độ chúng sinh.

Đức Quán thế Âm có phép thần thông quảng đại, thường hay biến hiện nhiều sắc tướng để cứu giúp chúng sanh, nên người đời thường thờ Ngài bằng nhiều tượng khác nhau.

-Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát 千手千眼觀世音菩薩 tượng có nghìn tay nghìn mắt.

-Quan Âm Nữ Phật 觀音女佛: Tượng là một người phụ nữ, cho nên còn gọi là Phật Bà Quan Âm, do hai sự tích: Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thế Âm là một tướng nữ, tượng trưng cho tình thương của một bà mẹ hiền, đứng trên hoa sen, tay cầm cành dương liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt các phiền não. Trụ Xứ của Ngài là Nam Hải, nên còn được gọi Nam Hải Quan Âm hay Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Ngài được Đức Chí Tôn phong làm Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai để đại diện cho Phật trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương có giảng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: *“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tọa Hóa Thiên”.*

Sau đây là bài Thánh thi của Đức Quan Âm Như Lai:

Khán đắc phù sinh nhứt thế không,

看得浮生一世空

Diền viên sản nghiệp diệc giai không.

田園產業亦皆空

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,

妻兒父子終離別

Phú quý công danh tổng thị không.

富貴功名總是空

Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,

古語萬般都是假

Kim ngôn bá kế nhứt trường không.

今言百計一場空

Tiền tài thâm thập đa tân khổ,

錢財收拾多辛苦

Lộ thượng huỳnh tuyền lưỡng thủ không.

路上黃泉兩手空

(Quan Âm Như Lai)

DỊCH NGHĨA

Được thấy phù sinh vốn cõi không,

*Ruộng vườn sự nghiệp cũng đều không.
 Vợ con cha mẹ rồi ly biệt,
 Danh lợi sang giàu rồi cũng không.
 Lời cổ: Muôn điều toàn giả tạm,
 Câu nay: Trăm kể một trường không.
 Tiền tài gom góp nhiều lao khổ,
 Nẻo đến Suối Vàng, tay sạch không.*
 (Thiên Vân dịch)

Cứu thế 救世: Cứu giúp người đời.

Ân thâm 恩深: Ôn sâu nặng.

Đức dày: Đức sâu dày.

Ân thâm đức dày: Ôn đức sâu dày.

Câu 19 và 20: Quan Thế Âm là vị Bồ Tát ở Phổ Đà Sơn, biển Nam Hải, Ngài ra công cứu giúp người đời, ơn đức thật sâu dày.

**Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy,
 Xuống hồng trần khuyên dạy thương sanh.**

Nhiều kiếp đã đầu thai: Đức Quan Âm chiết Chơn linh xuống đầu thai nhiều kiếp ở cõi trần.

Hồng trần 紅塵: Bụi màu đỏ, chỉ cõi trần gian.

Thương sanh 蒼生: *Thương* là màu xanh. *Sanh* là sinh ra. *Thương sanh*: Nói về cây cỏ mọc lên. Chỉ ân đức của vua bao trùm khắp nơi cho đến loài cây cỏ.

Về sau người ta mượn chữ thương sanh (nơi mà ân đức vua lan tràn) để chỉ bá tánh.

Do đó chữ thương sanh đồng nghĩa với thương dân và bá tánh. (Hán Việt Từ Nguyên, Bửu Kế).

Câu 21 và 22: Quan Thế Âm Bồ Tát biết bao nhiêu kiếp đầu thai xuống hồng trần để khuyên răn dạy dỗ cho chúng sanh.

Trong lòng tín ngưỡng của chúng sanh, Đức Quán Thế Âm là một Đại Bồ Tát đã có lời phát nguyện “Tâm thỉnh cứu khổ”, tức là tìm những nơi nào có tiếng kêu cứu của chúng sanh khổ nạn thì Ngài sẵn sàng đến cứu độ.

Theo kinh điển Phật giáo, Đức Quán Thế Âm ở cõi Tây Phương Cực Lạc, Ngài là vị Bồ Tát có đại thần thông, biến hóa thành nhiều hóa thân khác nhau như Thập nhất diện Quán Âm, Thiên thủ thiên nhãn Quán Âm... Ngài cũng là vị Bồ Tát chiết Chơn linh giáng trần rất nhiều kiếp để tùy duyên cứu độ và khuyên dạy chúng sanh nơi cõi hồng trần này.

Đối với người Việt Nam, Ngài là vị Bồ Tát thể hiện nữ thân, biểu hiện cho tình thương của một người mẹ hiền, luôn hy sinh vì những nỗi khổ đau của chúng sanh: Đó là Quan Âm Thị Kính hay Quan Âm Diệu Thiện ở Phổ Đà Sơn.

**Lão Quân ứng hóa Tam thanh,
 Khuyên răn nhơn vật lòng lành chớ xao.**

Lão Quân 老君: Tức là Thái Thượng Lão Quân.

Thái Thượng Đạo Quân 太上道君: Còn gọi là Thái Thượng Đạo Tổ, Thái Thượng Lão Quân, là Giáo chủ Tiên giáo. Đức Thái Thượng Lão Quân là do khí Tiên Thiên hóa sanh ra.

Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng trần nhằm ngày rằm tháng hai vào năm 604 trước Công nguyên. (Đời nhà Thương bên Trung Hoa), được gọi là Lão Tử.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử là người nước Sở 楚, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ngài họ Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, thụy là Đàm 聃. Ngài làm quan giữ Tàng thất (Kho sách) ở Kinh đô Lạc Dương của nhà Châu.

Về gia thế thì sử sách không có nói đến, nhưng theo truyền thuyết thì nói rằng mẹ của Lão Tử mang thai Ngài có đến 80 năm mới sinh Ngài do hông bên trái dưới cội cây lý. Khi Ngài được sinh ra thì râu tóc dài và bạc trắng, mới gọi Ngài là Lão Tử. Lão Tử chỉ cây lý mà bảo rằng đó là họ của Ngài.

Ở tại Lạc Dương phía đông nhà Châu một thời gian lâu, sau thấy nhà Châu suy, nên Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây, khi đi đến cửa ải Hàm Cốc, quan lệnh là Doãn Hỷ 尹喜. Biết Lão Tử là một Thánh nhân nên quan Doãn tôn Ngài là Thầy để xin theo học Đạo.

Lão Tử ở lại Hàm Cốc dạy Đạo cho Doãn Hỷ và soạn ra bộ sách nói về Đạo Đức, sách phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 chữ. Sau này, quyển sách đó được gọi là “**Đạo Đức Kinh**”.

Rồi từ đó, Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây mất dạng, người ta không biết Ngài đi về đâu.

Đức Lão Tử được vua Đường Cao Tông nhìn là thủy tổ, nên truy phong cho Ngài “Huyền Nguyên Hoàng Đế”.

Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng Đạo Quân hóa sinh ra, là giáo chủ của Đạo Tiên.

Ứng hóa 應化: Biến hóa ứng hiện ra.

Tam thanh 三清: Ba ngôi phẩm gồm Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh. Ngọc thanh là nguyên tinh, thượng thanh là nguyên khí, thái thanh là nguyên thần, đây là tam bảo của bậc tu chơn.

Trong bài kinh Tiên Giáo có câu: “*Đạo cao nhưt khí diệu hóa Tam Thanh*” nghĩa là Đạo sinh từ một khí rất cao siêu, huyền diệu rồi biến hóa ra Tam Thanh.

Đạo Cao Đài thường dùng Tam Thanh để đối với Tam Giáo và tam sắc. Nên lá cờ của Đạo gọi là cờ Tam thanh, gồm ba màu đỏ, xanh, vàng.

Chức sắc Cửu Trùng Đài của Hội Thánh Cao Đài được chia là ba phái: Phái Ngọc, mặc Đạo phục màu đỏ, thuộc Nho giáo, ngươn tinh; phái Thượng, mặc Đạo phục màu xanh, thuộc Tiên giáo, ngươn khí; phái Thái, mặc Đạo phục màu vàng, thuộc Phật giáo, ngươn thần.

Nhơn vật 人物: Người và vật.

Chớ xao: Chớ nên xao lãng.

Câu 23: *Đức Thái Thượng Lão Quân ứng hóa ra Tam thanh.*

Theo Đạo Cao Đài, Đức Thái Thượng có thánh danh là Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Trong truyện Phong Thần, khi phá trận Tru Tiên, Lão Tử dùng huyền diệu ngươn khí biến hóa ra Tam Thanh, tức ba người là Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh để xông vào ba cửa trận, cùng giúp Lão Tử đánh Thông Thiên Giáo Chủ. Tam Thanh đây cũng là ba sắc hào quang hay ngươn tinh, ngươn khí, và ngươn thần của Thái Thượng: Ngọc Thanh màu hồng, Thượng Thanh màu xanh, Thái Thanh màu vàng. Nhờ ứng hóa Tam Thanh mà Đức Thái Thượng Lão Quân mới phá tan được trận Tru Tiên của Thông Thiên Giáo Chủ.

Câu 24: *Đức Ngài thường khuyên răn nhơn vật chớ nên xao lãng lòng thiện lành.*

Cơ huyền diệu Đạo Cao minh chánh,
Hiển phép mẫu ma lánh quỷ kiêng.

Cơ huyền diệu 玄妙機: Chỉ Thiên cơ huyền diệu, hay máy Trời huyền diệu.

Minh chánh 明正: Sáng tỏ và ngay thẳng.

Hiển phép mầu: Hiện ra pháp thuật mầu nhiệm.

Ma lánh quỷ kiêng: Ma xa lánh, quỷ kiêng sợ.

Câu 25: Đạo là máy Trời huyền diệu, sáng tỏ, chơn chánh.

Câu 26: Hiển hiện ra phép tắc nhiệm mầu khiến cho ma xa lánh quỷ kiêng sợ.

Trừ yêu có Thánh Tề Thiên,

Quy y Phật pháp ở miền Tây phương.

Thánh Tề Thiên: Tức là Tề Thiên Đại Thánh 齊天大

聖, một thạch hầu do một tảng đá trên Hoa Quả sơn thọ khí Âm dương của Trời đất mà sinh hóa ra. Thạch hầu lớn lên, tầm sư học đạo, thọ đặng phép thất thập nhị huyền công, nên rất thần thông quảng đại, được Thượng Đế phong làm **Tề Thiên Đại Thánh**. Sau đó, Đại Thánh quy y Phật pháp, làm môn đồ của Trần Huyền Trang, là một nhà sư đời nhà Đường và theo thầy đi thỉnh kinh ở Tây Trúc. Nhờ công đức này, Đại Thánh đắc quả Phật vị, đó là Chiến Đấu Thắng Phật.

Quy y Phật pháp 皈依佛法: Quay về, trở về nương tựa vào Phật pháp

Do từ trước đến giờ bị vô minh mê hoặc, làm cho chúng ta đi con đường sai lầm và bị trói buộc trong đau khổ, nay nhờ Phật pháp mà thức tỉnh, giác ngộ trở về với con đường chánh, với sự giải thoát để được an lạc, đó là **quy y Phật pháp**.

Câu 27: Trừ diệt yêu ma quỷ quái thì có Đại Thánh Tề Thiên.

Câu 28: Ngài đã quy y theo Phật đạo và cùng thầy đi thỉnh kinh ở Tây phương.

Oai bốn hướng Thần nhường quỷ sợ,

Đức ba giềng tế trợ thương sanh,

Oai bốn hướng: Oai quyền của Quan Thánh vang dội khắp bốn phương. (Hai câu này giới thiệu uy danh và đức độ của Quan Thánh Đế Quân, mở đầu cho hai câu sau).

Thần nhường quỷ sợ: Thần Thánh còn nhường thua, ma quỷ còn khiếp sợ.

Ba giềng: Ba giềng mối, tức là tam cương của đạo Nho.

Tế trợ 濟助: Cứu giúp.

Thương sanh 蒼生: Dân chúng.

Câu 29: Uy danh của Quan Thánh trong khắp bốn phương, làm cho Thần Thánh phải nhường thua, quỷ ma phải khiếp sợ.

Câu 30: Đức của Ngài bền vững tam cương và đem lòng cứu giúp chúng sanh.

Hón trào Quan Thánh bìa danh,

Trung can nghĩa khí háo sanh giúp đời.

Hón trào: Hay Hán triều 漢朝, tức triều đại nhà Hán. Đây nói triều Hón trong thời Tam Quốc.

Triều Hón, đời vua Trung quốc kể từ Cao Tổ đời Tây Hán đến Hiến Đế đời Đông Hán, nhà Hán trị nước hơn 400 năm.

Hón Bái Công, tức Lưu Bang chém rắn khởi nghĩa tại đất Bái, cùng Sở Bá Vương Hạng Võ diệt Tần và giành thiên hạ.

Rồi sau, Lưu Bang diệt Sở dựng nên nhà Tây Hán, đóng đô tại Trường an. Kể truyền được 11 đời (206 trước

D.T. – 5 sau D.T.), đến đời Bình Đế bị quyền thần Vương Mãng giết và soán ngôi. Năm 22 sau D.T. vua Quang Vũ phục nghiệp Hán, dời đô qua Lạc Dương, gọi là Đông Hán, truyền 12 đời. Đến Hiến Đế thì bị quyền thần Tào Phi, con của Tào Tháo, cướp ngôi (219 sau DT).

Quan Thánh 關聖: Hay Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Không Thánh cảm quyền Nho giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thế danh của Ngài là Quan Võ, sau đổi là Vân Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sanh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán, quê quán tại Bồ Châu, tỉnh Sơn Đông Trung Quốc.

Sanh ra trong thời kỳ Hán thất suy vi, bên trong bọn hoạn quan chuyên quyền, bên ngoài giặc Huynh căn cứ lên tứ phía, Ngài tuy ham học, thích đọc kinh Xuân Thu, nhưng trước cảnh loạn lạc, Ngài đành châu du để tìm hào kiệt mưu cầu đại nghiệp.

Ngài kết nghĩa đào viên với hai người là Lưu Bị, tự Huyền Đức là anh cả, thuộc dòng dõi nhà Hán, và một người nữa là Trương Phi, tự Dục Đức, là em út.

Có lần Ngài bị Tào Tháo dụ phong cho chức Hán Thọ Đình Hầu, nhưng sau Ngài trả ản. Quan Công cùng Trương Phi phò Lưu Bị lập nên nhà Thục, một nước trong tam quốc: Thục, Ngụy, Ngô.

Ngài lâm mưu của Lữ Mông mà bị bắt, rồi Ngô Quyền đem xử trảm, thọ 58 tuổi.

Bia danh: Cái danh tiếng lưu lại cho đời sau.

Ca dao Việt Nam có câu:

Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

Thời xưa có những lối văn như bi ký 碑記 hay bi minh 碑銘 dùng để khắc vào bia để kỷ niệm hoặc nói đến tiểu sử hay công nghiệp lưu lại cho đời sau, nên gọi là văn bia.

Trung can 忠肝: Gan của người trung nghĩa, nói lên ý chí bất khuất của người có lòng trung.

Nghĩa khí 義氣: Tinh thần ưa chuộng điều phải lẽ hiện ra ngoài.

Háo sanh: Hay hiếu sinh 好生 là yêu thích sự sống, nghĩa là có lòng nhân ái, không muốn hại chết ai.

Câu 31 và 32: *Quan Thánh lưu lại cái danh trung can nghĩa khí từ thời đại nhà Hán cho đến nay và Ngài có lòng háo sanh nên thường hiển oai linh để cứu giúp người đời.*

Quan Thánh Đế Quân, thế danh Vân Trường được phong là Hán Thọ Đình Hầu. Ngài là tướng của nước Thục, là một vị tướng rất trung can nghĩa khí. Đức Hộ Pháp có nói về Ngài như sau: “*Tâm trung nghĩa chẳng vì sang mà theo Tào, chỉ chuộng Hán; nghĩa chẳng vì bạn buổi khổ nào truân chuyên mà phụ rẫy tình nhau, trung và nghĩa ấy hi hữu...Người sau có tặng cho Ngài đôi liễn: Chí tại Xuân thu, công tại Hán; trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên*”⁽¹⁾

Khi Ngài hiển Thánh rồi, vì đức hiếu sinh và người có nghĩa khí nên Ngài thường ra công trừ yêu diệt quỷ, cứu độ sanh linh. Với quyền thiêng liêng và oai linh hiển hách đó Ngài đã được vạn linh tôn là Cái Thiên Cổ Phật. Chính Hộ Pháp nói về điều này như sau: “*Bản đạo dám quả quyết Ngài không phải là thiên phong mà chính là người của vạn linh bầu cử. Cho nên Đức Chí Tôn mở Đạo là cơ quan hiệp như*

⁽¹⁾ Viết ra chữ Hán như sau: 志在春秋功在漢, 忠同日月義同天.

vạn linh, để Đấng ấy là một trấn oai nghiêm đặng làm quan trạng sư cho vạn linh đạt kiếp”.

**Tuần ba cửa, cõi Trời đều dụng,
Xét bốn phương, dân chúng dữ lành.**

Tuần ba cửa: Tức là tuần tra 巡 查 ba cửa Trời.

Xét bốn phương: Xem xét dân chúng khắp bốn phương.

Câu 33: Nơi cõi Thiên Liêng, Đức Lý Thái Bạch có nhiệm vụ tuần tra ba cửa Trời.

Câu 34: Ở thế gian, Ngài xem xét việc lành dữ của dân chúng khắp bốn phương.

**Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh,
Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian.**

Linh Tiêu 靈 宵: Tức là Linh Tiêu Điện nơi Ngọc Hư Cung, nơi ngự triều của Đức Chí Tôn.

Thái Bạch Trường Canh 太 白 長 庚: Là một vì sao kim tinh, gọi là Thái Bạch Kim Tinh hay sao Trường Canh, cũng là một vị Tiên Trưởng thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm Giáo Tông Đạo Cao Đài.

Ngài giảng linh nơi nước Trung Hoa là Lý Thái Bạch vào năm 702 đời vua Trần Huyền Tông nhà Đường. Mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Trường Canh hay sao Thái Bạch Kim Tinh sa xuống mình Bà, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Hồi được bảy tuổi, Lý Bạch chưa biết nói, nhưng khi bà mẹ bỗng lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thơ mà ý thực quái dị:

Nguy lâu cao bách xích

危樓高百尺

Thủ khả trích tinh thần

手可摘星辰

Bất cảm cao thanh ngữ,

不敢高聲語

Khủng kinh thiên thượng nhơn.

恐驚天上人

DỊCH VĂN

Vòi vọi lầu trăm thước,

Vói tay hái được sao.

Chỉ e nói lớn tiếng,

Kinh động Tiên trên cao.

Lớn lên, Lý Bạch tướng mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, thông minh đỉnh ngộ. Lúc thiếu thời Ngài có tài văn chương, nổi tiếng là một thi gia, được người đương thời tặng danh hiệu là “Ông Tiên bị đày”(Thiên thượng trích Tiên nhơn 天上謫仙人).

Lý Bạch có tên hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ 青蓮居士. Bản tính của Ngài không ham danh lợi, thích đi chơi khắp các danh thắng ở bờ sông Trường giang, giao du với những ẩn sĩ mà đời gọi là Trúc Khê lục dật.

Ngài được phong đến chức Hàn lâm học sĩ, nhưng vì không ham danh lợi, quyền tước, nên Ngài không chăm lo việc nước, mà chỉ uống rượu ngâm thi mà thôi.

Vua Đường Huyền Tôn rất trọng Ngài, nhưng Ngài không như bọn phàm phu khác, chịu đem cái tài hoa của mình nịnh nọt bọn vương hầu, lại xin trở về hưởng nhàn. Có lần say

ruợu Ngài ngâm nga chí của mình, coi đời như giấc mộng,
bon chen làm chi cho cực lòng.

處世若大夢

Xử thế nhược đại mộng

胡為勞其生

Hồ vì lao kỳ sinh ?

所以終日醉

Sở dĩ chung nhật túy,

頹然臥前楹

Đồi nhiên ngọa tiền doanh.

覺來眊庭前

Giác lai miện đình tiền,

一鳥花間鳴

Nhất điểu hoa gian minh.

借問此何日

Tá vấn thử hà nhật ?

春風語流鶯

Xuân phong ngữ lưu oanh.

感之欲嘆息

Cảm chi dục thán tức,

對之還自傾

Đối chi hoàn tự khuynh.

浩歌待明月

Hạo ca đãi minh nguyệt,

曲盡已忘情

Khúc tận dĩ vong tình.

(Lý Bạch--Xuân nhật túy khởi ngôn chí)

Dịch vắn

Ở đời tựa giấc chiêm bao,

Làm chi mà phải lao đao nhọc mình.

Suốt ngày mượn chén khuây tình,

Say rồi nghiêng ngửa bên màn hàng ba.

Tỉnh ra trông mé trước nhà,

Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.

Hỏi xem ngày ấy ngày nào,

Chim oanh riu rít đón chào gió đông.

Thở than cảm xúc nổi lòng,

Chuốc thêm ít chén say cùng cảnh vui.

Hát ngao chờ bóng trăng soi,

Ca vừa dứt khúc, đã ngùi mối tình.

(Trần Trọng Kim dịch)

Đế Khuyết 帝 闕: Đức Thượng Đế ngự trong tòa Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết.

Câu 35: Nơi Linh Tiêu Điện có vị Đại Tiên là Lý Thái Bạch.

Câu 36: Ngài hằng xem xét việc lành dữ của nhơn sanh nơi cõi thế gian để truyền tâu với Đức Thượng Đế.

Chí từ huệ giúp an lê thứ,

Thông rõ đời nhơn sự kiết hung.

Từ huệ 慈 惠: Lòng thương yêu và nhân ái.

Lê thứ 黎 庶: Dân chúng, lê dân.

Nhơn sự 人 事: Người và việc.

Kiết hung: Hay cát hung 吉凶, nghĩa là lành dữ.

Câu 37: Ngài có lòng thương yêu, nhân ái, nên có cái chí giúp cho dân chúng được yên ổn.

Câu 38: Ngài thông rõ việc đời và việc lành dữ của con người.

**Đại Tiên ở chốn Thiên cung,
Lòng lành thi phú thung dung độ người.**

Thiên cung 天宮: Cung Trời, chỉ cõi Thiêng Liêng.

Thi phú 詩賦: Hai lối văn vần: Thơ và phú, dùng để tiêu biểu cho các loại văn thơ.

Thung dung 從容: Thư thái, thông thả.

Câu 39: Đức Lý Thái Bạch là một vị Đại Tiên ở chốn Thiên Cung.

Câu 40: Ngài có tám lòng lành, nên thường dùng thi phú để dạy dỗ người đời.

**Ánh Xá lợi sáng ngời Cực Lạc,
Hiện kim thân Bồ Tát hóa duyên.**

Xá lợi 舍利: (Sarira) hình hài, thân xác của các bậc Thánh Đắc Đạo hay Đức Phật Thích Ca, sau khi hỏa táng, xương cốt còn lại là những tinh thể rắn chắc và tròn hạt như những viên bi sáng, lóng lánh như ngọc, nên người ta gọi những tinh thể đó là Xá Lợi. Xá Lợi được thờ nơi Bửu Tháp.

Hạt Xá Lợi được gọi là Xá Lợi Tử.

Xá lợi tử còn là một từ ngữ đặc biệt dùng để chỉ cái chơn thần huyền diệu của những người luyện Đạo khi Tinh Khí Thần đã hiệp nhất đắc đạo thành Tiên, Phật. Chơn thần này bên tu Tiên gọi là Thánh thai hay Kim đơn, bên Phật thì gọi là Mu ni Bửu châu, Xá lợi tử.

Ánh xá lợi: Ánh hào quang phát ra từ Đức Phật.

Kim thân 金身: Mình vàng, từ tôn quý để chỉ thân Đức Phật hay Bồ Tát.

Bồ Tát 菩薩: Do Bodhisattva, trong đó Bodhi là giác ngộ. Sattva là chúng sanh. Người Trung Hoa dịch âm là Bồ Đề Tát Đỏa, dịch nghĩa là giác hữu tình.

Bồ Tát là bậc đã giác ngộ, nhưng không an hưởng Niết Bàn, mà cứ lặn lội trong ba cõi sáu đường để cứu độ chúng sanh. Bồ Tát là người đã tỉnh thức và đang giúp người khác tỉnh thức, là bậc đã chứng ngộ được Ngã không và Pháp không, nhưng chưa hoàn toàn. Đó là những vị Phật tương lai.

Hóa duyên 化緣: Nhơn duyên giáo hóa.

Câu 41: Ánh hào quang tỏa sáng từ Đức Phật là rực rỡ cõi Cực Lạc Thế Giới.

Câu 42: Chư Bồ Tát hiện ra kim thân đi hóa độ những người có duyên lành với Phật đạo.

**Thiên cung: Tinh Tú, Thánh, Tiên,
Địa kỳ: Thần Tướng đàn tiền giáng lâm.**

Tinh tú 星宿: Các ngôi sao, ở đây chỉ các vị Tinh quân, hay các vị Thần cai quan các ngôi sao.

Địa kỳ 地祈: Thần đất.

Thần tướng 神將: Các vị Thiên Thần, Thiên tướng.

Đàn tiền 壇前: Trước đàn lễ.

Giáng lâm 降臨: Giáng xuống.

Câu 43: Các vị Tinh Quân, các bậc Thánh Tiên ở trên cõi Thiên Cung.

Câu 44: Cầu xin các vị Thần đất, chư Thần tướng giáng lâm trước đàn lễ.

Lòng sở vọng lâm dâm tụng niệm,

Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu.

Sở vọng 所望: Điều mà mình mong ước, trông đợi.

Lâm thâm: Lâm thăm, đọc nho nhỏ.

Tụng niệm 誦念: Tụng đọc kinh và niệm danh các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần.

Giải nạn: Hay giải nạn 解難, là cởi bỏ tai nạn.

Nam Thiệm Bộ Châu 南瞻部洲: Một trong Tứ Đại Bộ Châu, gồm Đông Thắng Thần Châu 東勝神洲, Tây Hạ Ngưu Châu 西夏牛洲, Nam Thiệm Bộ Châu 南瞻部洲 và Bắc Câu Lư Châu 北俱闍洲. Địa cầu 68 của nhơn loại đang ở thuộc Nam Thiệm Bộ Châu.

Câu 45 và 46: Tụng kinh niệm Phật là lòng mong muốn giải hết tai nạn cho cõi Nam Thiệm Bộ Châu.

**Chúng sanh cảm đức cao sâu,
Rèn lòng, sửa nét, lo âu làm lành.**

Cảm đức cao sâu: Cảm cái ơn đức cao và sâu.

Lo âu: Lo lắng nghĩ ngợi.

Câu 47: Chúng sanh cảm cái ơn đức cao sâu của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Câu 48: Phải trau dồi tâm tu sửa tánh và lo lắng việc làm phải lành.



THIÊN THỨ TƯ

GIỚI TÂM KINH

I.-KINH VĂN:

GIỚI TÂM KINH

Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.
Nguyên cho trăm họ bình yên,
Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.
Nguyên Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo,
Lấy nghĩa nhơn Đại Đạo truyền ra.
Tây phương Phật Tổ Di Đà,
Nam Hải Phổ Đà cứu khổ Quan Âm.
Lễ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình.
Đạo Quân đức hóa háo sinh,
Rộng quyền máy nhiệm an linh cứu đời.
Xin xót thương con người ngậy đại,
Phép Huyền hư truyền dạy thế gian.
Mong nhờ lệnh đức Thánh Quan,
Ra oai tiêu diệt cho tàn ác ma.
Trường Canh chói rạng lửa Kim Khuyết,
Xin ban ơn giải nghiệp cho đời.
Tề Thiên Đại Thánh đề lời,
Thiện nam, tín nữ nghe lời phải vâng.
Chớ tự phụ, cũng đừng khi ngạo,
Lễ Trời hằng quả báo chẳng sai.
Lời khuyên già trẻ gái trai,

Khá tua sửa nết, ăn chay làm lành.
 Đấng Tạo Hóa hóa sanh muôn vật,
 Phú cho người tánh rất linh thông.
 Đặt ra có họ, có dòng,
 Vua, thầy, cha mẹ, vợ chồng, cháu con.
 Tình huynh đệ tầy non tợ biển,
 Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.
 Cang tam, thường ngũ phải gìn,
 Chứa đức, làm lành, làm phước, làm đoan.
 Gặp người đói rách khốn nàn,
 Ra tay chẩn cứu cho toàn nghĩa nhơn.
 Mưa chớ ham giọng đồn tiếng quyền,
 Thói dâm phong rù quên nguyệt hoa.
 Có ngày hư nát cửa nhà,
 Xa gần đồn tiếng thúi tha vô cùng.
 Trường đồ bác cũng đừng léo tới,
 Phường trắng hoa hát bội khá từ.
 Những điều nhơ nhuốc phải chừa,
 Hồn hào mắng nhiếc, nói thừa nói thêm.
 Nơi Địa ngục gông kèm sẵn đủ,
 Để răn loài dâm phụ gian phu,
 Ai ai bền chí mà tu,
 Phước đem đổi tội cho phu dễ gì?

Có thơ rằng:

Dễ gì lộn kiếp đặng làm người,
 May đặng làm người chớ dễ duôi.
 Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
 Lành như tòng, dữ tợ hoa tươi.

Hoa tươi, tòng bá, khác nhau xa,
 Tòng bá xơ rơ kém sắc hoa.
 Gặp tiết đông thiên sương tuyết bủa,
 Chỉ còn tòng bá chẳng còn hoa.

Còn hoa mà lại ích chi đâu,
 Đẹp dáng tươi màu đặng mấy lâu.
 Thử sánh ngọn đèn cùng bóng nguyệt,
 Gió lay đèn tắt, nguyệt lâu lâu.

Lâu lâu một tấm tợ đài gương,
 Trung, hiếu, tiết, trinh vẹn mọi đường.
 Sang cả mặc người đừng bỏ đỡ,
 Hoành tài trợ mắt khỏi tai ương.

Tai ương hoạn họa luống ưu sầu,
 Vì bởi hay bày chước hiểm sâu,
 Lập kế đồ mưu âm hại chúng.
 Kiếp sau mang lấy lột heo trâu.

Heo trâu thân thể mạt hèn thay,
 Mãn kiếp lại còn bị xẻ thây.
 Lộng lộng lưới trời tuy sếu sáo,
 Thừa mà chẳng lọt mấy lông mày.

Mây râu đứng giữa cõi trần gian,
 Gắng sức chống cho vững miếu đàn.
 Phận gái tam tòng cùng tứ đức,
 Tề gia nội trợ vẹn là ngoan.

Ngoan ngày chơn chánh Phật, Thần thương
 Chơn chánh liên hòa với thiện lương.

Thần, Thánh thành, do người chánh thiện,
Thiện lương chơn chánh đức không lường.

Không lường kẻ thiện với người hung,
Bợ đỡ giàu sang phụ khốn cùng.
Ngoài mặt giả tuồng người trượng nghĩa,
Trong lòng dối kết chút tình chung.

Tình chung đáng cậy thế người sang,
Mượn tiếng khua môi với xóm làng.
Lời dạy Thần, Tiên không kể đếm,
Đạo mâu chẳng cứ, cứ khoe khoang.

II.-Ý NGHĨA VÀ NGUỒN GỐC:

Giới Tâm Kinh là một bài kinh dùng để các tín đồ Cao Đài tụng thường ngày để tu tập những điều các Đấng Thiêng Liêng đã răn dạy mà rèn lòng sửa nét. Hội Thánh có dạy: Năng tụng bài kinh này mà sửa tánh răn lòng.

Nguồn gốc bài Giới Tâm Kinh là do các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ ban cho Minh Tân, một chi được lập sau cùng trong Ngũ Chi Minh Đạo: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân. Sau khi Đạo Cao Đài được sáng lập, các Đấng Thiêng Liêng chưa ban cho Tân kinh, Hội Thánh mới đến chi Minh Tân thỉnh bài kinh này về làm kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

III.-CHÚ GIẢI:

**Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.**

Thành 誠: Lòng thành thật.

Tín 信: Hay tín tâm, tức là lòng tin tưởng, đức tin.

Bất cứ một Tôn giáo nào cũng lấy lòng tin tưởng làm gốc. Lòng tin rất cần thiết cho người theo Đạo và giữ Đạo. Có được lòng tin con người mới vững vàng tu học, không có lòng tin sớm muộn gì cũng ngã.

Song lòng tin phải có trí phán xét, chỉ nên hướng về nẻo chánh, điều lành. Chớ không nên bạ đâu tin đó, tin một cách cực đoan, không phân biệt chánh tà thì rất hại cho đức tin ta lắm vậy.

Có lòng tin vào Trời, Phật và các Đấng Thiêng Liêng, tin tưởng có linh hồn bất tiêu bất diệt thì chúng ta mới sùng bái, học theo đức háo sinh của các Đấng, không dám tạo ác nghiệp mà phải gieo nghiệp lành để được thoát ra luân hồi sinh tử.

Bái kính: Hay kính bái 敬拜 là lạy với lòng kính trọng.

Khẩn nguyện: Hay khẩn nguyện 懇愿: khẩn thiết để cầu xin.

Câu 1: Cầu mong Đức Thượng Đế chứng cho lòng tín ngưỡng thành thật.

Câu 2: Chúng sanh cùng nhau kính lạy và khẩn thiết cầu xin.

**Nguyện cho trăm họ bình yên,
Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.**

Trăm họ: Do từ Hán Việt là bá tánh 百姓, chỉ nhân dân, sanh chúng.

Bình yên: Hay bình an 平安: Yên ổn, nghĩa là Nước nhà không loạn lạc, người không hoạn nạn, ốm đau.

Câu 3: Cầu xin cho bá tánh được bình yên.

Câu 4: Nhà nhà được cơm no áo ấm để khỏi phiền khổ than.

**Nguyên Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo,
Lấy nghĩa hơn Đại Đạo truyền ra.**

Khổng Thánh 孔 聖: Xem tiểu sử trong bài Kinh Xưng Tụng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Bảo toàn 保全: Giữ gìn cho trọn vẹn.

Nho giáo 儒 教: Xem chú thích trong bài Xưng Tụng Thần Thánh Tiên Phật.

Đại Đạo 大道: Tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là con đường lớn mà Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã vạch ra lần thứ ba để nhơn sanh noi theo, hầu cứu vớt tất cả nhơn loại. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thường được gọi là Đạo Cao Đài, một Tôn giáo được khai sáng ở miền Nam nước Việt, có tôn chỉ Nho Tông Chuyển Thế, nghĩa là bảo toàn những tinh hoa của giáo lý Nho giáo, dùng khuyến dạy con người để trở nên thuần lương đạo đức.

Câu 5: Nguyên cầu Đức Khổng Thánh bảo toàn cho nền Nho giáo.

Câu 6: Nền Đại Đạo lấy nghĩa hơn của Nho giáo để truyền dạy ra.

**Tây phương Phật Tổ Di Đà,
Nam Hải Phổ Đà cứu khổ Quan Âm.**

Tây phương Phật Tổ 西方佛祖: Đức Thích Ca Mâu Ni làm giáo tổ Phật đạo ở Tây phương.

Di Đà 彌陀: Hay A Di Đà Phật, một vị Phật làm giáo chủ ở cõi Tây Phương Cực Lạc.

Nam Hải Phổ Đà 南海普陀: Ngụ xứ của Phật Quan Âm là núi Phổ Đà, biển Nam Hải.

Câu 7: Cõi Tây Phương Cực Lạc có Phật Tổ là Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật A Di Đà.

Câu 8: Nơi Phổ Đà Sơn biển Nam Hải thì có Đức Phật Quan Thế Âm.

**Lẽ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh đừng hiểu lẫn mình.**

Báo ứng 報應: Được báo đáp trở lại những gì mình đã làm lúc trước, như làm tốt gặp tốt, làm xấu gặp xấu, theo đúng luật nhơn quả.

Cao thâm 高深: Cao sâu.

Huyền diệu 玄妙: Chỉ sự thần bí, màu nhiệm.

Câu 9: Lẽ báo ứng của Thiêng Liêng thì rất cao sâu màu nhiệm.

Câu 10: Để cho chúng sanh hiểu rõ đừng lẫn mình.

Sau khi Đức Phật đắc Đạo, Ngài lấy thuyết luân hồi nhơn quả khuyến dạy người đời hầu hiểu rõ về lẽ báo ứng rất cao thâm huyền diệu, mà xa lánh điều ác, cố gắng làm việc thiện để tạo nghiệp lành. Ngài nói về kinh Nhân Quả Ba Đời như sau: “Tất cả nam nữ ở thế gian giàu sang hay nghèo hèn, chịu khổ vô cùng hoặc hưởng phước vô lượng đều do nhân duyên từ đời trước mà cảm quả báo. Cho nên tất cả chúng sinh, trước phải hiếu kính cha mẹ, kẻ đó phải tin trọng ngôi Tam bảo, thứ ba phải bỏ giới sát mà phóng sinh, và thứ tư cần ăn chay bố thí mới có thể gieo giống ruộng phước về sau”.

Hiểu được lý báo ứng thì chúng ta ý thức được trách nhiệm đối với tự thân và xã hội, không đổ lỗi hay than trách

hay cầu xin, tự mình phải cải tạo đời sống hiện tại để có kết quả tốt đẹp hơn. Thành ngữ có câu: “Ở hiền gặp lành” hay “Gieo gió gặt bão”, tức là mình tự làm chủ lấy đời mình, tạo nghiệp nhân gì thì thọ lãnh quả ấy.

Có sự luật nhân quả thì khi làm bất cứ việc gì, chúng ta cũng đều nghĩ đến hậu quả của nó. Mình gây nhân thì phải thọ quả, đó là điều công bằng, bình đẳng nên ta luôn luôn cảnh giác không dám gây nhân xấu, mà thường tạo nghiệp lành.

Đạo Quân đức hóa háo sanh,

Rộng quyền máy nhiệm an linh cứu đời.

Đạo Quân 道君: Thái Thượng Đạo Quân. Xem bài Xưng Tụng Thần Thánh Tiên Phật.

Đức hóa 德化: Lấy đức mà cảm hóa con người.

Háo sanh: Hay hiếu sinh 好生, ưa thích sự sống của vạn vật.

Máy nhiệm: Máy Trời huyền nhiệm.

An linh 安靈: Yên ổn và linh thiêng.

Câu 11: Thái Thượng Đạo Quân lấy đức háo sanh của Thượng Đế để cảm hóa cho con người.

Câu 12: Theo máy Trời mẫu nhiệm, Ngài rộng quyền mà cứu giúp người đời.

Xin xót thương con người ngậy đại,

Phép Huyền hư truyền dạy thể gian.

Con người ngậy đại: Con người thơ ngây khờ dại.

Huyền hư 玄虛: Hư vô và huyền diệu.

Phép Huyền hư: Hay huyền hư pháp 玄虛法 Một phương pháp luyện của đạo Tiên, đây là giai đoạn công phu luyện đan sau cùng, luyện đến chỗ huàn hư thì đắc đạo.

Câu 13: Cúi xin Đức Ngài thương cho con người còn thơ ngây khờ dại.

Câu 14: Xin truyền dạy cho con người ở thế gian Phép Huyền hư để được đắc đạo.

Mong nhờ linh đức Thánh Quan,

Ra oai tiêu diệt cho tàn ác ma.

Đức Thánh Quan: Tức là Đức Quan Thánh Đế Quân (Xem bài kinh Xưng Tụng Thần Thánh Tiên Phật).

Tiêu diệt: Làm cho dứt hết, làm cho sạch hết.

Tàn: Cho dứt hết, hết sạch.

Ác ma 惡魔: Loài ma quỷ hung ác.

Câu 15: Mong nhờ ân đức của Quan Thánh Đế Quân.

Câu 16: Ra oai linh để tiêu diệt hết loài yêu ma hung ác.

Trường Canh chói rạng lò Kim Khuyết,

Xin ban ơn giải nghiệp cho đời.

Trường canh 長庚: Là vì sao Thái Bạch (Xem bài kinh Xưng Tụng Thần Thánh Tiên Phật).

Chói rạng: Chiếu sáng rực rỡ.

Kim khuyết 金闕: Cổng bằng vàng rỗng, đó là cổng Huỳnh Kim Khuyết 黃金闕.

Giải nghiệp 解孽: Giải những mầm ác độc, tức cởi bỏ các nghiệp ác.

Câu 17: Sao Trường Canh chiếu sáng rực rỡ nơi Huỳnh Kim Khuyết. Nghĩa bóng Đức Lý Thái Bạch vào châu Ngọc Đế ở Kim khuyết.

Câu 18: Xin Chí tôn ban bố hồng ân cho để giải bỏ hết các oan nghiệp cho đời.

**Tề Thiên Đại Thánh để lời,
Thiện nam, tín nữ nghe lời phải vưng.**

Tề Thiên Đại Thánh 齊天大聖: Một vị Đại Thánh theo Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh (Xem bài kinh *Xưng tụng Thần Thánh Tiên Phật*).

Thiện nam tín nữ 善男信女: Người nam lành, người nữ tín ngưỡng, đây là một từ dùng chỉ chung nam nữ tín đồ.

Câu 19 và 20: Tề Thiên Đại Thánh để lời khuyên bảo, các thiện nam tín nữ nghe lời thì phải vâng theo.

**Chớ tự phụ, cũng đừng khi ngạo,
Lẽ Trời hằng quả báo chẳng sai.**

Tự phụ 自負: Phụ là cậy nhờ. **Tự phụ:** Tự cậy mình tài giỏi

Khi ngạo 欺傲: Khinh khi ngạo mạn.

Lẽ Trời hằng: Luật Trời luôn luôn.

Quả báo 果報: Kết quả do hành vi thiện ác của mình được báo đáp lại. Nếu làm lành thì thiện báo, nếu làm dữ thì ác báo.

Câu 21: Chớ nên tự cho mình tài, cũng đừng khinh khi ngạo mạn.

Câu 22: Luật công bình của Trời đất hằng quả báo không bao giờ sai.

**Lời khuyên già trẻ gái trai,
Khá tua sửa nét, ăn chay làm lành.
Khá tua:** Phải nên.

Câu 23: Lời khuyên cho mọi người già trẻ gái trai.

Câu 24: Phải nên trau dồi nét na, ăn chay lạt và làm điều thiện lành.

**Đấng Tạo Hóa hóa sanh muôn vật,
Phú cho người tánh rất linh thông.**

Đấng Tạo Hóa: Đức Thượng Đế.

Hóa sanh muôn Vật: Sanh hóa ra muôn loài muôn vật.

Phú: Hay phó 付: Giao cho, ban cho.

Linh 靈: Thiêng liêng.

Thông 聰: Hiểu biết, sáng suốt.

Câu 25: Đấng Tạo Hóa sanh hóa ra muôn loài vạn vật.

Câu 26: Ban cho con người cái tính rất thiêng liêng và sáng suốt.

Đấng Thượng Đế hóa sinh ra muôn loài vạn vật, trong đó Ngài ban bố cho con người một cái tánh rất linh thông. Muốn được vậy, con người phải qua muôn nghìn kiếp tiền hóa, từ vật chất, thảo mộc, thú cầm rồi mới chuyển hóa đến Nhơn loại. Chính nhờ có sự tiến hóa này con người từ thảo mộc duy có một hồn là sanh hồn, tiến lên thú cầm thì có được hai hồn là sanh hồn và giác hồn, rồi thú cầm lại tiến thêm lên con người thì có ba hồn là sanh hồn, giác hồn và linh hồn. Nhờ linh hồn con người mới khôn ngoan biết đạo lý, thông linh hơn loài vật.

Đặt ra có họ, có dòng,

Vua, thầy, cha mẹ, vợ chồng, cháu con.

Có họ có dòng: Có dòng họ tính từ tổ tiên trở xuống.

Câu 27 và 28: Những bậc Thánh hiền xưa sắp đặt cho con người có dòng họ, có vua thầy, có cha mẹ, có vợ chồng, có cháu con.

**Tình huynh đệ tày non tợ biển,
Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.**

Huynh đệ 兄弟: Anh em ruột thịt.

Tày non tợ biển: Sánh bằng non núi, tợ như biển sông.

Hữu bằng: Hay bằng hữu 朋友 là anh em bạn bè.

Kiếng: Kính trọng.

Câu 29: Tình thương yêu giữa anh em ruột thịt cao như núi, sâu như biển

Câu 30: Nghĩa bạn bè là phải kính trọng và tin tưởng lẫn nhau.

**Cang tam, thường ngũ phải gìn,
Chứa đức, làm lành, làm phước, làm doan.**

Cang tam: Tức là Tam cang 三綱, ba giềng mối trong đạo nhơn luân, đó là quân thần cang, phụ tử cang, phu thê cang.

Thường ngũ: Tức là Ngũ thường, dịch là năm hằng gồm nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín.

Làm doan: Tức làm duyên, là làm những điều phước đức để về sau được hưởng những duyên lành.

Câu 31: Phải gìn giữ đạo nhơn luân là ba giềng (Tam cang), và năm hằng (Ngũ thường).

Câu 32: Tích chứa âm đức thì phải làm lành, làm phước và tạo duyên.

**Gặp người đói rách khốn nàn,
Ra tay chẩn cứu cho toàn nghĩa nhơn.**

Khốn nàn: Do từ khốn nạn 困難: khốn khổ hoạn nạn, tức là khốn khổ vì bởi tai nạn.

Chẩn 賑: Đem tiền của vật chất để cứu giúp những người bị đói khát hay tai nạn.

Cứu 救: Giúp đỡ cho người ta thoát khỏi cảnh đói khó, tai nạn.

Câu 33: Nếu gặp những người đói rách hay khổ sở hoạn nạn.

Câu 34: Mau ra tay cứu giúp cho họ để được trọn vẹn đường nhơn nghĩa.

**Mưa chớ ham giọng đồn tiếng quuyến,
Thói dâm phong rù quên nguyệt hoa.**

Mưa: Chẳng nên, chớ.

Giọng đồn tiếng quuyến: Tiếng đàn tiếng sáo trỗi lên du dương, khiến người thưởng thức phải mê đắm. Nghĩa bóng chỉ lời nói ngon ngọt của người đàn bà rù quên vào tình bất chánh.

Dâm phong 淫風: Phong là thói tục. Dâm phong: Quen thói dâm đảng.

Nguyệt hoa: Hay Hoa nguyệt 花月, là thói trăng hoa, chỉ sự tư tình giữa trai gái vượt khuôn khổ của lễ giáo.

Câu 35 và 36: Chẳng nên ham mê mà chạy theo giọng đồn tiếng quuyến, nghe lời ngọt ngon rù quên vào thói ăn chơi dâm đảng.

Có ngày hư nát cửa nhà,

Xa gần đồn tiếng thú tha vô cùng.

Hư nát cửa nhà: Nhà cửa hư nát vì bởi ăn chơi đàng điếm khiến cho hết tiền hết bạc, cửa nhà bán sạch, hoặc tiếng xấu đồn xa làm gia phong bại hoại.

Đồn tiếng: Tiếng tăm được truyền đi khắp nơi.

Câu 37: Nếu ăn chơi đàng điếm, có ngày phải hư nát cửa nhà.

Câu 38: Xa gần đồn đãi việc chơi bởi, làm cho tiếng tăm thú tha vô cùng.

***Trường đồ bác cũng đừng léo tới,
Phường trắng hoa hát bội khá từ.***

Trường 場: Cái sân, nơi tụ họp nhiều người, đông đảo.

Đồ bác 賭博: Cờ bạc, họp nhau lại đánh bài ăn tiền.

Trường đồ bác 賭博場: Nơi tổ chức đánh bài bạc ăn tiền, tục gọi là sòng bài.

Đừng léo tới: Chớ nên bén mảng đến, đừng xáp lạ gần.

Phường trắng hoa: Đám ăn chơi đàng điếm, bọn trai gái tình tự lãng mạn trái với lễ giáo.

Hát bội: Đúng ra phải viết là hát bộ, bởi vì loại hát này lên sân khấu diễn những tuồng tích xưa cũ bằng lời cổ và dùng bộ điệu để diễn tả. Theo nghĩa câu kinh này, hát bộ chỉ chung các thứ đờn ca hát xướng.

Quan niệm người xưa thường cho rằng đờn ca xướng hát, cải lương, hát bộ đều là bộ môn có hại cho luân thường đạo lý con người, nên gọi những người theo nghiệp ấy là hạng *xướng ca vô loại*.

Câu 39: Chẳng nên gần gũi đến chỗ ăn chơi cờ bạc.

Câu 40: Nên tránh xa bọn đàng điếm và phường đờn ca xướng hát.

***Những điều nơ nhuốc phải chừa,
Hồn hào mắng nhiếc, nói thừa nói thêm.***

Nơ nhuốc: Xấu xa nhục nhã.

Hồn hào: Vô lễ, láo xược đối với người trên trước.

Nói thừa nói thêm: Lời nói không trung thực, nói thêm nói bớt.

Câu 41: Phải nên chừa bỏ những điều xấu xa nhục nhã.

Câu 42: Không đặng hồn xược đối với người trên trước, và chẳng nên nói thêm nói bớt.

***Nơi Địa ngục gông kèm sẵn đủ,
Để răn loài dâm phụ gian phu,***

Gông kèm: Những dụng cụ dùng để tra khảo các tội hèn ở Âm phủ. Gông là vật mang vào cổ để kèm kẹp tay chân.

Dâm phụ gian phu 淫婦奸夫: Những đàn bà dâm đảng lấy chồng người và người đàn ông gian tà lấy vợ kẻ khác.

Câu 43: Nơi cõi Địa ngục có đầy đủ sẵn những thứ như gông kèm để khảo kẹp tội nơ.

Câu 44: Những thứ hình cụ đó là để răn và trị loài dâm phụ gian phu.

***Ai ai bền chí mà tu,
Phước đem đổi tội cho phu dễ gì?***

Bền chí: Ý chí bền vững.

Phước 福: Còn gọi là phước đức, tức là những hành động về thân, khẩu, ý đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình, cho người ở hiện tại và tương lai. Làm phước là làm những

việc thiện để giúp đỡ cho người khác. Làm phước thì được phước báo hay phước quả.

Phu 敷: Đầy đủ.

Câu 45: Ai ai cũng khá nên bền chí mà lo tu hành.

Câu 46: Đem điều phước đức do mình tạo mà đổi lấy tội lỗi cho đầy đủ thì không phải dễ dàng đâu.

**Dễ gì lộn kiếp dựng làm người,
May dựng làm người chớ dễ duôi.**

Dễ gì lộn kiếp: Không phải dễ gì lộn trở lại đầu thai một kiếp khác.

Dễ duôi: Khi dễ coi thường.

Câu 47: Không phải dễ dàng gì lộn trở lại đầu thai một kiếp khác để làm người.

Câu 48: May mắn được làm người thì chẳng nên khinh thường coi rẻ.

**Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tùng, dữ tựa hoa tươi.**

Lành dữ hai đường: Trên đời chỉ có hai đường để đi: Lành dữ, tốt xấu để cho con người tùy ý chọn lựa, song muốn con người có tư cách, có phẩm hạnh tốt thì phải thi hành theo lẽ phải, lẽ đạo đức.

Tùng: Hay tùng 松, là cây thông, một loại cây cao, to lớn, sống lâu năm, chịu đựng được giá lạnh và sương tuyết.

Câu 49: Sống ở thế gian, có hai con đường để mình tùy ý chọn lựa, đó là đường lành và đường dữ.

Câu 50: Đường lành tựa như cây tùng, bền bỉ lâu năm, chịu được sương tuyết, đường dữ như hoa tươi, mau tàn chóng héo.

**Hoa tươi, tùng bá, khác nhau xa,
Tùng bá xơ rơ kém sắc hoa.**

Bá 柏: Hay bách, cũng là một loại cây giống như cây thông, chịu được sương tuyết.

Xơ rơ: Thừa thốt, thừa thừa.

Câu 51: Hoa tươi và cây tùng bá, hai thứ đó khác nhau rất xa.

Câu 52: Cây tùng cây bá thì xem thấy thừa thừa kém sắc hơn loài hoa.

**Gặp tiết đông thiên sương tuyết bủa,
Chỉ còn tùng bá chẳng còn hoa.**

Đông thiên 冬天: Trời mùa đông, ngày mùa đông.

Tiết đông thiên 冬天節: Thời tiết vào mùa đông, lạnh lẽo, có sương tuyết.

Tiết mùa đông là lúc khí trời lạnh lẽo, các loài thảo mộc và bông hoa không chịu nổi giá buốt, chỉ có cây tùng, cây bá là lá vẫn xanh tốt. Chính vì thế, Đức Khổng Tử mới nói: Năm tới mùa lạnh mới hay cây tùng, cây bá là cây chịu đựng như thế nào vậy!

Người xưa thường ví kẻ có tiết hạnh kiên trinh, gặp lúc nguy hiểm cũng chẳng nao núng thì giống như cây tùng cây bá vào tiết mùa đông vậy.

Bủa: Bao phủ khắp nơi, giăng tủa ra.

Câu 53: Gặp lúc tiết trời vào mùa đông, sương tuyết bao phủ khắp mọi nơi.

Câu 54: Bông hoa thì không còn nữa, chỉ còn lại cây tùng và cây bá, lá vẫn màu xanh, tươi tốt.

**Còn hoa mà lại ích chi đâu,
Đẹp dáng tươi màu đặng mấy lâu.**

Ích 益: Lợi ích.

Dáng: Hình dáng bề ngoài, dáng vẻ.

Đẹp dáng: Đẹp bề bên ngoài.

Đặng mấy lâu: Được bao nhiêu lâu.

Câu 55: Còn lại bông hoa thì có ích lợi gì đâu.

Câu 56: Hình dáng bên ngoài thì đẹp bề, màu thì tươi tắn, nhưng có được bao nhiêu lâu?

**Thử sánh ngọn đèn cùng bóng nguyệt,
Gió lay đèn tắt, nguyệt lâu lâu.**

Sánh: So sánh.

Bóng nguyệt: Bóng mặt trăng, vàng trắng.

Gió lay: Gió lay chuyển.

Nguyệt lâu lâu: Trăng tỏ rạng, trăng vắng vắng.

Câu 57: Thử so sánh ngọn đèn cùng với ánh sáng mặt trăng xem.

Câu 58: Khi gió lay chuyển thì ngọn đèn tắt, còn ánh trăng sáng lâu lâu.

**Lầu lầu một tấm tợ đài gương,
Trung, hiếu, tiết, trinh vẹn mọi đường.**

Đài gương: Tấm gương soi (tấm kiếng) đặt trên giá bằng gỗ, gọi là đài gương.

Trung hiếu 忠孝: Ngay với vua và thảo với cha mẹ.

Tiết trinh: Hay trinh tiết 貞節, tức là giữ vững tâm lòng trinh bạch (trong sạch) của mình.

Câu 59: Lầu lầu sáng tỏ như tấm gương soi.

Câu 60: Phải giữ vẹn mọi đường: Trung với nước, hiếu với cha mẹ, tiết trinh giữa vợ chồng với nhau.

**Sang cả mặc người đừng bợ đỡ,
Hoạn tài trơ mắt khỏi tai ương.**

Sang: Quý phái, sang trọng.

Mặc: Thân kệ, mặc kệ.

Bợ đỡ: Nịnh bợ, ton hót.

Hoạn tài 橫財: Hoạn là không hợp lý. Hoạn tài: Tiền bạc, của cải tự nhiên đến bất ngờ, không phải do chính sức lực mình làm ra.

Trơ mắt: Lấy mắt nhìn, đứng yên không làm gì hết.

Tai ương 災殃: Những tai họa lớn xảy đến như: Cháy nhà, đại hạn, bão lụt...

Câu 61: Mặc người ta sang cả, đừng nên bợ đỡ, nịnh hót.

Câu 62: Của không phải do mình làm ra (Của hoạn tài) mà đến với mình thì trơ mắt, không nhận lấy để khỏi chịu tai ương.

**Tai ương hoạn họa luống ưu sầu,
Vì bởi hay bày chước hiểm sâu,**

Hoạn 患: Lo lắng, mối hại, bệnh tật.

Họa 禍: Tai họa, rủi ro.

Tai ương hoạn họa 災殃患禍: Chỉ tai nạn hay hoạn nạn to lớn xảy đến.

Ưu sầu 憂愁: Ưu là lo. Sầu là buồn rầu. Ưu sầu: Chỉ sự lo buồn.

Bày chước: Bày mưu kế.

Hiểm sâu: Hiểm hóc, sâu độc.

Câu 63: *Tai ương hoạn nạn xảy đến thực là nhiều nỗi lo buồn.*

Câu 64: *Bởi vì hay xúi giục bày đặt mưu chước nham hiểm và sâu độc.*

Lập kế đồ mưu âm hại chúng.

Kiếp sau mang lấy lột heo trâu.

Lập kế đồ mưu 立計圖謀: Lập ra kế hoạch, sắp đặt mưu mô.

Âm hại 陰害: Âm là làm một cách bí mật không cho người biết. **Âm hại:** Ngầm hại người, tức là ngầm ngầm hại người.

Lột: Dáng bên ngoài.

Câu 65: *Bày đặt mưu kế để ngầm ngầm hãm hại người ta.*

Câu 66: *Đó là tội nặng, kiếp sau sẽ đền trả bằng cách đội lột heo trâu.*

Heo trâu thân thể mạt hèn thay,

Mãn kiếp lại còn bị xẻ thịt.

Mạt hèn: Hay hèn mạt, tức là thấp kém, đê tiện.

Mãn kiếp 滿劫: Hết kiếp sống, nghĩa là chết.

Xẻ thịt: Banh xẻ thi thể ra nhiều mảnh.

Câu 67: *Làm cái kiếp heo trâu thì thực là thấp hèn thay.*

Câu 68: *Đến khi hết kiếp sống rồi thì thân thể bị xẻ thịt.*

Lộng lộng lưới trời tuy sếu sáo,

Thừa mà chẳng lọt mảy lông mảy.

Lộng lộng: Mênh mông cao rộng.

Sếu sáo: Lông lẻo, không chắc chắn.

Mảy lông mảy: Ý chỉ một vật rất nhỏ như một mảy lông.

Câu 69: *Lưới Trời giăng mắc mênh mông cao rộng xem dường như lông lẻo.*

Câu 70: *Thấy thừa thớt mà chẳng hề lọt một mảy lông mảy.*

Hai câu kinh trên lấy ý trong câu: Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu. Nghĩa là: Lưới Trời lồng lộng, thừa mà chẳng lọt; ý muốn nói: Những người làm ác sẽ không tránh được lưới trời.

Mày râu đứng giữa côi trần gian,

Gắng sức chống cho vững miếu đình.

Mày râu: Hay râu mày dịch từ chữ tu mi 鬚眉, chỉ giới người đàn ông con trai.

Miếu đình: Hay miếu đường 廟堂, nơi thờ tự tổ tiên ông bà của dòng họ.

Miếu đường của nhà vua thường xây dựng kế bên triều đình, nên còn có nghĩa là chôn triều đình.

Câu 71: *Làm người con trai đứng giữa côi thế gian.*

Câu 72: *Phải cố gắng ra sức chống chọi cho bền vững triều đình (Nước nhà).*

Phận gái tam tòng cùng tứ đức,

Tề gia nội trợ vẹn là ngoan.

Tam tòng 三從: Ở côi Á Đông, người phụ nữ có ba điều phải theo: Tại nhà theo cha (tại gia tòng phụ 在家從父), có chồng theo chồng (xuất giá tòng phu 出嫁從夫) và chồng chết theo con (phụ tử tòng tử 夫死從子).

Điều này được Đức Khổng Tử dạy như sau: Đàn bà thì nương dựa ở người, cho nên không có phép tự chuyên làm lấy một mình, mà có đạo tam tòng là: Còn ở nhà thì theo lệnh cha, có chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con (Phụ nhân phục ư nhân dã, thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tòng chi đạo: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử 婦人伏於人也,是故無專制之義.有三從之道:在家從父,出嫁從夫,夫死從子).

Tứ đức 四德: Bốn đức tính của người phụ nữ:

-Công 工: Thêu thùa may vá, nấu nướng, nuôi dạy trẻ...

-Dung 容: Diện mạo, dung nhan hiền hòa đẹp dễ.

-Ngôn 言: Lời nói dịu dàng, ngay thẳng.

-Hạnh 行: Tánh nét hiền hòa, cử chỉ đoan trang nhã nhặn.

Tề gia 齊家: Sắp đặt mọi chuyện trong gia đình cho êm xuôi, ổn thỏa.

Nội trợ 內助: Giúp đỡ mọi việc trong nhà cho sạch sẽ, gọn gàng.

Câu 73: *Phận làm con gái phải vẹn giữ Tam tòng cùng Tứ đức.*

Câu 74: *Phải siêng năng lo việc tề gia nội trợ được vẹn toàn mới gọi là gái ngoan.*

Ngoan ngày chơn chánh Phật, Thần thương

Chơn chánh liên hòa với thiện lương.

Ngoan ngày: Nết na thùy my, tánh tình ngoan ngoãn.

Chơn chánh 真正: Ngay thẳng, chơn thật.

Liên hòa 連和: Liên kết, hòa hiệp với nhau.

Thiện lương 善良: Hay lương thiện là lành tốt.

Câu 75: *Những người ngoan ngoãn thùy my, ngay thẳng, chơn thật thì được Phật, và Thần Thánh thương mến.*

Câu 76: *Chơn chánh thì phải liên kết, hòa hiệp với những điều lương thiện.*

Không lường kẻ thiện với người hung,

Bộ đồ giàu sang phụ khốn cùng.

Không lường: chẳng thể biết rõ.

Bộ đồ: Nịnh bộ ton hót để cầu lợi.

Phụ 負: Làm trái ngược, xử tệ.

Câu 79: *Chẳng thể biết rõ được kẻ nào lành với người nào hung dữ.*

Câu 80: *Thế thái nhơn tình thường đua nịnh người giàu sang mà phụ bạc kẻ nghèo khó.*

Ngoài mặt giả tuồng người trọng nghĩa,

Trong lòng dối kết chút tình chung.

Ngoài mặt giả tuồng: Bề ngoài thì giả bộ, giả dò.

Trọng nghĩa: Hay trọng nghĩa 重義, Coi nặng việc cư xử hợp với đạo nghĩa.

Kết chút tình chung: Liên kết chút tình cảm thủy chung với nhau.

Câu 81: *Bên ngoài thì giả như là người trọng nghĩa.*

Câu 82: *Trong lòng thì dối trá như là kết mối tình chung thủy nhau.*

**Tình chung đặt cây thế người sang,
Mượn tiếng khua môi với xóm làng.**

Thế 勢: Thế lực, thân thế.

Cây thế: Dựa vào thế lực, dựa vào thân thế.

Khua môi: Do thành ngữ khua môi múa mồm, chỉ việc khoe khoang, khoác lác.

Câu 83: Mượn tình cảm chung thủy để dựa vào thế lực của người giàu sang.

Câu 84: Lấy đó đặt khoe khoang, khoác lác với xóm làng

Lời dạy Thần, Tiên không kể đếm,

Đạo màu chẳng cứ, cứ khoe khoang.

Kể đếm: Không đáng kể và chẳng đếm xỉa tới.

Đạo màu: Đạo huyền vi màu nhiệm.

Cứ 據: Nương cậy, dựa vào. (Chữ *cứ* đứng trước, là từ Hán Việt).

Cứ: Vẫn cứ. (Chữ *cứ* đứng sau, là từ Nôm).

Câu 85: Lời dạy dỗ của chư vị Thần Tiên coi không đáng kể, nên không đếm xỉa tới.

Câu 86: Đạo huyền vi màu nhiệm không nương tựa theo, mà miêng vẫn cứ khoe khoang.



MỤC LỤC

THIÊN THỨ NHỨT

KINH SÁM HỎI

I/.Kinh văn	10
II/.Nguồn gốc và ý nghĩa	23
III/.Chú giải.....	24

THIÊN THỨ NHÌ

BÀI KHEN NGỌI KINH SÁM HỎI

I/.Kinh văn	165
II/.Chú giải.....	165

THIÊN THỨ BA

BÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC

PHẬT TIÊN THÁNH THẦN.

I/.Kinh văn	173
II/.Nguồn gốc và ý nghĩa	174
III/.Chú giải.....	175

THIÊN THỨ TƯ

GIỚI TÂM KINH

I/.Kinh văn	199
II/ Ý nghĩa và nguồn gốc.....	202
III/.Chú giải	202

MỤC LỤC

Đây là bản thảo “***Chú giải Kinh Sám Hối***” của *Hiền Tài Quách Văn Hòa*, chỉ lưu hành nội bộ.

Khi sửa chữa hoàn chỉnh, bản quyền sẽ được dâng lên cho Hội Thánh.

Hiền Tài **QUÁCH VĂN HÒA**